

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

An aerial photograph of Hai Duong city, Vietnam, showing a dense urban area with a river winding through it. A prominent roundabout with a central green island is visible in the lower right. The image is overlaid with a semi-transparent blue filter.

BÁO CÁO
ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHUNG
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
ĐẾN NĂM 2040

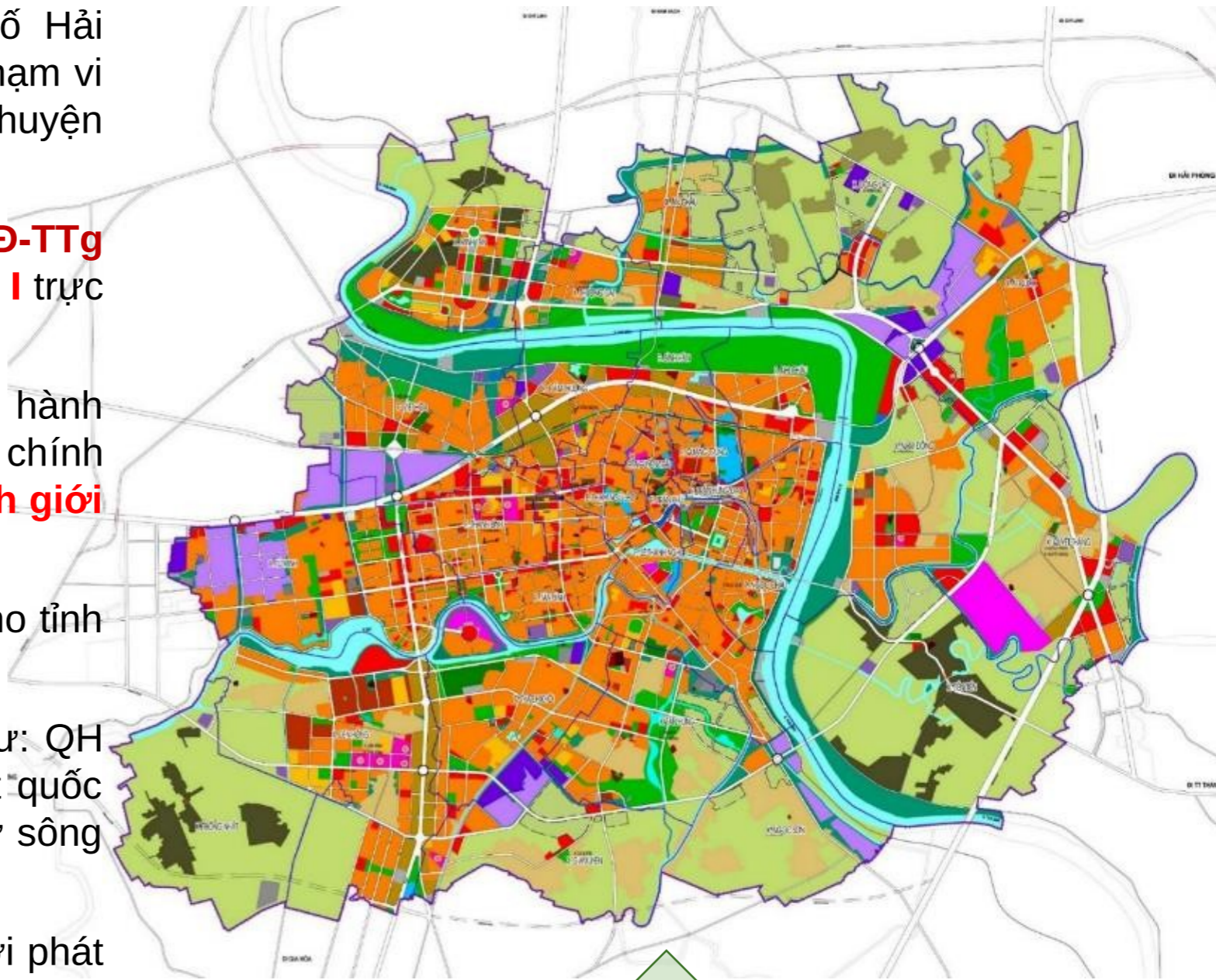
Hải Dương, 2022

1

MỞ ĐẦU

1.1 Lý do điều chỉnh quy hoạch

- QHC TP Hải Dương được UBND tỉnh Hải Dương phê duyệt tại Quyết định số **1960/QĐ-UBND ngày 04/7/2017** thời điểm thành phố Hải Dương là **đô thị loại II** với ranh giới quy hoạch được lập trên phạm vi địa giới hành chính TP Hải Dương năm 2017 và 08 xã thuộc 03 huyện lân cận.
- Ngày 17/5/2019 Thủ tướng chính phủ đã ra Quyết định số **580/QĐ-TTg** công nhận thành phố Hải Dương mở rộng đạt tiêu chí **đô thị loại I** trực thuộc tỉnh Hải Dương.
- **Nghị quyết số 788/NQ-UBTVQH14** về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh Hải Dương: ranh giới hành chính thành phố Hải Dương hiện tại đã **bị thu hẹp so với phạm vi ranh giới lập QHC2017**.
- Việc lập **quy hoạch tỉnh** và xây dựng động lực phát triển mới cho tỉnh và thành phố Hải Dương với một tâm thế mới.
- Hiện nay đã có nhiều định hướng **hạ tầng khung quốc gia** như: QH sử dụng đất, lưới điện, thoát lũ, đường bộ quốc gia, đường sắt quốc gia, đường ống xăng dầu...,việc khai thác phát huy giá trị của bờ sông Thái Bình và sông Sắt gắn với quy hoạch hệ thống thoát lũ.
- TP Hải Dương đã thu hút được nhiều **nhà đầu tư chiến lược** tới phát triển các dự án trên địa bàn, nhiều đề xuất đầu tư mới được đặt ra có những khác biệt với định hướng của QHC 2017, cần phải nghiên cứu định hướng trong tổng thể.
- Thực trạng phát triển nhanh đô thị trong thời gian gần đây cho thấy một số vấn đề cần phải kiểm soát chặt chẽ gồm: Phát triển hạ tầng để giảm ùn tắc giao thông, kiểm soát công trình cao tầng, chuyển đổi chức năng các khu vực nhà máy xí nghiệp và công sở, bố trí hệ thống hạ tầng xã hội cho các khu vực phát triển đô thị, kiểm soát các tác động ô nhiễm môi trường, bố trí các không gian công cộng cho cộng đồng và du khách.



- Quyết định số **1960/QĐ-UBND ngày 04/7/2017** của UBND tỉnh Hải Dương phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Hải Dương đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

1

- Phát triển Thành phố Hải Dương với những vị thế và xu hướng phát triển mới, trong bối cảnh hội nhập quốc tế và toàn cầu hoá; khai thác và phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế về vị trí địa lý, di sản văn hóa, bản sắc con người xứ Đông để phát triển nhanh và bền vững

2

- Đầu tư xây dựng hoàn thiện các tiêu chí đô thị loại I. Xây dựng TP Hải Dương thành một đô thị văn minh, xanh, thân thiện với môi trường với hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại; chủ động ứng phó có hiệu quả thiên tai và biến đổi khí hậu

3

- Làm cơ sở pháp lý cho việc quản lý sử dụng đất đai, lập các đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, triển khai các chương trình và các dự án đầu tư phát triển đô thị.

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Luật Quy hoạch đô thị số 30/QH12 ngày 17/6/2009;
- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;
- Các luật, bộ luật của các lĩnh vực liên quan;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018; Các luật của các ngành liên quan.
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính Phủ về lập thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP, ngày 06/5/2015 của Thủ tướng-Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng về quy định của nhiệm vụ, đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;
- Quyết định số 1960/QĐ-UBND ngày 04/7/2017 của UBND tỉnh Hải Dương phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Hải Dương đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 580/QĐ-TTg ngày 17/5/2019 của Thủ tướng chính phủ công nhận thành phố Hải Dương mở rộng đạt tiêu chí đô thị loại I trực thuộc tỉnh Hải Dương;
- Nghị quyết số 788/NQ-UBTVQH14 ngày 16/10/2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh Hải Dương
- Văn bản số **572/TTg-CN ngày 19/5/2020** của Thủ tướng Chính phủ về việc Điều chỉnh cục bộ một số khu vực thuộc đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Hải Dương;
- Quyết định số **1941/QĐ-TTg ngày 18/11/2021** của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt nhiệm vụ Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Hải Dương đến năm 2040.

Ranh giới khu vực lập điều chỉnh quy hoạch:

Toàn bộ ranh giới hành chính thành phố Hải Dương được điều chỉnh theo Nghị quyết số 788/NQ-UBTVQH14 ngày 16/10/2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bao gồm **19 phường** và **06 xã**.

Tổng diện tích quy hoạch: 11.168ha

Quy mô dân số :

- Quy mô dân số năm 2020: **522.361 người**, trong đó:

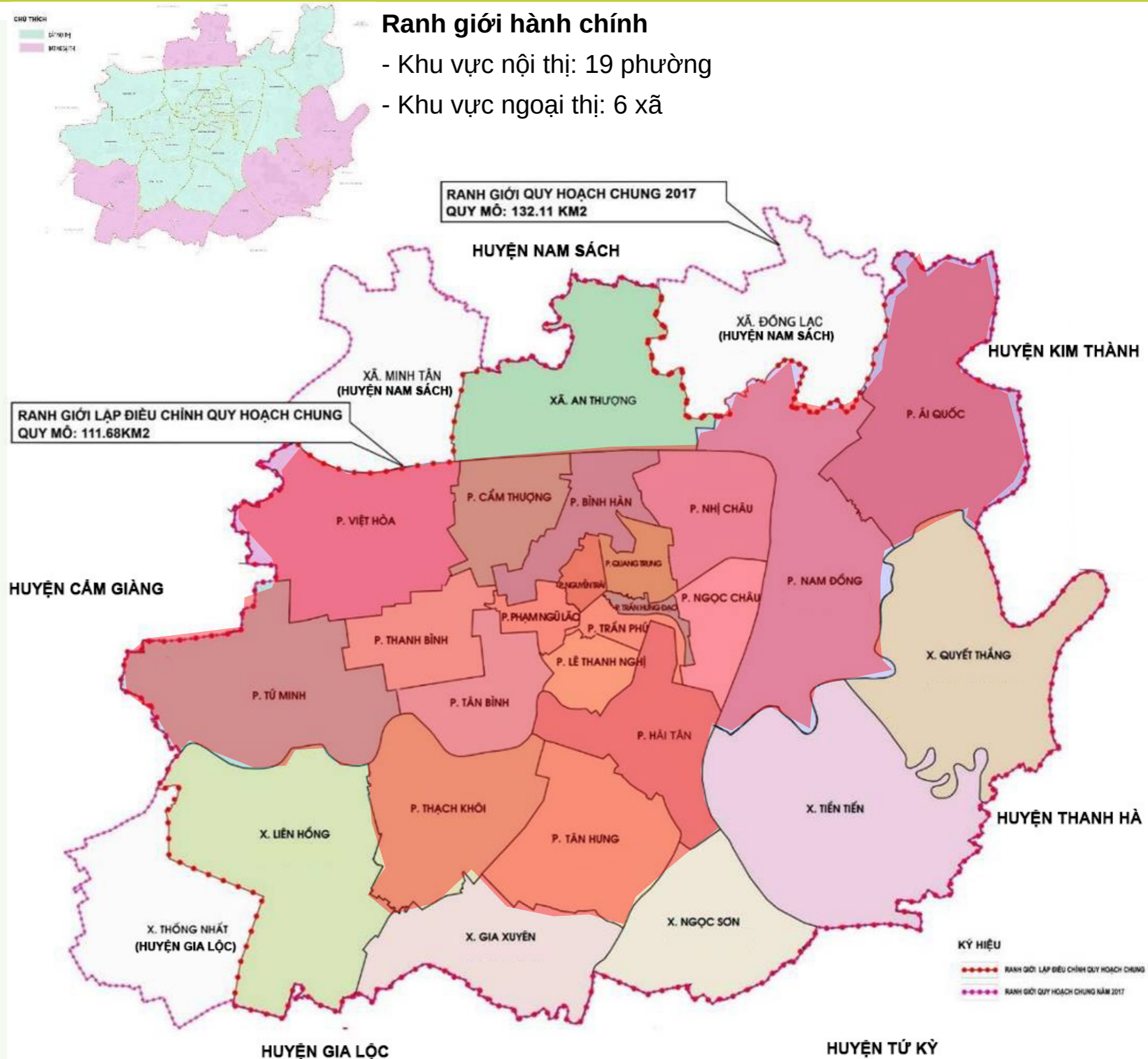
+ Dân số thường trú **296.361 người**;

+ Dân số quy đổi 226.000 người

Điều chỉnh thời hạn lập quy hoạch:

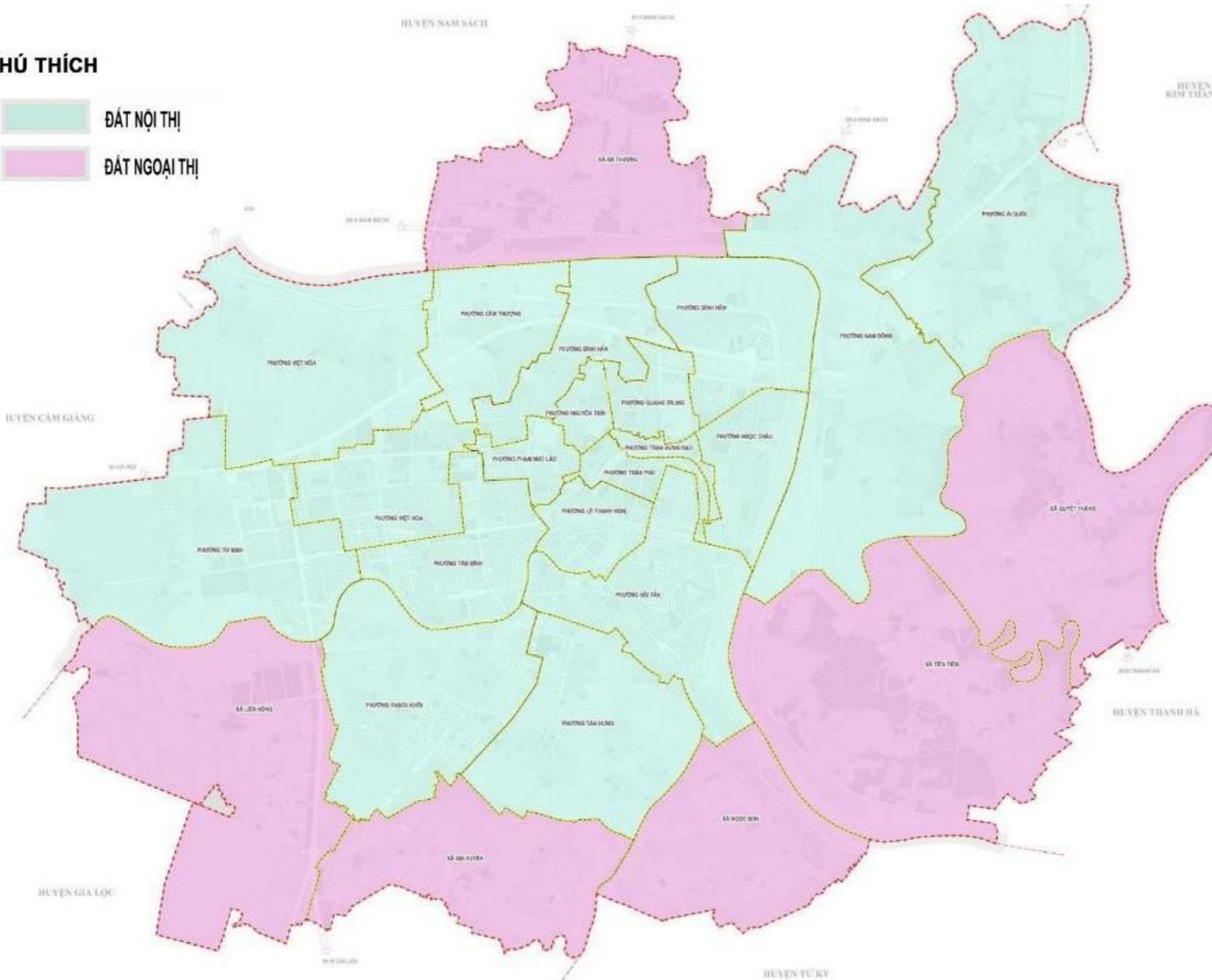
- Quy hoạch ngắn hạn đến năm **2030**;

- Quy hoạch dài hạn đến năm 2040;



CHÚ THÍCH

- ĐẤT NỘI THỊ
 ĐẤT NGOẠI THỊ



Ranh giới hành chính

- Khu vực nội thị: 19 phường
- Khu vực ngoại thị: 6 xã

TT	Tên đơn vị hành chính	Diện tích theo NQ 788	Diện tích năm 2020 (NGTK TP)
		(km ²)	(km ²)
A	Thành phố Hải Dương	111.64	111.68
I	Các phường nội thành thuộc thành phố Hải Dương	66.02	66.10
1	P. Cẩm Thượng	2.69	2.64
2	P. Bình Hàn	2.47	2.38
3	P. Ngọc Châu	3.16	1.94
4	P. Nhị Châu	3.2	3.17
5	P. Quang Trung	0.84	1.04
6	P. Nguyễn Trãi	0.56	0.56
7	P. Phạm Ngũ Lão	0.75	0.83
8	P. Trần Hưng Đạo	0.38	0.36
9	P. Trần Phú	0.45	0.71
10	P. Thanh Bình	2.63	2.63
11	P. Tân Bình	2.8	2.77
12	P. Lê Thanh Nghị	1.03	1.27
13	P. Hải Tân	3.47	4.12
14	P. Tứ Minh	7.6	7.46
15	P. Việt Hòa	6.33	6.51
16	P. Ái Quốc	8.34	8.34
17	P. Thạch Khôi	5.33	5.46
18	P. Tân Hưng	5.10	5.02
19	P. Nam Đồng	8.895	8.89
II	Các xã thuộc thành phố Hải Dương	45.62	45.58
1	Xã An Thượng	6.64	6.64
2	Xã Quyết Thắng	8.98	8.98
3	Xã Tiên Tiến	10.81	10.78
4	Xã Gia Xuyên	5.06	5.06
5	Xã Liên Hồng	9.26	9.27
6	Xã Ngọc Sơn	4.87	4.87

2 Tổng quan hiện trạng TP Hải Dương

Dân số/Lao động

• Năm 2021:

Dân số thường trú (ước): 296.361 người

Tổng dân số (gồm cả quy đổi): 522.361 người

Lượng lớn dân số tạm trú là lao động cho các khu công nghiệp, lực lượng sinh viên, học sinh tại các trường đào tạo, dạy nghề trong thành phố, lực lượng khách vãng lai tới thụ hưởng các dịch vụ tiện ích về y tế, thương mại, dịch vụ, tham quan du lịch.....

• Lao động:

Tổng lao động 2021: 199.250 người (chiếm 68% dân số)

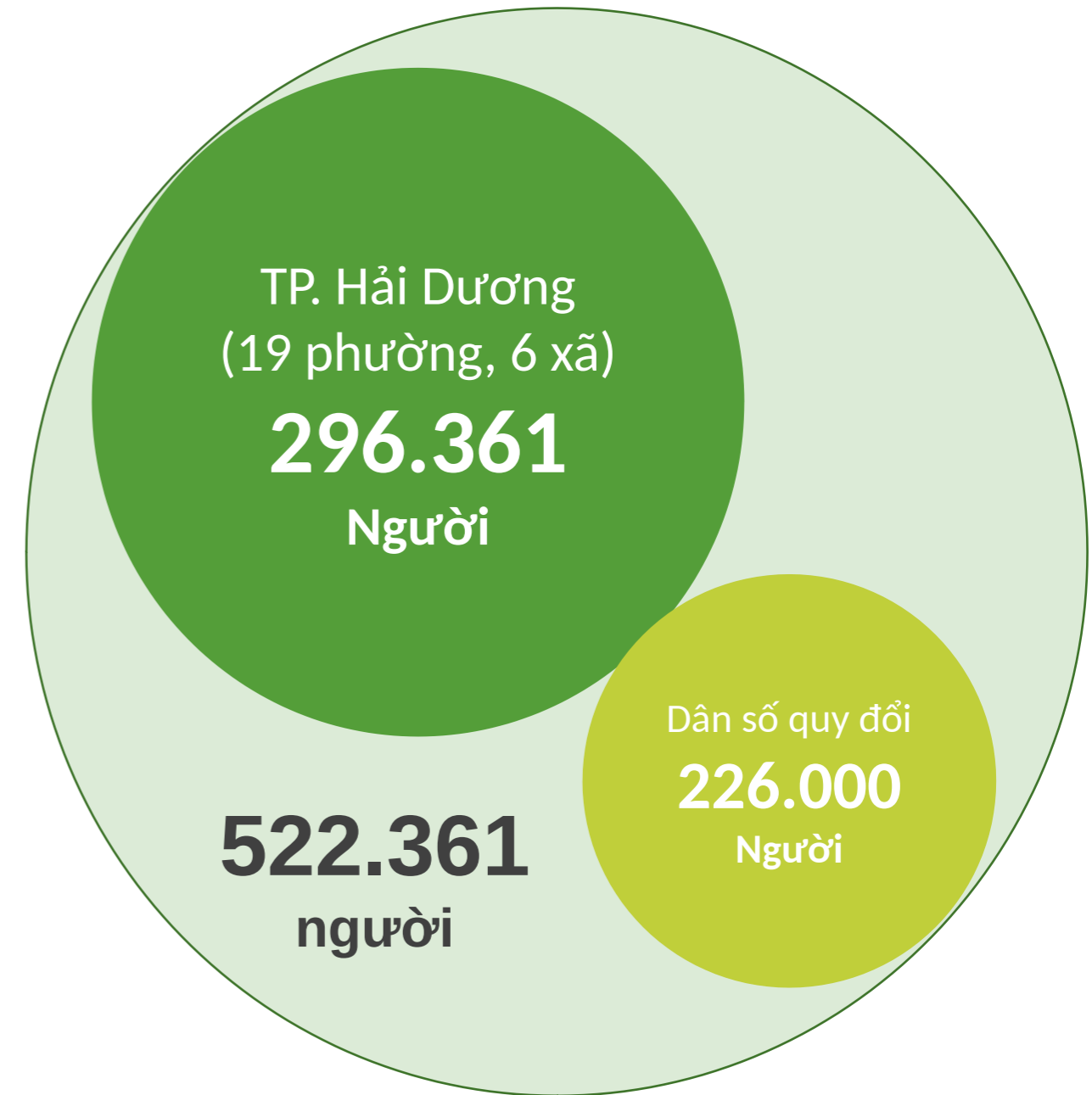
Lao động qua đào tạo: 75% Lao động TP

Cơ cấu: chiếm tỷ trọng lớn là lao động trong thương mại dịch vụ và CN-XD.

+ Lao động nông, lâm, thủy sản: 23,81%;

+ Lao động Công nghiệp-xây dựng: 30,0%







+ Lao động thương mại, dịch vụ: 46,19%



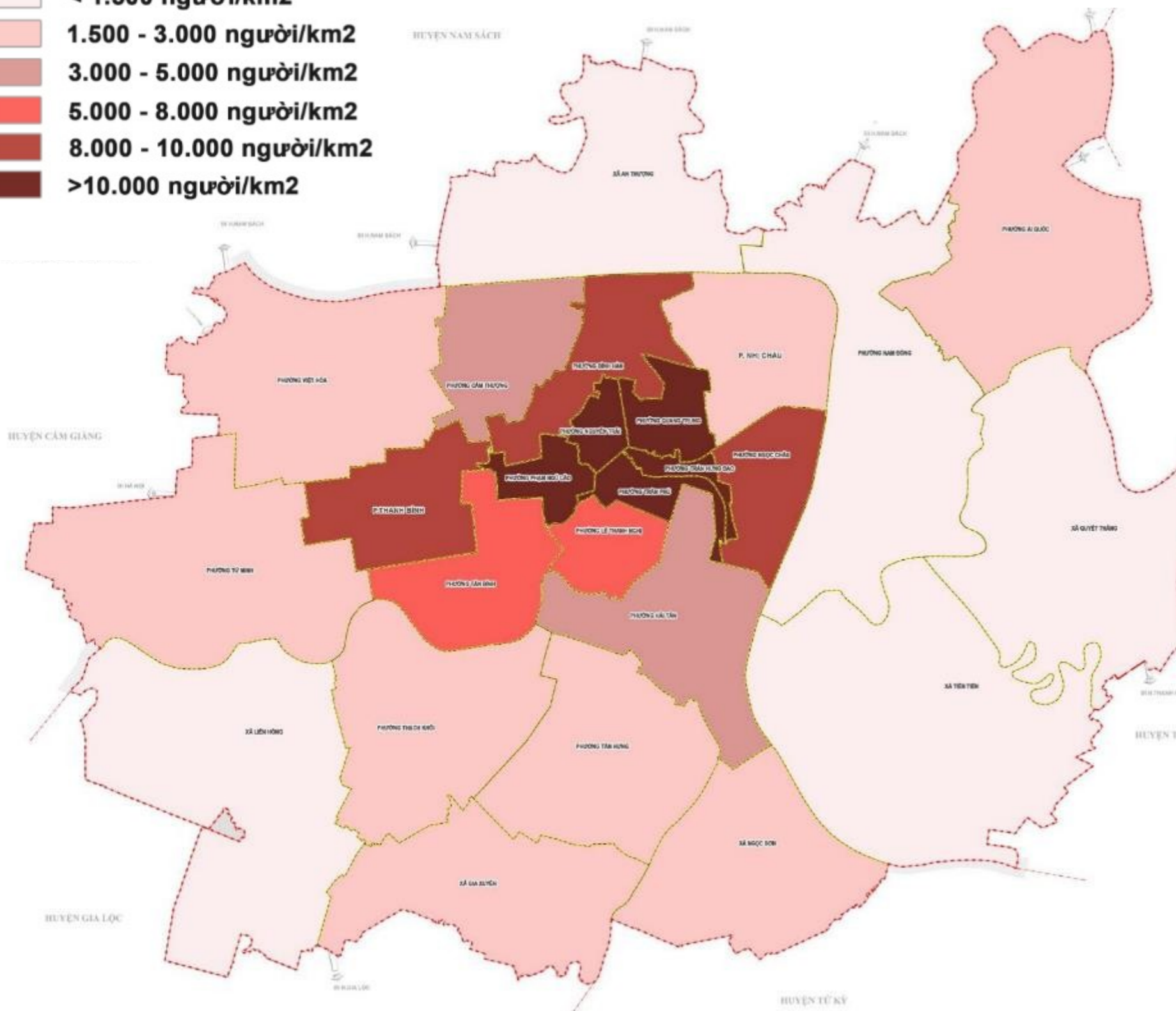
Nhận xét:

Dân số năm 2021 vượt mức dự báo của QHC 2017 đến năm 2020 là 436.000 người tuy nhiên mức tăng chủ yếu từ dân số tạm trú quy đổi.

CHÚ THÍCH

	< 1.500 người/km ²
	1.500 - 3.000 người/km ²
	3.000 - 5.000 người/km ²
	5.000 - 8.000 người/km ²
	8.000 - 10.000 người/km ²
	>10.000 người/km ²

SƠ ĐỒ PHÂN BỐ MẬT ĐỘ DÂN CƯ



Mật độ dân cư trung bình toàn thành phố:
2,654 ng/km²,

(Một số ĐT loại 1 khác trong vùng: TP Bắc Ninh 3.145 ng/km², TP Nam Định 2.060 ng/km², TP Hạ Long 300 ng/km²)

- Khu vực nội thị: **3,636** ng/km²

- Khu vực ngoại thị: **1,229** ng/km²

BẢNG THỐNG KÊ MẬT ĐỘ DÂN SỐ

TT	Tên đơn vị hành chính	Diện tích (km ²)	Dân số thường trú (người)	Mật độ (Người/km ²)
	Thành phố Hải Dương	111,68	296.361	2.654
I	Các phường nội thành	66,1	240.360	3.636
1	P. Cẩm Thượng	2,64	11.331	4.292
2	P. Bình Hàn	2,38	20.378	8.562
3	P. Ngọc Châu	1,94	17.260	8.897
4	P. Nhị Châu	3,17	8.208	2.589
5	P. Quang Trung	1,04	11.933	11.474
6	P. Nguyễn Trãi	0,56	8.482	15.146
7	P. Phạm Ngũ Lão	0,83	12.355	14.886
8	P. Trần Hưng Đạo	0,36	4.777	13.269
9	P. Trần Phú	0,71	7.277	10.249
10	P. Thanh Bình	2,63	23.178	8.813
11	P. Tân Bình	2,77	18.181	6.564
12	P. Lê Thanh Nghị	1,27	9.441	7.434
13	P. Hải Tân	4,12	18.772	4.556
14	P. Tứ Minh	7,46	16.112	2.160
15	P. Việt Hòa	6,51	10.269	1.577
16	P. Ái Quốc	8,34	12.814	1.536
17	P. Thạch Khôi	5,46	10.755	1.970
18	P. Tân Hưng	5,02	8.482	1.690
19	P. Nam Đồng	8,89	10.355	1.165
II	Các xã ngoại thành	45,58	56.001	1.229
1	Xã An Thượng	6,64	7.459	1.123
2	Xã Quyết Thắng	8,98	9.864	1.098
3	Xã Tiên Tiến	10,78	12.388	1.149
4	Xã Gia Xuyên	5,06	8.556	1.691
5	Xã Liên Hồng	9,27	10.298	1.111
6	Xã Ngọc Sơn	4,87	7436	1.527

Là đầu tàu tăng trưởng kinh tế của tỉnh

* **Tốc độ tăng trưởng kinh tế:** Giai đoạn 5 năm 2016-2020:

+ Giá trị sản xuất CN-XD: tăng **17,1%/năm**

+ Giá trị sản xuất thương mại dịch vụ: tăng **15,4%/năm**

+ Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tăng **16,1%/năm**

• **Tổng thu ngân sách năm 2021: 1,446 tỷ**

* **Cơ cấu kinh tế:**

Ngành CN-XD và thương mại dịch vụ vẫn là ngành chủ đạo

Giá trị sản xuất năm 2021:

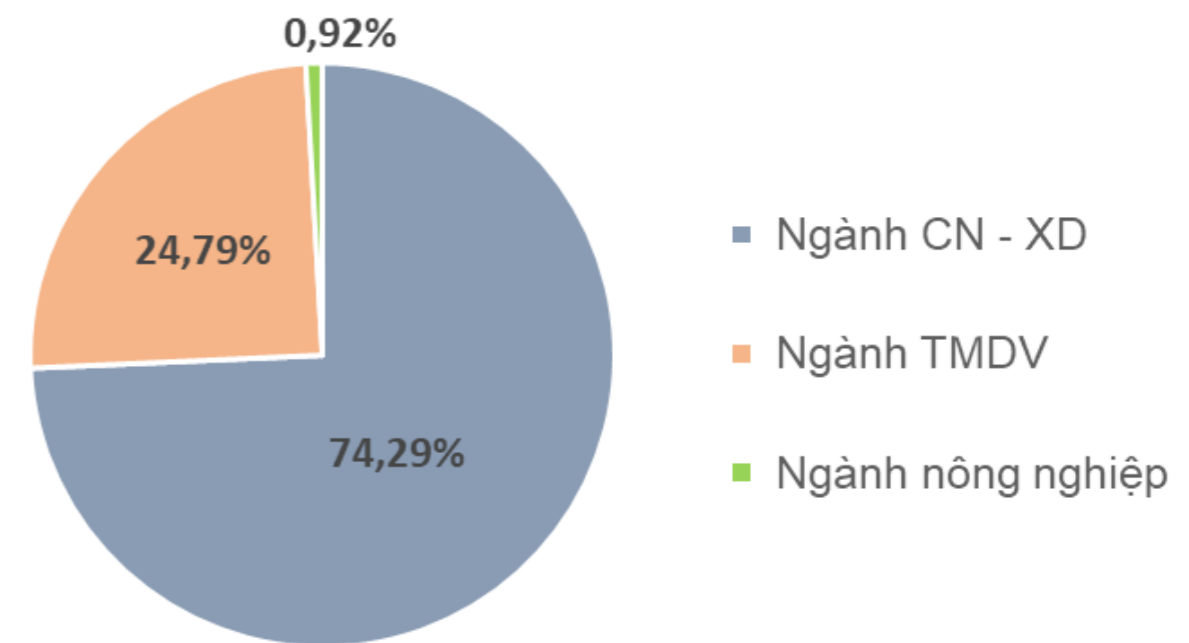
+ Ngành Công nghiệp đạt: **89.065 tỷ** - **đóng góp khoảng 25% vào tổng giá trị sản xuất ngành công nghiệp của tỉnh.**

+ Ngành Thương mại dịch vụ: **29.719 tỷ** - **đóng góp khoảng 67% vào tổng giá trị sản xuất ngành thương mại dịch vụ của toàn tỉnh.**

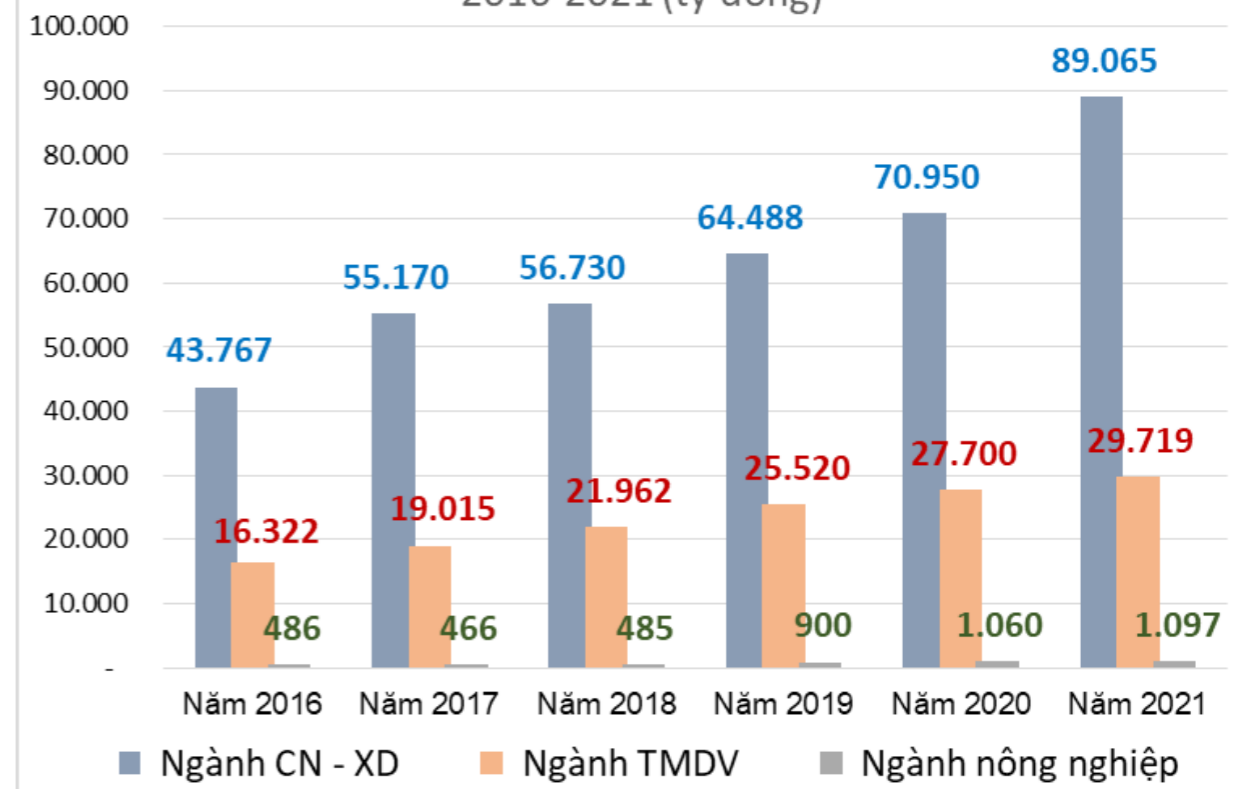
Ngành dịch vụ du lịch, logistics chưa phát triển tương xứng với tiềm năng.

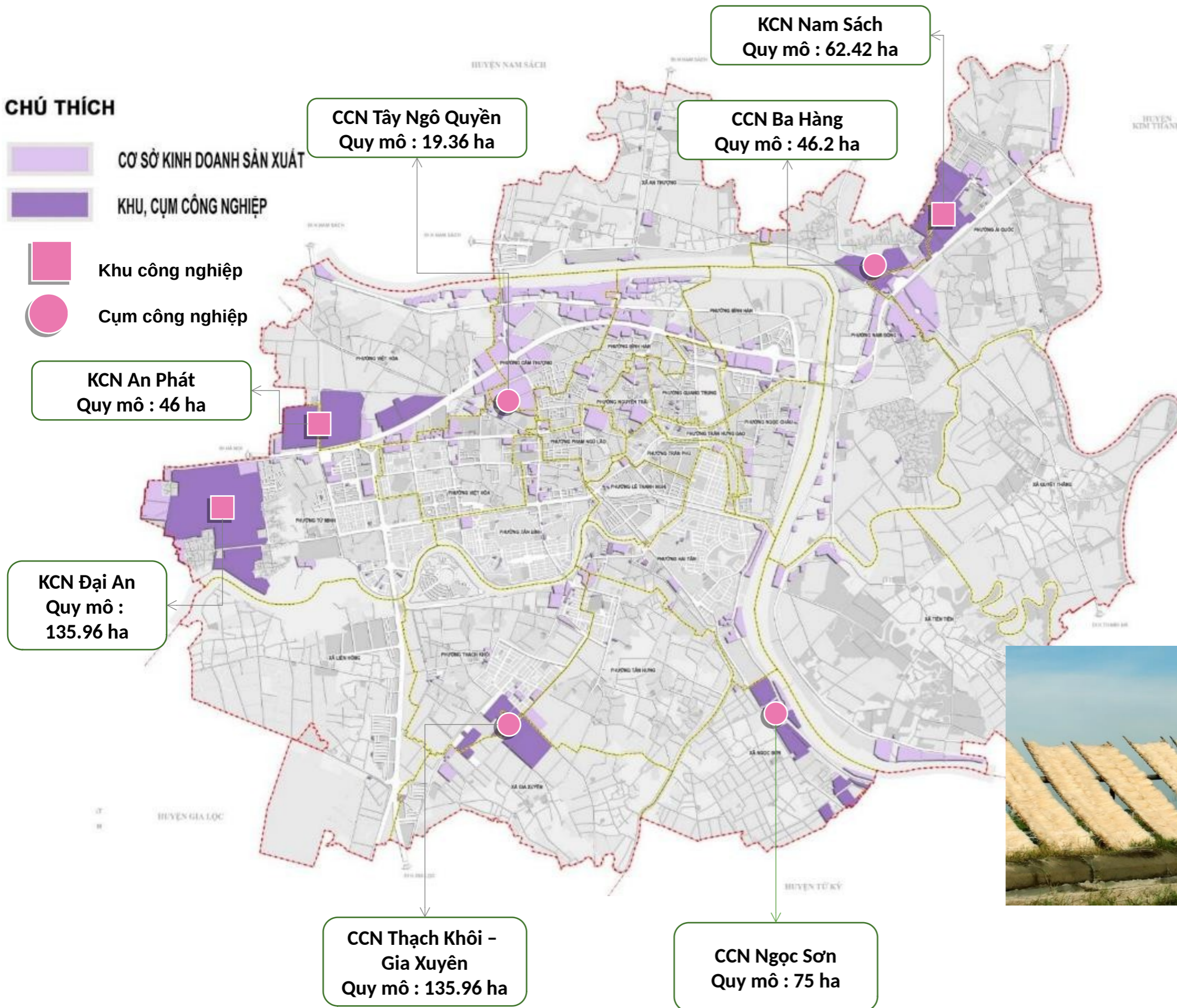
+ Ngành nông nghiệp: **1.097 tỷ**

Cơ cấu sản xuất ngành kinh tế năm 2021



Giá trị sản xuất các ngành kinh tế TP Hải Dương từ năm 2016-2021 (tỷ đồng)





TP có 3 KCN/10 KCN tỉnh và 6 CCN/53 CCN toàn tỉnh

Tổng diện tích khoảng 430 ha, tỷ lệ lấp đầy cao, bình quân trên 80%

- Có khoảng 5.640 doanh nghiệp đã góp vào tăng trưởng kinh tế, xuất khẩu của thành phố, tạo việc làm, thu nhập ổn định cho hàng chục nghìn lao động trên địa bàn.

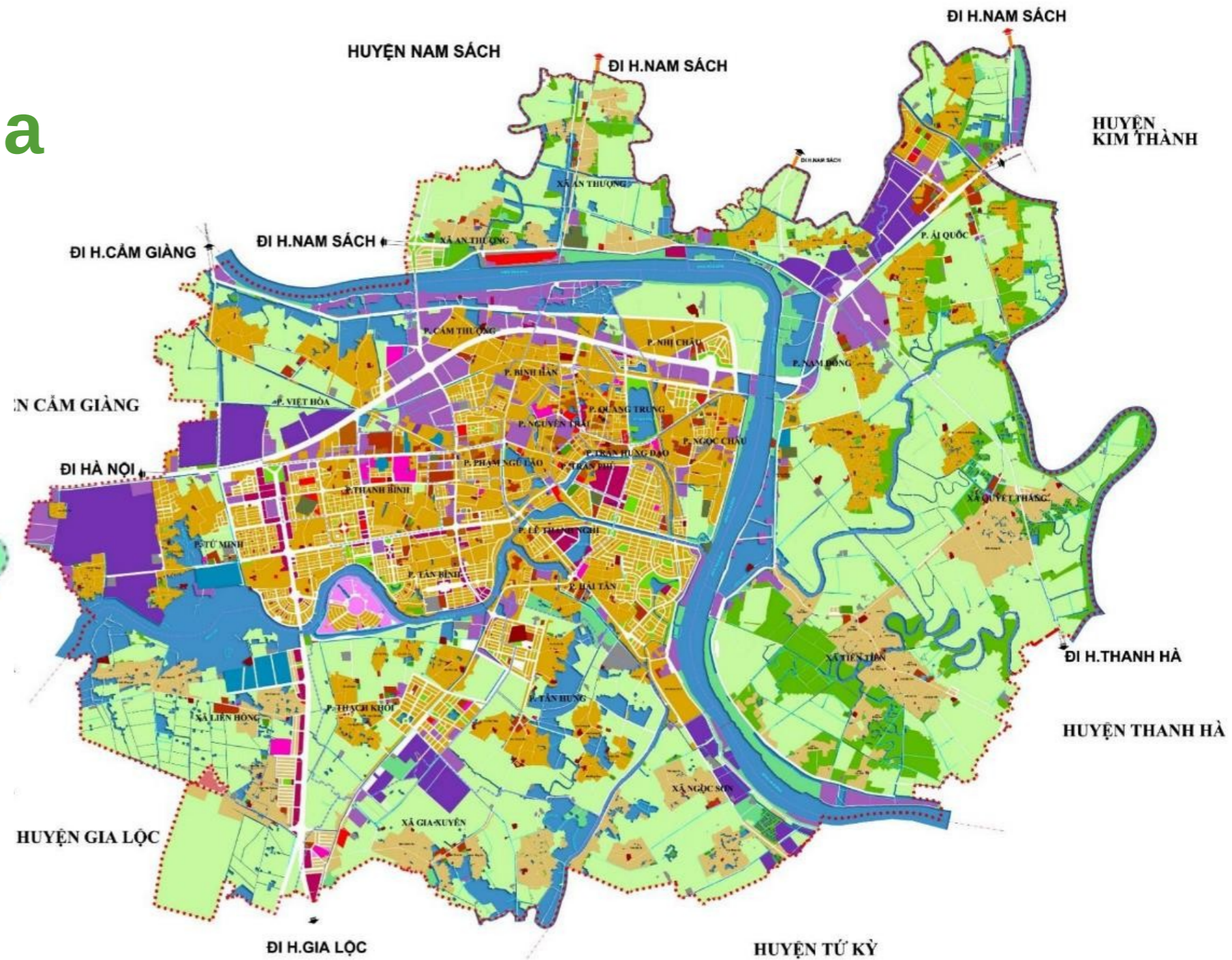
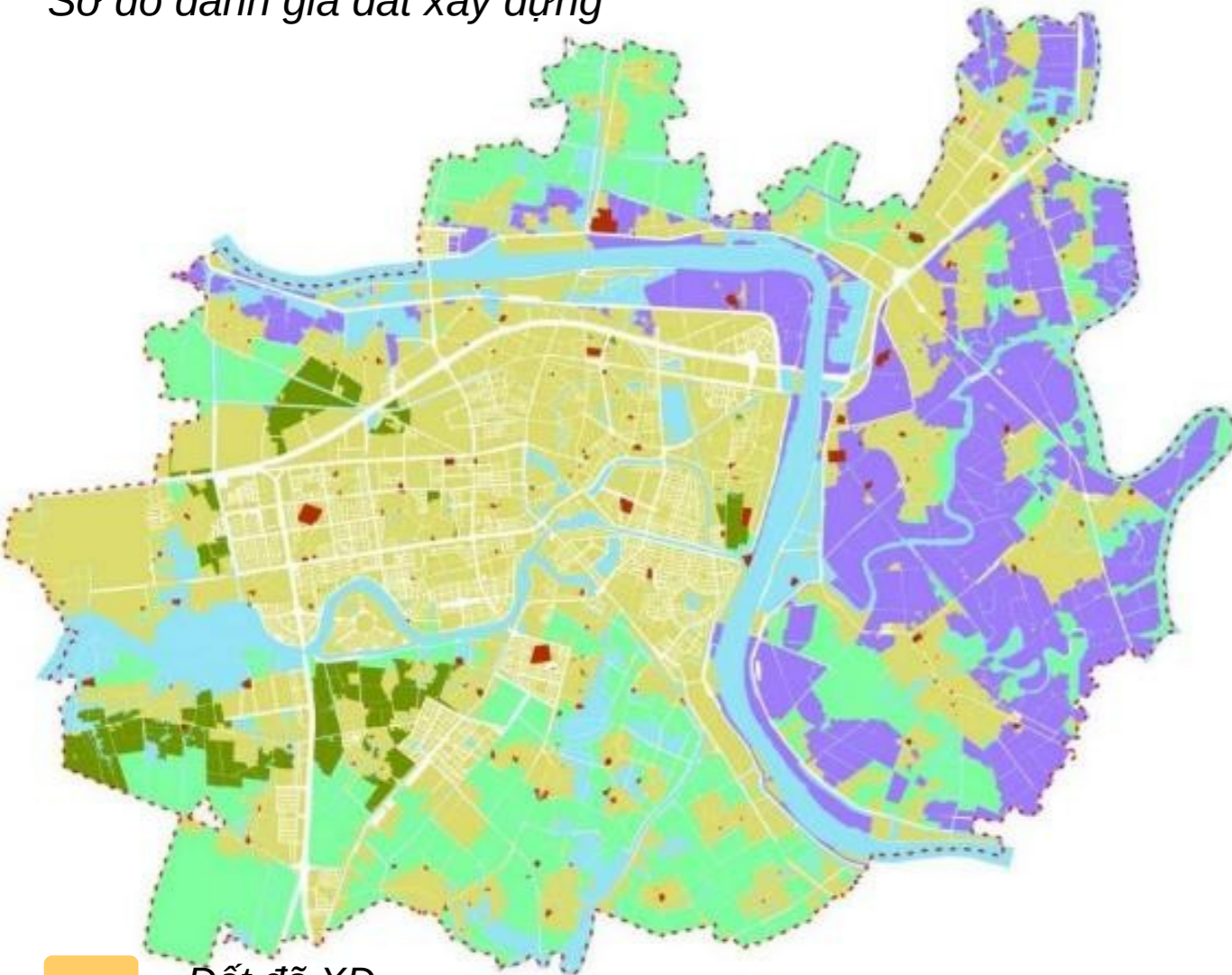
- Có 03 làng nghề truyền thống: Làng nghề mộc Đức Minh (phường Thanh Bình); Làng nghề mộc Nguyễn Xá (phường Thạch Khôi); Làng nghề bánh đa Lộ Cương (phường Tứ Minh).



2.5 Hiện trạng sử dụng đất – Đánh giá đất XD

Tổng diện tích đất thành phố
Hải Dương năm 2021 **11.168,18 ha**

Sơ đồ đánh giá đất xây dựng



- Đất đã XD
- Đất thuận lợi XD
($H > 2,2m$)
- Đất ít thuận lợi XD
($1,5m < H < 2,2m$)
- Đất không thuận lợi XD
($H < 1,5m$)
- Đất cấm XD

Quỹ đất thuận lợi xây dựng ít, khoảng 3%

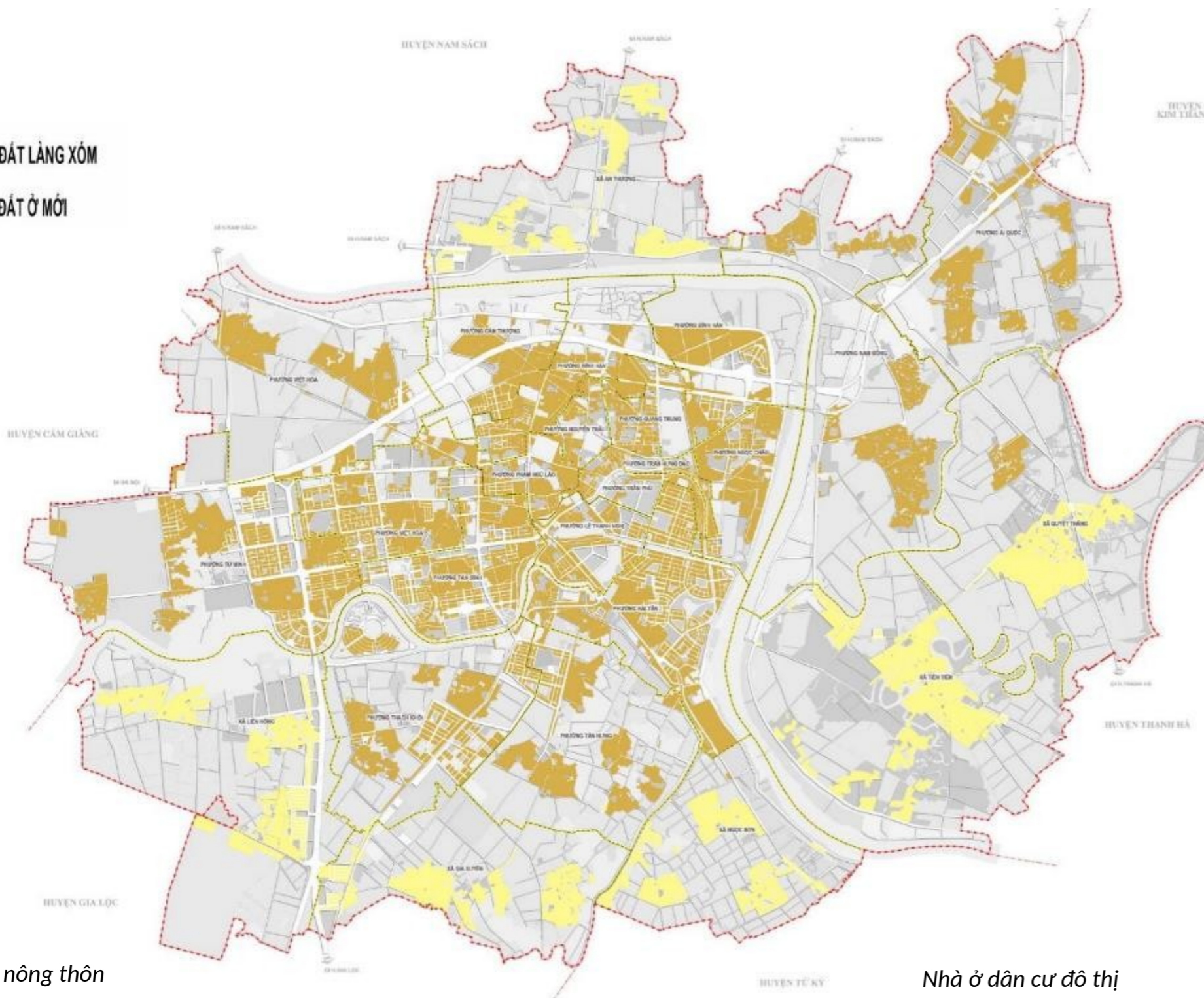
Phía Nam sông Sắt và phía Bắc sông Thái Bình ít thuận lợi XD
Phía Đông sông Thái Bình không thuận lợi XD.

Khi xây dựng tốn nhiều chi phí tôn nền

- Diện tích đất xây dựng TP: 5.010,48 ha (44,9% tổng diện tích đất tự nhiên) trong đó:
 - + Diện tích đất Dân dụng: 3,155,5 ha;
 - + Diện tích đất ngoài dân dụng: 1,855 ha
- **Chỉ tiêu sử dụng đất đơn vị ở hiện trạng toàn TP đã cao hơn QCVN:2021 (43,38m²/người)**

STT	Danh mục đất	Hiện trạng					
		Tổng RG QH		Nội Thành		Ngoại Thành	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích đất tự nhiên (A+B)	11.168,18	100%	6.601,51	100%	4.566,67	100%
-	Đất xây dựng	5.010,48	44,9%	3.768,31	57,1%	1.242,17	27,2%
-	Đất khác	6.157,70	55,1%	2.833,20	42,9%	3.324,50	72,8%
A	Đất xây dựng (I+II)	5.010,48	100%	3.768,31	100%	1.242,17	100%
I	Đất dân dụng	3.155,47	63,0%	2.332,10	61,9%	823,37	66,3%
1	Đất đơn vị ở	2.266,05	45,2%	1.569,23	41,6%	696,82	56,1%
2	Đất công trình dịch vụ - công cộng đô thị	25,539	0,5%	21,998	0,6%	3,54	0,3%
3	Đất cây xanh công cộng đô thị (*)	87,78	1,8%	75,62	2,0%	12,16	1,0%
4	Đất hạ tầng kỹ thuật đô thị	776,10	15,5%	665,25	17,7%	110,85	8,9%
II	Đất ngoài dân dụng	1.855,01	37,0%	1.436,21	38,1%	418,80	33,7%
1	Đất trụ sở cơ quan ngoài sự quản lý của đô thị	85,77	1,7%	81,90	2,2%	3,87	0,3%
2	Đất công cộng ngoài sự quản lý của đô thị	161,76	3,2%	161,76	4,3%		
3	Đất hỗn hợp-thương mại, dịch vụ	485,16	9,7%	408,33	10,8%	76,84	6,2%
4	Đất du lịch, dịch vụ	10,50	0,2%	2,7	0,1%	7,8	0,6%
5	Đất công nghiệp	460,54	9,2%	409,38	10,9%	51,16	4,1%
6	Đất hạ tầng đầu mối	11,11	0,2%	7,20	0,2%	3,91	0,3%
7	Đất giao thông đối ngoại	640,16	12,8%	364,95	9,7%	275,21	22,2%
B	Đất khác	6.157,70		2.833,20	0,00	3.324,50	0,00
1	Đất an ninh, quốc phòng	35,37		29,83		5,54	
2	Đất di tích, tôn giáo	48,29		35,49		12,80	
3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	103,35		72,22		31,13	
4	Đất nông nghiệp (nông, lâm, thủy sản)	4.562,33		1.868,26		2.694,08	
5	Đất sông suối, mặt nước, kênh mương thủy lợi	1.319,28		762,82		556,46	

CHÚ THÍCH



Nhà ở dân cư nông thôn

Nhà ở dân cư đô thị

- **Khu dân cư đô thị**

Việc thực hiện cải tạo, nâng cấp bổ sung hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội các khu dân cư cũ trong khu trung tâm còn gặp nhiều khó khăn, chưa hoàn thiện.

Một số dự án KĐT mới đã được triển khai với tỷ lệ lấy đầy trung bình khoảng 70%.

Hình thái kiến trúc chủ yếu theo dạng nhà lô phố. Nhà chung cư chưa hấp dẫn người dân

- **Khu dân cư nông thôn**

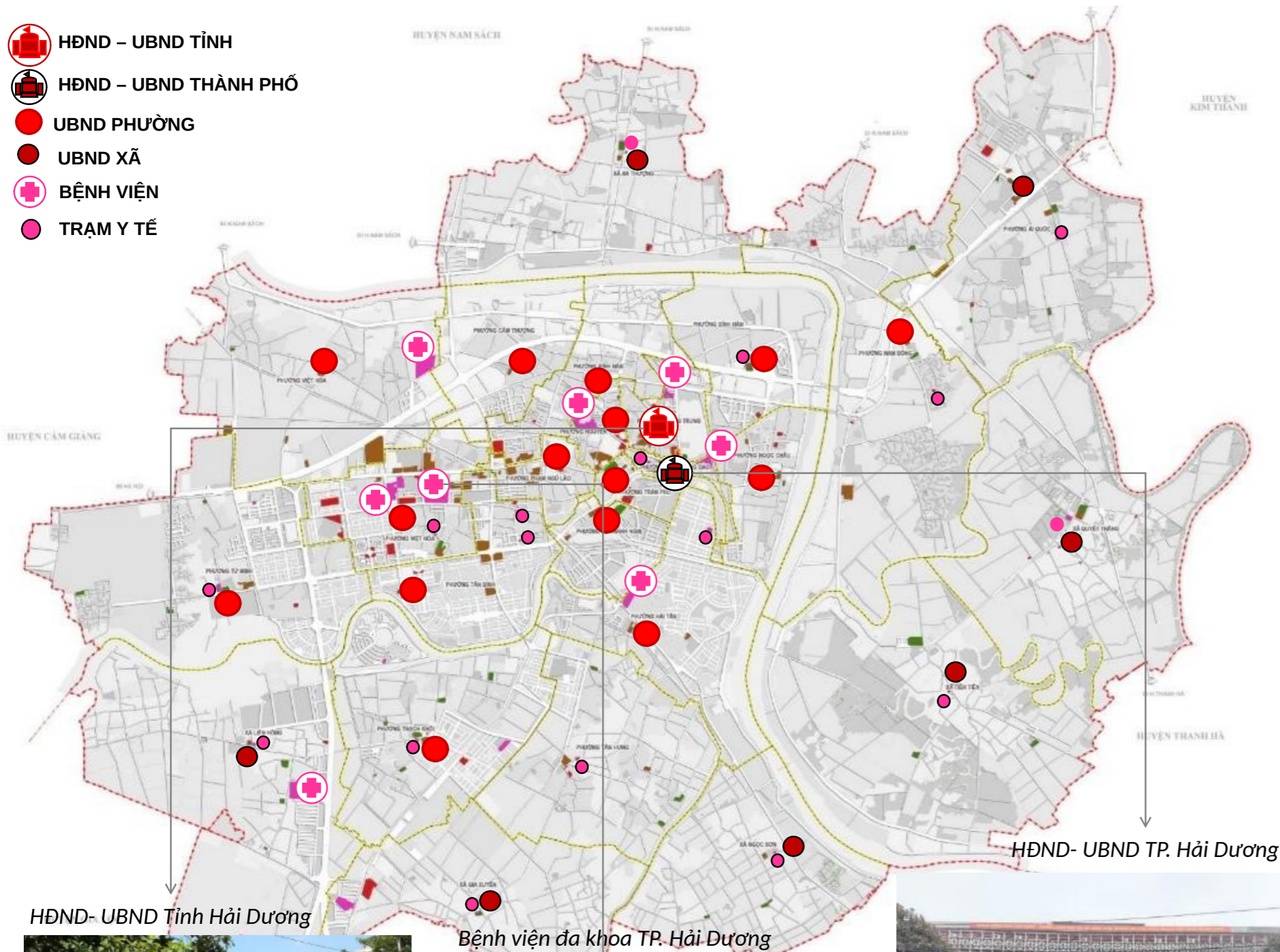
Khu vực phía Nam và Đông sông Thái Bình vẫn duy trì các khu dân cư làng xóm cũ, chưa có các dự án cải tạo nâng cấp môi trường sống các khu dân cư để hình thành đô thị-dịch vụ nông nghiệp.

Nhà ở ven hồ Bạch Đằng



2.7 Hiện trạng hệ thống công trình hạ tầng xã hội

- HĐND – UBND TỈNH
- HĐND – UBND THÀNH PHỐ
- UBND PHƯỜNG
- UBND XÃ
- BỆNH VIỆN
- TRẠM Y TẾ



Các công trình hành chính

Trung tâm hành chính, chính trị của tỉnh và TP tập trung chủ yếu tại p. Quang Trung và Trần Hưng Đạo. Các công trình đã được đầu tư XD khá khang trang đảm bảo nhu cầu hoạt động và làm việc.

- Hệ thống các trung tâm hành chính cấp phường, xã cũng đã được quan tâm đầu tư xây dựng đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu làm việc và phục vụ nhân dân.

Các công trình Y tế

- Là trung tâm các cơ sở khám chữa bệnh cấp tỉnh.

TP tập trung 9 bệnh viện đa khoa và chuyên khoa tuyến tỉnh.

- Thu hút được nhiều nhà đầu tư phát triển bệnh viện ngoài công lập.

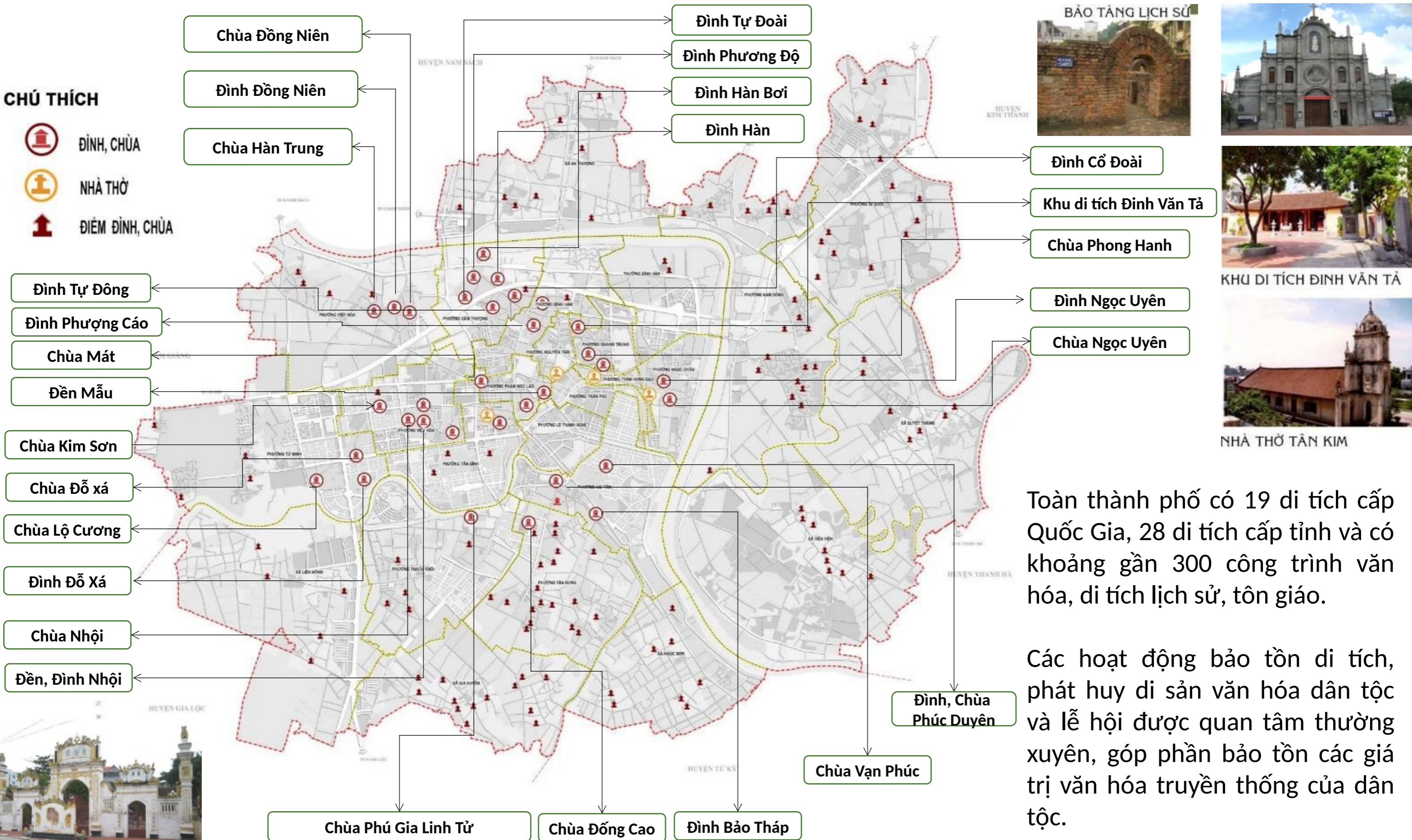
- Có các cơ sở đào tạo nhân lực ngành y như: trường Trung cấp y tế Hải Dương, trường Đại học kỹ thuật y tế, trường Cao đẳng Dược...

- 100% trạm y tế các phường, xã đạt chuẩn quốc gia về y tế. Bình quân 4 giường bệnh/1.000 dân

- Để đáp ứng vai trò là đầu mối y tế trong vùng thủ đô Hà Nội, Hải Dương cần phát triển thêm các công trình y tế và dịch vụ chăm sóc sức khỏe, đặc biệt là dịch vụ y tế chất lượng cao, bệnh viện quốc tế...

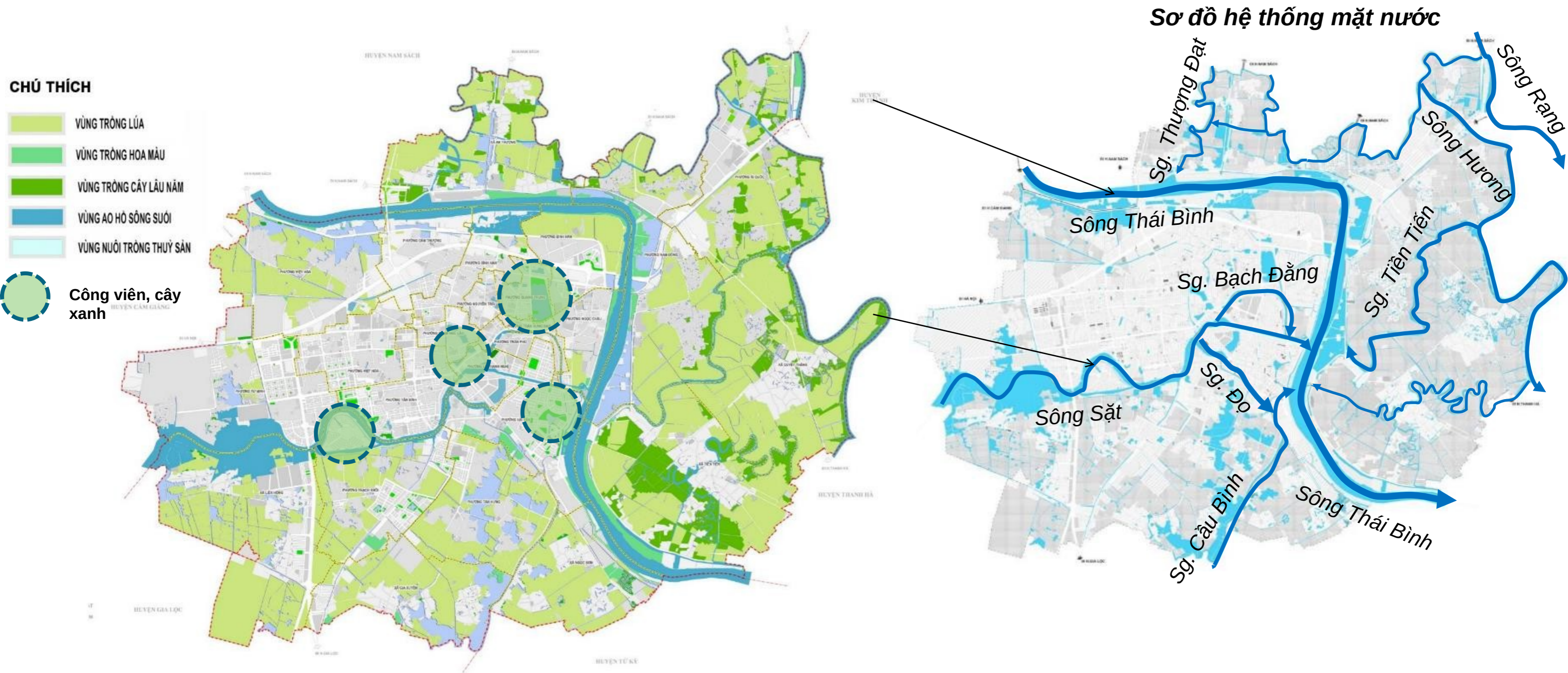


2.7 Hiện trạng công trình tôn giáo, tín ngưỡng



Toàn thành phố có 19 di tích cấp Quốc Gia, 28 di tích cấp tỉnh và có khoảng gần 300 công trình văn hóa, di tích lịch sử, tôn giáo.

Các hoạt động bảo tồn di tích, phát huy di sản văn hóa dân tộc và lễ hội được quan tâm thường xuyên, góp phần bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc.



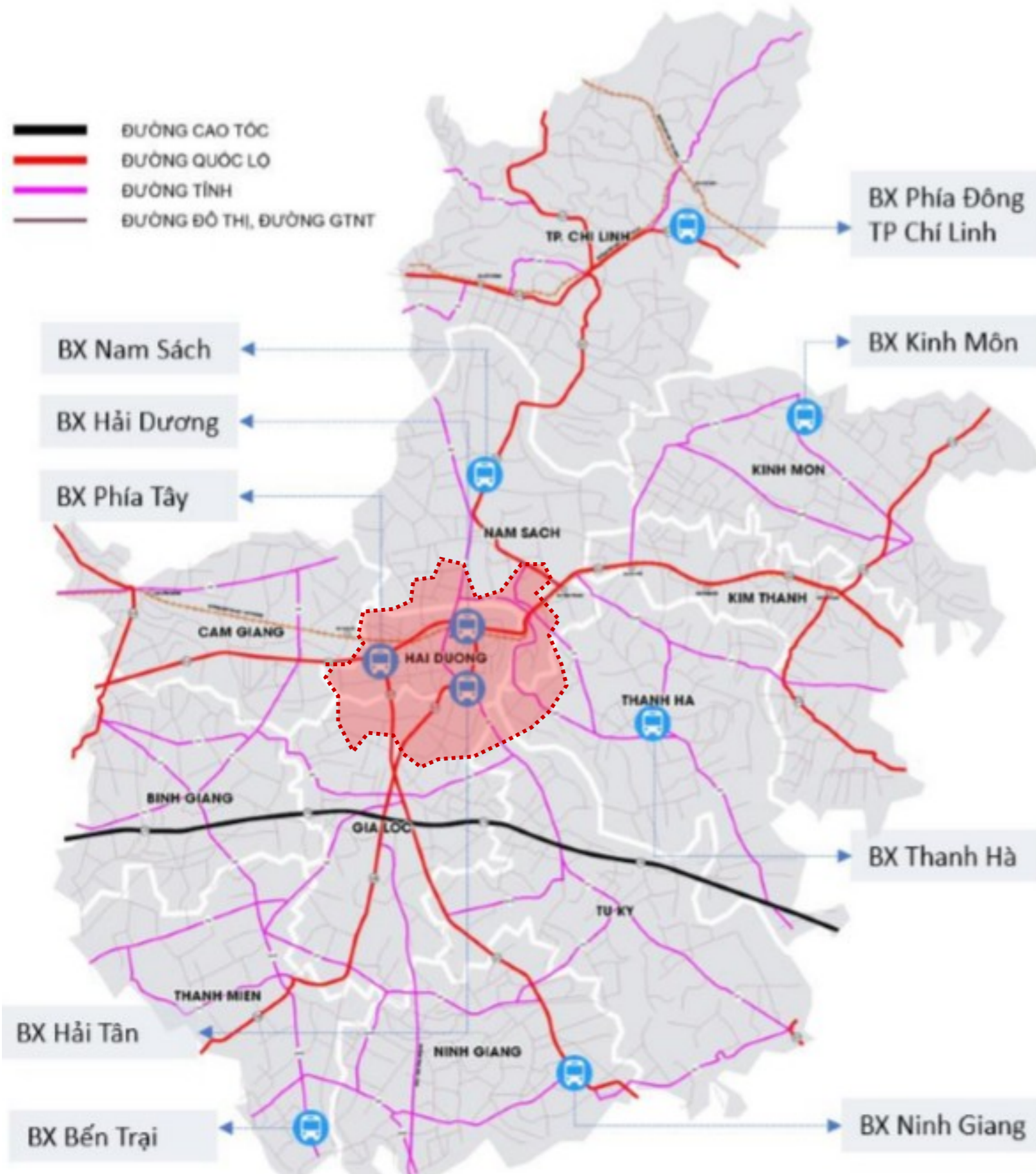
- Mạng lưới sông dài đóng góp một phần quan trọng vào việc hình thành cảnh quan có giá trị cho thành phố
- Một số khu vực không gian công cộng, công viên cây xanh, mặt nước như hồ Bạch Đằng,, hồ Cơ khí, hồ Vệ Sinh, hồ Trái Bầu..... Là những vùng cảnh quan tạo nét đặc trưng riêng cho đô thị.
- Các khu vực nông nghiệp nằm xen kẽ các khu dân cư nông thôn. Cần có biện pháp gia tăng không gian mở và các trục không gian hướng ra vùng cảnh quan này để đưa không gian mặt nước hòa nhập, gắn bó chặt chẽ với đô thị.



2.9 Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật

HIỆN TRẠNG KẾT NỐI GIAO THÔNG ĐỐI NGOẠI

Giao thông



- Các tuyến giao thông đối ngoại trên địa bàn TP cơ bản đảm bảo được việc kết nối giao thông liên huyện, liên tỉnh.
- Kết nối Đông-Tây, Bắc-Nam tốt, tuy nhiên còn nhiều hạn chế bởi sông Thái Bình, Sông Sặt, và tuyến đường sắt.
- Tuyến quốc lộ 5 quy mô đạt tiêu chuẩn đường cấp II-đồng bằng, mặt đường láng nhựa, chất lượng tốt, đây là tuyến đường quan trọng cũng là thách thức trong giải pháp tổ chức kết nối giao thông trong TP để thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội.
- Phía Nam có tuyến đường cao tốc Hà Nội Hải Phòng kết nối nhanh với trung tâm Tp, sẽ là điểm mấu chốt để tạo nên một trung tâm trung chuyển và đô thị trung tâm vùng của Vùng Thủ đô HN

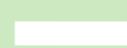
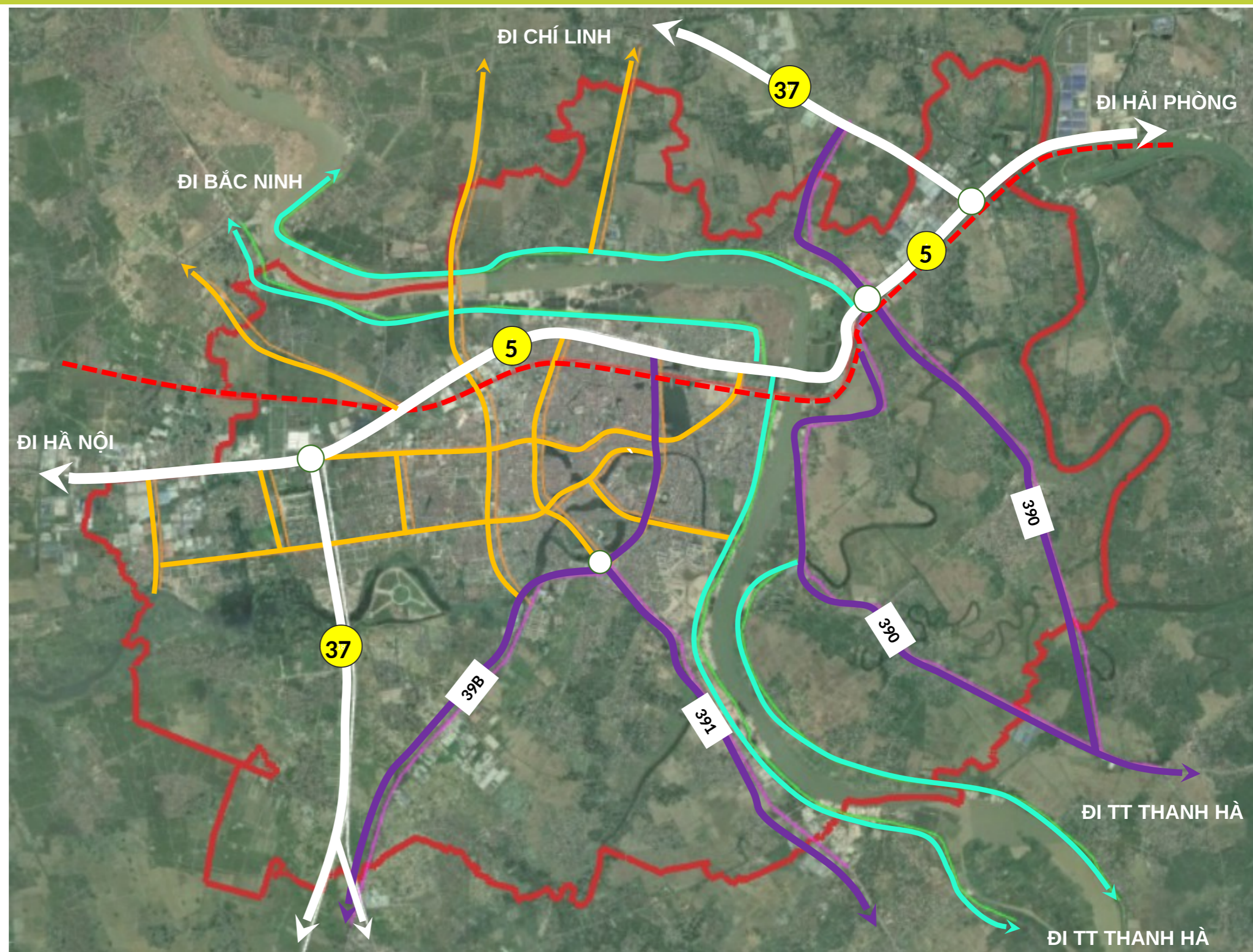
2.9 Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật

*Giao thông đường sắt

- **Đường sắt HN-HP:** đoạn đi qua thành phố có chiều dài khoảng 13km phục vụ hành khách và vận chuyển hàng hóa.

*Giao thông đường bộ

- **Quốc lộ 5:** nối Hải Dương-Hà Nội-Hải Phòng, đoạn chạy qua thành phố dài khoảng 14km, đạt tiêu chuẩn đường cấp I, mặt đường BTN, chất lượng tốt.
- **Quốc lộ 37:** toàn tuyến đạt tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng, mặt đường BTN, đá nhựa, chất lượng tương đối tốt.
- **Đường tỉnh 390:** kết cấu đường chủ yếu là đá dăm thấm nhập nhựa dày trung bình 12-15cm, chất lượng trung bình.
- **Đường tỉnh 391:** chạy theo hướng Bắc Nam, bắt đầu tại điểm giao QL5 tại ngã tư Bến Hàn đi xuống phía Nam.



ĐƯỜNG QUỐC LỘ



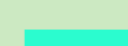
ĐƯỜNG TỈNH LỘ



ĐƯỜNG SẮT HN-HP



ĐƯỜNG TRỤC ĐÔ THỊ



ĐƯỜNG ĐÊ

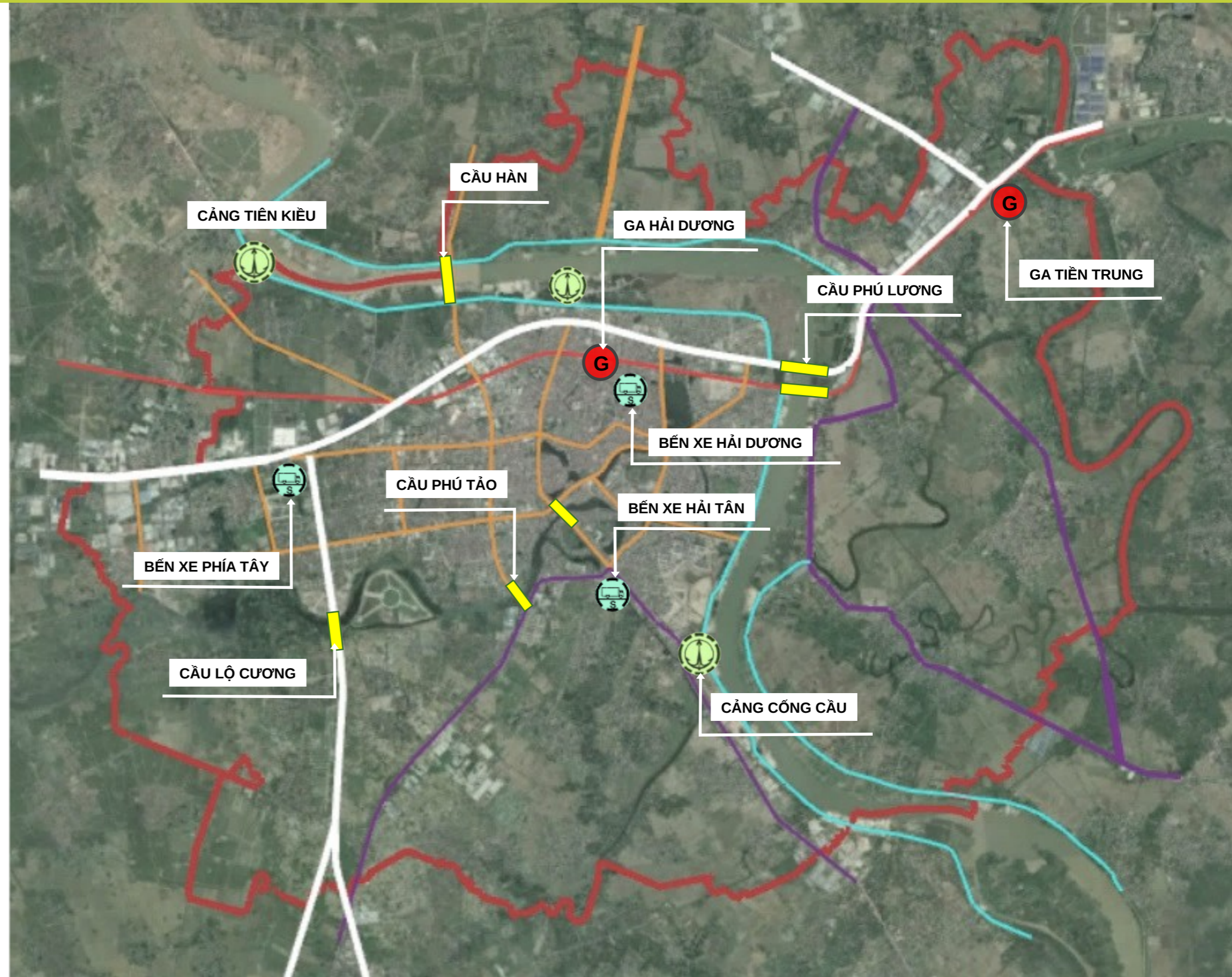
2.9 Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật

*Giao thông đường thủy

- **Cảng Cống Cầu:** là cảng tổng hợp có vai trò đầu mối giao thông thủy-bộ, quy mô 3,7ha, năng lực xếp dỡ 500.000 tấn/năm. Khả năng tiếp nhận tàu sông 600 tấn, tàu PSB 400 tấn.
- **Cảng Tiên Kiêu:** tiếp nhận tàu lớn nhất 600 tấn, công suất bốc dỡ 1000 tấn/năm.

*Công trình giao thông

- **Bến xe:** hiện trên địa bàn thành phố đang khai thác 3 bến xe đó là bến xe Hải Tân, bến xe Hải Dương, bến xe phía Tây.
- **Ga Hải Dương:** phục vụ 253,893 dân rải đều trên các phường xã của thành phố, mỗi ngày đón 4 chuyến tàu hướng Hải Dương-Hà Nội và 4 hướng chạy chuyến ngược lại với điểm cuối là ga Hải Phòng.
- **Ga Tiên Trung:** là một nhà xe ga lửa tại xã Aí Quốc thành phố Hải Dương, nhà ga là một điểm của ĐS HN-HP và nối với ga Hải Dương và ga Lai Khê.
- **Cầu:** trên địa bàn thành phố có một số cầu lớn như cầu Hàn, cầu Phú Lương, cầu Lộ Cương, cầu Phú Tảo.



	ĐƯỜNG TỈNH LỘ		BẾN XE KHÁCH		ĐƯỜNG QUỐC LỘ
	ĐƯỜNG SẮT HN-HP		CẢNG SÔNG		CẦU QUA SÔNG
	ĐƯỜNG ĐÊ		GA ĐƯỜNG SẮT		
	ĐƯỜNG ĐÔ THỊ				

2.9 Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật

Chuẩn bị kỹ thuật

1. Công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai:

- Đê tả sông Thái Bình: cấp I dài 7,2km, cấp II dài 8km rộng 5m, cao trình 5,60m÷7,30m.
- Đê hữu sông Thái Bình: cấp I dài 15,2 Km, rộng 5÷6m, cao trình 5,80m÷6,80m.
- Đê hữu Lai Vu cấp I dài 1,33km.
- Chất lượng tương đối tốt, đảm bảo cao trình phòng chống lũ.
- Công trình trên đê gồm 15 cống qua đê, 4 tuyến kè, 8 mố phai cắt qua đê, 32 điểm canh đê và trên 26 km hàng tre chắn sóng.

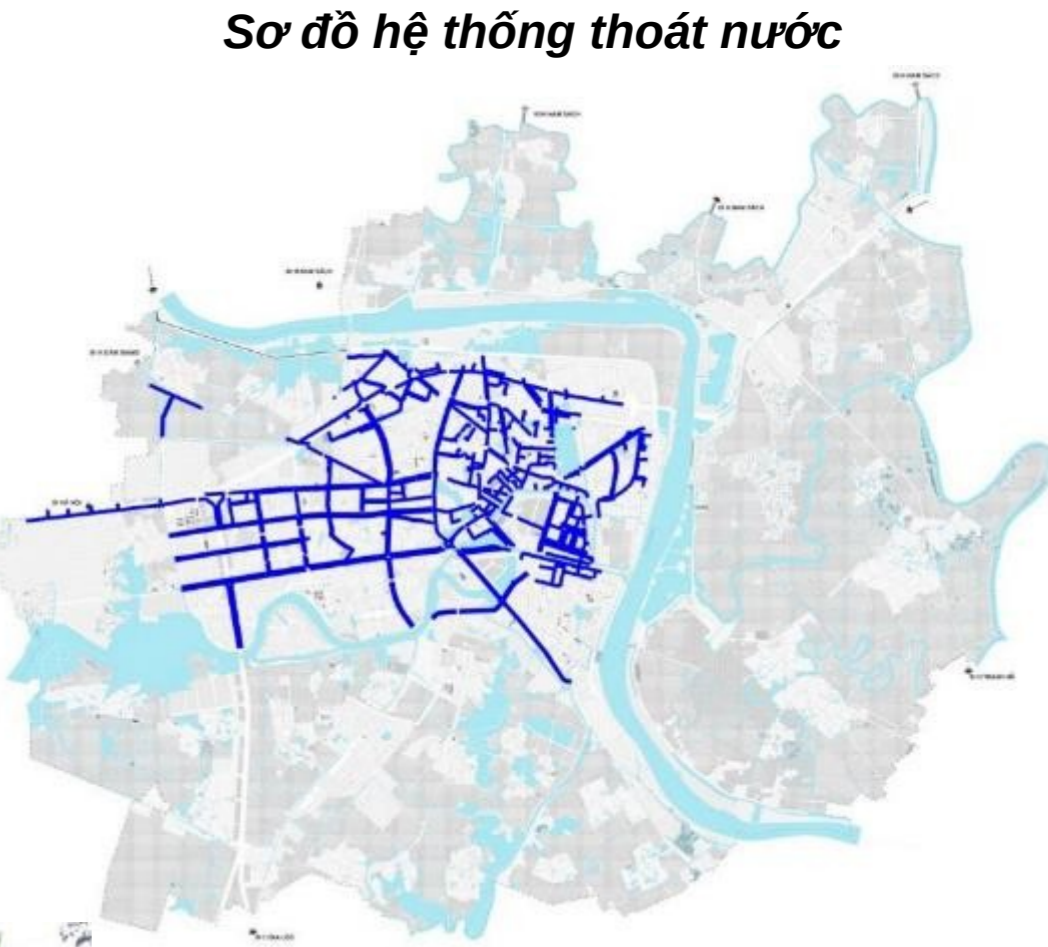
2. Cao độ nền:

- Các khu vực hiện trạng đã XD: 2,1m÷3,7m.
- Một số khu vực phường nội thị cũ có cốt thấp 1,8m÷2,0m.
- Khu vực ruộng trũng <1,5m.
- Phần lớn thấp hơn mực nước cao nhất trong năm của sông Thái Bình (+3.15) và sông Sắt (+3.02).

Nhiều khu vực ngập úng cục bộ khi mưa lớn.

3. Thoát nước mưa:

- Hệ thống thoát chung giữa nước mưa và nước thải. Tổng chiều dài: khoảng **119,9 km**.
- Hệ thống được đầu tư đã lâu, xuống cấp, tiết diện bé, không đồng bộ, thiếu duy tu nạo vét □ Năng lực thoát nước còn thấp □ Nhiều khu vực nội thị bị ngập úng cục bộ khi mưa lớn.
- Lưu vực: **5 lưu vực** chính thoát về sông Thái Bình, sông Sắt, sông Tiên Tiến, sông Thượng Đạt, sông Hương...



Sơ đồ các khu vực ngập úng 0.3-1.0(m)



Ngập úng sâu tại khu vực phía Tây và phía Bắc thành phố do hạ tầng kém. Đặc biệt là trên các tuyến phố: Ngô Quyền, Nguyễn Lương Bằng, Ngã Sấu, Quang Trung, Nguyễn Du, Quán Thánh, Hoàng Diệu, Phan Bội Châu....



2.15 Quy định về khai thác không gian ngoài đê sông Thái Bình

Theo quyết định **257/QĐ-TTg** đối với quy hoạch quản lý hành lang thoát lũ hai bờ sông Thái Bình thì TP Hải Dương có 2 bãi bồi này có thể nghiên cứu xây dựng

- Bãi Cẩm Thượng – Bình Hàn – Nhị Châu: **168 ha.**
- Bãi Nam Đồng: **105 ha.**

Phần diện tích được phép nghiên cứu xây dựng là 5% diện tích của bãi bồi



“Việc xây dựng công trình không được làm giảm quá giới hạn cho phép của lưu lượng lũ thiết kế, không làm tăng quá giới hạn cho phép của mực nước lũ thiết kế, không ảnh hưởng đến dòng chảy của khu vực lân cận, thượng lưu, hạ lưu; Bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật về đê điều, quy chuẩn kỹ thuật xây dựng do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành; Luật Đê điều và các quy định của pháp luật khác có liên quan; Không gây ảnh hưởng đến an toàn đê điều, không cản trở dòng chảy và khả năng thoát lũ, không gây biến động lớn về thủy lực làm mất ổn định về lòng sông, bờ sông, công trình bảo vệ bờ sông”.

Rà soát thực hiện QHC 2017

1. Công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai:

- Tuân thủ cao trình thiết kế các tuyến đê sông Thái Bình, sông Sặt. Từng bước nâng cao độ mặt đê thêm 0.5m để dự phòng biến đổi khí hậu.

2. Cao độ nền:

- Các đồ án quy hoạch, dự án đầu tư khi triển khai tuân thủ cao độ khống chế tối thiểu đã được phê duyệt.

3. Thoát nước mưa:

-Tuân thủ định hướng phân chia lưu vực, mạng lưới thoát nước mưa và trạm bơm tiêu.

-TP đã triển khai cải tạo hệ thống thoát nước tại các đường Cô Đông, Quán Thánh (phường Bình Hàn); nâng cấp, cải tạo hệ thống dẫn nước về hồ điều hòa trạm bơm Bình Hàn; cải tạo nâng cấp hệ thống thoát nước đường Nguyễn Lương Bằng, Khúc Thừa Dụ, Vũ Hựu, Nguyễn Quý Tân, Nguyễn Trác Luân, kênh T2, cải tạo trạm bơm Bình Lâu...

Các vấn đề bất cập cần giải quyết

1. Cao độ nền:

- Khớp nối cao độ nền giữa khu cũ và khu mới chưa hài hòa.

- Khi san nền các dự án, diện tích mặt nước, kênh mương được hoàn trả ít □ Làm giảm diện tích chứa nước.

2. Thoát nước mưa:

-Hệ thống thoát nước đầu tư đã lâu, là hệ thống thoát chung, xuống cấp, tiết diện bé, ứ đọng nhiều bùn rác

□ Khả năng thoát nước kém. .

-Hệ thống thoát nước đầu tư không đồng bộ □ Không giải quyết được vấn đề tiêu nước trên diện rộng.

-Hệ thống trạm bơm tiêu công suất thấp, không có bể hút trước trạm bơm, kênh tiêu không đầu nối liên thông

→ Năng lực hoạt động thấp.

- Vẫn tồn tại nhiều khu vực ngập úng cục bộ tại trung tâm nội thị cũ của TP Hải Dương.

I. Hiện trạng cấp điện

a. Nguồn điện : Thành phố Hải Dương được cấp điện từ lưới điện 110kV Quốc gia từ nhà máy nhiệt điện Phả Lại và Trạm 220kV Hải Dương, thông qua 4 trạm biến áp 110kV:

- Trạm 110kV Đồng Niên công suất(2x40+2x63)MVA. Trạm 110kV Đồng Niên cấp điện chủ yếu cho thành phố Hải Dương.
- Trạm 110kV Đại An điện áp 110/35/22 kV công suất (1x63)MVA, cấp điện cho KCN Đại An.
- Trạm 110kV Ngọc Sơn điện áp 110/35/22 kV công suất (40+63)MVA, cấp một phần phụ tải thành phố Hải Dương.
- Trạm 110kV Tiền Trung điện áp 110/35/22 kV công suất (40+63)MVA, cấp một phần phụ tải thành phố Hải Dương.

b. Lưới điện

- Lưới điện 110kV của thành phố Hải Dương nằm trong hệ thống lưới điện cao thế miền Bắc. Các trạm 110kV Đồng Niên, Đại An đều nhận điện từ nhà máy nhiệt điện Phả Lại.
- Lưới 22kV: Lưới 22kV phát triển với tốc độ rất nhanh đã thay thế lưới 6kV ở khu vực thành phố và thay thế dần lưới 10kV ở các khu công nghiệp.

II. Hiện trạng thông tin liên lạc

Bưu cục cấp I: 1 bưu cục nằm ở thành phố Hải Dương

Bưu cục cấp III: có 5 bưu cục được phân bố khá đều ở các phường, xã thuộc thành phố.

Điểm văn hóa xã : có 13 điểm văn hóa tại trung tâm của các xã

Mạng truyền dẫn trên địa bàn tỉnh hiện nay chủ yếu do Viễn thông Hải Dương, Viettel cung cấp và quản lý.

2.16 Hiện trạng Cấp điện và thông tin liên lạc

Rà soát tình hình thực hiện QHC 2017

- Tiến độ thực hiện lưới điện cao áp theo quy hoạch chung đã đạt và vượt ở 1 số hạng mục. Cụ Thể:

+ Xây dựng mới trạm 220kV Hải Dương 2 công suất 2x250MVA: đạt tiến độ.

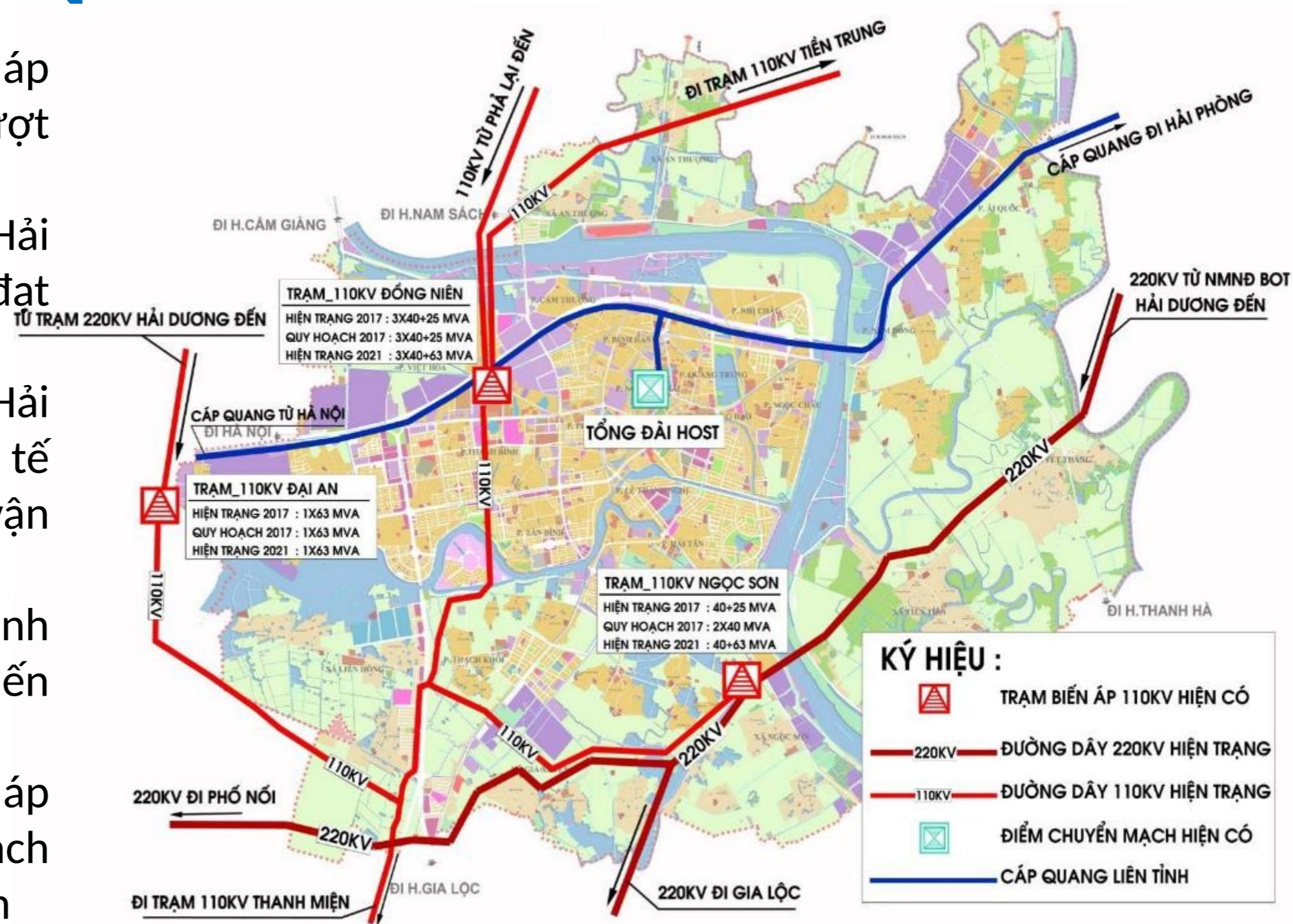
+ Nâng công suất trạm 220kV Hải Dương 1 lên 125+250MVA, thực tế đã nâng cấp lên 2x250MVA và vận hành năm 2018: vượt tiến độ.

+ Nâng cấp 4 trạm 110kV trong ranh giới thành phố đều đạt và vượt tiến độ đề ra.

- Tỷ lệ ngầm hóa lưới điện trung áp còn thấp, chưa đạt theo quy hoạch đề ra. Tuy nhiên tình hình phát triển

trạm biến áp lưới, thay thế các trạm biến áp trung gian 35/10,6kV và cải tạo lưới trung áp về chuẩn 22kV đã thực hiện tốt đảm bảo cung cấp điện

- Mạng lưới chiếu sáng mới chỉ được ngầm hóa tại những khu đô thị mới, lõi đô thị hiện trạng vẫn còn nhiều tuyến chưa được hạ ngầm như quy hoạch đề ra.



Đánh giá - Các vấn đề bất cập cần giải quyết

Ưu điểm :

- Lưới điện 220kV tỉnh Hải Dương có liên kết tốt với lưới điện 220kV khu vực, gần các nguồn điện lớn như NĐ Phả Lại, NĐ Mạo Khê nên độ tin cậy và an toàn cung cấp điện cao, trong trường hợp vận hành bình thường cũng như chế độ sự cố (N-1).
- Lưới điện 110kV tỉnh Hải Dương có cấu trúc bền vững và linh hoạt, nên có khả năng hỗ trợ cho các tỉnh lân cận như Hưng Yên (Thanh Miện - Phố Cao), Quảng Ninh (NĐ Phả Lại – NĐ Uông Bí).

Nhược điểm :

- Lưới điện 110kV thành phố Hải Dương chưa được kết nối thành hệ thống đồng nhất và các xuất tuyến 110kV luôn phải mang tải ở mức cao, dự phòng công suất trên lưới thấp. Cần cải tạo, tăng số mạch và nâng tiết diện đường dây 110kV và tránh đấu nối rẽ nhánh cấp điện.
- Lưới điện 110kV và 22kV hiện trạng vẫn còn nhiều điểm không đảm bảo hành lang cách li, thời gian vừa qua đã có nhiều sự cố lưới điện gây thiệt hại lớn về kinh tế, mất an toàn.
- Nhiều đường trục trung áp cấp cho phụ tải dân sinh có tiết diện ở mức trung bình (AC-95), có nhiều tuyến dây cấp điện đi xa hoặc cấp điện trên diện rộng gây nên tổn thất lớn.
- Do lưới điện hạ áp tiếp nhận từ các chương trình tiếp nhận lưới điện hạ áp nông thôn có chất lượng rất kém, đã xuống cấp nghiêm trọng, khối lượng lưới điện hạ áp tiếp nhận quá nhiều trên, từ đó gây nên tổn thất trên lưới hạ áp và tổn thất thương mại cao.

Trạm 110kV có công nghệ chữa cháy tự động tại Hải Dương



Các trường hợp vi phạm hành lang an toàn lưới điện



2.17 Hiện trạng cấp nước năm 2021

➢ **Nguồn nước:** sông Thái Bình, sông Rạng

➢ **Công trình đầu mối:**

□ Tổng công suất 07 NMN: **209.700** m³/ngđ (nội thành: 202.000 m³/ngđ (05 NMN), Nông thôn: 7.700 m³/ngđ) (02 NMN)

Bảng thống kê nhà máy nước sinh hoạt

Nhà máy nước	Công suất (m ³ /ngđ)	Nguồn nước
Nội thị	202.000	
Cẩm Thượng	42.000	S. Thái Bình
ORET	50.000	S. Thái Bình
Việt Hoà	75.000	S. Thái Bình
Thanh Sơn	20.000	S. Thái Bình
Viwaseen	15.000	Sông Rạng
Ngoại thị	7.700	
Tiền Tiến	3.700	S. Thái Bình
Kỳ Sơn	4.000	S. Thái Bình

- NMN xã Tiền Tiến hiện cấp nước cho xã Tiền Tiến và xã Quyết Thắng

- Ngoài ra NMN Kỳ Sơn: 4.000 m³/ngđ, sông Thái Bình, hiện cấp cho xã Ngọc Sơn: 600 m³/ngđ

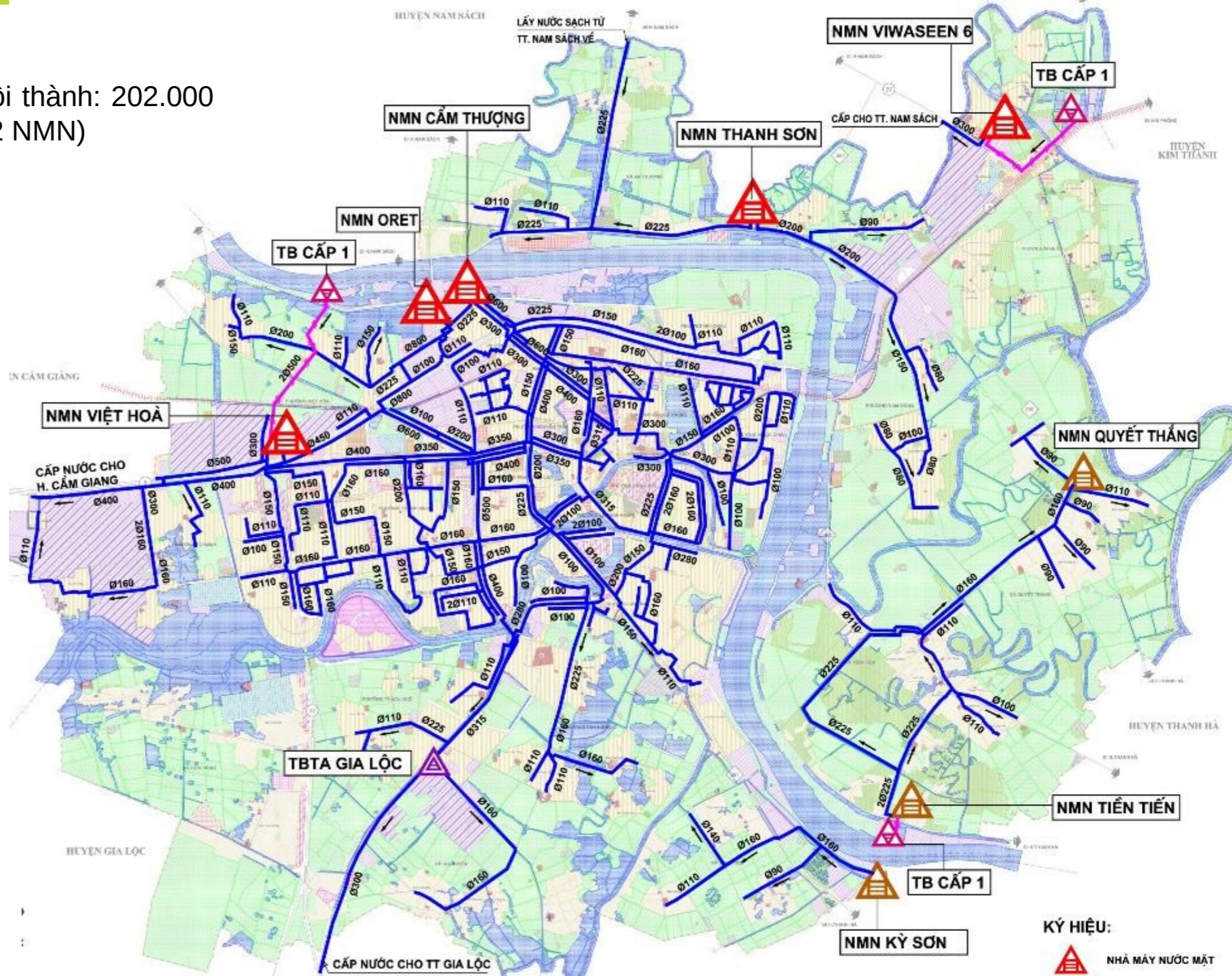
➢ **Mạng lưới cấp nước:**

- Trạm bơm tăng áp Gia Lộc: 6.000 m³/ngđ, cấp nước cho thị trấn Gia Lộc

□ Mạng lưới truyền dẫn cấp 1 có đường kính từ □ 280÷□ 800mm lấy nước từ 05 NMN nội thị cấp về;

□ Mạng lưới phân phối có đường kính từ □ 100÷□ 250mm lấy nước từ 07 NMN cấp về;

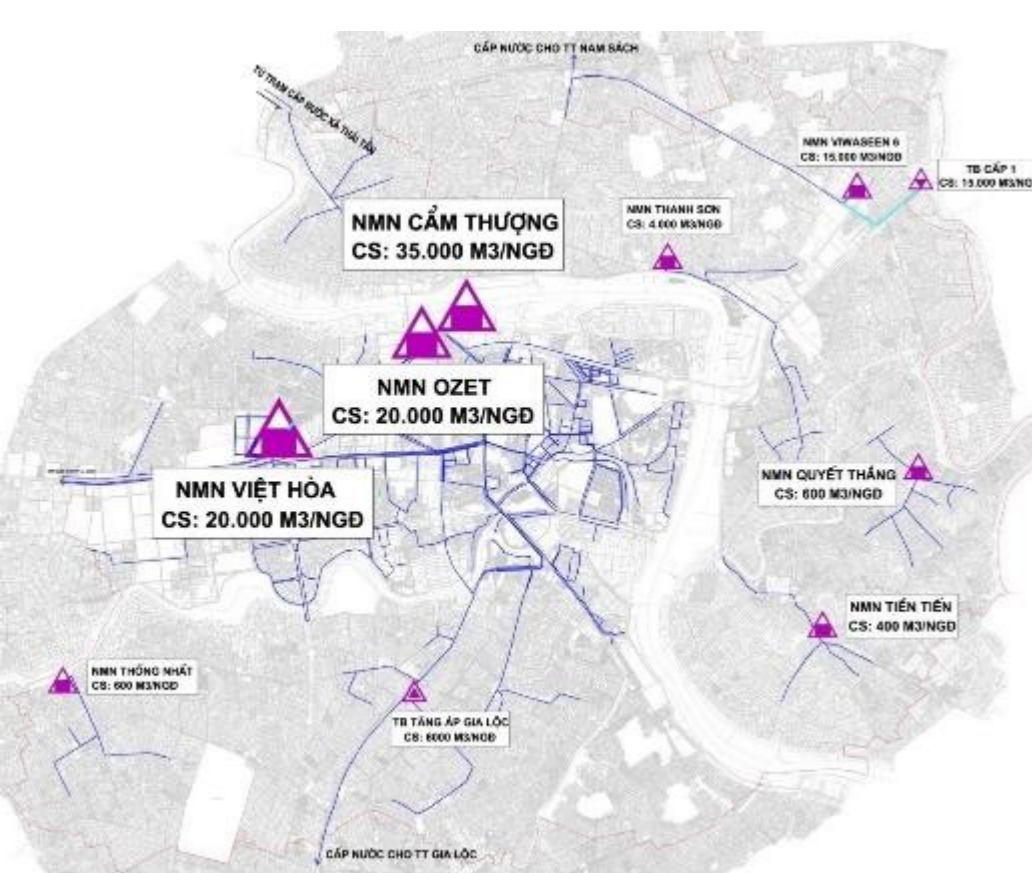
□ Xã Quyết Thắng hiện đang được cấp nước từ NMN Tiền Tiến cấp qua đồng hồ tổng dẫn về bằng đường ống □160mm;



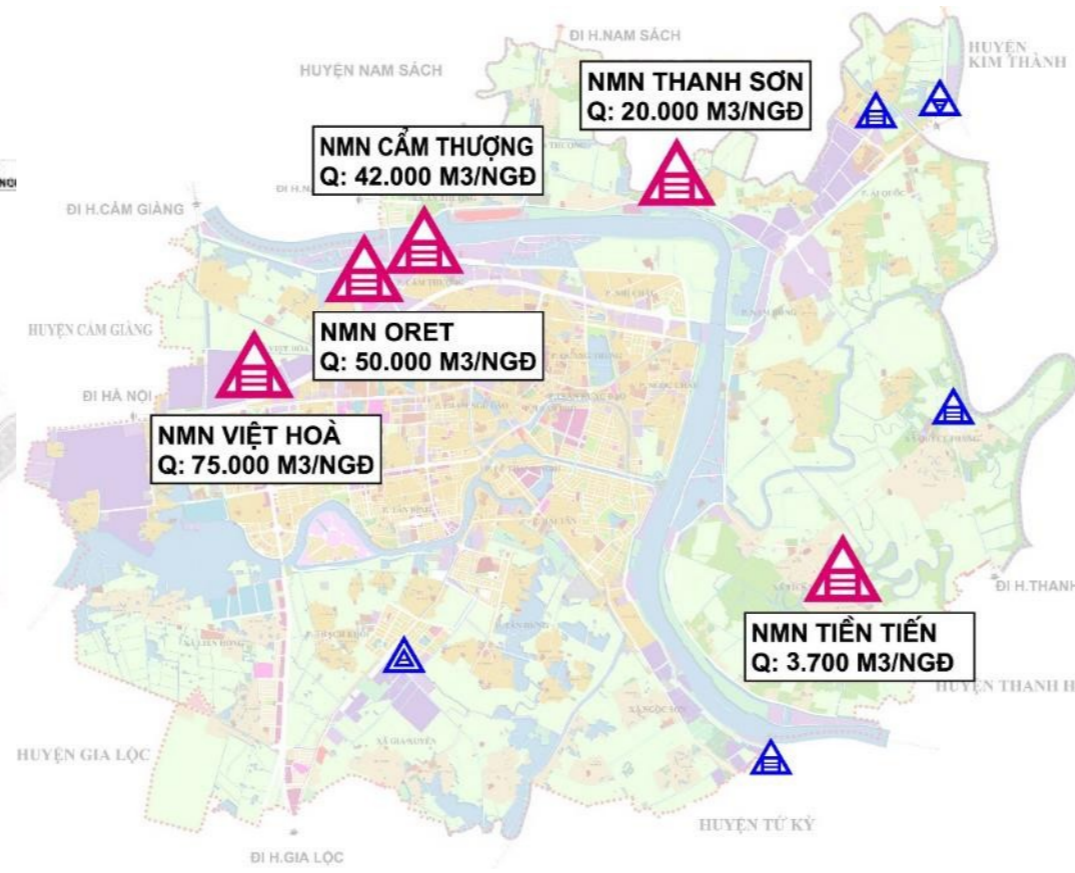
KÝ HIỆU:

- NHÀ MÁY NƯỚC MẶT
- TRẠM BƠM CẤP 1
- TRẠM BƠM TĂNG ÁP
- ĐƯỜNG ỐNG NƯỚC THỎ
- ĐƯỜNG ỐNG CẤP NƯỚC
- Ø200 ĐƯỜNG KÍNH (MM)
- HƯỚNG NƯỚC CHẢY

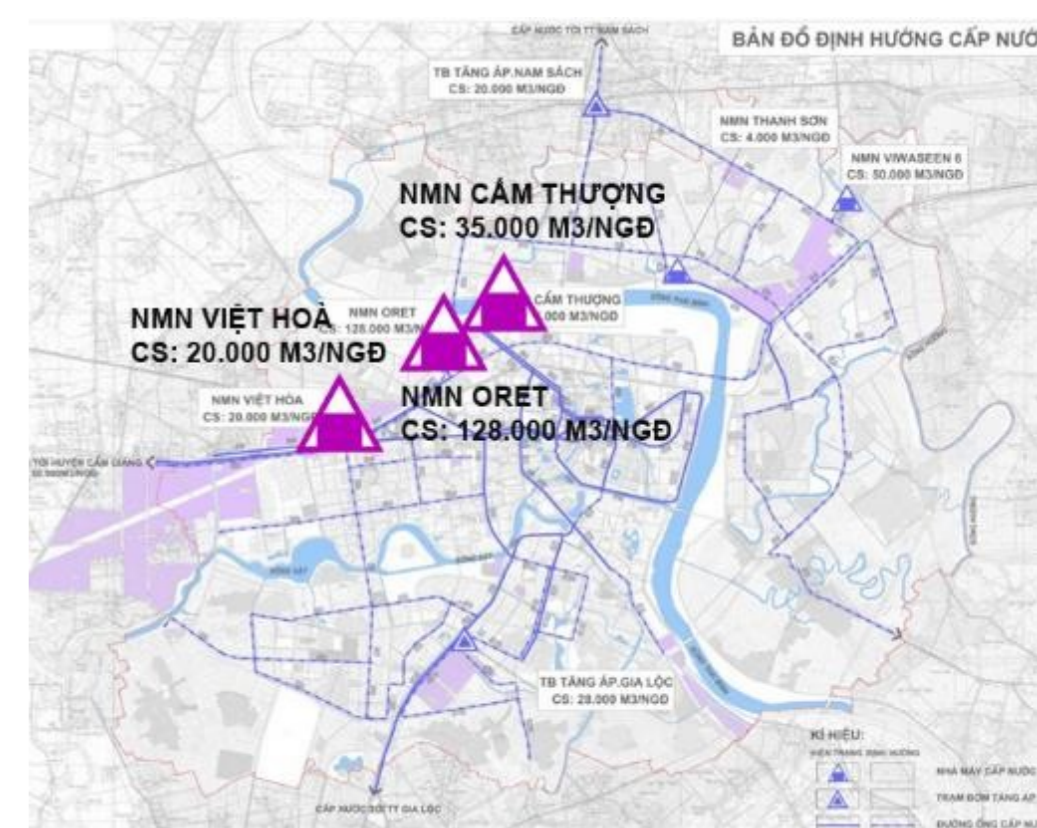
➢ **Nhận xét:** Toàn bộ 100% các xã, phường nội, ngoại thị đều đã có nguồn nước từ các nhà máy nước tập trung.



Sơ đồ hiện trạng cấp nước năm 2017



Sơ đồ hiện trạng cấp nước năm 2021



Sơ đồ định hướng cấp nước năm 2017

b/ Rà soát thực hiện theo QHC 2017:

* So sánh với hiện trạng cấp nước đánh giá từ năm 2017 đến nay:

- + Nguồn nước: hiện sử dụng nước mặt sông Thái Bình, sông Rạng, không sử dụng nguồn nước sông Hương nữa (do ô nhiễm)
- + Công trình đầu mối: đã nâng công suất cả 05 NMN Cẩm Thượng, Oret và Việt Hòa, Thanh Sơn với tổng công suất: 187.000 m³/ngđ và 01 NMN Tiến Tiến lên 3.700 m³/ngđ, giữ nguyên công suất NMN Viwaseen 6, NMN Kỳ Sơn;
- + So với đồ án quy hoạch chung duyệt năm 2017 thì TP Hải Dương đã thực hiện nâng công suất cho 04 NMN trong nội thành và 01 NMN ngoại thành, còn NMN Viwaseen 6 và Kỳ Sơn vẫn giữ nguyên công suất không thay đổi, NMN Quyết Thắng thì ngừng hoạt động;

* So sánh với Định hướng cấp nước năm 2017: Giữ nguyên nhà máy nước Cẩm Thượng, Việt Hòa và Thanh Sơn, đề xuất đến năm 2030 nâng công suất nhà máy nước ORET và bỏ 2 NMN Tiến Tiến và Quyết Thắng. Tuy nhiên hiện nay Công ty nước đã thực hiện việc nâng công suất cả 05 nhà máy nước Cẩm Thượng, ORET, Việt Hoà, Thanh Sơn và NMN Tiến Tiến; chỉ bỏ mỗi NMN Quyết Thắng ngừng hoạt động;

- Đánh giá chung về cấp nước:

- + ĐC QHC năm 2017 đã xác định nguồn nước sông Thái Bình, sông Rạng và tương lai của TP tiếp tục lấy nước SH và sản xuất từ nguồn nước này.
- + ĐC QHC năm 2017 đã xác định được các NMN hiện có Cẩm Thượng, ORET, Việt Hòa, Thanh Sơn, Viwaseen 6, Tiến Tiến, Quyết Thắng và hiện nay 05 NMN này đã được nâng công suất, chỉ có NMN Quyết Thắng là ngừng hoạt động. Trong tương lai 05 NMN trên vẫn có thể tiếp tục nâng công suất và NMN Quyết Thắng chuyển đổi thành trạm bơm tăng áp để đảm bảo nguồn cấp nước sạch cho phát triển đô thị.
- + ĐC QHC năm 2017 đã đánh giá được cụ thể về hệ thống mạng lưới đường ống. Trong tương lai cần rà soát, bổ sung và thay thế đường ống mới để đảm bảo chống rò rỉ gây lãng phí nguồn nước và tổn thất áp lực.

1. Hệ thống thoát nước thải

Nước thải sinh hoạt: Thành phố Hải Dương hiện đang sử dụng mạng lưới thoát nước chung (thoát chung nước mưa và nước thải).

Riêng khu vực các phường nội thành (Nguyễn Trãi, Phạm Ngũ Lão, Trần Phú, Lê Thanh Nghị, Trần Hưng Đạo, Quang Trung) đã được đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước nửa riêng theo dự án ODA, với **trạm xử lý nước thải Ngọc Châu** có công suất **13.340 m³/ ngày**

Nước thải công nghiệp: KCN Đại An có TXLNT 2000 m³/ngày; KCN Nam Sách 3500 m³/ngày, KCN An Phát 1720 m³/ngày.

2. Quản lý CTR

Công tác thu gom, vận chuyển CTR của TP do Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Hải Dương đảm nhiệm.

Lượng CTR trung bình trên địa bàn TP khoảng **232 tấn /ngày**, tỷ lệ thu gom đạt **95%**.

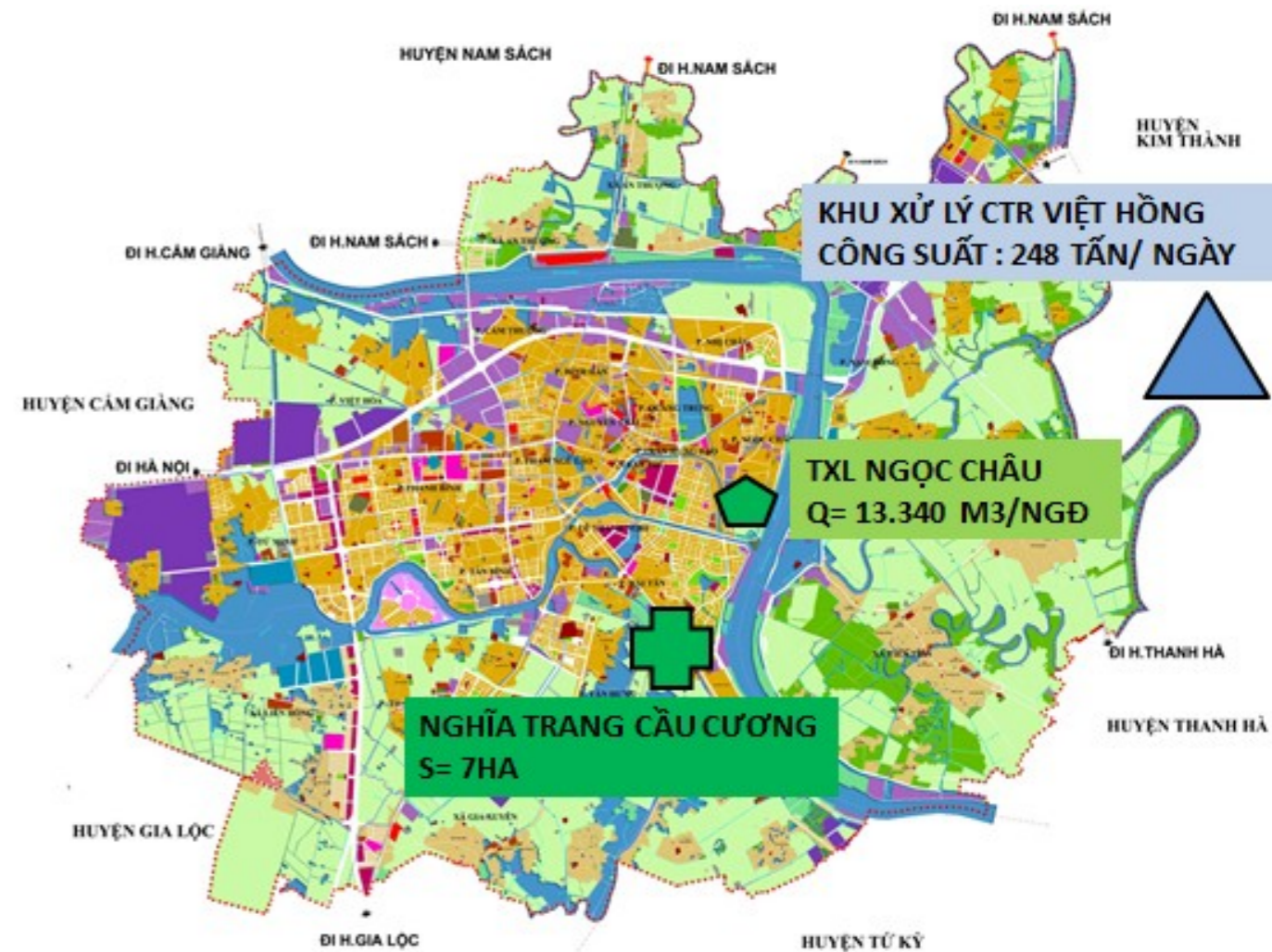
Toàn bộ CTR của thành phố được vận chuyển tới khu xử lý CTR **Việt Hồng** (xã Việt Hồng, huyện Thanh Hà), có CS xử lý **248 tấn /ngày**.

3. Nhà tang lễ và nghĩa trang

Nghĩa trang Cầu Cưỡng, diện tích khoảng **07 ha**. Nghĩa trang có các hình thức chôn cất: hỏa táng, cát táng và chôn cất 1 lần.

Ngoài ra còn có nhiều nghĩa trang nằm rải rác tại các phường, xã.

Nhà tang lễ: hiện có **02 nhà tang lễ** (gồm Nhà tang lễ nghĩa trang Cầu Cưỡng, nhà tang lễ thành phố tại đường Tuệ Tĩnh)



KXL CTR Việt Hồng



Nghĩa trang Cầu Cưỡng

Hạng mục	Mục tiêu quy hoạch thành phố đề ra trong đồ án QHC2017	Rà soát, đánh giá mục tiêu QHC2017 so với hiện trạng năm 2021	Nội dung đề xuất QHC2021
I. Thoát nước thải	Quy hoạch 07 lưu vực thoát nước thải và 7 trạm xử lý nước thải sinh hoạt.	Mới chỉ hoàn thành trạm xử lý nước thải Ngọc Châu, phục vụ cho một phần nội thị.	Cơ bản giữ nguyên định hướng quy hoạch 07 lưu vực thoát nước thải và 7 trạm xử lý nước thải sinh hoạt như QHC2017 (tuy nhiên có vi chỉnh ranh giới lưu vực cho phù hợp với quy hoạch không gian 2021)
II. Quản lý CTR	Thu gom CTR về nhà máy xử lý CTR Việt Hồng	Lượng CTR phát sinh của thành phố vẫn thu gom về nhà máy xử lý CTR Việt Hồng.	Đầu tư nâng cấp nhà máy xử lý CTR Việt Hồng (huyện Thanh Hà) theo hướng tăng công suất, áp dụng công nghệ xử lý CTR hiện đại như đốt có thu hồi năng lượng.
III. Nghĩa trang	Mở rộng nghĩa trang Cầu Cương lên 10 ha và dự kiến thêm 01 nghĩa trang tại xã Thống Nhất với quy mô khoảng 26ha.	Chưa triển khai theo quy hoạch	Tuân thủ các quy hoạch nghĩa trang mới cấp vùng theo QHXD vùng tỉnh, quy hoạch nông thôn mới đã được tỉnh phê duyệt Dự kiến quy hoạch các nghĩa trang mới theo mô hình “công viên nghĩa trang”, có công trình hỏa táng.

2.19 Hiện trạng Môi trường

Theo báo cáo hiện trạng môi trường hàng năm, các số liệu quan trắc định kỳ trên địa bàn, TP Hải Dương đang có các dấu hiệu bị ô nhiễm

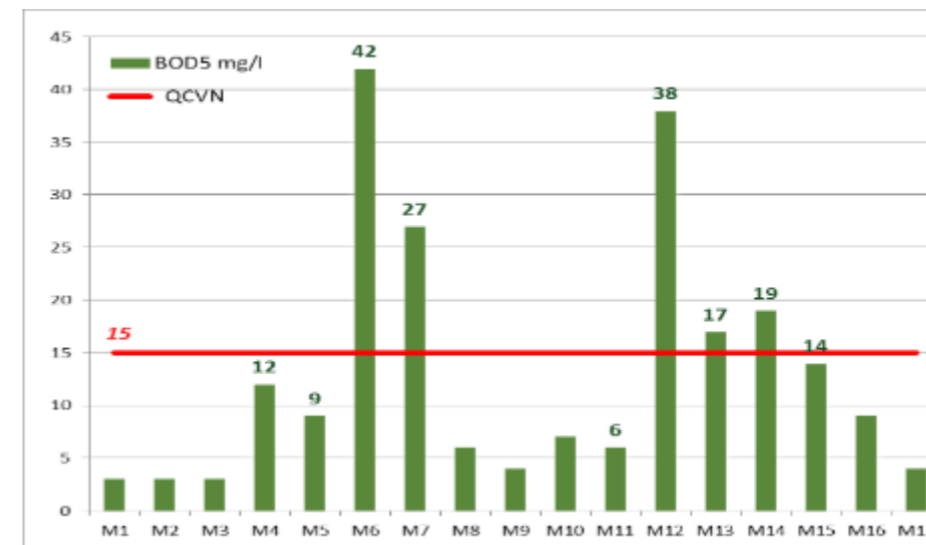
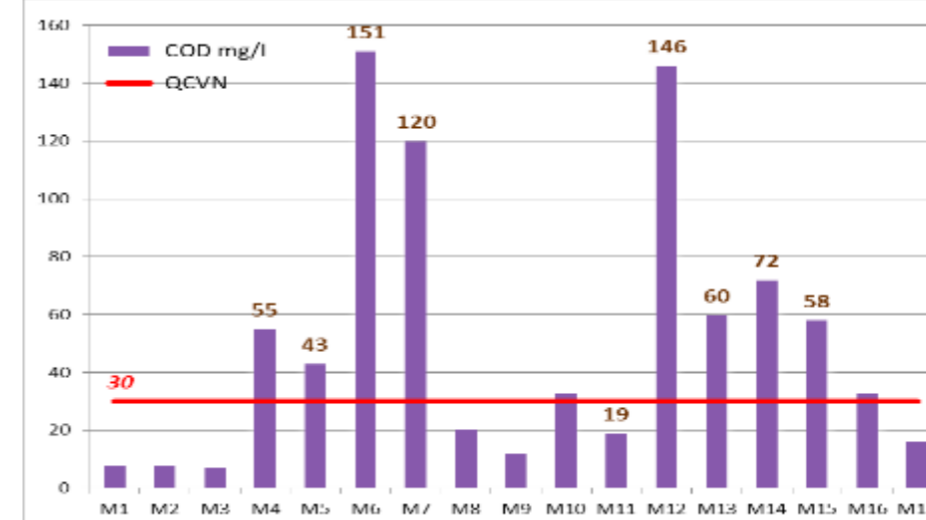
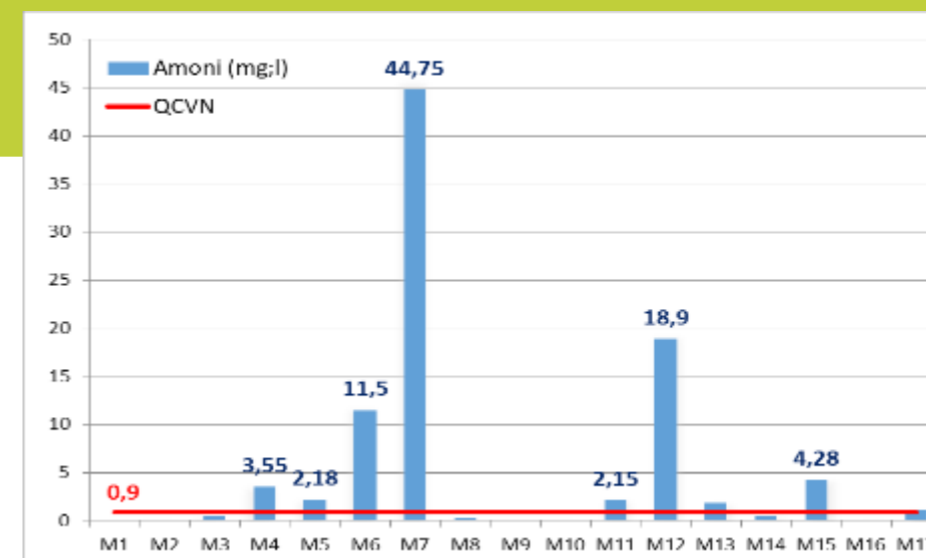
a. Môi trường nước: Đang có dấu hiệu bị ô nhiễm

+ **Môi trường nước mặt:** đang bị ô nhiễm, đặc biệt là nước sông Sắt, hệ thống kênh mương, ao hồ trong khu vực; Nguyên nhân chủ yếu do nước thải sinh hoạt, sản xuất chưa được xử lý đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn xả thải gây ra;

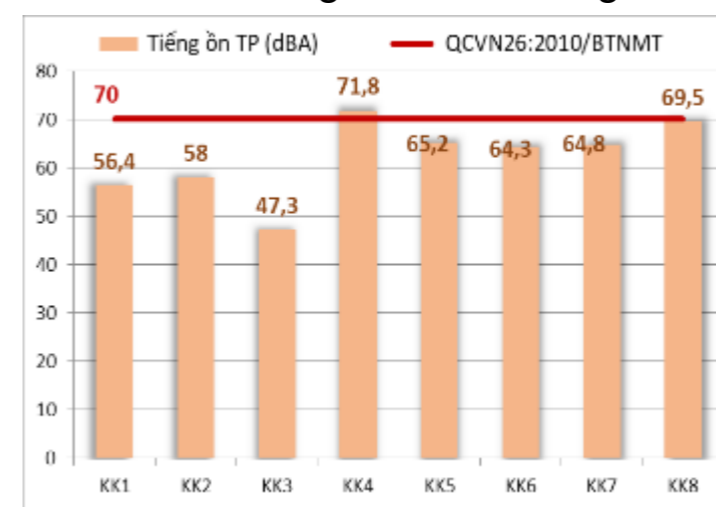
+ **Môi trường nước ngầm:** Đang có dấu hiệu bị ô nhiễm; Một số khu vực, tại một số thời điểm cho thấy chỉ số Fe, Amoni (NH_4^+), As, hợp chất hữu cơ, coliform có xu hướng tăng và vượt ngưỡng cho phép của QCVN

b. Môi trường Không khí: Nhìn chung tương đối tốt, tuy nhiên tại một số tuyến đường lớn, mật độ giao thông cao vẫn đề bụi, tiếng ồn có xu hướng tăng và cao ở một số thời điểm; Các cơ sở kinh doanh vẫn ghi nhận một số vi phạm gây tác động tiêu cực đến môi trường không khí;

c. Môi trường đất: Hiện chưa có dấu hiệu bị ô nhiễm, song chịu nhiều tác động từ các hoạt động sinh hoạt, sản xuất công, nông nghiệp, nước thải, chất thải rắn trên địa bàn;



Chỉ số Amoni, COD, BOD trong nước sông, hồ, kênh ngòi TP Hải Dương



Kết quả quan trắc Độ ồn TP Hải Dương - năm 2020



Một số cơ sở sản xuất gây ô nhiễm, bức xúc



Kênh T2, ứ đọng nước thải, rác thải - ảnh 2018



Dự án Cải tạo kênh T2 đang được triển khai

2.20 | Hiện trạng phân cấp đô thị

Chi tiết các chỉ tiêu còn yếu, còn thiếu TP Hải Dương theo đánh giá phân loại đô thị NQ 1210/2016/UBTVQH13

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Đô thị loại I	Thang điểm	Hiện trạng đạt	Xét đô thị loại IV	
			T.đạt/T.thiếu		Điểm	Đánh giá
I	Vị trí, vai trò, chức năng, có cấu và trình độ PTKTXH		15-20		18,49	
I.2.2	Thu nhập bình quân đầu người năm so với cả nước (lần)	≥2,1 1,75	3 2,25	1,98	2,74	chưa đạt tối đa
II	Quy mô dân số đô thị (2 tiêu chuẩn)		6-8		7,28	chưa đạt tối đa
III	Mật độ dân số		4,5-6		5,99	chưa đạt tối đa
V	Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan ĐT		45-60		53,54	
1	Đất dân dụng (m ² /người) (Nếu vượt tối đa chỉ được chấm 0,75 điểm)	≥61 54	1 0,75	63,1	0,75	chưa đạt tối đa
2	Đất xây dựng các công trình dịch vụ công cộng đô thị (m ² /người)	≥5 4	1 0,75	4,90	0,97	chưa đạt tối đa
5	Cơ sở giáo dục, đào tạo cấp đô thị (cơ sở)	≥30 20	1 0,75	21	0,78	chưa đạt tối đa
6	Công trình văn hóa cấp đô thị (công trình)	≥14 10	1 0,75	12	0,88	chưa đạt tối đa
1	Đầu mối giao thông (Cảng hàng không - sân bay, ga đường sắt, cảng, đường thủy, bến xe khách). (Cấp)	Quốc tế Quốc gia	2 1,5	Quốc Gia	1,50	chưa đạt tối đa
2	Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng (%)	≥24 16	1 0,75	18,45	0,83	chưa đạt tối đa
3	Mật độ đường giao thông (tính đến đường có chiều rộng phần xe chạy ≥ 7,5m) (km/km ²)	≥13 10	1 0,75	8,19	0,00	không đạt
2	Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng (%)	≥100 95	1 0,75	96,47	0,82	chưa đạt tối đa
2	Tỷ lệ dân số được cấp nước sạch (%)	100 95	2 1,5	99,00	1,90	chưa đạt tối đa
2	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật(%)	≥50 40	1 0,75	44	0,85	chưa đạt tối đa
3	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom (%)	≥100 90	1 0,75	99	0,98	chưa đạt tối đa
1	Nhà tang lễ (cơ sở)	≥4 2	1 0,75	2	0,75	chưa đạt tối đa
1	Đất cây xanh toàn đô thị (m ² /người)	≥15 10	2 1,5	8,32	0,00	không đạt
2	Đất cây xanh công cộng khu vực nội thị (m ² /người)	≥6 5	2 1,5	5,00	1,50	chưa đạt tối đa
1	Quy chế quản lý kiến trúc toàn đô thị	2 năm, thực hiện tốt Đã có quy chế	2 1,5	Đã có quy chế	1,50	chưa đạt tối đa
2	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị/ tổng số đường chính (%)	≥60 50	2 1,5	51,50	1,58	chưa đạt tối đa

RÀ SOÁT THỰC TRẠNG THÀNH PHỐ SO VỚI CÁC TIÊU CHÍ ĐÔ THỊ LOẠI I

Rà soát các số liệu hiện có của Thành phố Hải Dương năm 2020; Đánh giá phân loại thành phố Hải Dương theo tiêu chí đô thị loại I – NQ1210/2016/UBTVQH13; Thành phố Hải Dương **Đạt 91,3/100** điểm; với

- Xét 5 tiêu chí lớn; thành phố đều đạt trên mức tối thiểu; cụ thể:

+ Tiêu chí 1: Vai trò vị trí đạt: **18,49/20** điểm

+ Tiêu chí 2: Quy mô dân số đạt: **7,289/20** điểm

+ Tiêu chí 3: Mật độ dân số đạt **5,99/6** điểm (gần đạt mức tối đa)

+ Tiêu chí 4: Tỷ lệ phi nông nghiệp: đạt **6/6** điểm (tối đa)

+ Tiêu chí 5: Trình độ Phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan đô thị đạt: 53,54/60 điểm

- Xét 59 tiêu chuẩn: Thành phố Hải Dương đạt:

+ 30 tiêu chí đạt điểm tối đa

+ 19 tiêu chuẩn đạt điểm trung bình (chưa đạt điểm tối đa);

+ 2 tiêu chuẩn không đạt điểm;

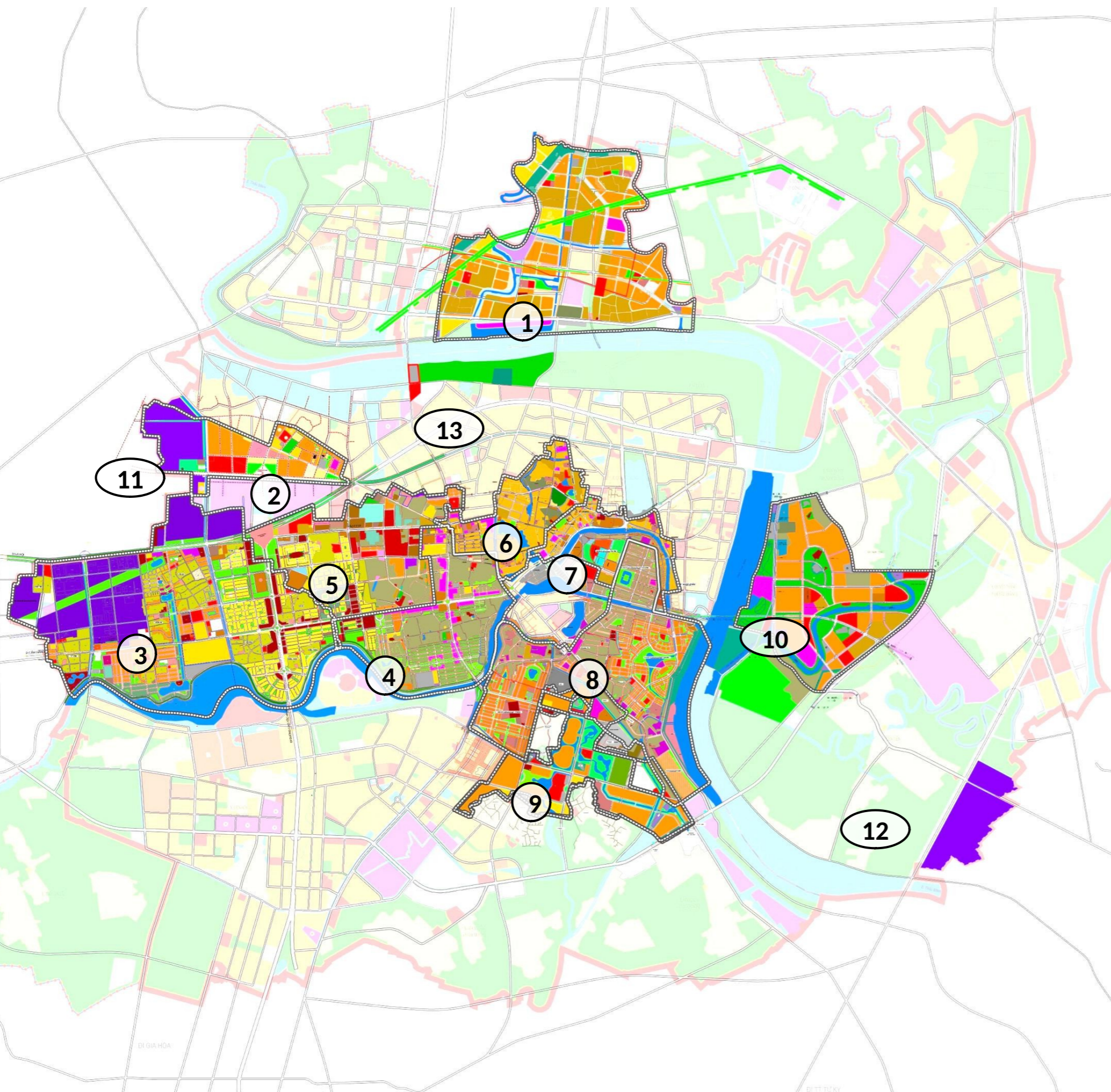
+ 8 tiêu chuẩn nông thôn : Đạt điểm tối đa

Các tiêu chuẩn còn yếu, còn thiếu TP Hải Dương theo đánh giá phân loại đô thị NQ 1210/2016/UBTVQH13

Các tiêu chuẩn không đạt	Các tiêu chuẩn chưa đạt điểm tối đa
<ol style="list-style-type: none"> Mật độ đường giao thông có chiều rộng >7,5m (Đạt 8,19 km²/km²; Tiêu chuẩn: 10-13 km/km²) Đất cây xanh toàn đô thị: (Đạt 8,32 m²/người; tiêu chuẩn 10-15 m²/người) 	<ol style="list-style-type: none"> Thu nhập bình quân đầu người (đạt 2,74/3 điểm) Dân số đô thị; dân số nội thị (đạt 7,27/8 điểm) Đất dân dụng (Đạt 0,75/1 điểm) Đất công tình công cộng cấp đô thị (đạt 4,9/5 điểm) Cơ sở giáo dục (đạt 0,78/1 điểm); (21/30 công trình) Công trình văn hóa cấp đô thị (đạt 0,88/1 điểm); Tỉ lệ đường phố chính được chiếu sáng (0,82/1 điểm) Tỉ lệ người dân được cấp nước sạch; (1,9/2 điểm) Tỉ lệ nước thải đô thị được xử lý: 0,85/1 điểm; Tỉ lệ chất thải rắn được thu gom: 0,98/1 điểm; Nhà Tang lễ: 0,75/1 điểm (2/4 công trình) Đất cây xanh công cộng khu vực nội thị: 1,5/2 điểm; Quy chế quản lý kiến trúc: 1,5/2 điểm; Tỉ lệ tuyến phố văn minh: 1,58/2 điểm

Định hướng điều chỉnh QHC sẽ ưu tiên các hạng mục không hoặc chưa đạt điểm, cụ thể : phát triển quỹ đất xây dựng công trình công cộng như: Xây dựng thêm **02 công trình văn hóa cấp đô thị**, thêm **09 công trình giáo dục** (THPT, đại học, cao đẳng, chuyên nghiệp dạy nghề); **Phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật đảm bảo**: 100% dân cư đô thị được cấp nước sạch, 100% CTR thu gom xử lý; 100% đường phố chính được chiếu sáng; Mở rộng, phát triển hệ thống giao thông đảm bảo đường có mặt cắt >7,5m đạt 13km/km² diện tích đất xây dựng; **Xây dựng thêm 02 nhà tang lễ**; Quy hoạch **thêm khoảng 500ha cây xanh đô thị** (cây xanh công cộng, giao thông, cảnh quan, chuyên đề); Ngoài ra, phát triển thêm hệ thống nhà ở, nhà ở công nhân, công nghiệp, dịch vụ, hạ tầng xã hội... thu hút lao động, tăng dân số cơ học, thu nhập trung bình người dân đô thị;

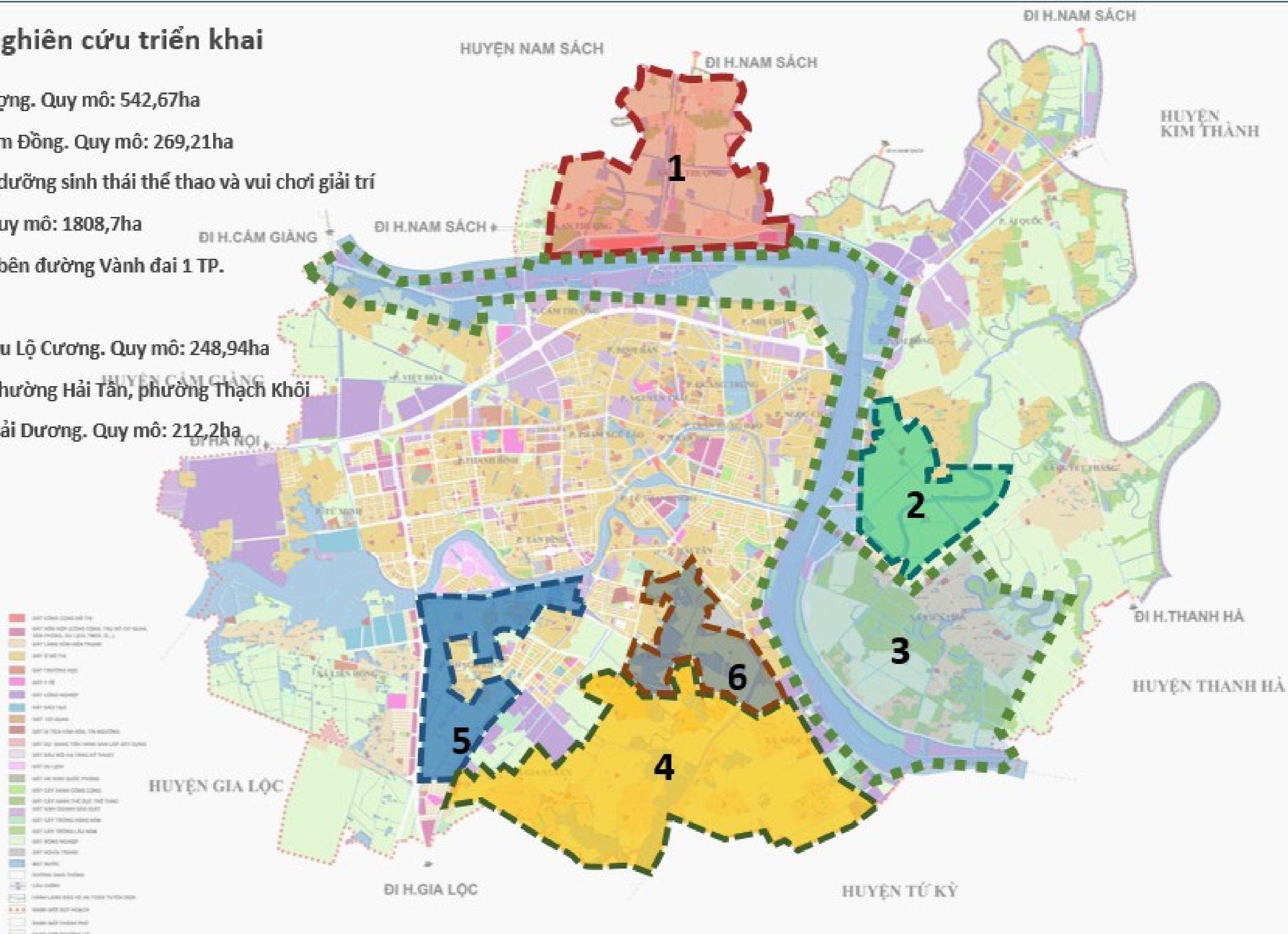
3 Các dự án và quy hoạch đã và đang triển khai



- **Số 1:** Quy hoạch phân khu đô thị An Thượng.
- **Số 2:** Điều chỉnh cục bộ QHCT xây dựng phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương
- **Số 3:** Điều chỉnh quy hoạch phân khu phường Tứ Minh.
- **Số 4:** Điều chỉnh quy hoạch phân khu phường Tân Bình.
- **Số 5:** Điều chỉnh quy hoạch cục bộ phân khu phường Thanh Bình.
- **Số 6:** Quy hoạch phân khu Khu vực phía Tây trung tâm thành phố Hải Dương.
- **Số 7:** Quy hoạch phân khu Khu vực phía Nam trung tâm thành phố Hải Dương.
- **Số 8:** Điều chỉnh quy hoạch cục bộ phân khu phường Hải Tân.
- **Số 9:** Quy hoạch khu đô thị mới địa bàn xã Tân Hưng.
- **Số 10:** Điều chỉnh cục bộ khu vực phía Đông sông Thái Bình.
- **Số 11, 12, 13:** Các điểm điều chỉnh.

Các dự án đang nghiên cứu triển khai

1. Khu đô thị mới An Thượng. Quy mô: 542,67ha
2. Khu đô thị sinh thái Nam Đồng. Quy mô: 269,21ha
3. Khu đô thị du lịch nghỉ dưỡng sinh thái thể thao và vui chơi giải trí hai bên sông Thái Bình. Quy mô: 1808,7ha
4. Quy hoạch phân khu 2 bên đường Vành đai 1 TP. Quy mô: 923,68ha
5. Khu đô thị phía Nam cầu Lộ Cường. Quy mô: 248,94ha
6. Khu đô thị mới thuộc phường Hải Tân, phường Thạch Khê Xã Tân Hưng thành phố Hải Dương. Quy mô: 212,2ha



3.3 Các quy hoạch, dự án đã và đang triển khai, nghiên cứu



Khu đô thị phía Nam cầu Lộ Cường



Khu đô thị sinh thái Nam Đồng



Khu vực phía Đông Nam TP

3.4 Các quy hoạch, dự án đã và đang triển khai, nghiên cứu



Khu vực ven sông Thái Bình

4

**Đánh giá tổng hợp thực hiện
QHC 2017 và các vấn đề cần giải
quyết**

Về tính chất đô thị

TP đang từng bước khẳng định vai trò đô thị Tỉnh lỵ, trung tâm cấp vùng trong vùng thủ đô, đầu mối quan trọng trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ



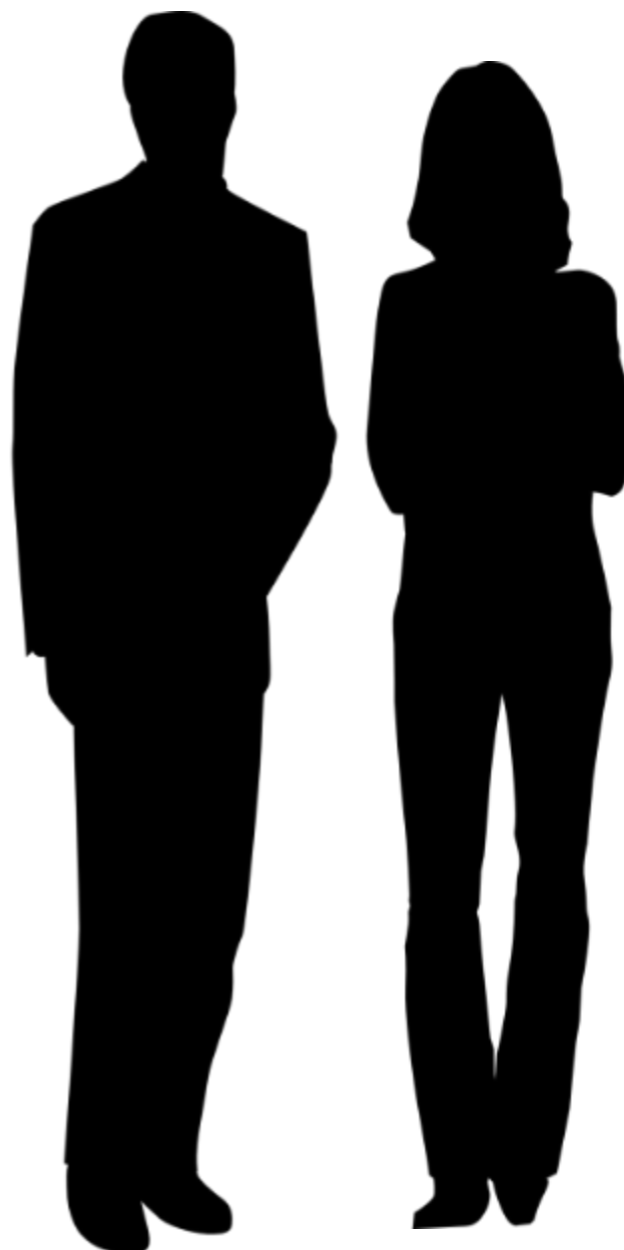
Về mục tiêu lớn

Mục tiêu xây dựng, phát triển TP theo QHC đã dần được cụ thể hóa bởi các quy hoạch cấp độ nhỏ hơn. TP Hải Dương mở rộng đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt tiêu chí đô thị loại I trực thuộc tỉnh Hải Dương



Các dự án phát triển đô thị

Thành phố đã triển khai dự án đầu tư xây dựng Khu hành chính tập trung tỉnh Hải Dương; Dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật Khu văn hóa - thể thao tỉnh Hải Dương và Trung tâm huấn luyện bóng bàn Cải tạo một số vườn hoa, các nút giao, quảng trường; sơn sửa, chỉnh trang các cầu trong đô thị



Hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông

Một số tuyến giao thông và hạ tầng đô thị đã được triển khai và đi vào thực tiễn góp phần cải thiện bộ mặt đô thị và chất lượng sống của người dân

Về công tác lập quy hoạch

Sau khi Quy hoạch chung được phê duyệt, UBND Tỉnh và Thành phố đã chỉ đạo triển khai lập và phê duyệt nhiều QHPK và hơn 50 QHCT

Hệ thống thoát nước đô thị

Đã và đang đầu tư một số công trình trọng điểm như: Nâng công suất các trạm bơm tiêu úng, nạo vét kênh dẫn, cải tạo hệ thống thoát nước... Thực hiện dự án “Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - thành phố Hải Dương”



Thành phố đã thu hút được nhiều nhà đầu tư có năng lực, kinh nghiệm đến nghiên cứu, tìm hiểu đề xuất ý tưởng đầu tư các dự án phát triển đô thị, khu dân cư, tạo động lực cho phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương, tạo nguồn vốn từ quỹ đất để xây dựng cáHải Dương, TNR Stars Riverside, Ngọc Sơn Riverside... c công trình cơ sở hạ tầng: Khu đô thị sinh thái ven sông Thái Bình (EcoRivers) , Khu đô thị Ecopark Hải Dương, Khu đô thị phía Tây Nam Cường Hải Dương, Khu đô thị làng Việt Kiều Âu Việt, Apec Mandala Wyndham

4.2 Những nội dung chưa làm được



Dự báo quy hoạch chung chưa sát với thực tế phát triển

Một số quỹ đất được quy hoạch chưa khai thác được lợi thế về vị trí, chưa tạo được sự liên kết về cảnh quan không gian, hạ tầng kỹ thuật, tính khả thi thực hiện không cao, gây lãng phí quỹ đất như tại khu vực các phường Hải Tân, Tân Hưng, Khu vực phía Nam cầu Lộ Cường...

Quy hoạch sử dụng đất ở một số phân khu chức năng không phù hợp điều kiện thực tiễn hiện nay, chưa phù hợp với thực tế quản lý, sử dụng đất đai.

Còn nhiều công trình đầu mỗi hạ tầng kỹ thuật chưa được triển khai theo quy hoạch

Các chỉ tiêu sử dụng đất được quy định quá chi tiết cho từng lô đất, gây khó khăn khi tiến hành nghiên cứu dự án cụ thể

Một số khu vực ngoại thành chưa được quy hoạch định hướng phát triển nhưng lại là các khu vực có tiềm năng, thu hút các nhà đầu tư

ĐÁNH GIÁ TỔNG HỢP

Điểm mạnh(S)

- ❑ Có vị trí quan trọng, Trung tâm vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng thủ đô Hà Nội với các vai trò cấp vùng về công nghiệp, giáo dục, y tế, văn hóa.
- ❑ Có tiềm năng phát triển không gian đô thị dọc sông Thái Bình và sông Sặt. Có lịch sử văn hóa nổi trội tạo nét riêng và độc đáo với văn hóa con người xứ Đông.
- ❑ Có lợi thế về hệ thống mạng lưới giao thông đường bộ, đường sắt và đường thủy
- ❑ Có nhiều không gian đất đai và tài nguyên thiên nhiên để hoạch định các khu chức năng đô thị.
- ❑ Là đô thị động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế toàn tỉnh.
- ❑ Thu hút được nhiều nhà đầu tư có năng lực, kinh nghiệm đến nghiên cứu, tìm hiểu đề xuất ý tưởng đầu tư các dự án với quy mô lớn, có tính đột phá nhằm phát huy tối đa các tiềm năng lợi thế của khu vực.

Cơ hội (O)

- ❑ Phát huy hết các không gian định hình cho thành phố về phía Nam, Bắc và đông Sông Thái Bình
- ❑ Chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ các cơ quan, nhà máy xí nghiệp trong nội đô tạo cơ hội xây dựng các không gian công cộng cây xanh cảnh quan, các hoạt động kinh tế mới cho đô thị.
- ❑ Các công trình hạ tầng mang tính chiến lược của quốc gia và của tỉnh đang được hiện thực hóa .
- ❑ Nhiều đề xuất đầu tư mới được đặt ra cùng với việc phát triển mạnh mẽ kinh tế xã hội của tỉnh Hải Dương nói chung và thành phố Hải Dương nói riêng.

Điểm yếu (W)

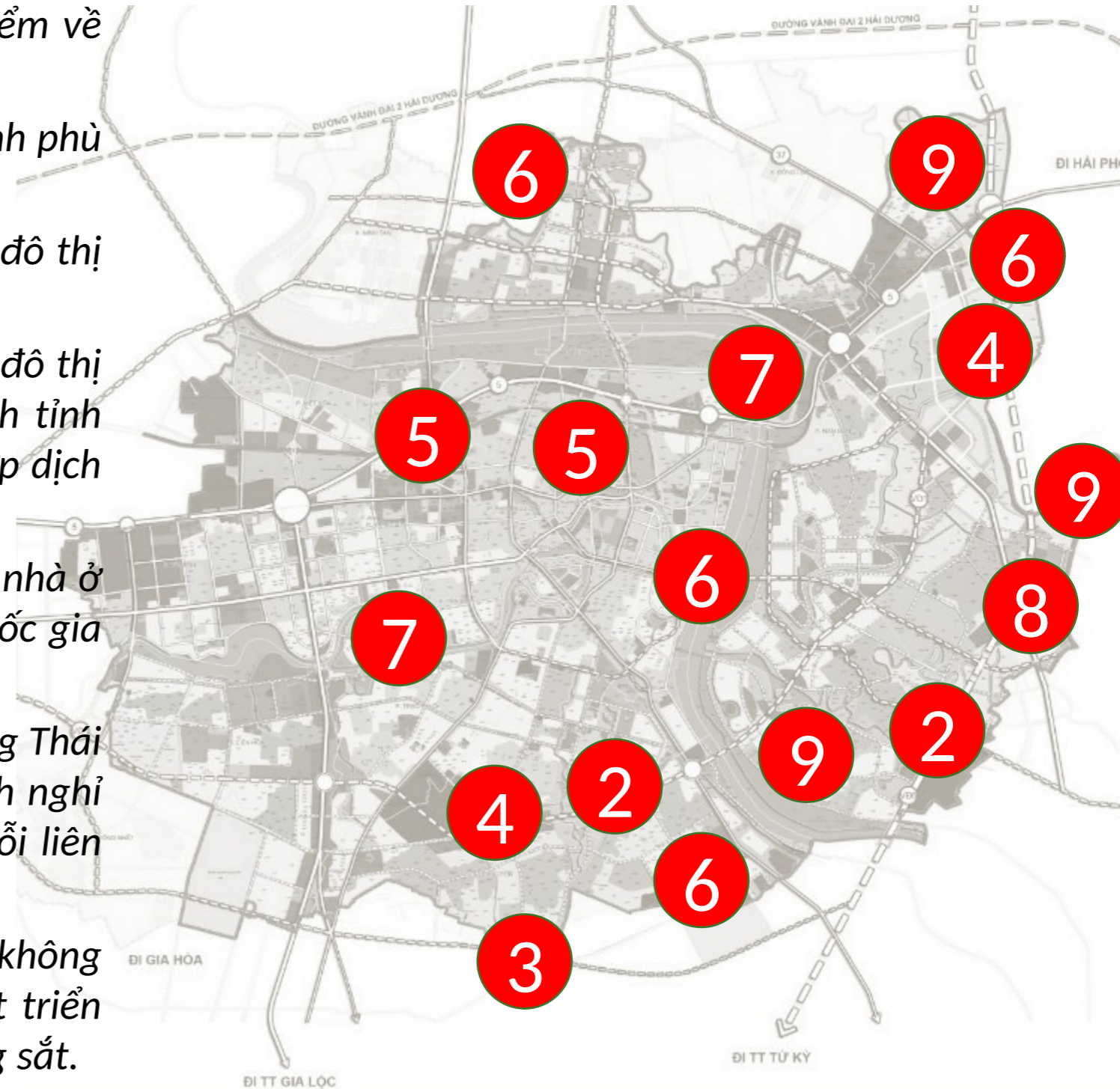
- ❑ Chưa khai thác hết lợi thế về quỹ đất và tài nguyên thiên nhiên: văn hóa đặc trưng, đặc biệt là 2 bờ sông Thái Bình và sông Sặt . Các cơ sở sản xuất trong nội đô gây ô nhiễm.
- ❑ Giao thông đối ngoại đã dần trở thành giao thông nội đô, đường sắt đi vào trong đô thị
- ❑ Cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng được nhu cầu tăng trưởng
- ❑ Một số định hướng Quy hoạch chung tại một số khu vực chưa phát huy được lợi thế, hoặc có những bất cập với hiện trạng cần phải xem xét lại để tạo thuận lợi cho sự phát triển dài hạn.
- ❑ Các khu vực dự kiến mở rộng là các vùng đất nông nghiệp thấp trũng

Thách thức (T)

- ❑ Sức cạnh tranh về thu hút đầu tư ngày càng tăng từ các đô thị và các vùng lân cận.
- ❑ Xu thế toàn cầu hóa đòi hỏi phát triển đô thị phải đảm bảo sức cạnh tranh, phản ánh giá trị văn hóa, kiến trúc, lịch sử của đô thị và hướng tới phát triển thành đô thị trung tâm vùng thủ đô Hà Nội trong giai đoạn 2021-2030. Là trung tâm của thành phố trực thuộc trung ương.
- ❑ Vấn đề về an sinh xã hội, dân cư và môi trường

Bổ sung và điều chỉnh ĐỀ XUẤT DỰ KIẾN ĐIỀU CHỈNH TRONG PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

1. Xác định rõ nét vai trò, vị thế của thành phố Hải Dương trong tình hình mới phù hợp với định hướng quốc gia, vùng và nghị quyết đại hội đảng bộ tỉnh, đặc biệt về phát triển đô thị xanh, thông minh hiện đại.
2. Định hướng phát triển hai bên tuyến đường vành đai 1 và đường VĐ5 vùng thủ đô, ưu tiên bố trí các khu đô thị mới, công trình trọng điểm về giáo dục, y tế, công viên thể dục thể thao của vùng và đô thị
3. Điều chỉnh tuyến vành đai 1 VÀ 2 đảm bảo kết nối tốt hơn và bán kính phù hợp hơn
4. Bổ sung các công trình hạ tầng xã hội và kỹ thuật đảm bảo tiêu chí đô thị loại I còn thiếu và yếu.
5. Xác định chuyển đổi mục đích sử dụng đất và tạo hình ảnh mới cho đô thị trung tâm khi di dời các nhà máy xí nghiệp, các trụ sở hành chính tỉnh trong nội đô cho mục đích cây xanh công viên, công cộng và hỗn hợp dịch vụ.
6. Dành quỹ đất phát triển nhà ở xã hội, sinh viên, nhà ở công nhân và nhà ở tái định cư cho thực hiện các khu công nghiệp và dự án hạ tầng quốc gia trong tỉnh
7. Khai thác điều kiện cảnh quan đặc biệt là không gian sông sặt và sông Thái Bình cùng giá trị văn hóa thành Đông vào phát triển lĩnh vực du lịch nghỉ dưỡng, vui chơi thể thao (golf) tạo nên hạt nhân du lịch trong chuỗi liên kết các điểm du lịch dọc sông Thái Bình trong tỉnh Hải Dương.
8. Xây dựng trung tâm logistic, kho tàng bến bãi, khai thác hiệu quả không gian tuyến đường VĐ5, tạo khu đầu mối giao thông TOD cho phát triển đầu mối giao thông với cảng cạn ICD phía Đông và Cảng sông, đường sắt.
9. Phát triển lĩnh vực du lịch sinh thái gắn với văn hóa con người xứ Đông và không gian quỹ đất nông nghiệp đảm bảo hài hòa phát triển kinh tế du lịch của đô thị và an ninh lương thực.

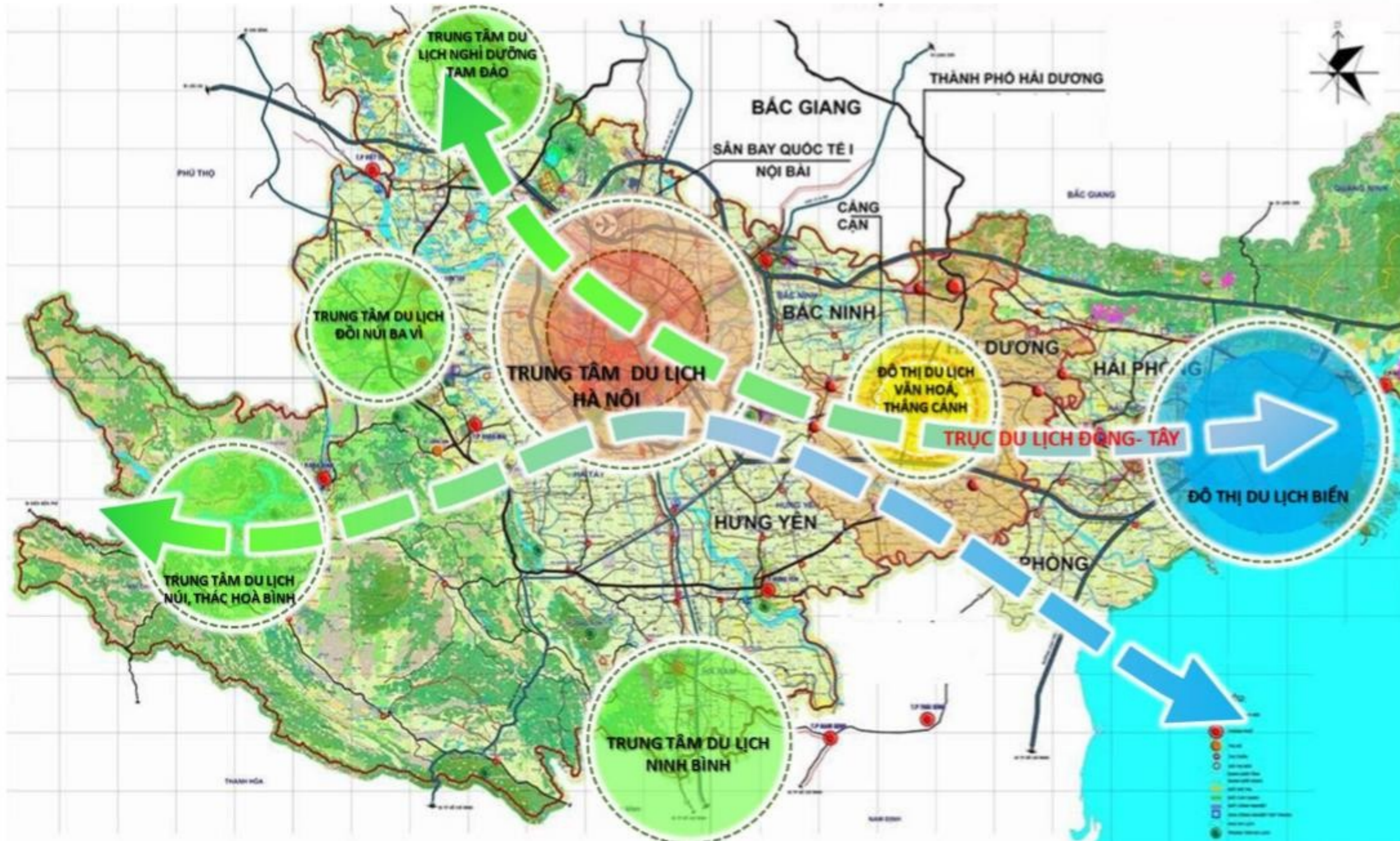


5

Tiền đề phát triển đô thị

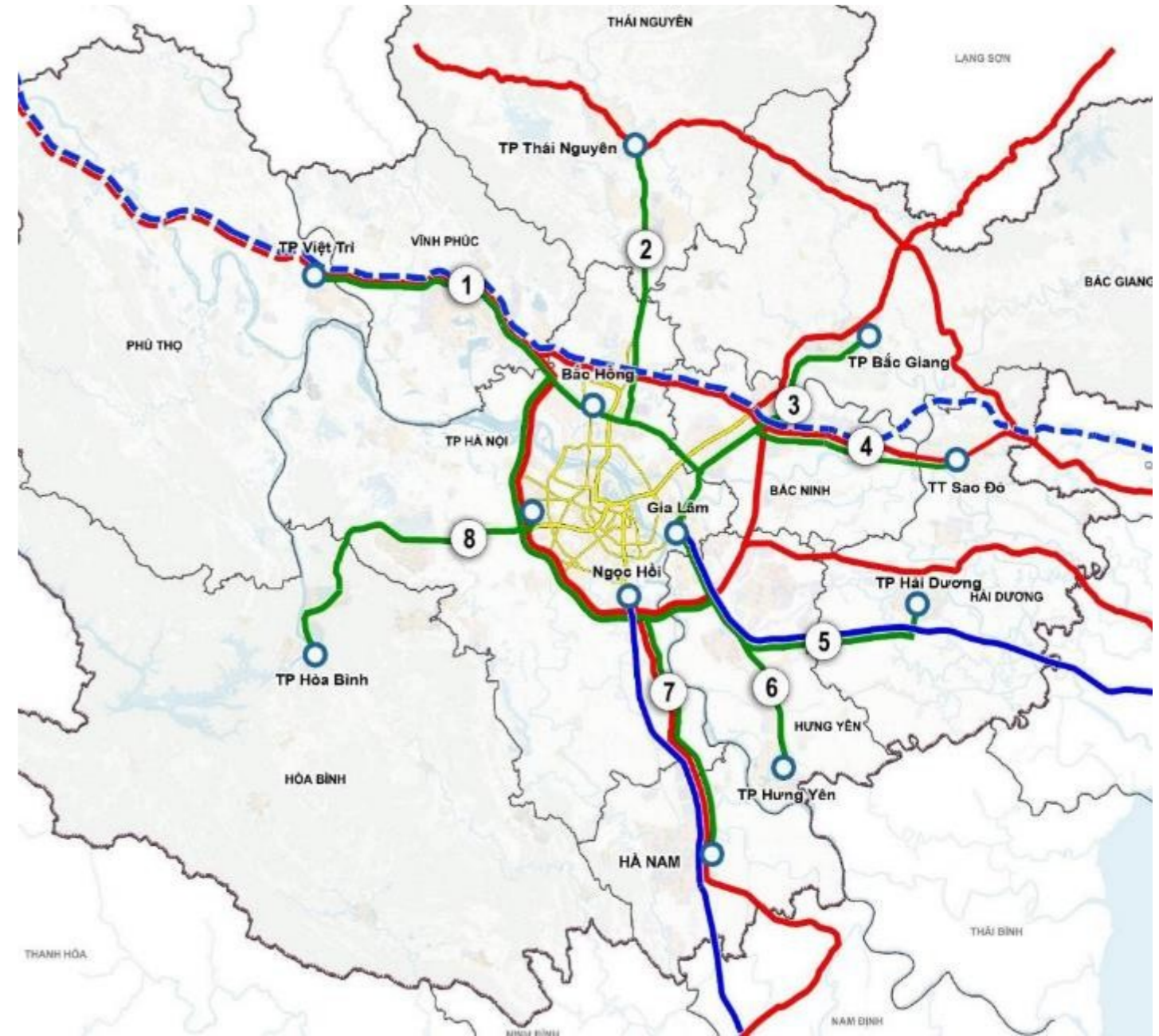
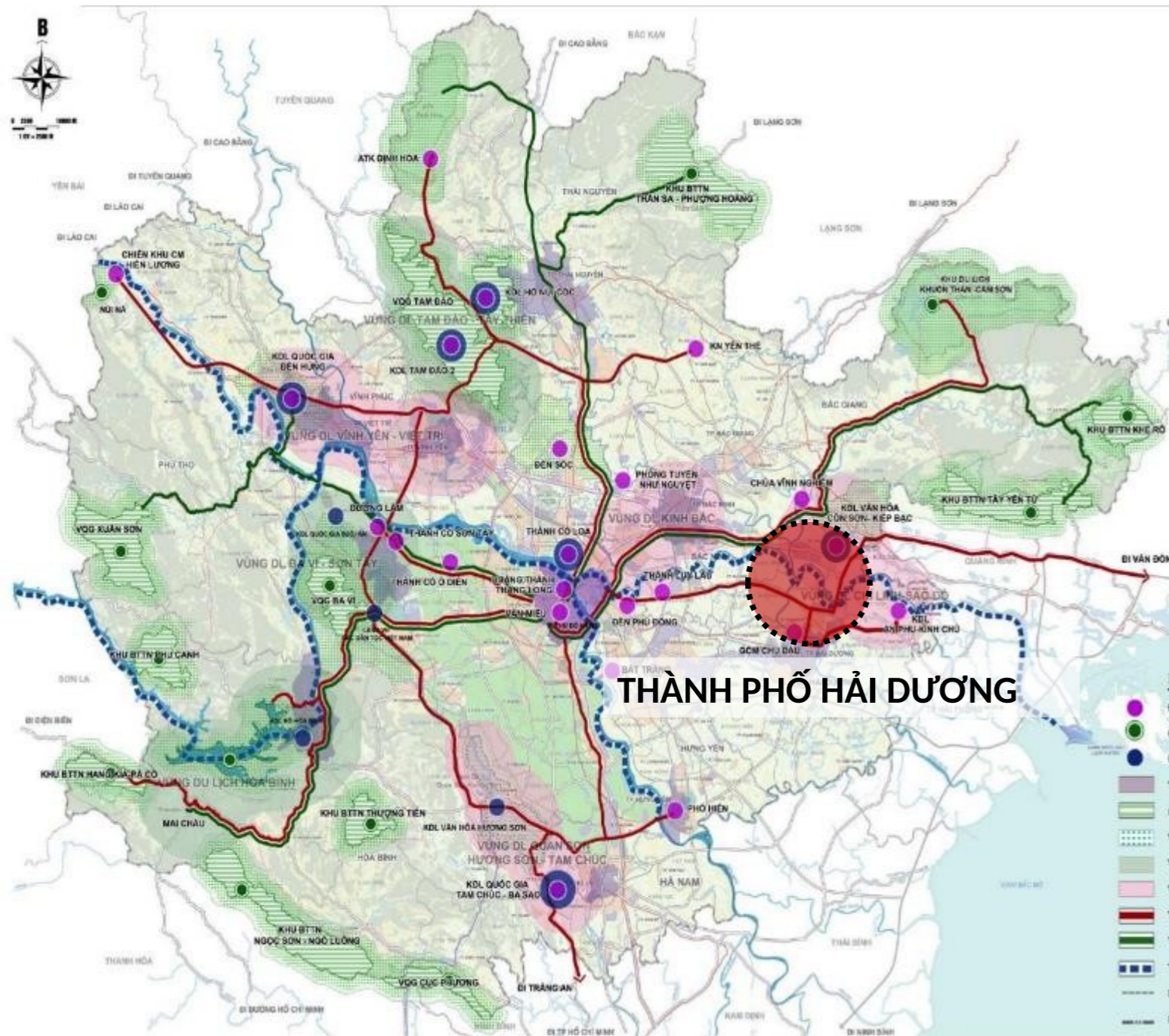
VỊ TRÍ VÀ VỊ THẾ TP HẢI DƯƠNG TRONG VÙNG THỦ ĐÔ HÀ NỘI

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN LIÊN VÙNG



VỊ TRÍ VÀ VỊ THẾ TP HẢI DƯƠNG TRONG VÙNG THỦ ĐÔ HÀ NỘI

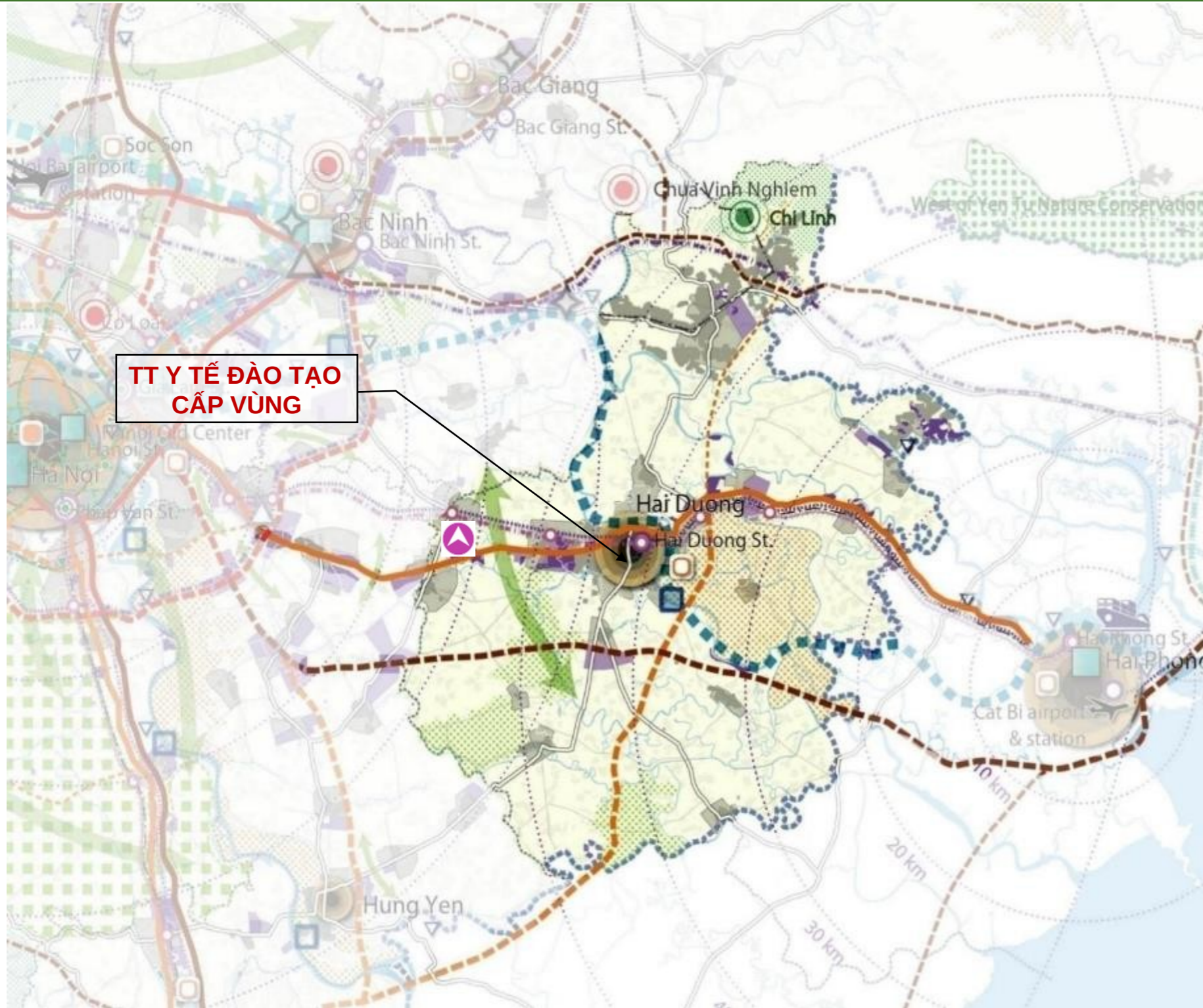
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH



trung tâm cấp vùng về y tế và giáo dục đào tạo phía Đông của Vùng Thủ đô Hà Nội; Trung tâm cung cấp các dịch vụ đô thị và công nghiệp (nguồn nhân lực, dịch vụ tiếp cận, hậu cần cảng...) cho tỉnh Hải Dương và các vùng phụ cận.

Thành phố Hải Dương có thể hình thành các trung tâm thương mại đầu mối nông sản lớn như một hạt nhân của vùng nông nghiệp Bắc Bộ, đồng thời là một khu vực cảng cạn ICD vai trò trung chuyển cho vùng cảng biển Hải Phòng và Quảng Ninh, cùng với vai trò một trung tâm dịch vụ y tế gắn đào tạo

VỊ TRÍ VÀ VỊ THẾ TP HẢI DƯƠNG TRONG VÙNG THỦ ĐÔ HÀ NỘI



Phát triển về y tế và giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ, du lịch, dịch vụ đô thị và công nghiệp phía Đông của Vùng Thủ đô Hà Nội và Vùng đồng bằng sông Hồng.

CÔNG NGHIỆP: 5.000 ha

Các dự án trọng điểm: KCN Cộng Hòa (300 ha), KCN Lai Cách (135ha),...

THƯƠNG MẠI

TP Hải Dương - Trung tâm thương mại dịch vụ hỗn hợp của vùng Hà Nội

Xây dựng trung tâm thương mại tổng hợp cấp vùng phục vụ hành lang kinh tế QL5 và vùng duyên hải Bắc Bộ. Phát triển chợ đầu mối nông sản Gia Lộc, cảng cạn ICD tại Gia Lộc.

Quy mô: 200ha

Y TẾ - GIÁO DỤC

6.800-7.500 giường bệnh, 10 vạn sinh viên

NÔNG NGHIỆP

Hình thành trung tâm cấp Vùng về cung cấp thực phẩm sạch từ : gia cầm, thủy cầm, lợn (huyện Tứ Kỳ).

Đầu tư Trung tâm Quốc gia giống thủy sản nước ngọt miền Bắc tại Chí Linh. Gia tăng giá trị nông sản đặc trưng: Vải thiều (Huyện Thanh Hà)



Côn Sơn – Kiếp Bạc

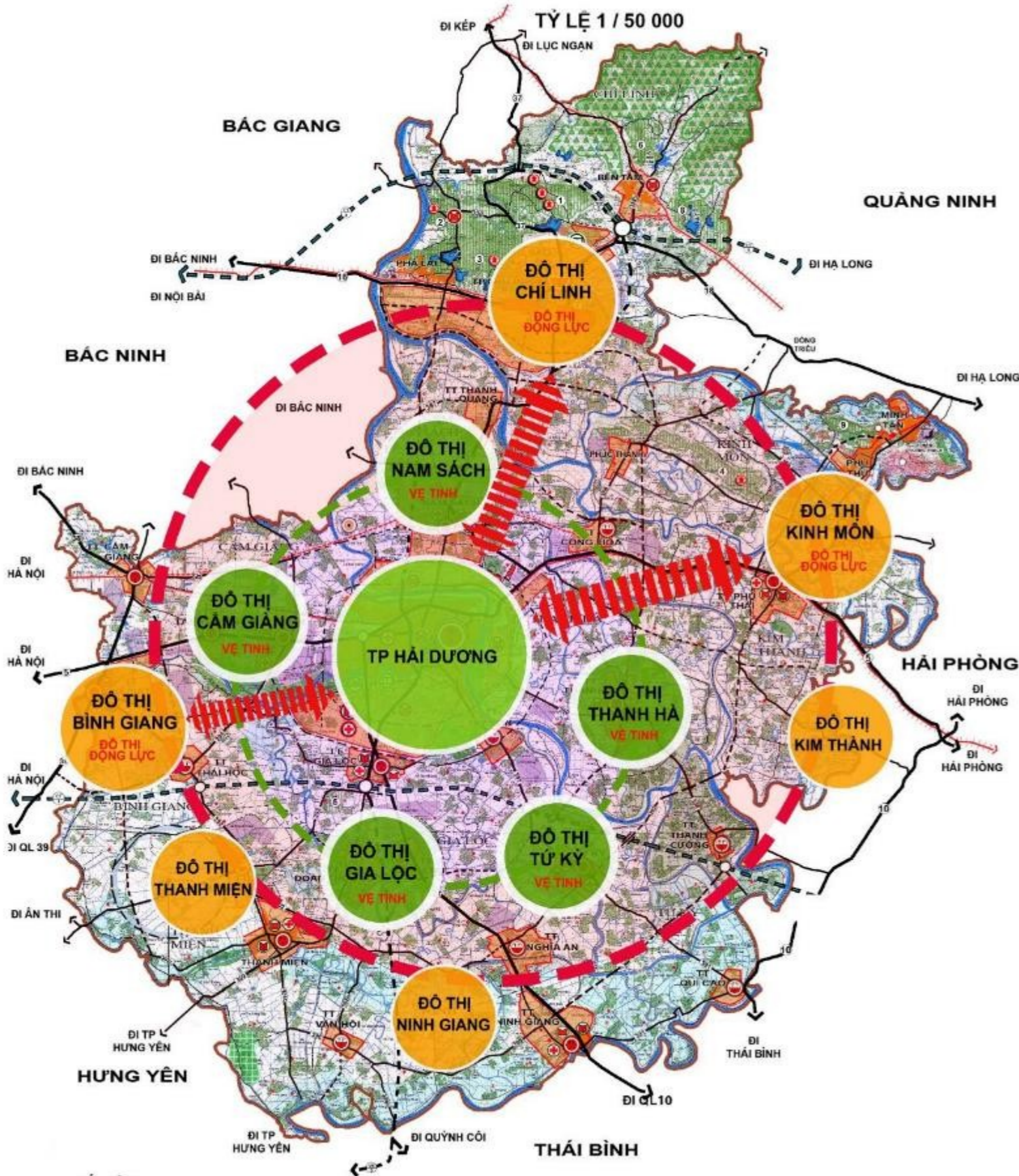


TTTM tổng hợp cấp Vùng



Ngành công nghiệp may mặc

MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN ĐÔ THỊ XANH, THÔNG MINH



Xây dựng các chỉ tiêu phát triển đô thị theo định hướng xanh - hiện đại phù hợp với điều kiện tỉnh Hải Dương

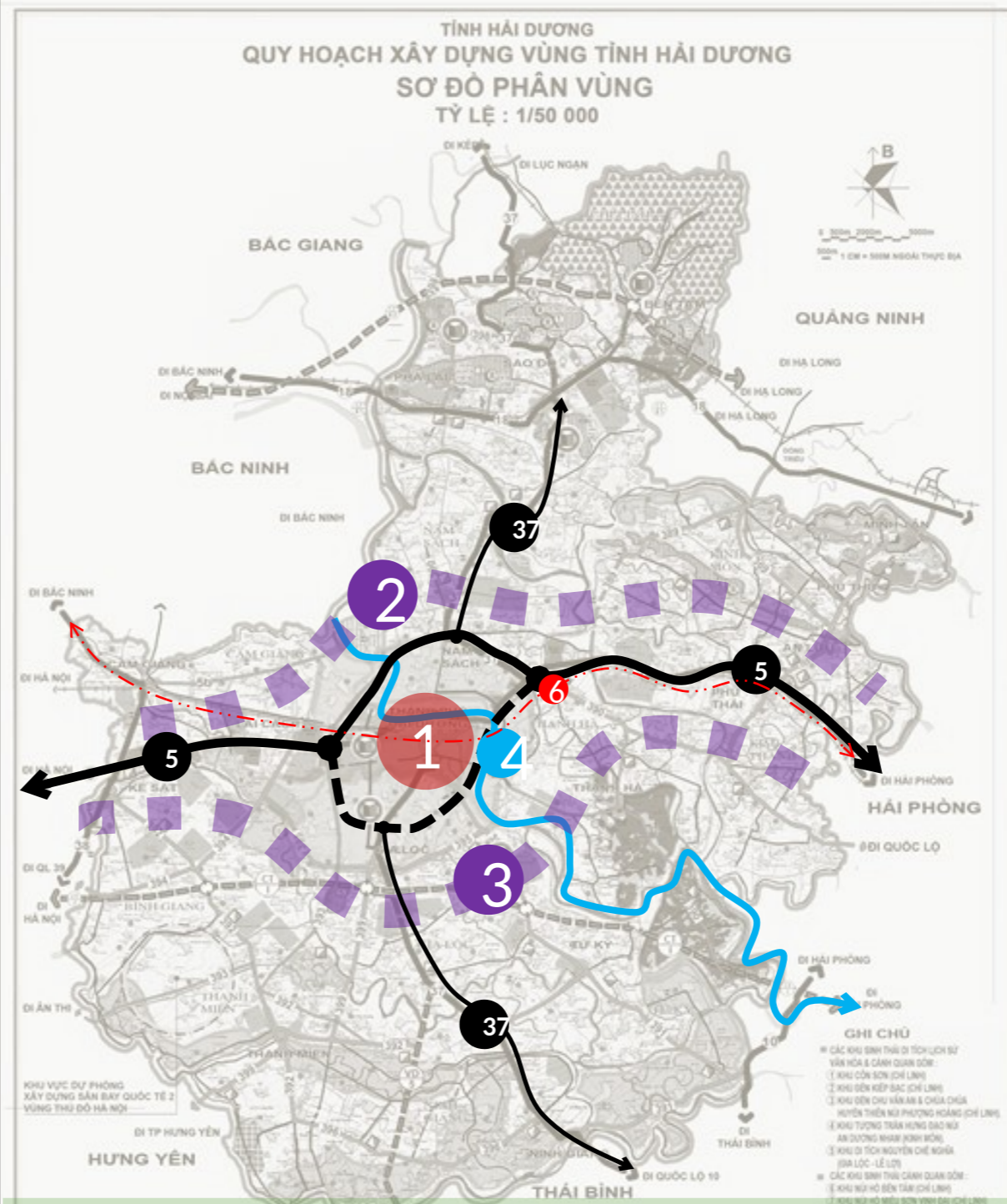
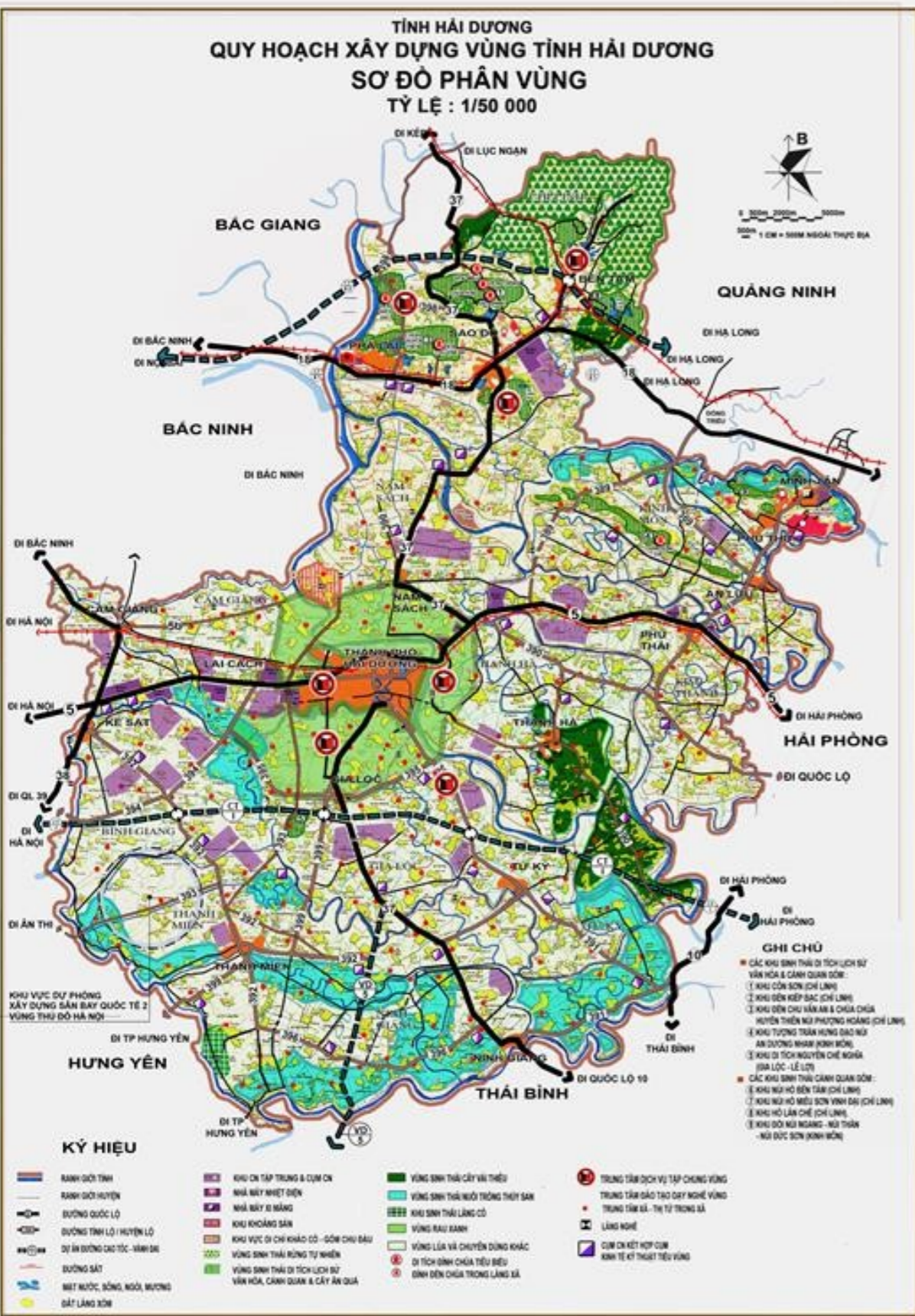
Các định hướng xây dựng đô thị thông minh (theo Đề án Chính quyền điện tử và đô thị thông minh tỉnh Hải Dương)

- Xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin và trung tâm dữ liệu của tỉnh cho phát triển đô thị thông minh;
- Xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Hải Dương;
- Xây dựng hệ thống Trung tâm điều hành, giám sát, xử lý dữ liệu của Tỉnh;
- Lựa chọn một số lĩnh vực ưu tiên: Y tế thông minh; Giáo dục thông minh; Giao thông thông minh; Tài nguyên, môi trường thông minh; Du lịch thông minh

NHIỆM VỤ VÀ LĨNH VỰC ƯU TIÊN CHO TP HẢI DƯƠNG

- Tăng cường phủ sóng wifi miễn phí trên địa bàn thành phố,
- Xây dựng hoàn thiện và triển khai thực hiện dịch vụ công cấp độ 4
- Xây dựng hệ thống quản lý đô thị thông minh:.
- Xây dựng quản lý hạ tầng kỹ thuật thông minh:
 - + Giao thông thông minh
 - + Quản lý hệ thống cấp nước, xử lý nước thải, rác thải thông minh...
 - + Chiếu sáng thông minh:.
- Xây dựng hệ thống thương mại, tài chính thông minh:.
- Công nghiệp thông minh:
- Xây dựng hệ thống y tế, giáo dục thông minh.
- Xây dựng quản lý đất đai, môi trường thông minh

VAI TRÒ VÀ VỊ THẾ TRONG VÙNG TỈNH HẢI DƯƠNG



QUAN HỆ VÙNG

1. Trung tâm Hải Dương: giao điểm của GT thủy, bộ, đường sắt
2. Hành lang công nghiệp phía Bắc
3. Hành lang công nghiệp phía Nam
4. Sông Thái Bình & cảng
5. Giao thông đường bộ
6. Đường sắt

Thành phố Hải Dương là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục và dịch vụ của tỉnh Hải Dương. Đóng vai trò trung tâm của trục phát triển Bắc Nam- Đông Tây của tỉnh Hải Dương, đóng vai trò quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của vùng. Phát triển các khu đô thị dịch vụ mới đáp ứng nhu cầu lưu trú cho công nhân và chuyên gia trong và ngoài nước tại các khu công nghiệp lớn trong tỉnh như: KCN Bình Giang với quy mô 5000 ha, Tứ Kỳ - Đại Đồng, Hồng Đức,...

Trục động lực phát triển Đông – Tây trung tâm tỉnh

QUY HOẠCH TỈNH HẢI DƯƠNG

- - Hành lang phát triển theo hướng Đông Tây trung tâm tỉnh: Dọc theo QL5 và đường cao tốc Hà Nội – Hải Phòng, đi qua TP Hải Dương là đô thị trung tâm tỉnh, đã có nhiều khu công nghiệp được xây dựng dọc theo tuyến QL5 và một số dự án khu công nghiệp đã được xác định dọc theo đường cao tốc Hà Nội – Hải Phòng.



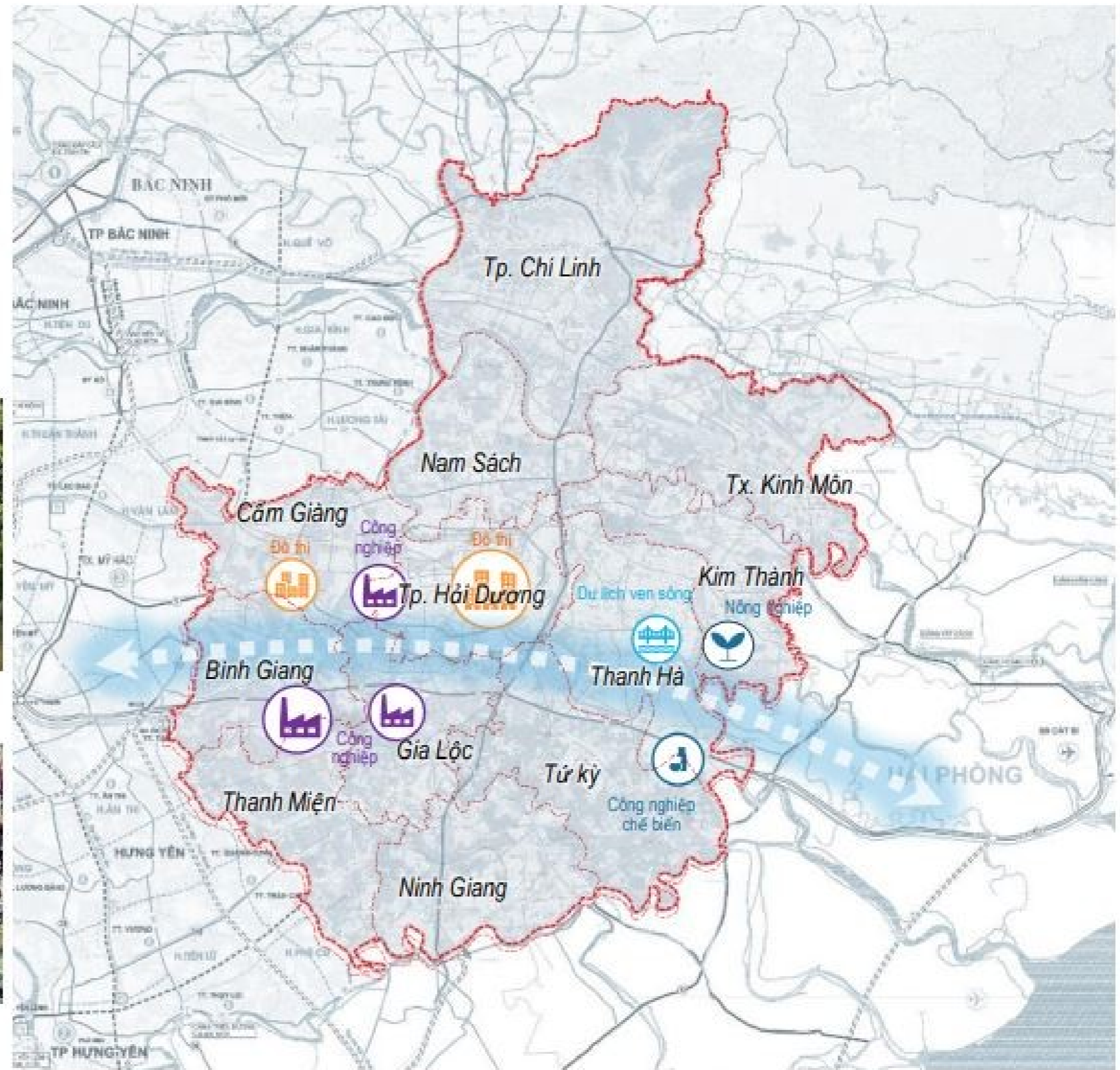
Đô thị trung tâm



Du lịch ven sông



Khu công nghiệp

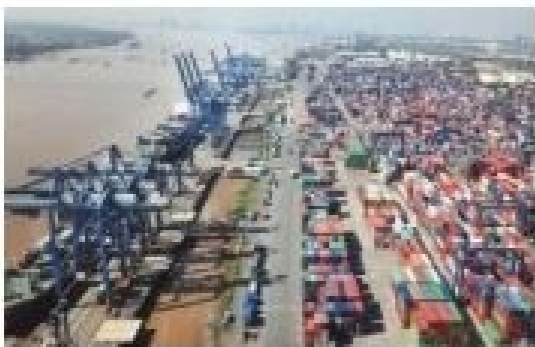


Hành lang kinh tế dọc các tuyến sông, trọng điểm là sông Thái Bình

- ❑ Phát triển không gian đô thị gắn kết với không gian sông, hài hoà với thiên nhiên và phòng chống thiên tai.
- ❑ Phát huy vận tải đường thủy để thu hút và phát triển công nghiệp.
- ❑ Là không gian phát triển nông nghiệp và du lịch



Đô thị ven sông

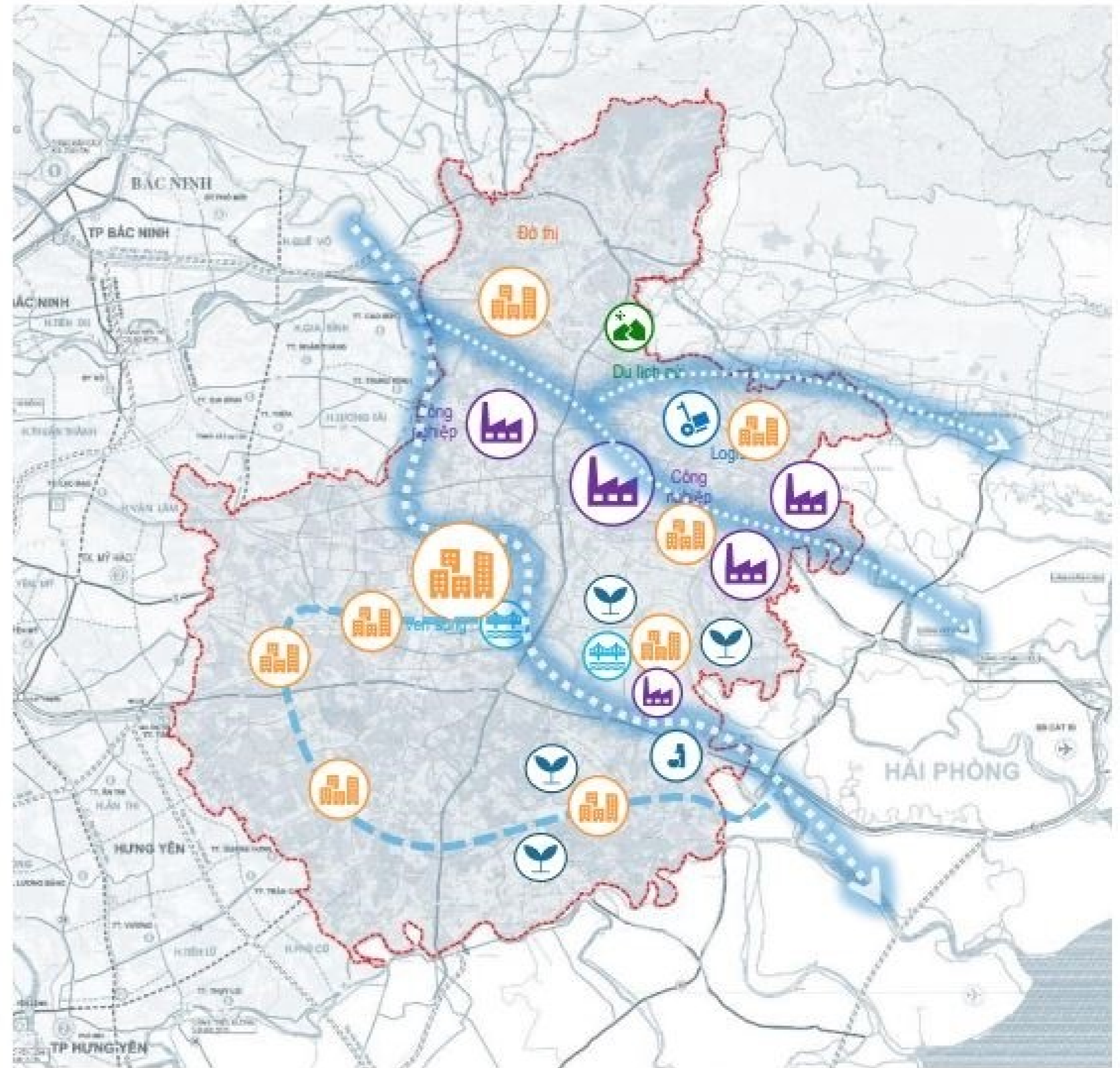


Cảng sông



Du lịch

QUY HOẠCH TỈNH HẢI DƯƠNG



TP Hải Dương nằm trong phân vùng đô thị dịch vụ tổng hợp trung tâm

QUY HOẠCH TỈNH HẢI DƯƠNG

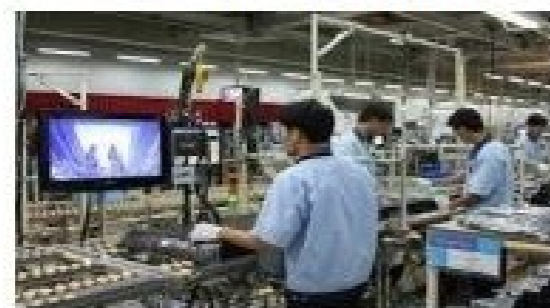
- ❑ Phạm vi : Bao gồm thành phố Hải Dương, Nam Sách, 1 phần Gia Lộc.
- ❑ Quy mô : khoảng 255,92 km²
- ❑ Chức năng : Là đô thị tổng hợp đa ngành, trung tâm chính trị hành chính của tỉnh, trung tâm kinh tế đa ngành: TMDV, tài chính, công nghiệp sạch – công nghệ cao
- ❑ Định hướng phát triển không gian
 - Cải tạo, phát triển đô thị khu vực trung tâm TP Hải Dương và mở rộng đô thị về phía bên kia sông Thái Bình, hình thành đô thị hai bên sông, và mở rộng về hướng Nam tăng cường kết nối đô thị với đường cao tốc. Phát triển đô thị thông minh, xanh, sinh thái. Xây dựng đô thị Gia Lộc là cửa ngõ phía Nam, đô thị Nam Sách là cửa ngõ phía Bắc của phân vùng trung tâm. Nam Sách tập trung phát triển nông nghiệp hiện đại, công nghiệp hỗ trợ là vùng đệm hỗ trợ phát triển cho TP. Hải Dương



Đô thị thông minh sinh thái



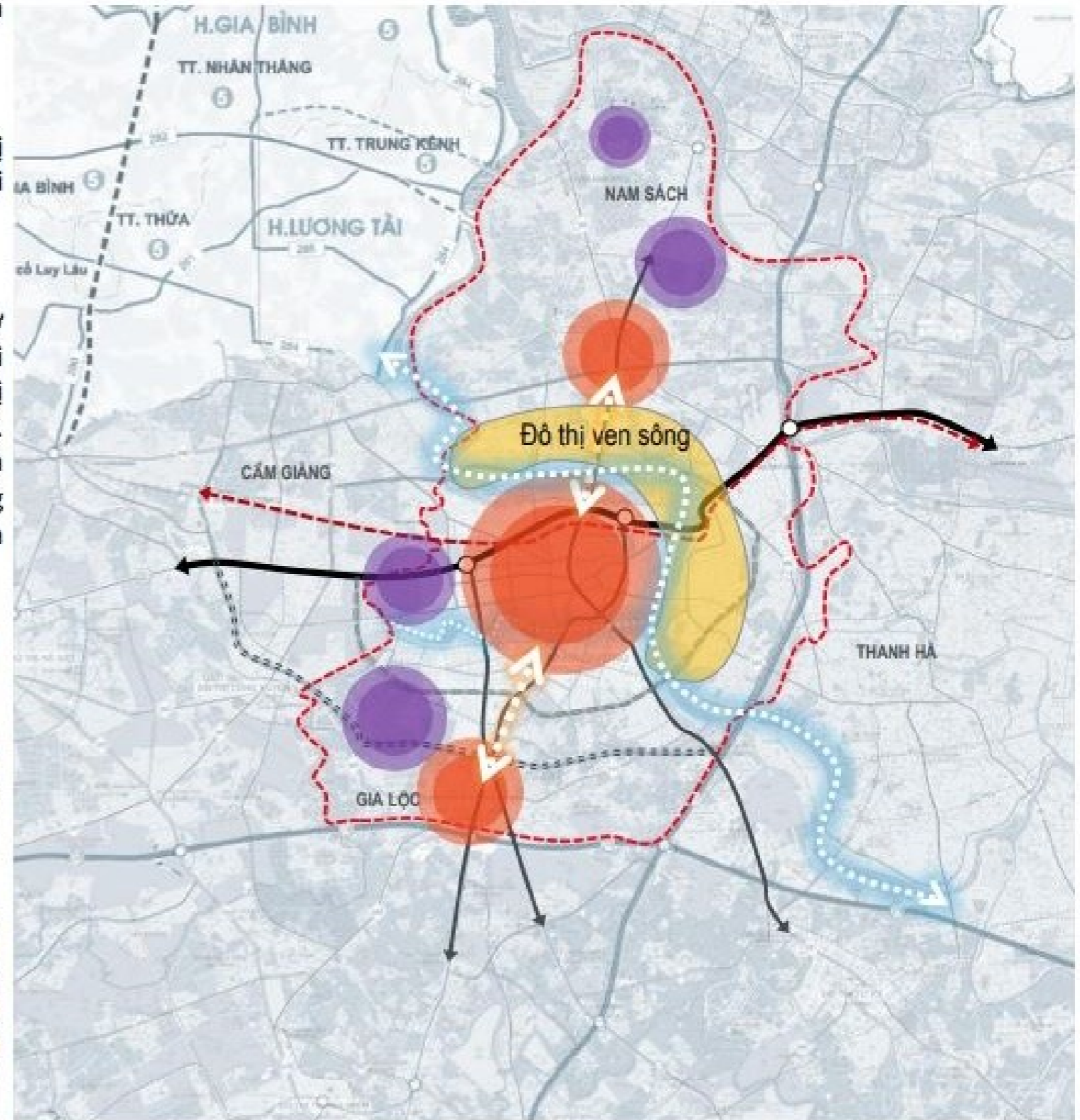
Đô thị ven sông



Công nghiệp công nghệ cao



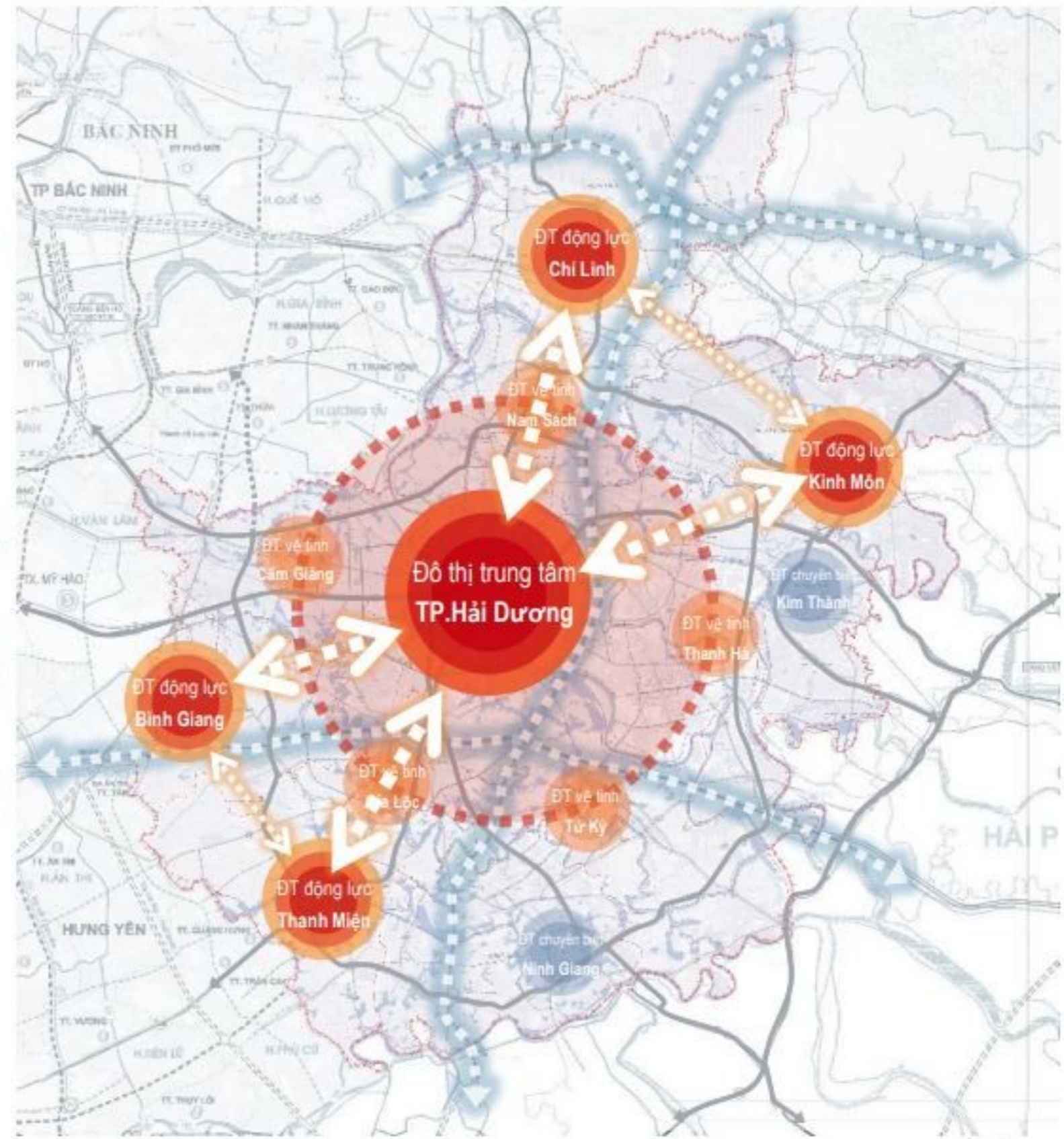
Nông nghiệp công nghệ cao



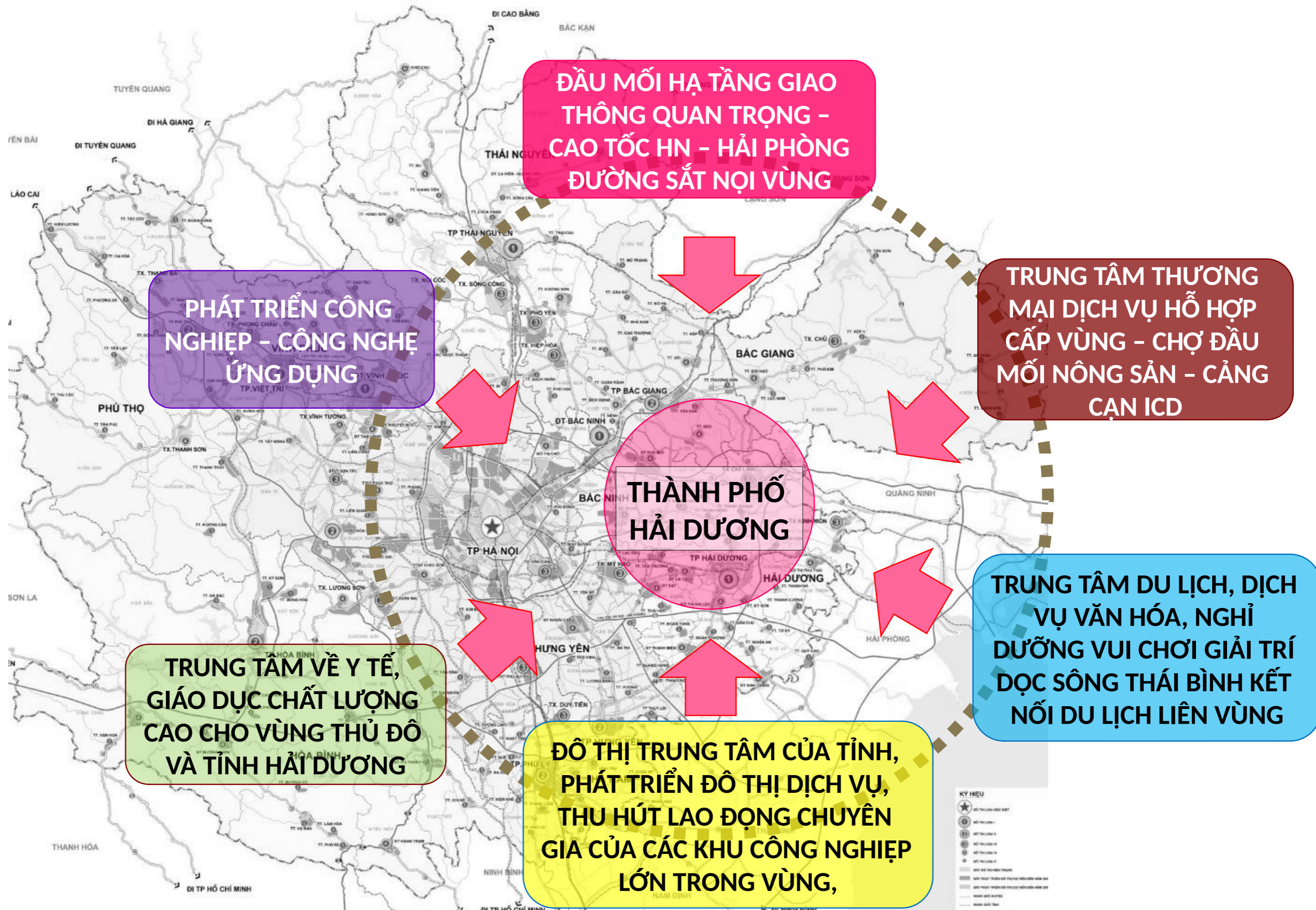
QUY HOẠCH TỈNH HẢI DƯƠNG

Mô hình phát triển đô thị tỉnh Hải Dương

- ❑ **Mô hình** : Định hướng xây dựng chuỗi liên kết đô thị có tác động tương hỗ phát triển. Gồm
 - 1 đô thị trung tâm : Đô thị Hải Dương
 - 4 đô thị đô động lực : Chí Linh, Kinh Môn, Bình Giang, Thanh Miện.
 - 5 đô thị vệ tinh : Cẩm Giàng, Gia Lộc, Tứ Kỳ, Thanh Hà, Nam Sách
 - 2 đô thị chức năng chuyên biệt : Ninh Giang, Kim Thành.
- ❑ Các đô thị cũ, mới, các điểm dân cư được bố trí và phân bố trên các tuyến giao thông chính như QL5, QL 37.... Phát triển theo nhiều tuyến xuất phát từ đô thị trung tâm TP. Hải Dương
- ❑ Hình thành các đô thị động lực ở đó xây dựng các khu công nghiệp, hạ tầng cơ sở tạo điều kiện tốt về phục vụ công cộng, sinh hoạt văn hoá, môi trường cảnh quan giống đô thị trung tâm để thu hút lao động, bố trí dân cư và giúp phần giải toả đô thị trung tâm.
- ❑ Hình thành các đô thị vệ tinh giúp phân tán bớt dân cho đô thị trung tâm. Đảm bảo đô thị trung tâm phát triển và nhằm tạo điều kiện sống có lợi hơn cho dân cư đô thị,
- ❑ Phát triển đô thị vừa "**Đột phá vừa Bền vững**"



TỔNG HỢP CÁC VAI TRÒ CHỨC NĂNG CỦA TP HẢI DƯƠNG TRONG VÙNG



NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH HẢI DƯƠNG

“Cơ cấu kinh tế theo hướng tăng trưởng xanh chuyển đổi số với 4 trụ cột”

1

- Công nghiệp công nghệ cao và công nghiệp hỗ trợ

2

- Sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung ứng dụng công nghệ cao

3

- Dịch vụ chất lượng cao

3

- Phát triển đô thị xanh, thông minh hiện đại, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân, củng cố an ninh quốc phòng

“Phấn đấu đến năm 2025 là tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại, tạo tiền đề đến năm 2030 là tỉnh công nghiệp hiện đại, tạo nền tảng sớm trở thành thành phố trực thuộc Trung ương”

Căn cứ các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố Hải Dương lần thứ XXII, nhiệm kỳ 2020 – 2025, đề ra các mục tiêu kinh tế các giai đoạn như sau:

- + Giá trị sản xuất ngành CN-XD tăng 13,5% trở lên;
- + Giá trị sản xuất ngành TMDV tăng 15,5%/năm trở lên;
- + Giá trị sản phẩm thu hoạch đạt: 185triệu/ha;
- + Thu ngân sách nhà so với dự toán tỉnh giao tăng 5%/năm trở lên;

*** Dự báo cơ cấu kinh tế:**

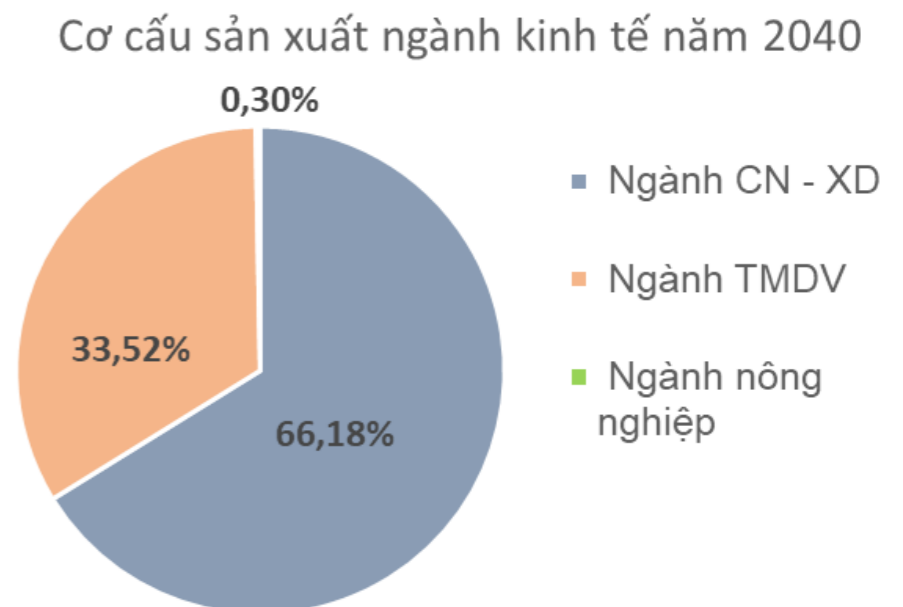
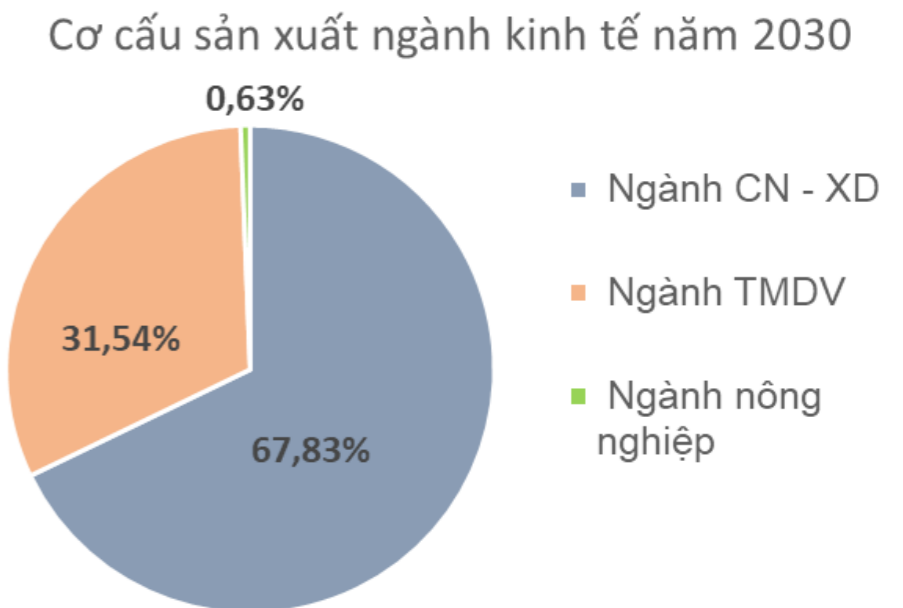
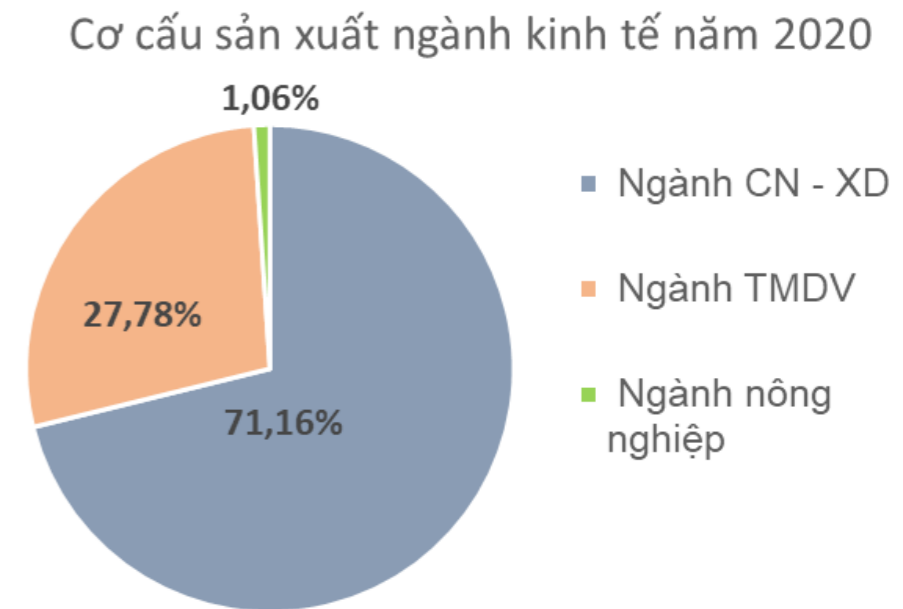
Cơ cấu kinh tế chuyển hướng theo tăng dần tỉ trọng dịch vụ; giảm dần tỉ trọng nông nghiệp;

- Đến năm 2030; tỉ trọng các ngành:

- + Công nghiệp – xây dựng khoảng: 67,83%
- + Thương mại dịch vụ: 31,54%;
- + Nông nghiệp: 0,63%

- Đến năm 2040; tỉ trọng các ngành:

- + Công nghiệp – xây dựng khoảng: 66,18%
- + Thương mại dịch vụ: 33,52%;
- + Nông nghiệp: 0,3%



Một thành phố xanh, thông minh đáng sống của vùng thủ đô Hà Nội, một thành phố khỏe, năng động với các không gian hiện đại, tiện nghi hấp dẫn thân thiện môi trường”



- 1. Đ**ô thị tỉnh lỵ, trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội, khoa học kỹ thuật, giáo dục đào tạo của Tỉnh Hải Dương;
- 2. L**à đô thị **Xanh, thông minh, hiện đại** đáng sống.
- 3. T**rung tâm tăng trưởng kinh tế, đô thị có vai trò quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội đối của Tỉnh và vùng lân cận; là một trong trung tâm công nghiệp, dịch vụ, thương mại, du lịch, y tế, giáo dục và dịch vụ logistics của khu vực.
- 4. L**à đầu mối giao thông quan trọng trong vùng đồng bằng sông Hồng, đầu mối kết nối quan trọng giữa thủ đô Hà Nội, thành phố Hải Phòng và tỉnh Quảng Ninh; Là cửa ngõ của thủ đô hướng ra biển, đồng thời là đầu mối trung chuyển trọng yếu về giao thông đường thủy trong vùng đồng bằng Bắc Bộ.
- 5. C**ó vị trí quan trọng về an ninh quốc phòng.

Định hướng giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2050 tỉnh dự kiến sẽ có trên 30 KCN với tổng diện tích đất công nghiệp khoảng 10.000 ha. Tăng trưởng về công nghiệp sẽ kéo theo sự gia tăng về lao động, dân số. Với định hướng phát triển 10.000 ha đất công nghiệp của tỉnh, nhu cầu lao động riêng trong ngành công nghiệp dự kiến sẽ tăng thêm khoảng 500.000 – 1.000.000 lao động. Lực lượng lao động gia tăng không chỉ gồm công nhân lao động làm việc tại các cơ sở công nghiệp, dịch vụ mà còn có đội ngũ chuyên gia từ nước ngoài và các tỉnh như Hà Nội, Hải Phòng...tới làm việc và gia đình phụ thuộc.

Dân số TP Hải Dương trong tương lai sẽ phụ thuộc vào: Quy luật tăng dân số tự nhiên; xu hướng tăng dân số cơ học tại các thành phố lớn và xu hướng tăng dân số của tỉnh Hải Dương. Tăng cơ học dự báo cụ thể theo các hoạt động phát triển công nghiệp, dịch vụ, trường học trên địa bàn, Tính toán số dân tăng lên dựa trên tỷ lệ dân số nhập cư và gia đình phụ thuộc từ số lao động và sinh viên tăng lên do thu hút đầu tư xây dựng

Hạng mục XD	Nội dung xây dựng	Dân số tăng (người)	Chỉ tiêu tính toán
Công nghiệp	Diện tích công nghiệp hiện trạng khoảng 429,36 ha; QH 2040: 705,06 ha	50.000-80.000	80 lao động/1ha; Tỷ lệ nhập cư 60%; Lao động tại thành phố: 20%; Lao động không lưu trú: 20%; số người phụ thuộc trung bình 01 người
Trường ĐH, CĐ	2 trường với quy mô 5000 sinh viên/ trường	4.000-5.000	SV :5000 người/ trường; Sinh viên lưu trú: 70%; Giảng viên: 1/8 số SV; Nhập cư: 50% Gia đình phụ thuộc: 1 người
Công trình thương mại – dịch vụ	Công trình thương mại, dịch vụ, du lịch, CT công cộng như bệnh viện v.v.. : khoảng 180ha	30.000-60.000	Hệ số SĐĐ trung bình: 1.0, số nhân viên trên đơn vị DT sàn 1 người/40m ² ; Gia đình phụ thuộc: 1 người; Tỷ lệ nhập cư 50%; Lao động địa phương (Thành phố): 30%;
Tổng		84.000 - 145000	

Định hướng mở rộng nội thị: thêm 2 xã **Quyết Thắng** và **Liên Hồng** trở thành phường nội thị;

P Khu vực nội thị:

- ❖ Gồm **21 phường** (gồm 19 phường hiện trạng và 2 phường mới: Quyết Thắng và Liên Hồng); với tổng diện tích: **84,34 km²** (Hiện trạng: 66,02 km²);
- ❖ Dân số khu vực nội thị dự kiến: **593.000 người**

Tỉ lệ đô thị hóa: **88,7%**

Bảng dự báo dân số thành phố Hải Dương các giai đoạn

Danh mục	Quy hoạch mới 2022								Quy hoạch cũ 2017		
	Dân số thường trú	Dân số tăng cơ học	Dân số quy đổi	Tổng dân số	Tỉ lệ tăng dân số			Tỉ lệ đô thị hóa	Dân số (người)	Tỉ lệ Tăng dân số	Tỉ lệ đô thị hóa
					Tăng chung	Tăng tự nhiên	Tăng cơ học				
hiện trạng 2021									Năm 2020		
Toàn Thành phố	296.360		226.000	522.361	1,14%				350.000 - 376.000	3,3%	75%
Nội thành	240.360		214.000	454.360					262.500		
Ngoại thành	5.424		12.000	68.001							
Dự báo năm 2030											
Toàn Thành phố	320.500	92.100	133.000	545.600	3,48%	0,90%	2,58%	85,3%	496.000	2,6%	85%
Nội thành	259.900	75.700	130.000	465.600	3,51%	0,90%	2,61%		425.000		
Ngoại thành	60.600	16.400	3.000	80.000	3,34%	0,90%	2,44%				
Dự báo năm 2040											
Toàn Thành phố	449.100	148,40	71.00	668.500	3,77%	0,80%	2,97%	88,7%			
Nội thành	387.200	135.800	70.000	593.000	4,54%	0,85%	3,69%				
Ngoại thành	61.900	12.600	1.000	75.500	-0,33%	0,85%	-1,18%				

* Ghi chú: Năm 2040, tỉ lệ tăng dân số nội thị cao, trong khi ở ngoại thị bị giảm mạnh do sáp nhập 02 xã vào nội thị

Dự báo quy mô dân số:

+ Dân số đến **năm 2030**: khoảng **522.000 người**; trong đó nội thị khoảng **465.000 người**.

+ Dân số đến **năm 2040**: khoảng **668.500 người**; trong đó nội thị khoảng **593.000 người** (thêm 2 xã Quyết Thắng và Liên Hồng trở thành phường nội thị)



QHC2017: đến 2020: dân số 370.000 người
đến 2030: dân số 496.000 người

NGUYÊN TẮC KẾ THỪA QHC 2017

1. Thành phố năng động

Phát triển các ngành kinh tế một cách linh hoạt



Thành phố dễ tiếp cận

2. Thành phố văn hóa – lịch sử

Nhấn mạnh về nơi chốn – niềm tự hào văn hóa xứ Đông



Thành phố lịch sử

3. Thành phố sống khỏe

Tạo dựng đô thị sống khỏe mang đặc trưng và có thương hiệu



Thành phố sống khỏe
(A Healthy City)

NGUYÊN TẮC BỔ SUNG

4. Thành phố xanh, thông minh

Thông qua những đổi mới cải thiện các chức năng đô thị



Thành phố thông minh

5. Thành phố sẵn sàng ứng phó với BĐKH

Tiếp cận trong cách phát triển và quản lý đất đai



Thành phố sẵn sàng
ứng phó với BĐKH

➤ 1. THÀNH PHỐ NĂNG ĐỘNG

CHIẾN LƯỢC 1: Kết nối TP Hải Dương với hệ thống giao thông liên vùng và đảm bảo lưu thông trong khu vực đô thị.

Các kết nối liên hệ vùng xung quanh – động lực phát triển kinh tế - xã hội:

- Cao tốc Hà Nội Hải Phòng chạy qua phía Nam, kết nối với Hà Nội và Hải Phòng, Quảng Ninh;
- Vành đai 5 vùng Hà Nội (dự kiến xây mới) nằm ở phía Đông, kết nối với Bắc Giang và Hưng Yên.

CHIẾN LƯỢC 2: Tham gia vào vùng sản xuất công nghiệp phía Đông Thủ đô Hà Nội – linh hoạt đáp ứng nhu cầu phát triển CN công nghệ cao

Tham gia chuỗi liên kết sản xuất Vùng công nghiệp động lực tỉnh Hải Dương và vùng công nghiệp phía Đông thủ đô Hà Nội với mục tiêu phát triển công nghệ cao, công nghệ hỗ trợ, công nghệ sạch, thích ứng với điều kiện thành phố xanh, thân thiện với môi trường và phát triển bền vững.

Chú trọng kiểm soát môi trường các KCN

- Các điểm quan trắc môi trường hoạt động thường xuyên, hiệu quả;
- Thiết kế hệ thống thoát nước mưa là mương hở kết hợp tạo cảnh quan – hỗ trợ kiểm soát thoát nước thải .

CHIẾN LƯỢC 3: Phát triển thương mại - dịch vụ - du lịch

Các hoạt động kinh tế dịch vụ, thương mại, logistic hỗ trợ cho hoạt động công nghiệp, nông nghiệp, khai thác vị kết nối liên hệ vùng qua hệ thống giao thông đối ngoại.

- Xây dựng tổng kho tại khu vực Nam tại nút giao cắt giữa tuyến đường VĐ1 TP.
- Tổ chức các trung tâm, khu phố thương mại dịch vụ phía Nam và phía Đông trên tuyến đường tránh mới của Tp và trên tuyến VĐ5.
- Dịch vụ du lịch: khai thác sông Thái Bình, sông Sắt, các công trình văn hóa lịch sử, các điểm di tích đã được xếp hạng trong sự kết nối với chuỗi du lịch liên tỉnh, cảnh quan sinh thái nông nghiệp, mặt nước.

CHIẾN LƯỢC 4: Phát triển nông nghiệp hàng hóa chất lượng cao có uy tín, tạo bản sắc bằng chất lượng dịch vụ và giá trị sinh thái đa dạng.

- Xây dựng thương hiệu và duy trì lòng tin của khách hàng.
- Không gian sản xuất nông nghiệp có giá trị kinh tế và cảnh quan lớn hơn.
- Bổ sung một chợ đầu mối (5ha) tại khu vực nút giao cắt giữa tuyến VĐ1 với VĐ5
- Xen cấy các tiện ích công cộng vào trong không gian sản xuất nông nghiệp để khai thác mô hình công viên sinh thái nông nghiệp (giá trị đa dạng, chi phí thấp)
- Phát triển du lịch cộng đồng trong các khu đô thị nhà vườn và vùng ngoại ô.

➤ 2. THÀNH PHỐ VĂN HÓA - LỊCH SỬ

CHIẾN LƯỢC 5: Nhấn mạnh về nơi chốn - niềm tự hào văn hóa xứ Đông

5.1

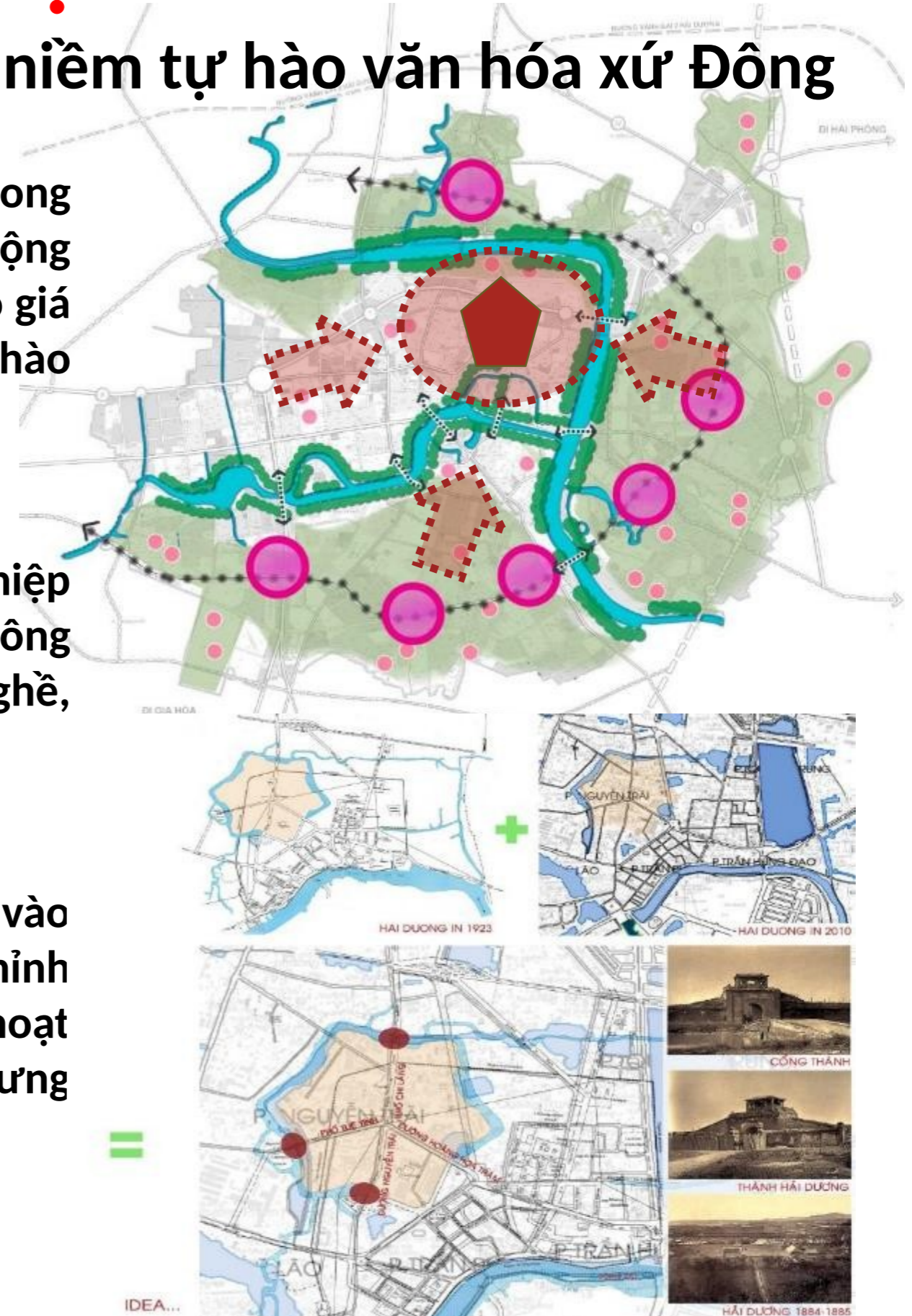
Bảo tồn di sản kiến trúc đặc trưng và cấu trúc đô thị trong trung tâm thành phố, bổ sung những không gian công cộng mới trên các khu vực chuyển đổi sử dụng đất. Nâng cao giá trị bản sắc văn hóa con người xứ Đông, bảo tồn tôn tạo hào thành và phục chế các khu vực khảo cổ có giá trị

5.2

Hỗ trợ các hoạt động làng nghề truyền thống, nông nghiệp truyền thống trong khu vực ngoại ô, bao gồm cả nông nghiệp công nghệ cao gắn với phát triển du lịch làng nghề, du lịch trải nghiệm

5.3

Khuyến khích các ngành công nghiệp sáng tạo đầu tư vào nghệ thuật và văn hóa trong khu vực đô thị, cải tạo chỉnh trang và thay thế công năng sử dụng, khơi dậy các hoạt động sản xuất có thương hiệu bằng các không gian trưng bày triển lãm, gắn với giới thiệu quảng bá du lịch.



CHIẾN LƯỢC 6: Thành phố bên sông

Không gian trọng tâm: sông Thái Bình và sông Sắt

6.1

Dòng sông là trục không gian chủ đạo, trọng tâm bố cục không gian cho đô thị, LÀ LÁ PHỔI XANH ĐIỀU HÒA VI KHÍ HẬU.

6.2

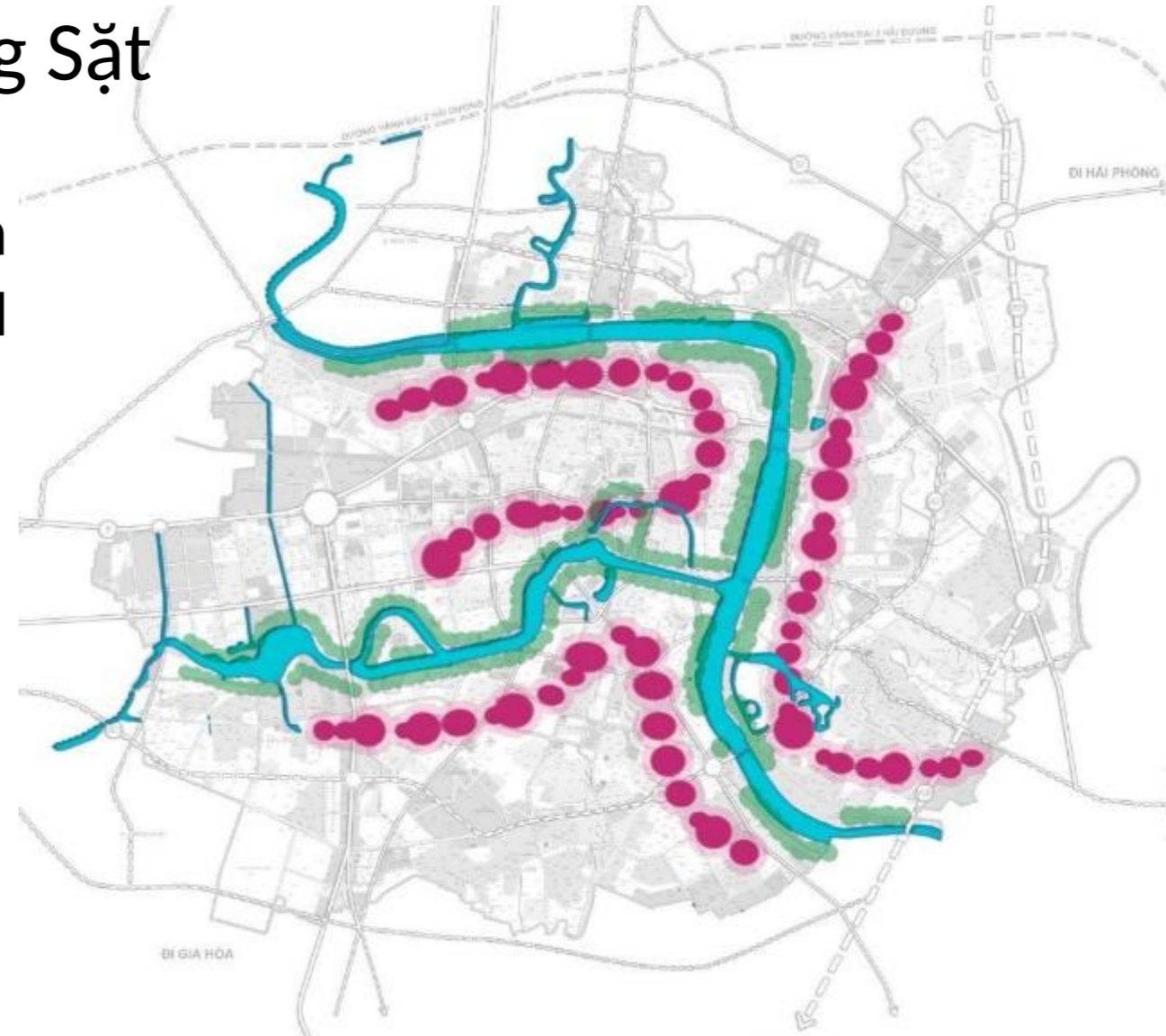
Hình thành các khu chức năng trên hai bên bờ sông, phát triển các khu đô thị sinh thái, khu dịch vụ giải trí công cộng, sinh thái nông nghiệp, thể dục thể thao cao cấp đảm bảo hài hòa môi trường

6.3

Tạo các trục kết nối hai bờ với không gian mở vào trong lõi đô thị cũ và trung tâm mới Nam sông Sắt, bờ phía Bắc và Đông sông Thái Bình

6.4

Tăng cường các tiện ích công cộng, các khu mua sắm, vui chơi giải trí, nghệ thuật, văn hóa tại khu vực bờ đô, kích hoạt và tạo sự sôi động



Không gian ven sông trở thành khu vực hấp dẫn

➤ 3. THÀNH PHỐ KHỎE

CHIẾN LƯỢC 7: Trung tâm y tế, đào tạo cấp vùng

7.1

XD các trung tâm nghiên cứu y tế; Đào tạo nguồn nhân lực về y tế, giáo dục, VĐV thể thao thành tích cao.

7.2

Xây dựng các trung tâm y tế chất lượng cao cấp vùng, Cung cấp các tiện ích chăm sóc sức khỏe và phúc lợi xã hội, người dân dễ dàng tiếp cận

CHIẾN LƯỢC 8: Thành phố đi bộ

Với một mạng lưới kết nối không gian xanh (công viên) và (mặt nước) -> Tạo ra không gian sống giúp tăng cường sức khỏe.

8.1

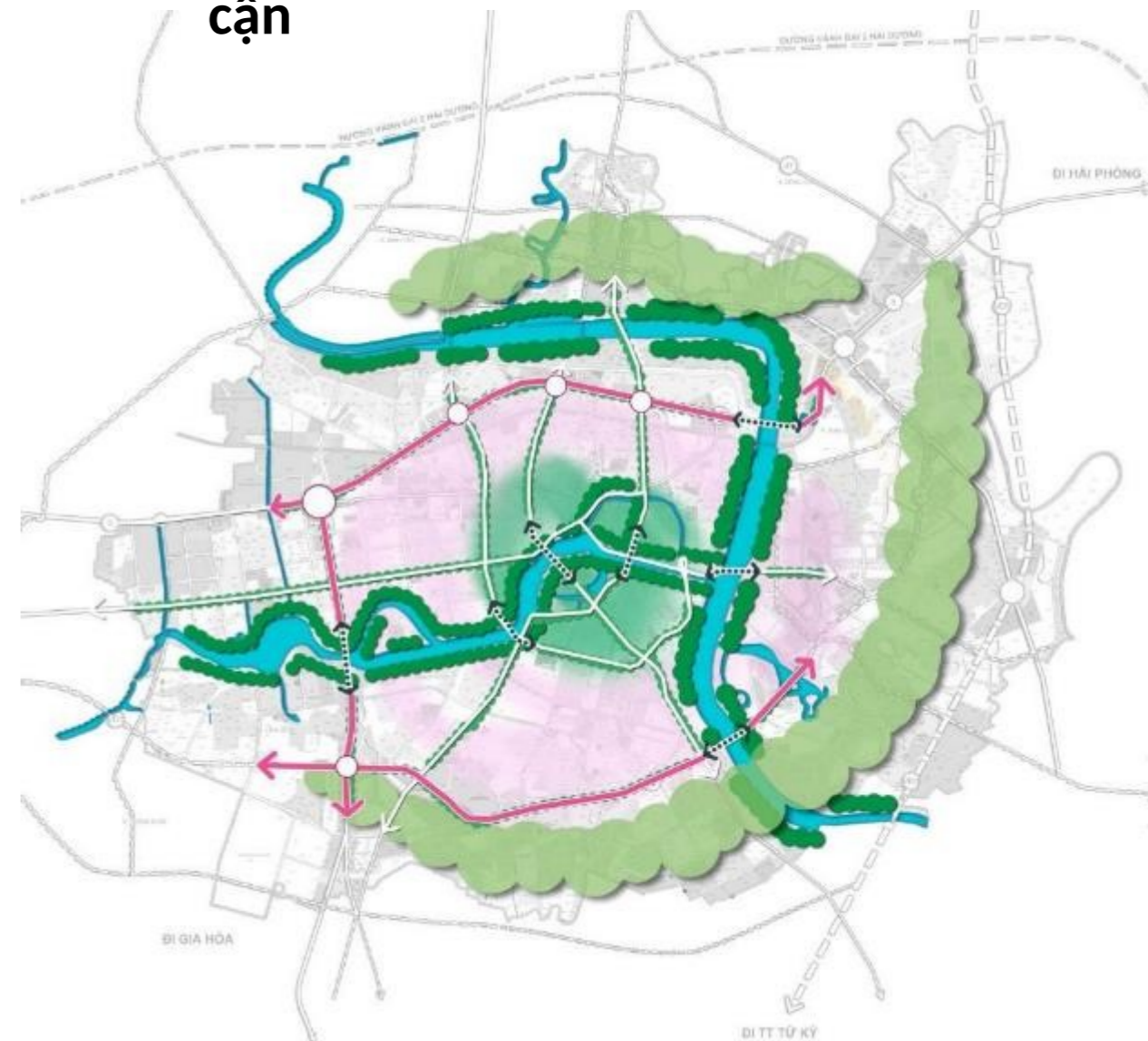
Phân bố cân đối các không gian công cộng mở trên toàn Thành phố.

8.2

Tạo một mạng lưới các con đường đi bộ dọc và qua sông

8.3

Thiết kế không gian công cộng thân thiện với người đi bộ, xây dựng các trung tâm thể thao đào tạo thành tích cao cung cấp các vận động viên chất lượng thi đấu quốc gia



➤ 4. THÀNH PHỐ THÔNG MINH

1

Nâng cao tiện ích cho khu vực lõi trung tâm bằng hệ thống thiết bị công nghệ hiện đại

2

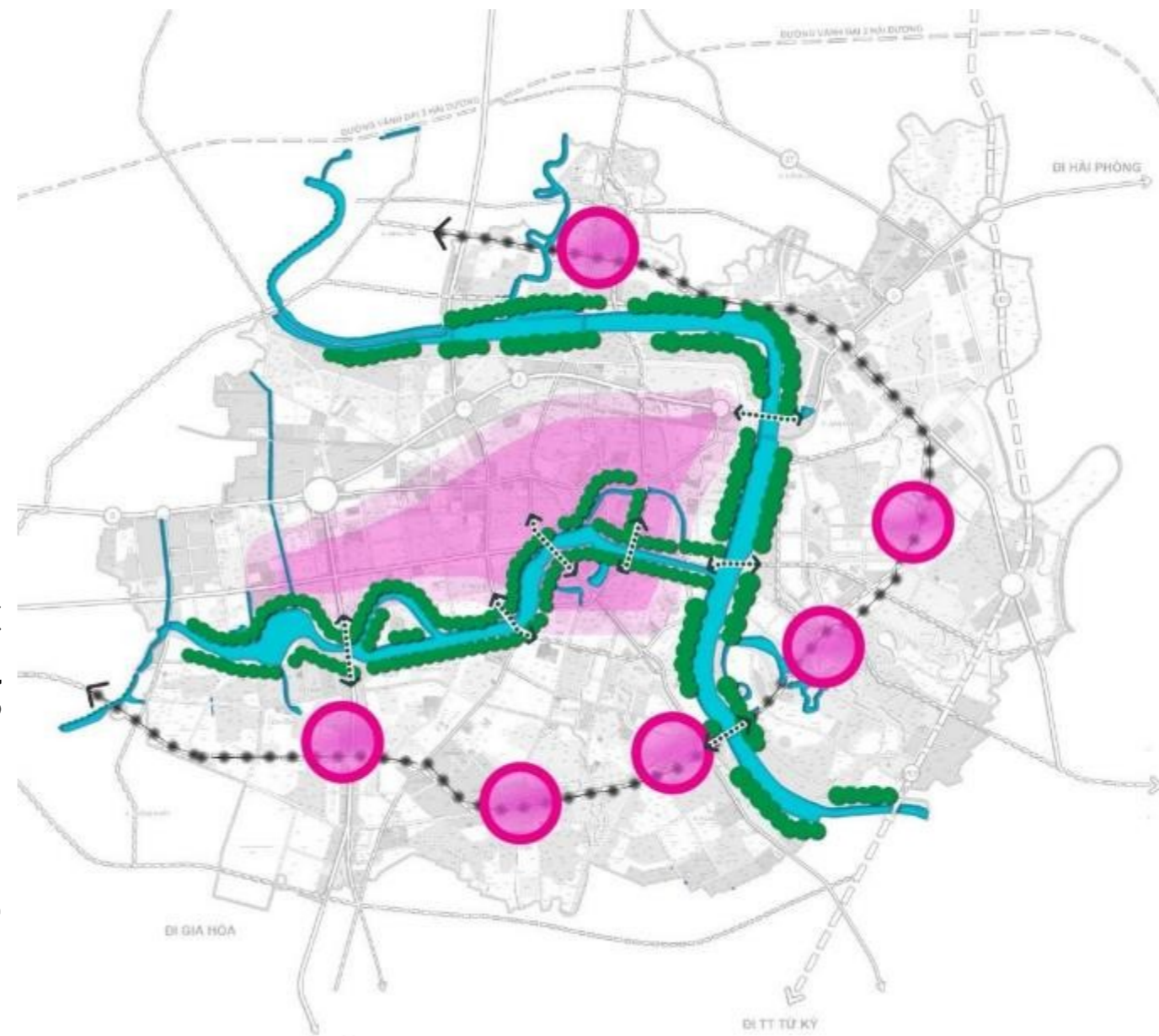
Xây dựng cộng đồng thông minh tại các khu vực ĐT mới

3

Hình thành đô thị tri thức: XD đô thị gắn với các Khu trường đại học, cơ sở đào tạo, được hỗ trợ bởi hệ thống giao thông đa phương tiện

4

Thúc đẩy mô hình KCN sinh thái, công nghiệp công nghệ cao



➤ 4. THÀNH PHỐ THÔNG MINH

1

Nâng cao tiện ích cho khu vực lõi trung tâm bằng hệ thống thiết bị công nghệ hiện đại

2

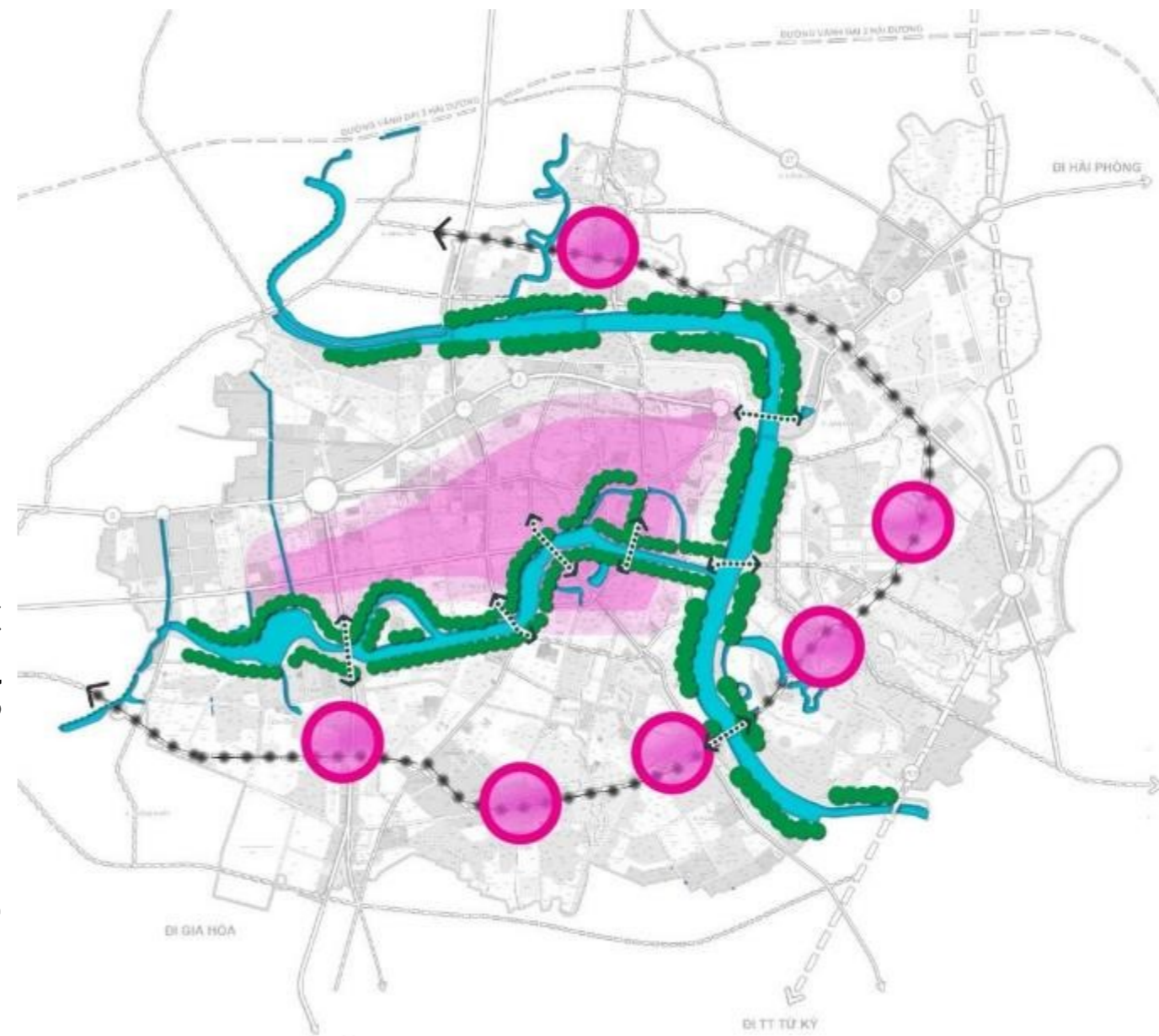
Xây dựng cộng đồng thông minh tại các khu vực ĐT mới

3

Hình thành đô thị tri thức: XD đô thị gắn với các Khu trường đại học, cơ sở đào tạo, được hỗ trợ bởi hệ thống giao thông đa phương tiện

4

Thúc đẩy mô hình KCN sinh thái, công nghiệp công nghệ cao



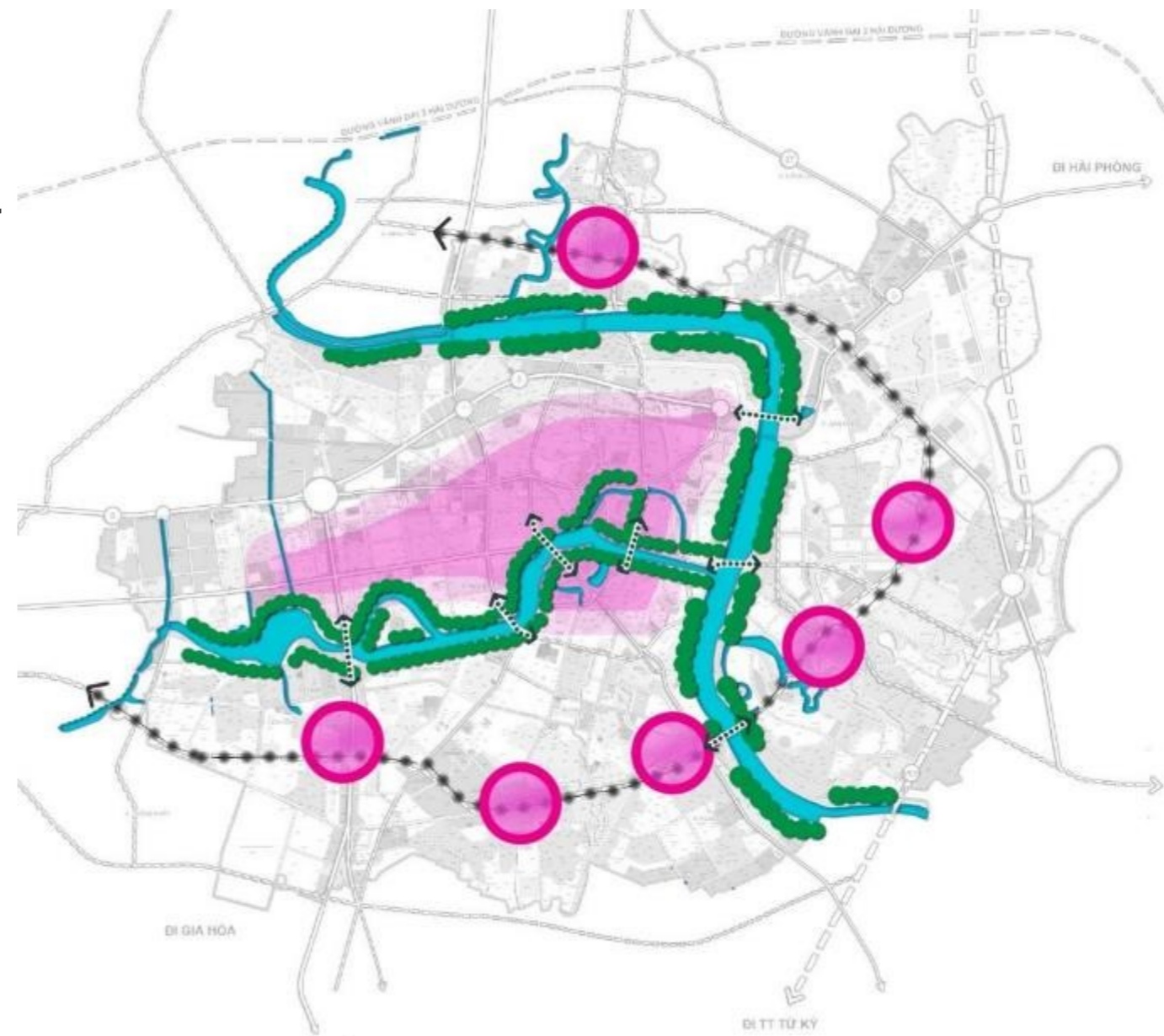
➤ 5. THÀNH PHỐ SẴN SÀNG ỨNG PHÓ VỚI BĐKH

Tiếp cận trong cách phát triển và quản lý đất đai

5.1 Quản lý sự phát triển trong tương lai tới các hành lang và khu vực được chỉ định ở cả hai bên sông Thái Bình và sông Sặt

5.2 củng cố hệ thống đê của TP để phòng chống lũ lụt kéo dài.

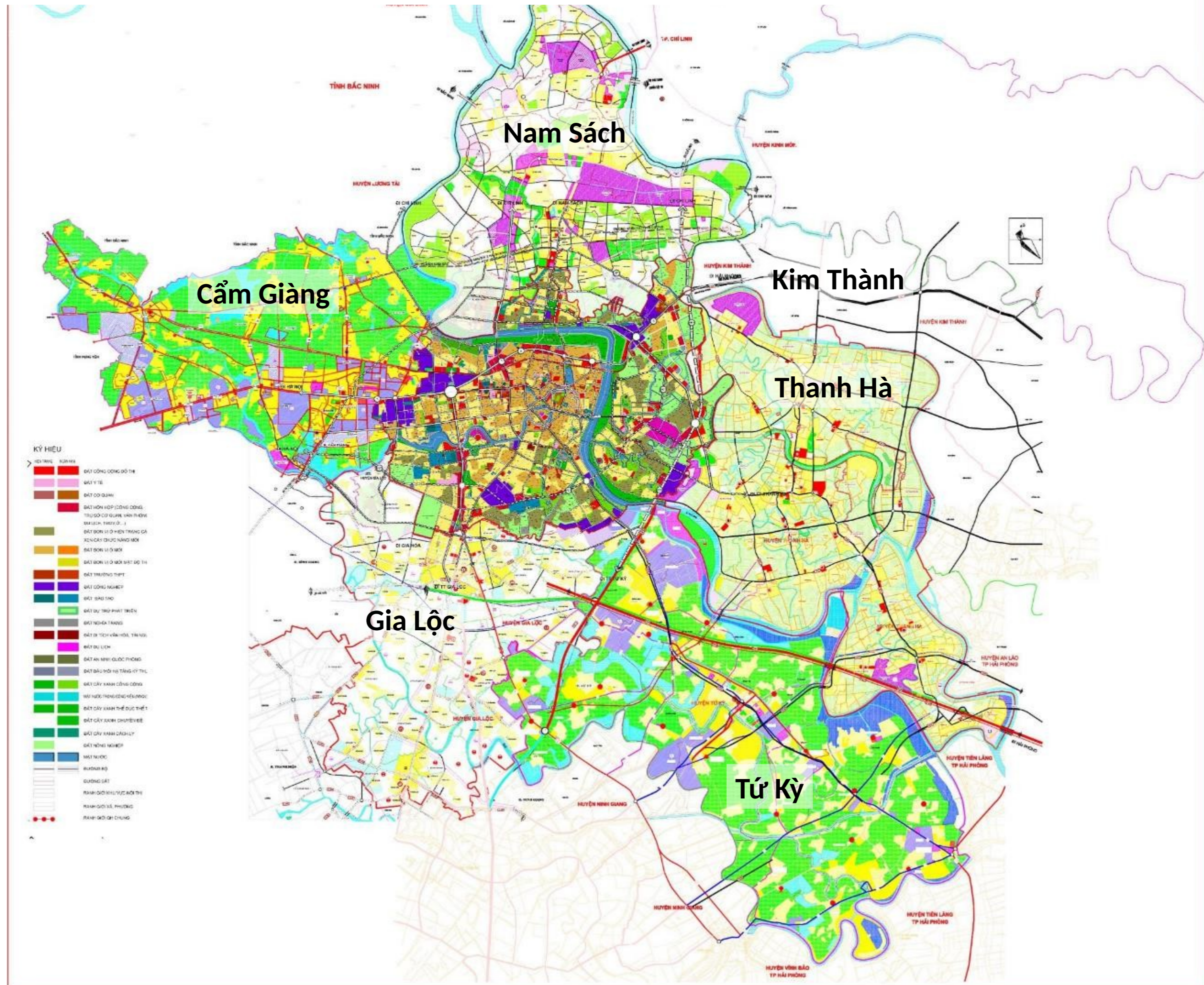
5.3 củng cố hệ thống đường thủy và mạng không gian mở của TP



6

Định hướng phát triển không gian và quy hoạch sử dụng đất

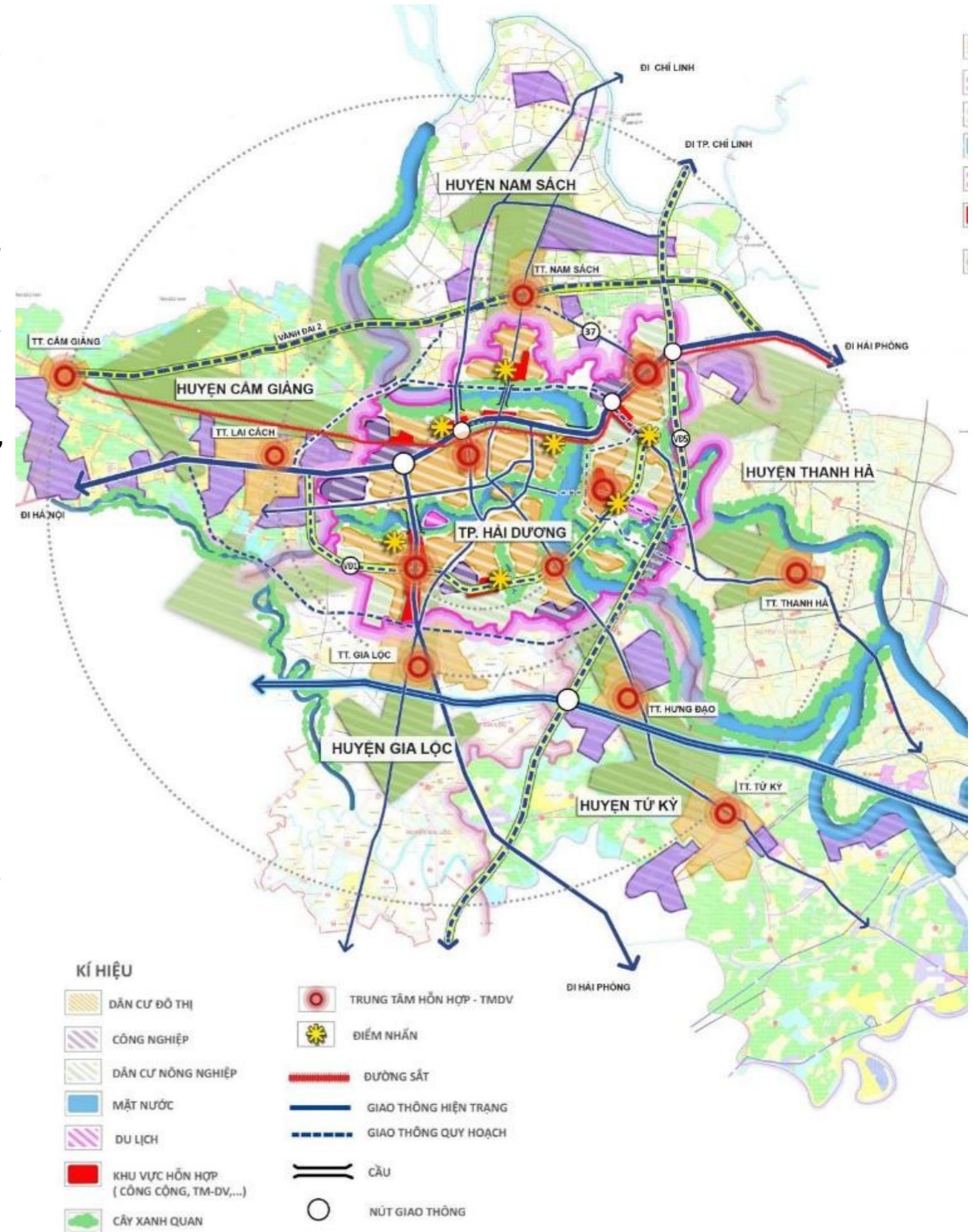
KHÔNG GIAN TP GHÉP NỐI CÁC KHU VỰC LÂN CẬN



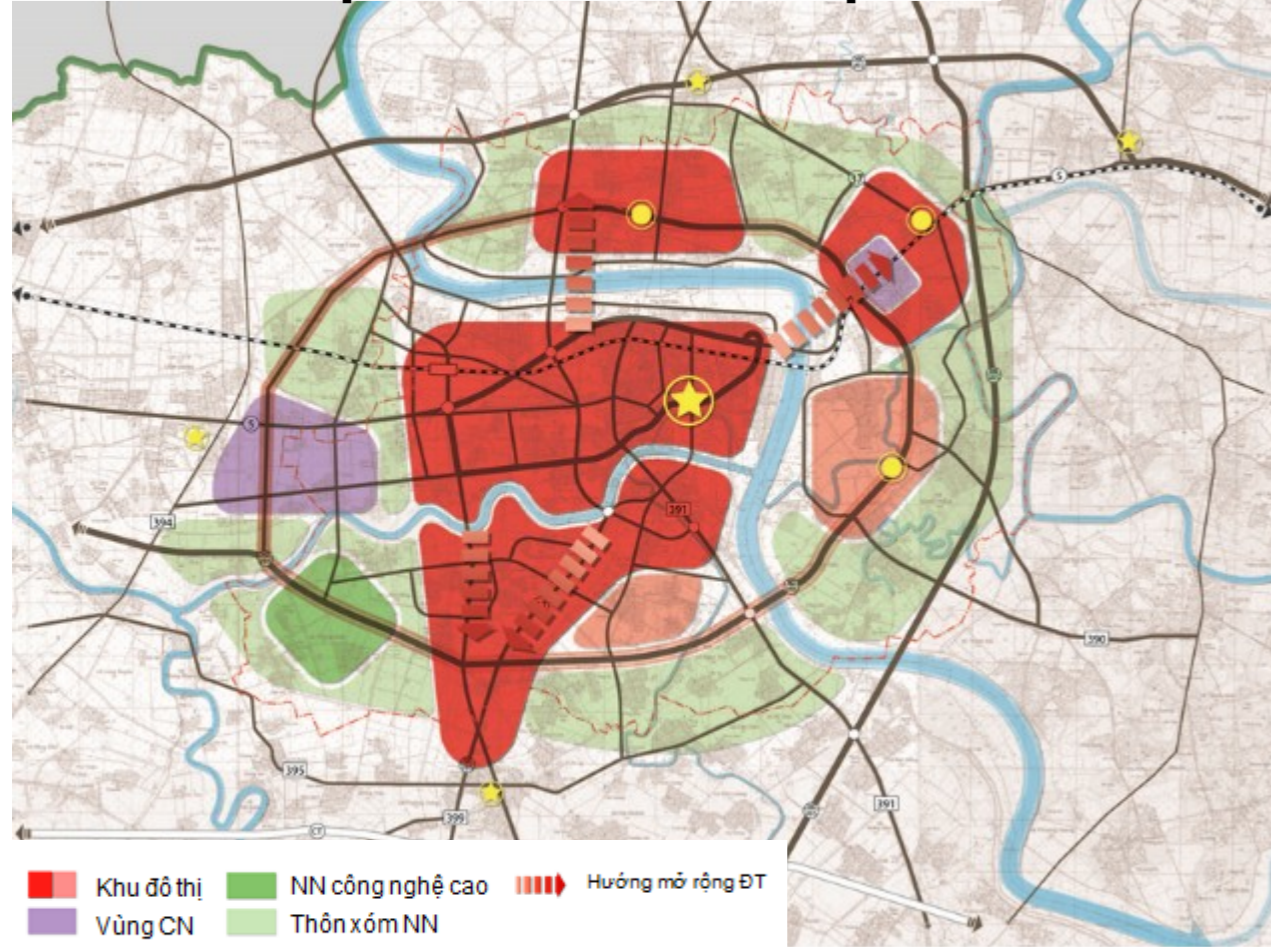
Về tổng thể, thành phố Hải Dương được định hướng phát triển lan tỏa từ đô thị trung tâm hiện hữu cụ thể như sau:

(1) Hướng xuống phía Nam sông Sắt, Tây sông Thái Bình, đây là hướng phát triển các khu vực đô thị tổng hợp, bao gồm các chức năng chính về phát triển dân cư đô thị, giáo dục, y tế, dịch vụ thương mại, công nghiệp và trung chuyển đầu mối giao thông, hàng hóa đối ngoại của đô thị, các khu dân cư, dịch vụ phục vụ các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

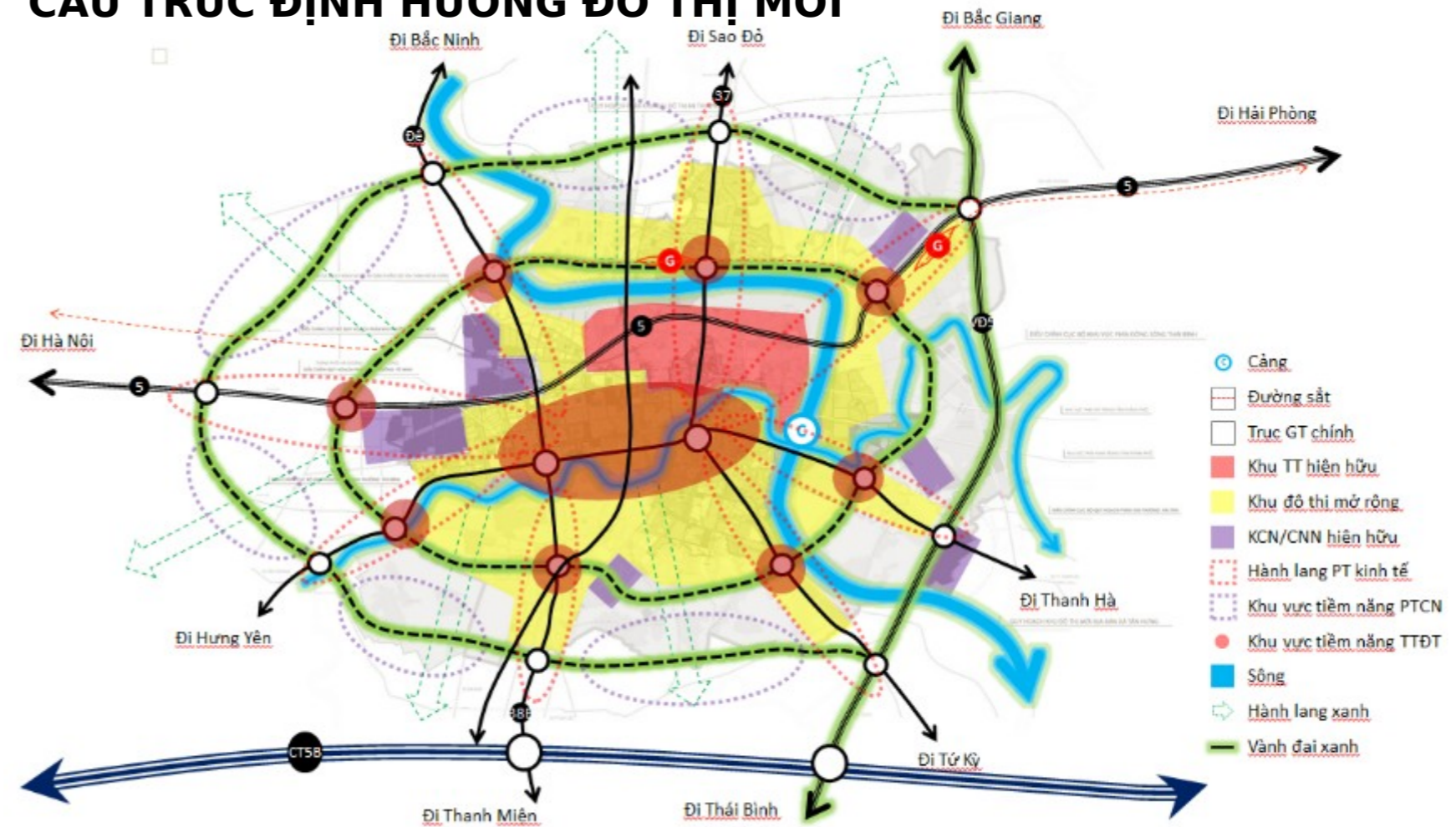
(2) Hướng phát triển về phía Bắc và Đông Sông Thái Bình, dọc trục VĐ5 và trục VĐ1 mới phía Đông: phát triển đô thị sinh thái cửa ngõ giao thương về đầu mối trung chuyển hàng hóa công nông nghiệp, khai thác hệ sinh thái nông nghiệp kết hợp với du lịch dịch vụ nghỉ dưỡng ven sông, du lịch nông nghiệp.



CẤU TRÚC ĐỊNH HƯỚNG ĐÔ THỊ THEO QHC 2017



CẤU TRÚC ĐỊNH HƯỚNG ĐÔ THỊ MỚI



Cấu trúc đô thị theo dạng tập trung chức năng

Mở rộng trung tâm đô thị sang bên kia sông Sắt.

Ở khu vực xung quanh, bố trí 5 cụm đô thị chức năng phát huy động lực của địa phương

Đường vành đai 1 đóng vai trò là tuyến đường trục kết nối các cụm đô thị chức năng với nhau.

Các cụm đô thị có tính chất cửa ngõ, dễ dàng liên kết với các đô thị bên ngoài khu quy hoạch. Thúc đẩy sự giao lưu giữa nông thôn và đô thị.

Phát huy tiềm năng, động lực của từng khu vực, dễ dàng thúc đẩy sự phát triển của các ngành công nghiệp trong Thành phố

Bố trí đất nông nghiệp, đất cây xanh ở khoảng không gian giữa đô thị trung tâm và các cụm đô thị

Cấu trúc đô thị theo dạng tập trung đa chức năng liên kết hướng tâm

Cải thiện hình ảnh và củng cố trung tâm thành phố hiện hữu

Mở rộng khu vực đô thị sang bên kia sông Sắt và phía Đông sông Thái Bình.

Hình thành vành đai xanh xung quanh các điểm đô thị. Duy trì và nâng cao chất lượng môi trường đường vành đai.

Xây dựng hệ thống giao thông liên kết mạch lạc giữa các khu vực tiềm năng phát triển công cộng, thương mại - dịch vụ, công nghiệp.

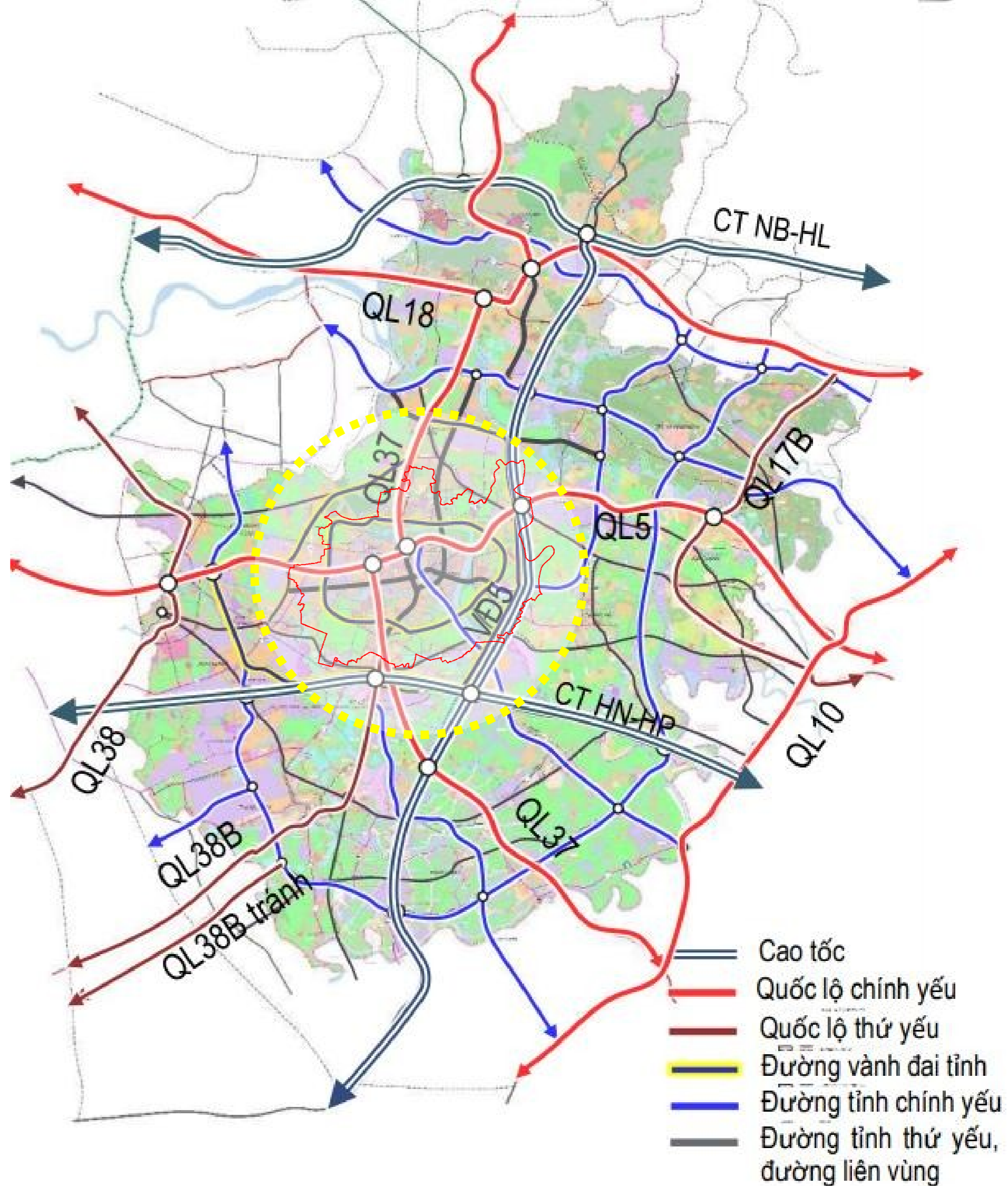
Dọc trục VĐ5 và trục VĐ1 mới phía Đông: phát triển đô thị sinh thái và hệ sinh thái nông nghiệp kết hợp với du lịch dịch vụ nghỉ dưỡng ven sông, du lịch nông nghiệp.

Xây dựng và kết nối các khu công nghiệp/ khu chức năng việc làm bên trong và ngoài đường vành đai

Hình thành các đô thị nén tại khu vực cửa ngõ liên kết dễ dàng với các đô thị bên ngoài khung quy hoạch. Thúc đẩy sự giao lưu giữa nông thôn và đô thị.

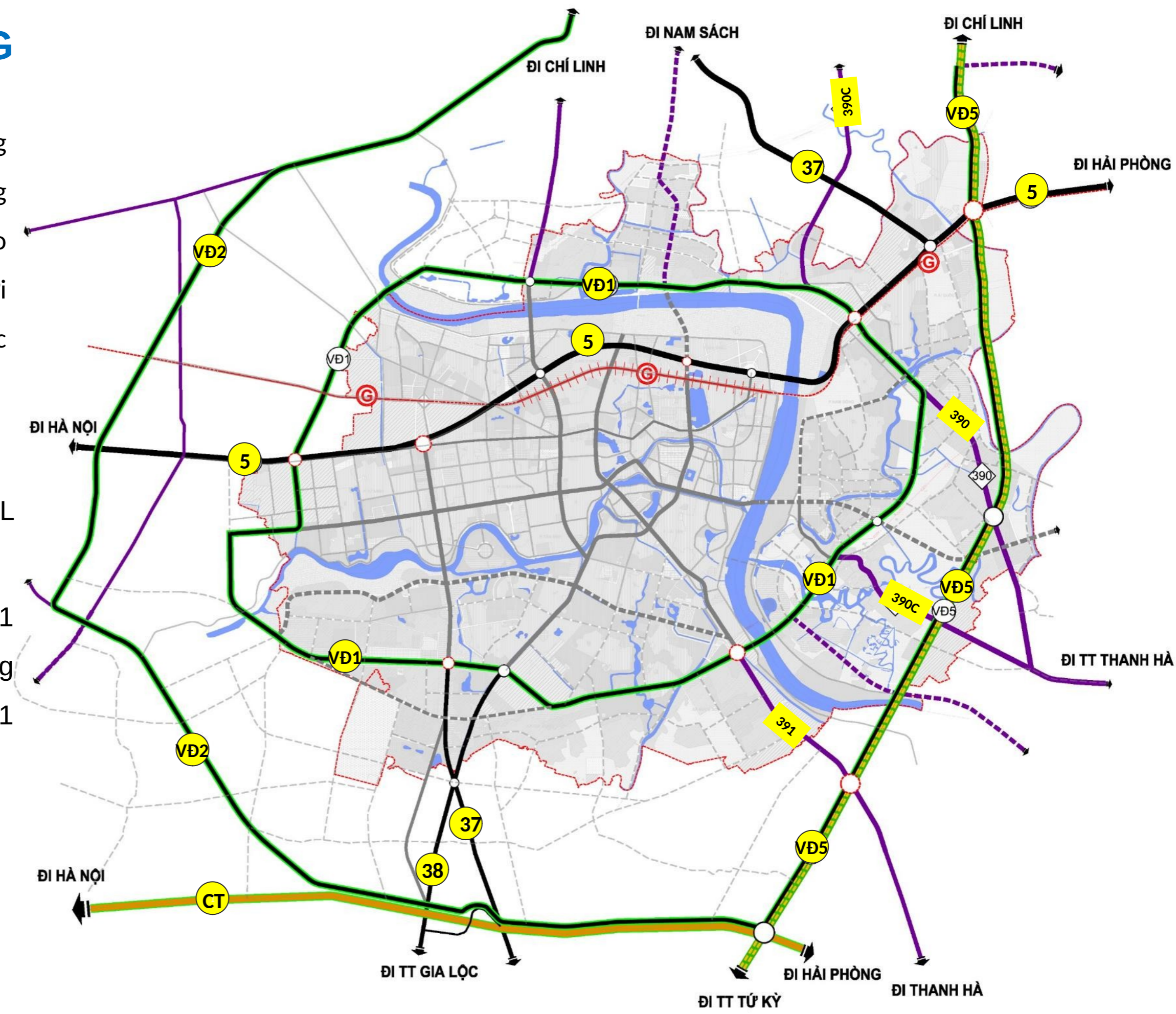
GIAO THÔNG LIÊN KẾT VÙNG

- Hệ thống giao thông đường Cao tốc, Quốc lộ hình thành đóng vai trò các tuyến chính kết nối các hành lang vận tải của hải Dương với các tỉnh trong khu vực, kết nối các công trình đầu mối hạ tầng trong vùng như cảng hàng không, cảng biển, các công trình Logistics .
- > Hình thành 2 vành đai của tỉnh nhằm nhằm tránh lưu lượng giao thông quá lớn vào trung tâm đô thị, giúp giao thông trong khu vực thông suốt, giải toả, điều phối các luồng xe quá cảnh qua khu vực trung tâm tỉnh cũng như giao thông bên trong đô thị ra bên ngoài .
- > Hình thành các tuyến đường tỉnh chính yếu mới quan trọng đóng chức năng hỗ trợ phân tải cho quốc lộ hiện đã mãn tải, nâng cao kết nối liên vùng, kết nối với hệ thống giao thông chính các tỉnh lân cận.
- > Trên cơ sở các tuyến đường tỉnh hiện trạng nâng cấp, mở rộng quy mô tuyến chính đồng thời quy hoạch các tuyến đường mới kết nối vùng không gian phát triển kinh tế tạo ra mạng giao thông liên kết mạch lạc gắn với phát triển các khu chức năng trong tỉnh.









KHUNG GIAO THÔNG

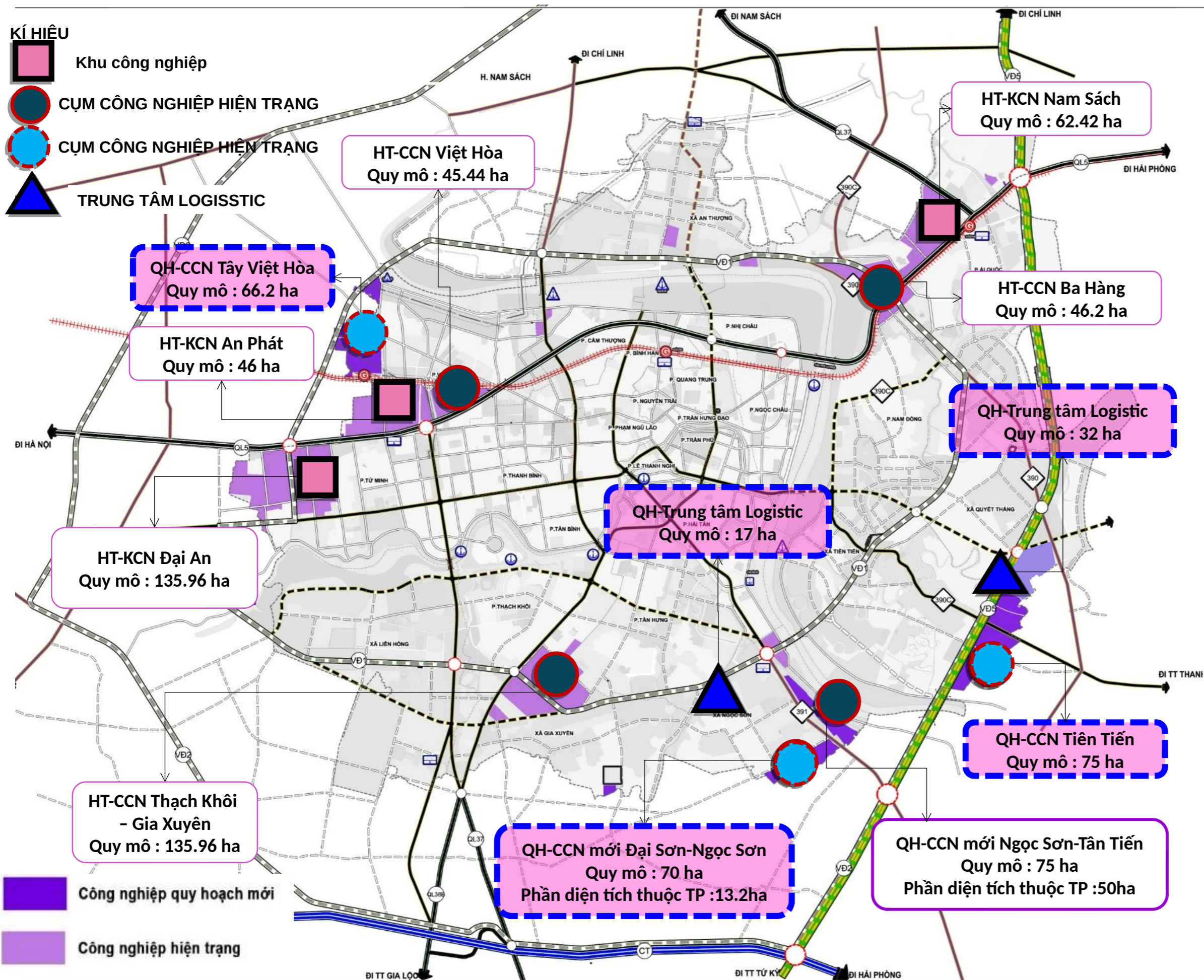
- Nâng cấp, cải tạo kết hợp xây dựng mới các tuyến giao thông hướng tâm, vành đai tạo thành mạng giao thông hoàn chỉnh, kết nối hợp lý với mạng lưới giao thông quốc gia, các tỉnh/thành phố trong khu vực.
- Đường hướng tâm: QL 37, QL 38B, QL 5, ĐT. 390, ĐT.391.
- Đường vành đai: Vành đai 1 (ĐT.390), Vành đai 2 (khoảng cách trung bình so với vành đai 1 từ 1,5-2km).



KÍ HIỆU

-  ĐƯỜNG CAO TỐC
-  ĐƯỜNG QUỐC LỘ
-  ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 5
-  ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 1,2
-  ĐƯỜNG TRỤC ĐÔ THỊ
-  ĐƯỜNG ĐỐI NGOẠI

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHU CỤM CÔNG NGHIỆP



- Tiếp tục phát triển CN công nghệ cao đối với các khu công nghiệp hiện có.
- Phát triển lấp đầy 05 cụm công nghiệp hiện có
- Di dời các nhà máy xí nghiệp trong nội đô ra cụm công nghiệp mới .
- Xây dựng chợ đầu mối nông sản phía Đông TP (Nam Đồng). Xây dựng tổng kho Logistic phía Nam TP.

Điều chỉnh, bổ sung:

- Định hướng di chuyển CCN Cẩm Thượng và CCN Ngô Quyền ra khỏi trung tâm thành phố, chuyển đổi sử dụng đất dành cho trung tâm dịch vụ thương mại.
- QH thêm 04 cụm công nghiệp mới:
 - + Cụm CN Tây Việt Hòa
 - + Cụm CN Tiên Tiến
 - + Cụm CN Đại Sơn - Ngọc Sơn : 70ha, phần diện tích thuộc thành phố: 13 ha
 - + Cụm CN Ngọc Sơn - Ngọc Sơn : 75 ha, phần diện tích thuộc thành phố: 50 ha
- QH mới 02 trung tâm logistic – dịch vụ hậu cần kho bãi trung chuyển hàng hóa.

ĐỊNH HƯỚNG HỆ THỐNG HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI

HÀNH CHÍNH, Y TẾ, VĂN HÓA, TRIỂN LÃM

KÍ HIỆU

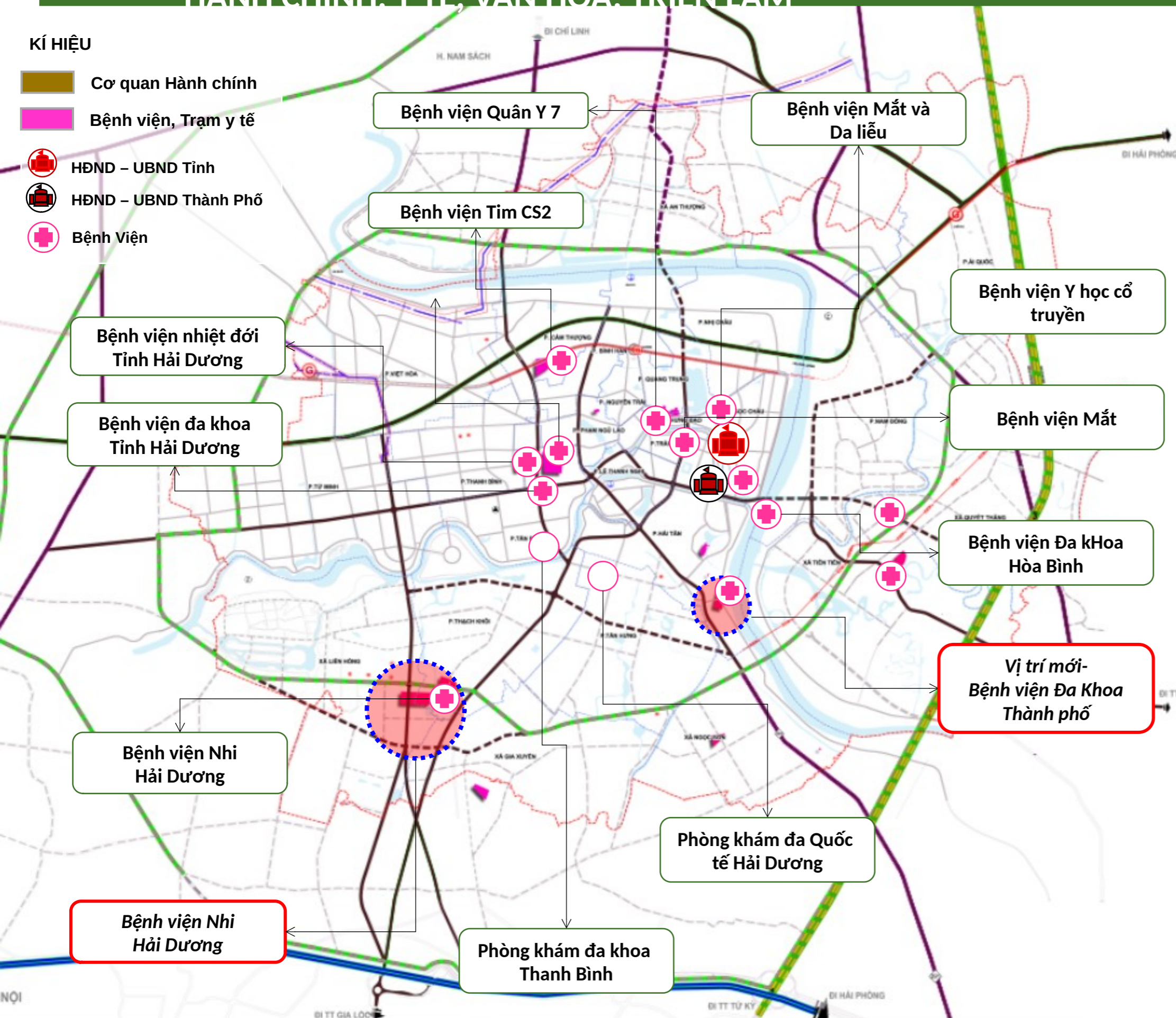
Cơ quan Hành chính

Bệnh viện, Trạm y tế

HĐND – UBND Tỉnh

HĐND – UBND Thành Phố

Bệnh Viện



☐ *Trung tâm hành chính:*

☐ Trung tâm hành chính của Tỉnh di chuyển sang khu vực phía Nam sông Bạch Đằng.

☐ Tỉnh ủy, UBND Thành phố và các xã phường, về nguyên tắc giữ nguyên ở vị trí hiện tại.

Điều chỉnh, bổ sung:

☐ Tại vị trí các công trình hành chính cũ: chuyển đổi chức năng thành các không gian công cộng, khu hỗn hợp thương mại dịch vụ nhằm tăng giá trị sử dụng đất.

☐ *Công trình y tế:*

☐ Giữ lại các công trình hiện trạng.

☐ Xây dựng mới bệnh viện đa khoa ở P.Thạch Khôi.

Điều chỉnh, bổ sung :

☐ Chuyển vị trí Bệnh viện đa khoa TP ra KĐT phía Đông Nam TP

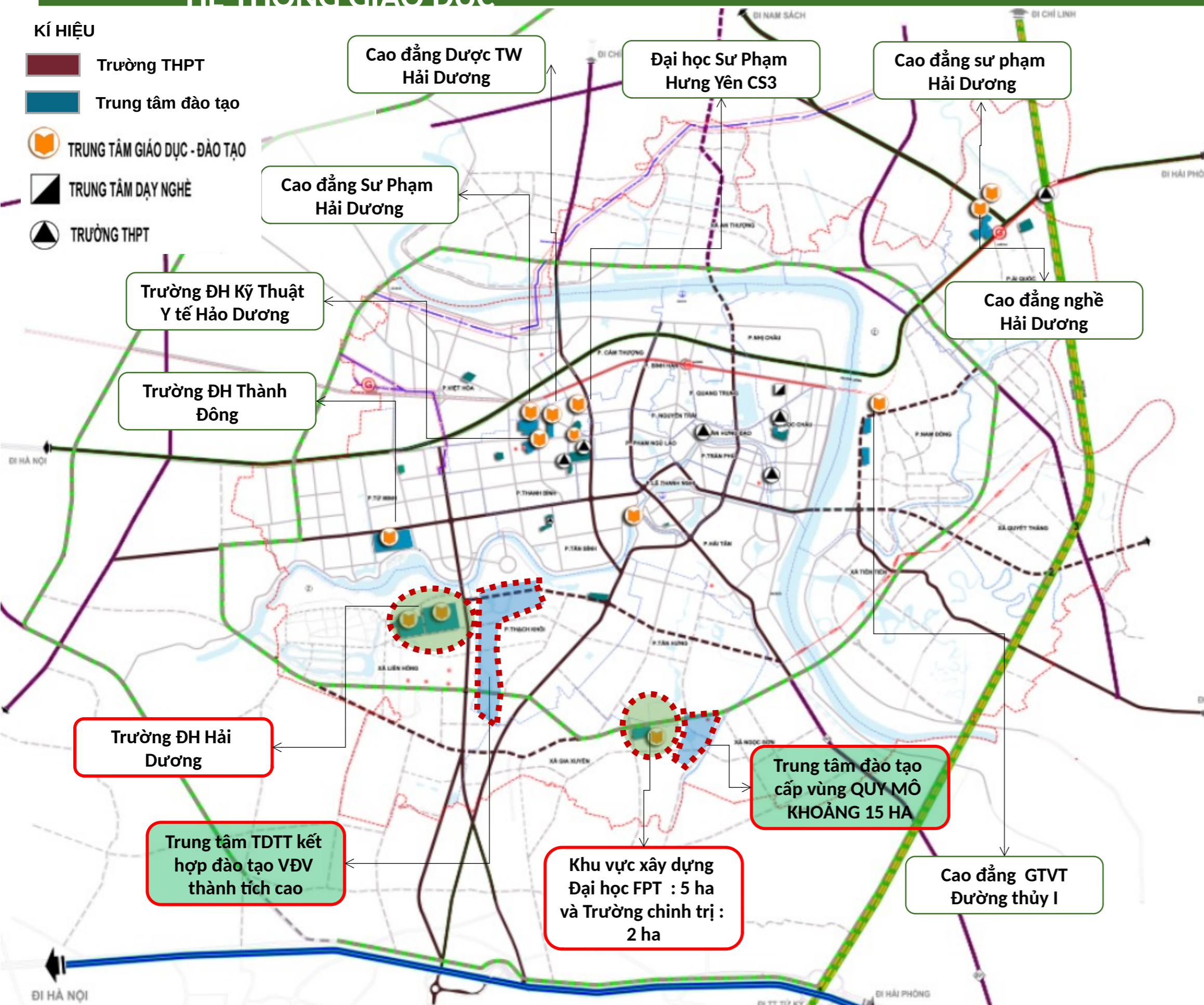
☐ QH bổ sung bệnh viện (tư nhân/quốc tế) 200 giường khu vực ĐT mới Liên Hồng -> Hình thành trung tâm dịch vụ chăm sóc sức khỏe, dịch vụ y tế chất lượng cao tại Liên Hồng

ĐỊNH HƯỚNG HỆ THỐNG HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI

HỆ THỐNG GIÁO DỤC

KÍ HIỆU

- Trường THPT
- Trung tâm đào tạo
- TRUNG TÂM GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO
- TRUNG TÂM DẠY NGHỀ
- TRƯỜNG THPT



- Về các trường Cao đẳng - trung cấp, song song với việc duy trì các công trình hiện có, xây dựng trường Cao đẳng nông nghiệp – y tế
- Với các trường PTTH, duy trì các công trình hiện hữu, đồng thời xây dựng các công trình mới ở trong các khu vực đô thị phát triển mới
- QH trường ĐH Hải Dương tại khu ĐT mới phía Tây

Điều chỉnh, bổ sung :

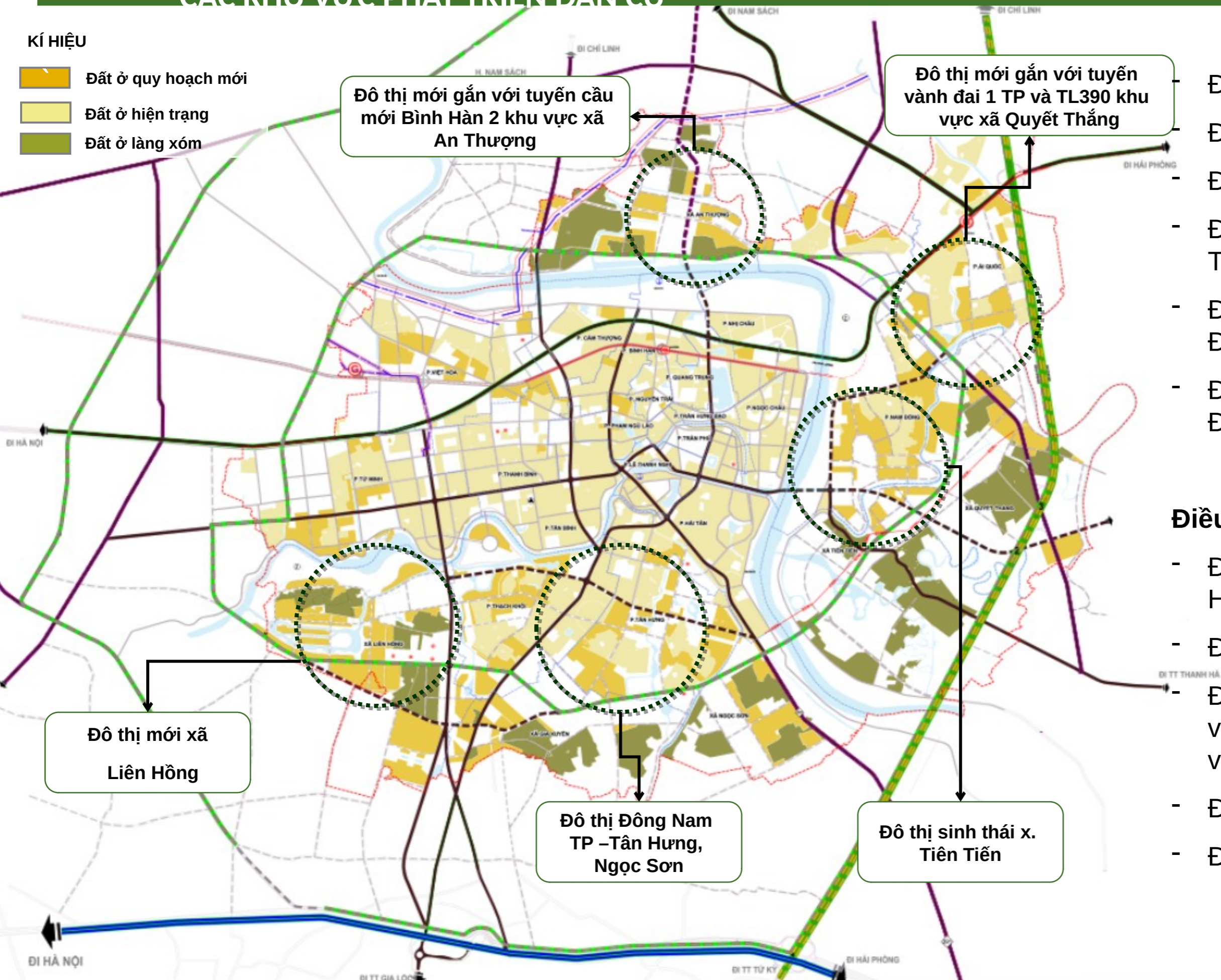
- TRường đại học FPT, quy mô khoảng 5 ha: khu vực phía Nam đường vành đai 1 (X. Gia Xuyên)
- Trường chính trị, quy mô 2 ha: khu vực phía Nam đường vành đai 1 (X. Gia Xuyên)
- Dự trữ đất phát triển giáo dục cấp vùng tại phía Nam VĐ1 quy mo khoảng 15 ha

ĐỊNH HƯỚNG HỆ THỐNG HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI

CÁC KHU VỰC PHÁT TRIỂN DÂN CƯ

KÍ HIỆU

- Đất ở quy hoạch mới
- Đất ở hiện trạng
- Đất ở làng xóm



- Đô thị lõi hiện hữu
- Đô thị mới phía Tây
- Đô thị mới phía Đông
- Đô thị cửa ngõ phía Bắc – An Thượng
- Đô thị gắn với KCN phía Đông Bắc
- Đô thị nông nghiệp Nam Đồng – đô thị sinh thái

Điều chỉnh, bổ sung:

- Đô thị Đông Nam TP – Tân Hưng, Ngọc Sơn
- Đô thị mới x. Liên Hồng
- Đô thị mới gắn với tuyến vành đai 1 TP và TL390 khu vực xã Quyết Thắng
- Đô thị sinh thái x. Tiên Tiến
- Đô thị dịch vụ An Thượng

ĐỊNH HƯỚNG HỆ THỐNG HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI

PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG CÂY XANH CẢNH QUAN - TĐTT

KÍ HIỆU

- Nông nghiệp
- Cây xanh ven sông
- Cây xanh khu ở
- Công viên - hồ điều hòa
- Công viên đô thị hiện hữu
- Trục cảnh quan
- Sân golf
- Công viên đa năng
- Công viên thể dục thể thao



- Bảo tồn các công viên hiện trạng.
- Xây dựng mới các công viên tổng hợp ở các vị trí thuận lợi về giao thông như: khu vực xã Thạch Khôi, khu đất dọc sông Thái Bình và các khu vực đô thị mới khác.
- Bố trí phù hợp các công viên khu vực trong các khu dân cư ở mới.
- Các công viên đặc thù bố trí xây dựng: Công viên ở khu vực đất trống ven sông Thái Bình (1 phần làm công viên TĐTT), Công viên kết hợp với công trình tôn giáo.
- Khu vực xã Tân Hưng, Phường Ái Quốc cần đảm bảo có các diện tích khu vực đất thấp và hồ điều hòa đóng vai trò các công viên trị thủy.

Điều chỉnh, bổ sung :

- QH công viên trung tâm của mới thành phố tại khu vực phía Bắc đường vành đai 1 – P. Tân Hưng, quy mô 100 ha
- Công viên sinh thái – TĐTT (sân golf) khu vực ven sông Thái Bình (P. Bình Hàn, Nhị Châu) và công viên sinh thái, TĐTT (sân golf) ven sông Sắt (x. Liên Hồng)
- Công viên tri thức – TĐTT (sân golf) khu vực ven sông Sắt (xã Liên Hồng)
- Công viên sinh thái xã Tiên Tiến
- Xây mới Công viên trưng bày di sản gốm và kết hợp Trung tâm triển lãm của thành phố quy mô khoảng 20 ha

ĐỊNH HƯỚNG HỆ THỐNG HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI

KHU VỰC DÂN CƯ NÔNG THÔN VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP

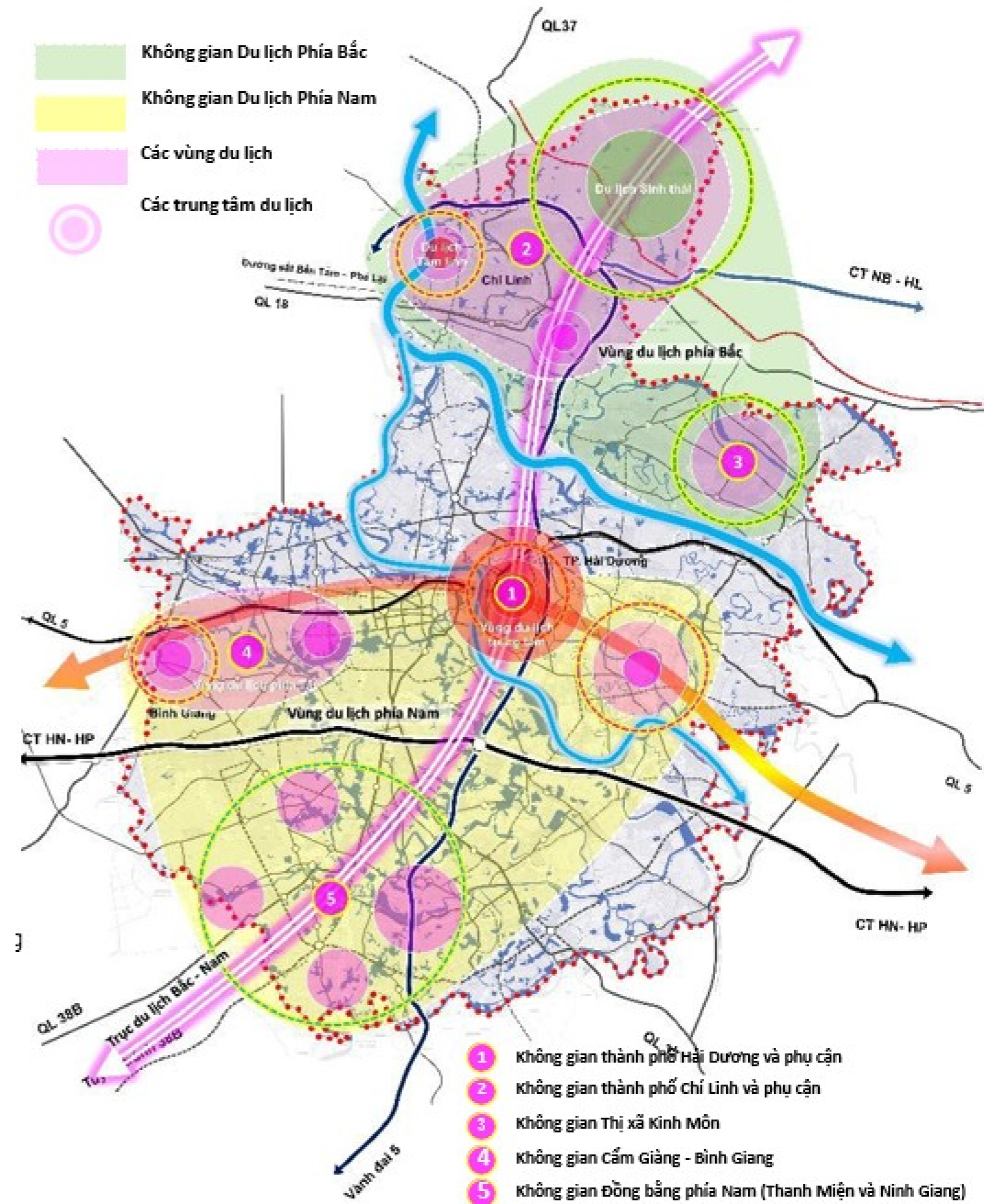
KÍ HIỆU

- Nông nghiệp
- Dân cư làng xóm
- Nông nghiệp CLC



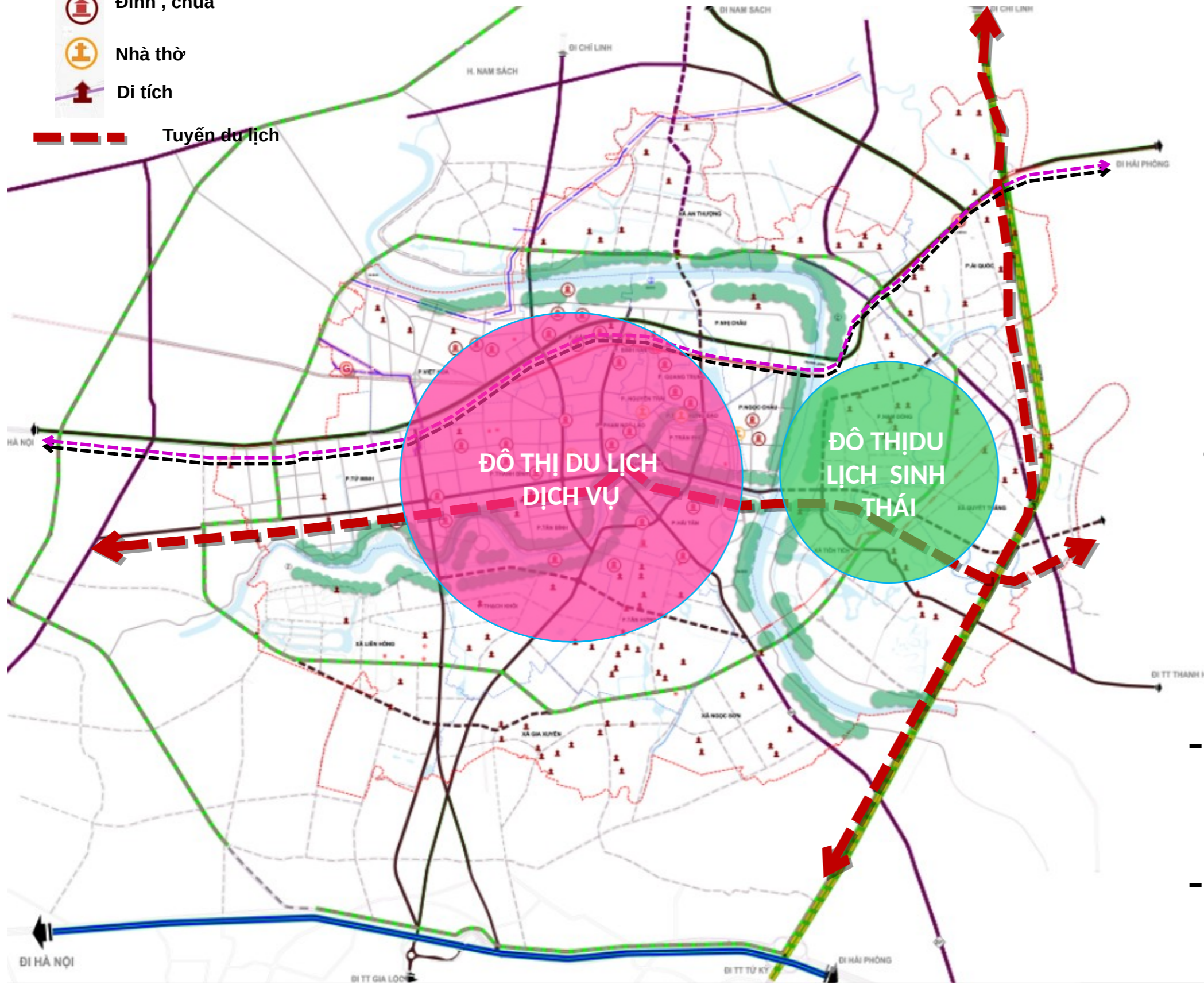
- Các khu vực dân cư làng xóm hiện hữu, cần tuân thủ các định hướng lớn của đô thị và triển khai theo quy hoạch nông thôn mới.
- Dựa vào điều kiện tự nhiên cần bảo tồn tôn tạo các cấu trúc làng xóm hiện hữu có giá trị, nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đấu nối với hạ tầng khung của đô thị và khu vực.
- Phát huy hiệu quả các quỹ đất nông nghiệp.
- Một số quỹ đất nông nghiệp đan xen giữa các cụm dân cư đã được quy hoạch có thể tiếp tục canh tác hoặc chuyển đổi chức năng khi có nhu cầu.

1. Phát huy giá trị du lịch dọc sông Thái Bình và sông Sặt
2. Khai thác hiệu quả quỹ đất 200 ha ngoài đô thị khu vực Ái Quốc và Nhị Châu với chức năng văn hóa thể thao giải trí đảm bảo an toàn hành lang thoát lũ
3. Xây dựng trung tâm thể dục thể thao cấp tỉnh mới trên trục kết nối Bắc Nam Tp
4. Bảo tồn giá trị thành Đông gắn kết với tua tuyến du lịch trong tỉnh
5. Xây dựng trung tâm du lịch dịch vụ theo tuyến du lịch kết nối với Côn sơn Kiếp Bạc, Vải Thiều Thanh Hà, Bãi Cọc Bạch Đằng, Quan Lớn Tuần Trang,...



KÍ HIỆU

- Đền , chùa
- Nhà thờ
- Di tích
- Tuyến du lịch



6. Tiếp tục hoàn thiện đầu tư Hạ tầng khu vực trung tâm hiện hữu với các dự án trong và ngoài nước

7. Khu vực Nam Sông Sắt , Bắc Sông Thái Bình và Đông sông Thái Bình cần có nghiên cứu giải pháp đồng bộ và kết nối tổng thể trong toàn Tp và xử lý nước thải và kết nối giao thông.

BỔ SUNG SO VỚI QHC 2017:

- Khu du lịch sinh thái tại Nam Đồng gần với sông Hương
- Khu du lịch sinh thái xã Tiên Tiến

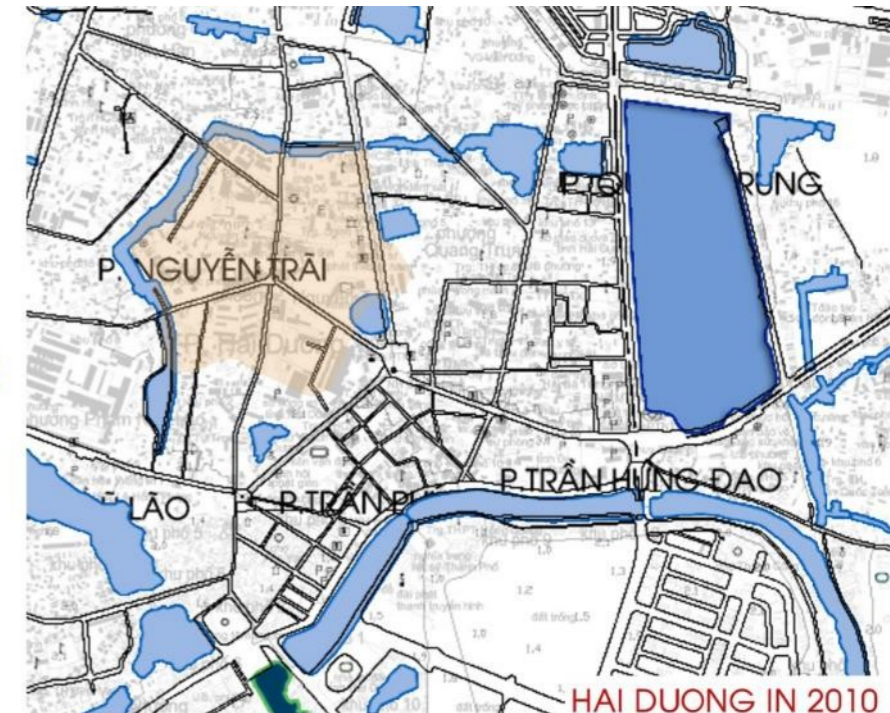
ĐỊNH HƯỚNG HỆ THỐNG HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI

DỊCH VỤ DU LỊCH - HF

Thành phố công viên Gốm và Sứ



HAI DUONG IN 1923



HAI DUONG IN 2010

Hình thành nhiều không gian xanh để tạo môi trường sống tốt: thu hút người dân đến ở, tổ chức các hội thảo lớn...

Quảng bá làng nghề truyền thống lâu đời Gốm và Sứ của địa phương; thu hút khách thập phương...

Đẩy mạnh phát triển du lịch

Nhiều công viên cây xanh

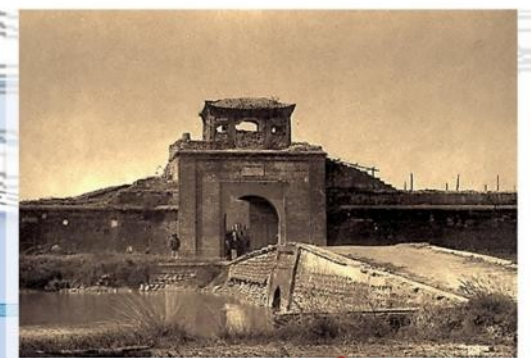
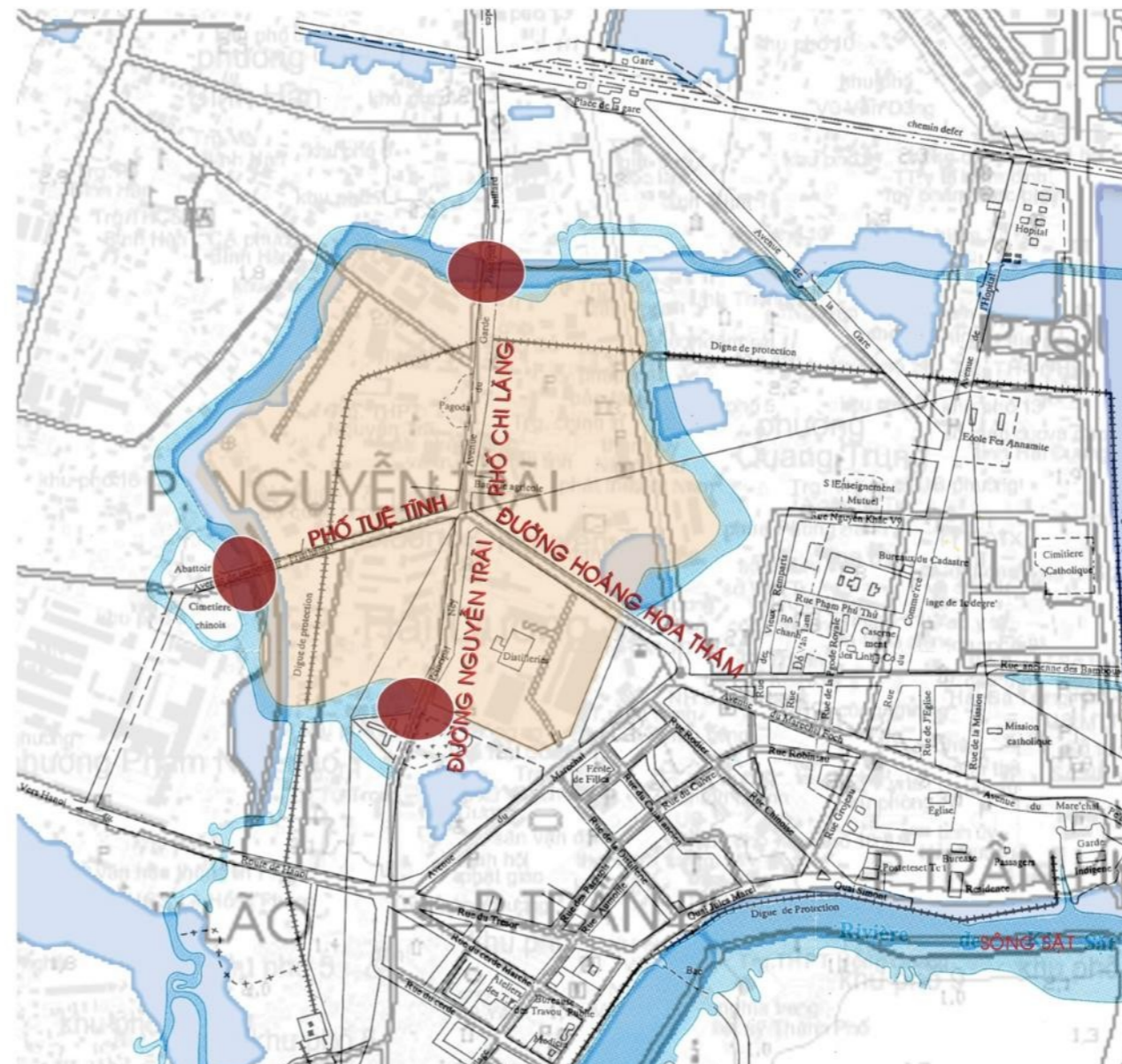
Tôn vinh nghề gốm sứ

Thu hút khách thập phương

Tạo dựng những công viên triển lãm những tác phẩm gốm sứ



IDEA...



CỐ THÀNH



THÀNH HẢI DUONG



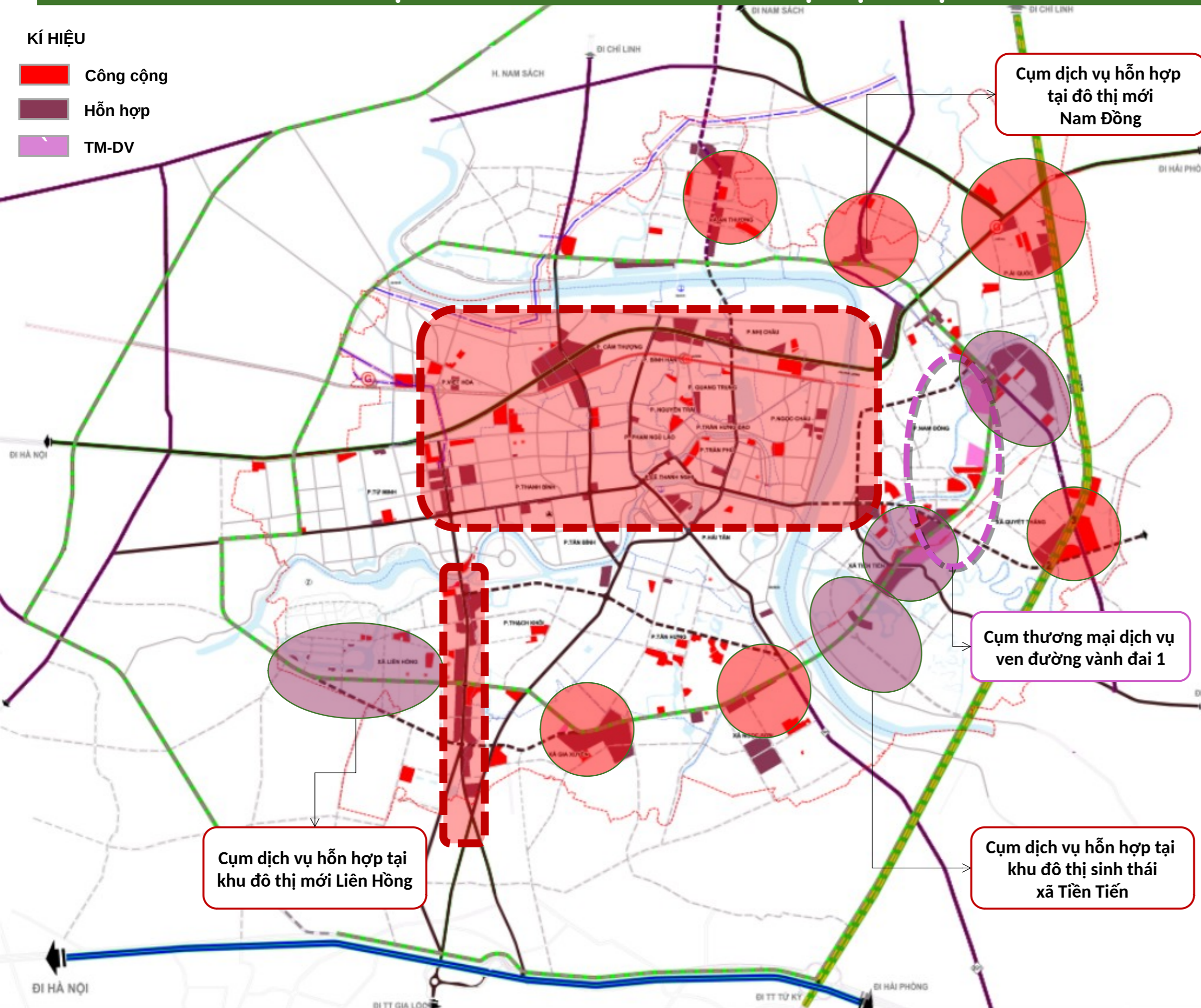
HẢI DUONG 1884-1885

ĐỊNH HƯỚNG QH HỆ THỐNG HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI

PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG TRUNG THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ

KÍ HIỆU

- Công cộng
- Hỗn hợp
- TM-DV



- Duy trì, tiếp tục sử dụng các công trình hiện có
- Khu vực đô thị trung tâm: quy hoạch các công trình CC và dịch vụ trên cơ sở QHC 2017 và các QH điều chỉnh cục bộ

Điều chỉnh, bổ sung:

- Cụm dịch vụ thương mại hỗn hợp ven đường đai 1 phía Nam
- Cụm dịch vụ hỗn hợp tại ĐT mới Nam Đồng
- Cụm dịch vụ hỗn hợp xã Tiên Tiến
- Công trình công cộng – Đài tưởng niệm liệt sỹ cấp tỉnh.
- Trung tâm triển lãm thành phố: khu vực xã Tiên Tiến/Quyết Thắng, thành phố Hải Dương (qua cầu Bùi Thị Xuân), với quy mô diện tích đất khoảng 10 ha

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN PHƯƠNG AN CHỌN

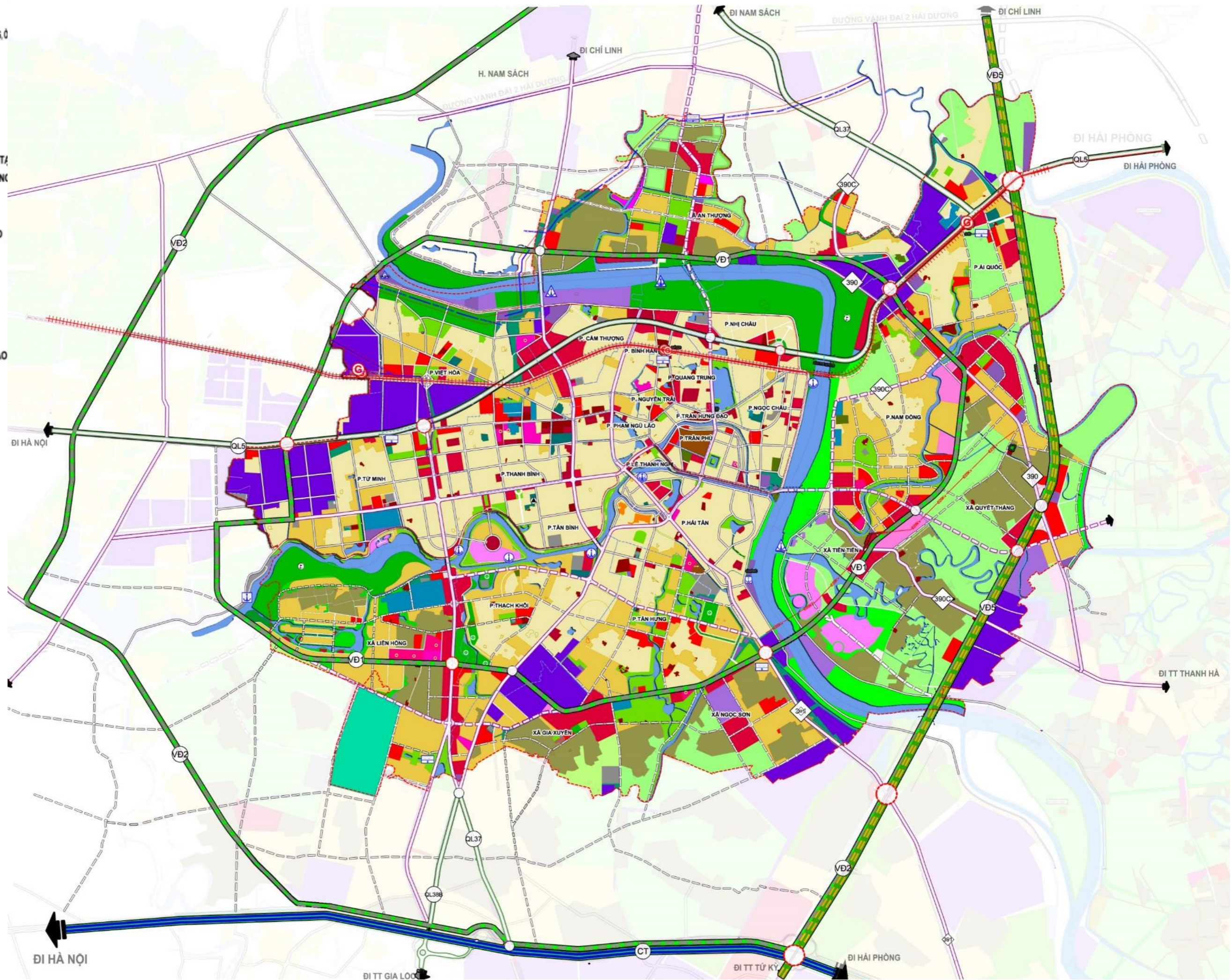


KÝ HIỆU

HIỆN TRẠNG	QUY HOẠCH	
		ĐẤT CÔNG CỘNG ĐÔ THỊ
		ĐẤT HỖN HỢP (VP, THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ CÔNG CỘNG, Ở)
		ĐẤT TRUNG TÂM Y TẾ
		ĐẤT CƠ QUAN
		ĐẤT ĐƠN VỊ Ở
		ĐẤT Ở LÀNG XÓM
		ĐẤT CÔNG NGHIỆP
		ĐẤT KHO TÀNG, BẾN BÀI, TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP
		ĐẤT TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU, ĐÀO TẠO
		ĐẤT TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
		ĐẤT DI TÍCH, TÔN GIÁO
		ĐẤT AN NINH QUỐC PHÒNG
		ĐẤT TRUNG TÂM THỂ DỤC THỂ THAO
		ĐẤT CÂY XANH ĐÔ THỊ
		ĐẤT CÂY XANH CÁCH LY
		ĐẤT CÂY XANH SINH THÁI
		ĐẤT CÂY XANH CHUYÊN ĐỀ, KHAI THÁC DỊCH VỤ VEN SÔNG
		ĐẤT NÔNG NGHIỆP
		ĐẤT NÔNG NGHIỆP CHẤT LƯỢNG CAO
		ĐẤT DU LỊCH
		ĐẤT NGHĨA TRANG
		ĐẤT CÔNG TRÌNH ĐẦU MỐI HẠ TẦNG KỸ THUẬT
		MẶT NƯỚC
		RANH GIỚI PHƯỜNG, XÃ
		RANH GIỚI NỘI THỊ
		RANH GIỚI NGHIÊN CỨU
		ĐƯỜNG ỜNG XĂNG DẦU

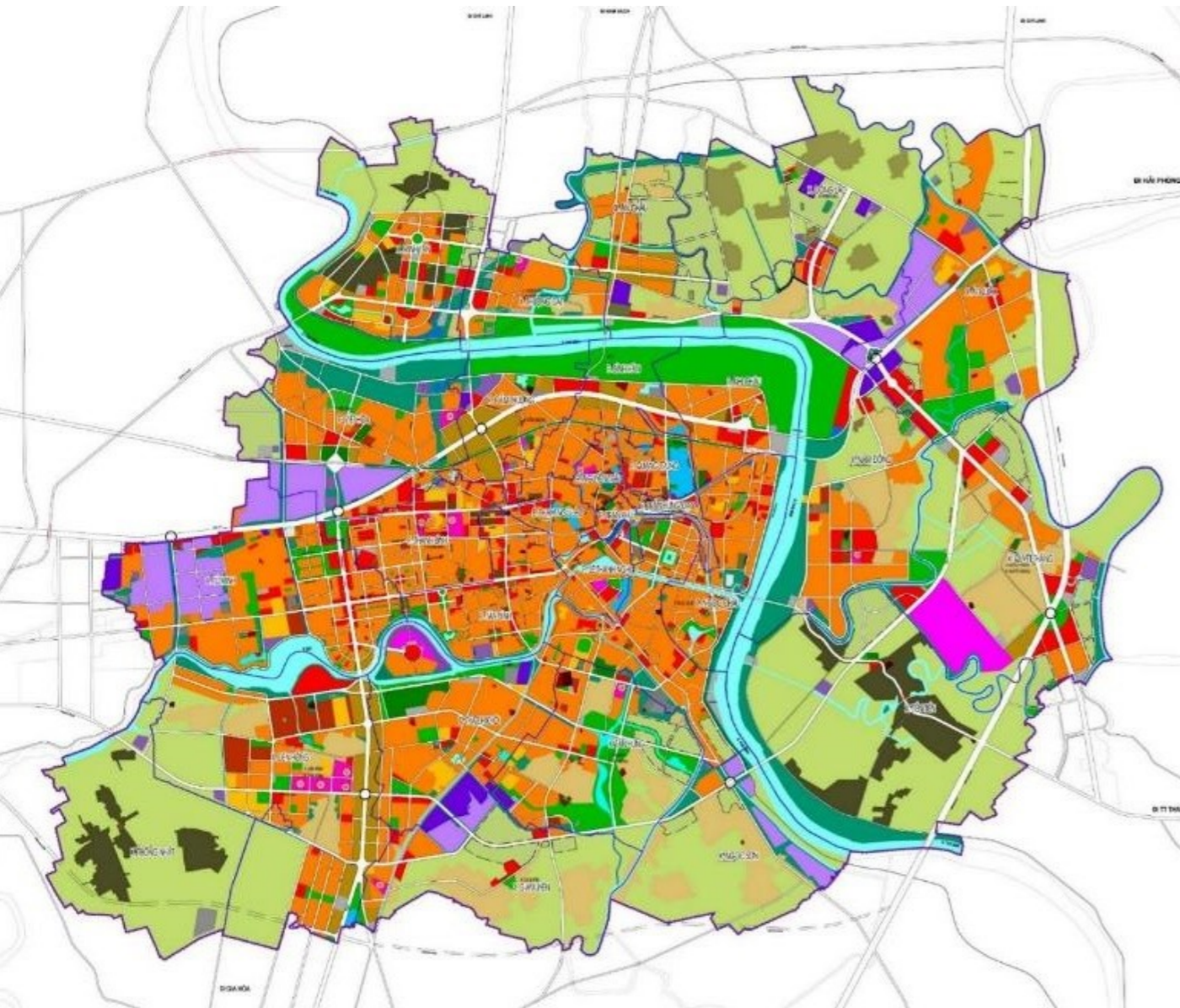
KÍ HIỆU

HIỆN TRẠNG	QUY HOẠCH	
		ĐƯỜNG CAO TỐC
		ĐƯỜNG QUỐC LỘ
		ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 5
		ĐƯỜNG VÀNH ĐAI 1,2
		ĐƯỜNG TRỰC ĐÔ THỊ
		ĐƯỜNG ĐỐI NGOẠI
		ĐƯỜNG KHU VỰC, PHẦN KHU VỰC
		BẾN XE ĐỐI NGOẠI
		GA, ĐƯỜNG SẮT ĐI DƯỚI
		GA, ĐƯỜNG SẮT TRÊN CAO
		ĐƯỜNG THỦY
		CẦU VƯỢT ĐƯỜNG SẮT
		CẦU ĐƯỜNG BỘ
		CẢNG HÀNG HÓA
		CẢNG TỔNG HỢP
		BẾN HÀNH KHÁCH
		NÚT GIAO LIÊN THÔNG
		NÚT GIAO TRỰC THÔNG

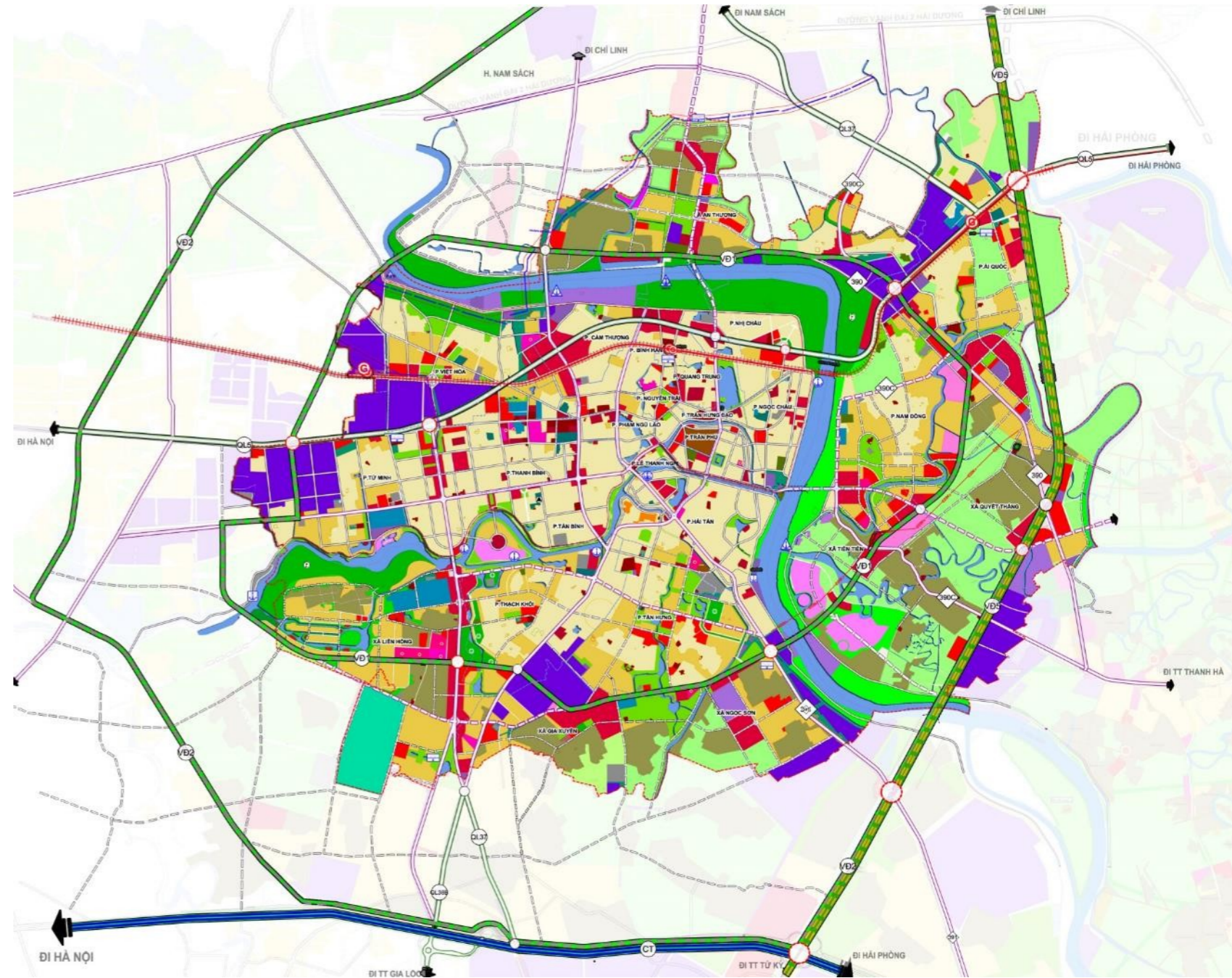


6.3 QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

QHC 2017



QHC điều chỉnh



6.3 QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

STT	Danh mục đất	Quy hoạch điều chỉnh 2022							Quy hoạch 2017				
		Tổng RG QH			Nội Thành		Ngoại thị		Tổng	Nội thành		Ngoại Thành	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	m2/ người	Diện tích (ha)	m2/ người	Diện tích (ha)	m2/ người	Diện tích (ha)	Diện tích (ha)	m2/ người	Diện tích (ha)	m2/ người
	Tổng diện tích đất TN (A+B)	11.168,18	100%		8.434,03		2.734,15		13.070,78	10.674,15		2.396,63	319,55
-	Đất xây dựng	8.558,90	76,64%		6.640,42		1.918,48		8.552,25	7.718,04		834,21	
-	Đất khác	2.609,27	23,36%		1.793,61		815,66		4.518,53	2.956,11		1.562,42	
A	Đất xây dựng (I+II)	8.558,90	100%	122,92	6.640,42	111,98	1.918,48	254,10	8.552,25	7.718,04	171,87	834,21	
I	Đất dân dụng	5.601,47	65,45%	80,45	4.458,75	85,25	1.142,72	153,39	6.165,62	5.540,75	135,82	624,87	83,78
1	Đất đơn vị ở	3.785,12	44,22%	63,35	2.860,02	48,23	925,10	122,53	3.872,13	3.406,29	80,15	465,84	62,11
-	<i>Đất ở hiện trạng</i>	2.566,55	29,99%	86,60	1.982,23	76,09	584,32	163,04	2.540,43	2.173,90	51,15	366,53	
-	<i>Đất ở mới</i>	1.218,57	14,24%	40,47	877,79	33,44	340,78	88,15	1.331,70	1.232,39	29,00	99,31	
2	Đất dịch vụ, công cộng đô thị	432,40	5,05%	6,21	347,78	5,86	84,62	11,21	446,43	421,68	9,92	24,75	3,30
3	Đất cây xanh công cộng đô thị (*)	460,40	5,38%	6,61	415,10	7,00	45,30	6,00	932,80	838,52	19,73	94,28	12,57
4	Đất giao thông đối nội	923,55	10,79%	13,26	835,85	14,10	87,70	11,62	914,26	874,26	20,57	40,00	5,33
II	Đất ngoài dân dụng	2.957,44	34,55%	42,47	2.181,67	36,79	775,76	102,75	2.386,63	2.177,29	36,05	209,34	
1	Đất trụ sở cơ quan ngoài sự quản lý của đô thị	56,11	0,66%		56,11				65,53	64,85		0,68	
2	Đất công cộng ngoài sự quản lý của đô thị	162,96	1,90%		132,93		30,03		232,74	223,42		9,32	
-	<i>Đất y tế</i>	74,84	0,87%		51,92		22,92		53,01	53,01			
-	<i>Đất Giáo dục</i>	88,12	1,03%		81,01		7,11		179,73	170,41		9,32	
3	Đất hỗn hợp, TMDV	547,54	6,40%		388,94		158,60		235,08	231,58	5,45	3,50	
4	Đất dịch vụ du lịch	27,22	0,32%		18,60		8,62		117,97	117,97		-	
5	Đất công nghiệp	719,06	8,40%		488,11		230,95		454,58	454,58	10,7	-	
6	Đất kho tàng bến bãi - logistic	103,86	1,21%		88,38		15,48					-	
7	Đất hạ tầng đầu mối	86,79	1,01%		61,33		25,46		62,52	56,05		6,47	
8	Đất giao thông đối ngoại	661,57	7,73%	9,50	522,76		138,80		600,76	520,03		80,73	
9	Đất cây xanh chuyên đề, chuyên dụng	592,33	6,92%	8,51	424,51	7,16	167,82	22,23	617,45	508,81		108,64	
B	Đất khác	2.609,27			1.793,61		815,66		4.518,53	2.956,11		1.562,42	
1	Đất an ninh, quốc phòng	55,79			48,31		7,48		17,81	17,81		-	
2	Đất di tích, tôn giáo	53,66			44,41		9,25		24,97	23,73		1,24	
3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, NTL, hỏa táng	75,88			53,62		22,26		65,13	53,65		11,48	
4	Đất nông nghiệp	1.239,25			704,20		535,05		3.540,56	2.171,16		1.369,40	
5	Đất sông suối, mặt nước, kênh mương thủy lợi	1.184,70			943,08		241,63		870,06	689,76		180,30	

- Chỉ tiêu sử dụng đất giai đoạn đến năm 2040:

Toàn thành phố:

- Đất xây dựng: 8.558,9 ha, chiếm tỷ lệ 76,64% diện tích đất tự nhiên

- Đất dân dụng: 5.601,47 ha; bình quân 80,45m²/người

+ **Đất đơn vị ở toàn đô thị:** quy mô 3.785,12 ha (bình quân: 63,35m²/người, cao hơn tiêu chuẩn DT loại I là 28m²/ng);

Trong đó: đất đơn vị ở hiện trạng bình quân 86,6 m²/người, đất đơn vị ở mới bình quân **40,47 m²/người**.

Chỉ tiêu bình quân đất đơn vị ở toàn đô thị cao hơn tiêu chuẩn quy định trong quy chuẩn QCVN 01:2021 là 28m²/ng một phần do bình quân đất đơn vị ở hiện trạng khá cao, các khu vực dân cư hiện hữu rất khó để tác động tăng mật độ dân cư và giảm chỉ tiêu. Trong khu vực, nhất là khu vực ngoại thành, có nhiều dự án phát triển đô thị sinh thái mật độ thấp. Nhiều khu vực đã được tỉnh giao cho các nhà đầu tư nghiên cứu quy hoạch các dự án phát triển đô thị (khoảng 250 ha).

+ **Đất công trình dịch vụ công cộng:** khoảng 432,4 ha (bình quân: 6,21 m²/người)

+ **Đất cây xanh công cộng đô thị:** 460,4 ha (bình quân: 6,61m²/người)

- Đất giao thông: 1.585 ha, bình quân 23,73 m²/người, chiếm tỷ lệ 18,5% đất xây dựng đô thị.

- Đất cây xanh toàn đô thị: 15,12 m²/người

(*) Chỉ tiêu cây xanh đô thị theo NQ1210/UBTVQH quy định với đô thị loại I:

- **Cây xanh công cộng đô thị:** 5-6 m²/người;

- **Cây xanh toàn đô thị (bao gồm cây xanh công viên, vườn hoa, cây xanh cách ly, cảnh quan sinh thái, cây xanh chuyên dụng):** 10-15 m²/người

Chỉ tiêu đất đơn vị ở:

Nếu tính theo chỉ tiêu 28m²/người đối với toàn đô thị: dư khoảng 143 ha tại khu vực nội thành và 233 ha tại các xã ngoại thành

Nếu tính theo chỉ tiêu 55m²/người đối với một số khu vực đô thị sinh thái (khoảng 250ha): dư khoảng 20ha tại khu vực nội thành và 128 ha tại các xã ngoại thành

KHUNG THIẾT KẾ ĐÔ THỊ TỔNG THỂ



SƠ ĐỒ MẠNG LƯỚI KẾT NỐI KHÔNG GIAN XANH ĐÔ THỊ



SƠ ĐỒ MẠNG LƯỚI KẾT NỐI TRUNG TÂM CÁC ĐÔ THỊ MỚI

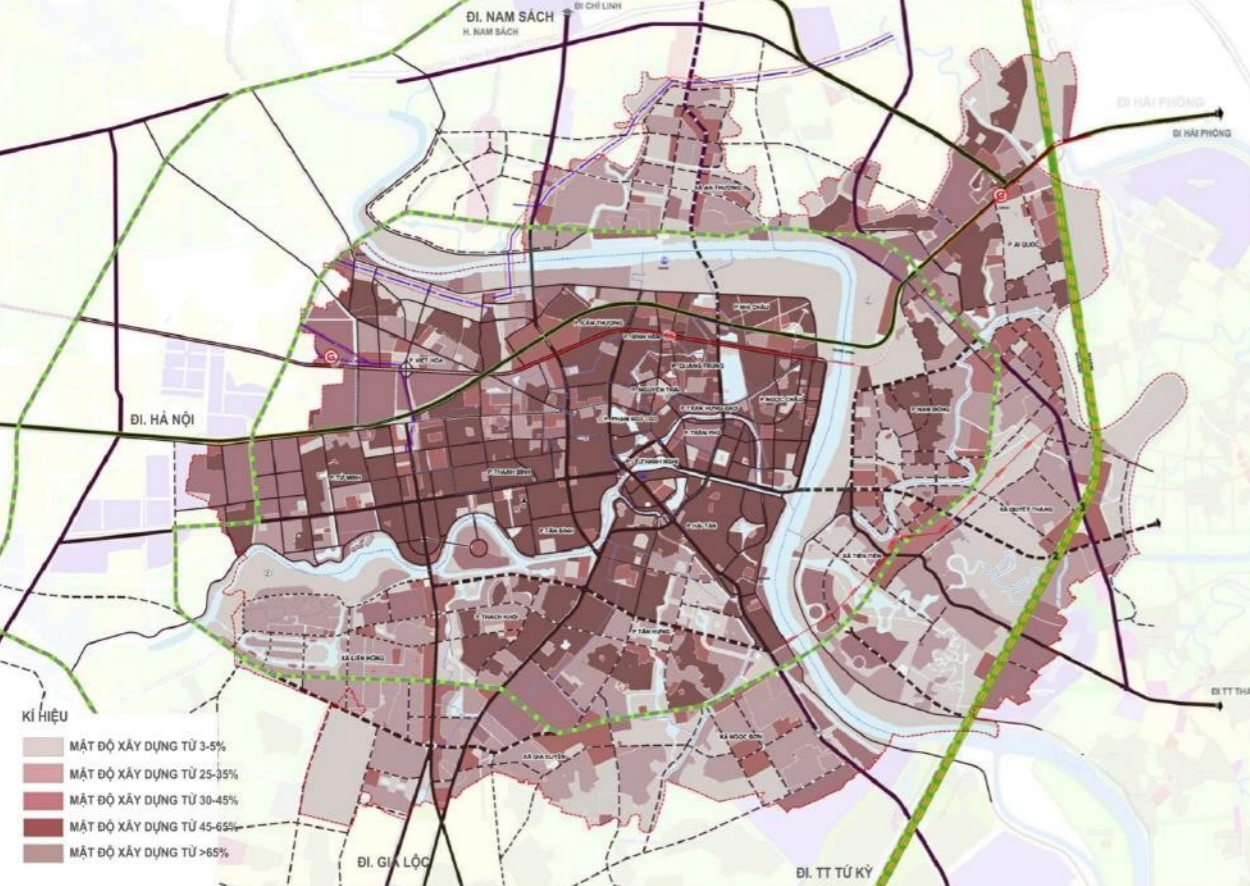


MINH HỌA THIẾT KẾ CẢNH QUAN KHU VỰC VEN SÔNG



MINH HỌA MỘT GÓC TIỂU CẢNH

SƠ ĐỒ PHÂN BỐ MẬT ĐỘ XÂY DỰNG



SƠ ĐỒ PHÂN BỐ TẦNG CAO XÂY DỰNG

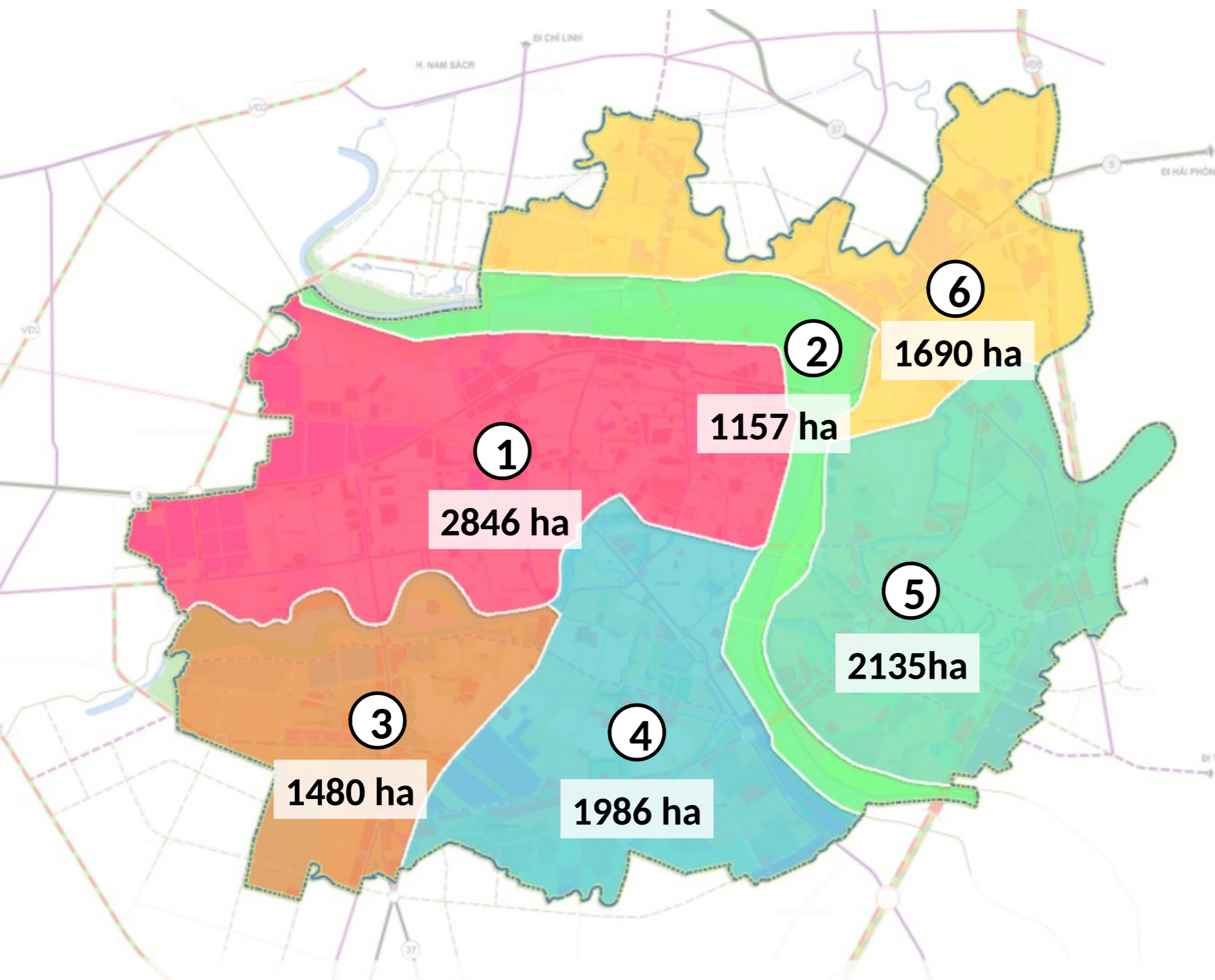


MINH HỌA TIỆN ÍCH ĐÔ THỊ



6.4 PHÂN KHU VỰC PHÁT TRIỂN

Trên cơ sở về địa hình, cảnh quan tự nhiên, hiện trạng phát triển kinh tế xã hội, giao thông và các dự án đã và đang hình thành, nghiên cứu đề xuất điều chỉnh toàn thành phố Hải Dương thành **6 khu vực phát triển**.

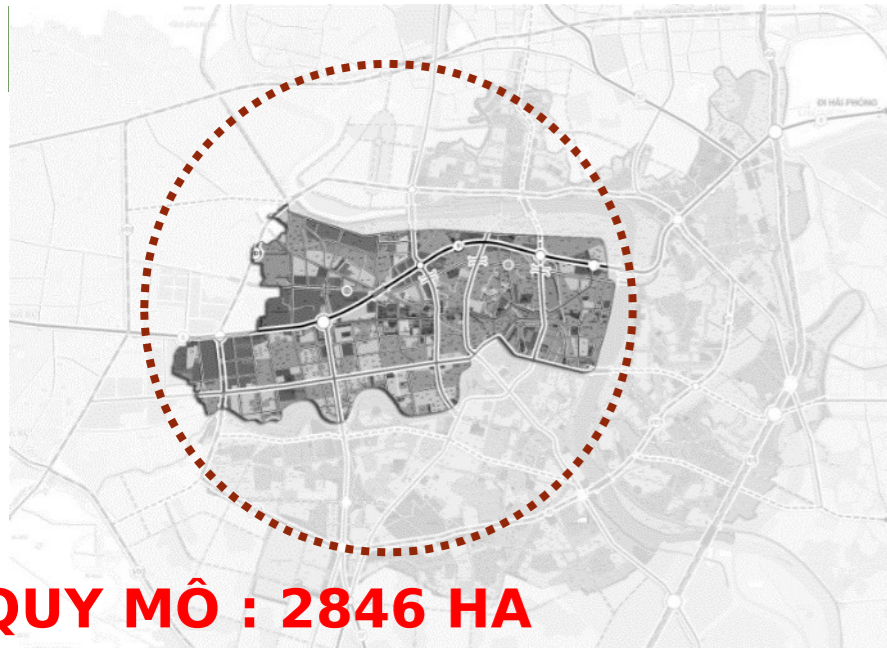


PHÂN VÙNG PHÁT TRIỂN QHC2017
6 khu vực phát triển chính

6 khu vực phát triển chính

- **Khu số 1:** Khu trung tâm đô thị hiện hữu.
- **Khu số 2:** Khu vực Không gian sông Thái Bình và sông Sặt.
- **Khu số 3:** Khu phát triển đô thị Văn hóa, Thể thao, Giáo dục và Y tế mới phía Tây Nam.
- **Khu số 4:** Khu phát triển đô thị xanh, thông minh phía Nam.
- **Khu số 5:** Khu đô thị sinh thái gắn với dịch vụ nông nghiệp cửa ngõ phía Đông.
- **Khu số 6:** Khu phát triển đô thị dịch vụ công nghiệp phía Bắc.

6.4 PHÂN KHU VỰC PHÁT TRIỂN



KHU SỐ 1: TRUNG TÂM ĐÔ THỊ HIỆN HỮU



QUY MÔ : 2846 HA

Năm 2040: 180.560 người

Chức năng:

Là khu vực trung tâm đô thị hiện hữu, với chức năng hành chính chính trị của tỉnh và thành phố. Các không gian đa chức năng với các hoạt động thương mại dịch vụ truyền thống mật độ cao.

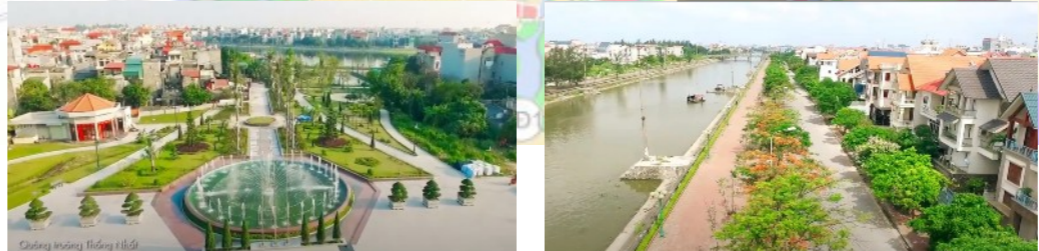
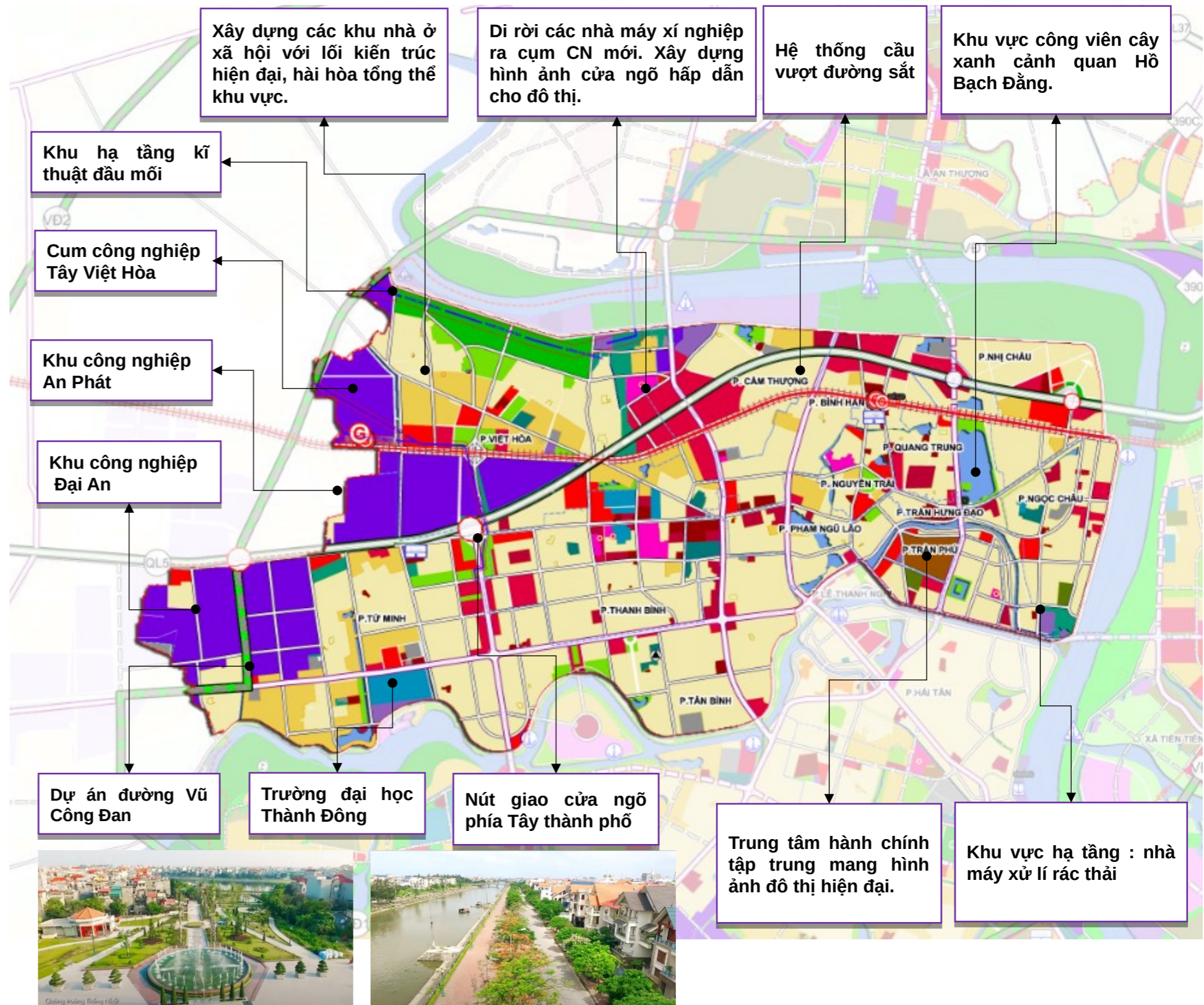
Đề xuất tái thiết các không gian quanh QL5, đường sắt, các nhà máy xí nghiệp trong nội đô thành các không gian hoạt động mới của đô thị. Xây dựng đường sắt trên cao, các nút GT khác mức qua QL5 và xây cầu mới phía Đông và Tây.

Bảo tồn phát huy các giá trị văn hóa lịch sử con người xứ Đông tạo điểm tham quan du lịch ấn tượng, liên kết các không gian tua tuyến và dịch vụ cho du khách,

Xây dựng cải tạo chỉnh trang, tạo các không gian công cộng, cây xanh, dịch vụ nâng cao chất lượng sống cho người dân, đặc biệt tạo điểm nhấn và ấn tượng khu vực ven sông.

Ưu tiên chuyển đổi sử dụng đất khi di dời các nhà máy xí nghiệp, các công trình công sở cho mục đích công cộng đô thị, tạo điểm nhấn mới cho TP tại các trục đường chính.

Cửa ngõ đô thị với các chức năng phát triển công nghiệp, dịch vụ, đô thị, logistic, đầu mối giao thông đường bộ, đường sắt (Bến xe, nhà ga,..), đan xen với các khu dân cư hiện hữu.



6.4 PHÂN KHU VỰC PHÁT TRIỂN

KHU SỐ 1: TRUNG TÂM ĐÔ THỊ HIỆN HỮU

Vùng trung tâm đô thị: Khu đô thị hiện hữu

1. Khu vực quảng trường, cửa ngõ :

- Tạo ra những khu vực nhộn nhịp, sôi động mang tính kết nối cộng đồng cao.
- Xây dựng lại theo thiết kế kiến trúc xuyên thấu cao đảm bảo tính liên tục cho các khu vực cảnh quan điểm nhấn đô thị.

2. Khu vực quy hoạch chức năng mới :

- Hình thành khu vực trung tâm hành chính kết hợp với hệ thống quảng trường mới hướng từ sông Bạch Đằng mang hình ảnh đô thị hiện đại.
- Xây dựng các công trình phức hợp nhà ở, các công trình hỗn hợp thương mại- dịch vụ- văn hóa thông qua việc tái thiết trên quy mô lớn.

3. Khu vực cảnh quan xung quanh sông, hồ:

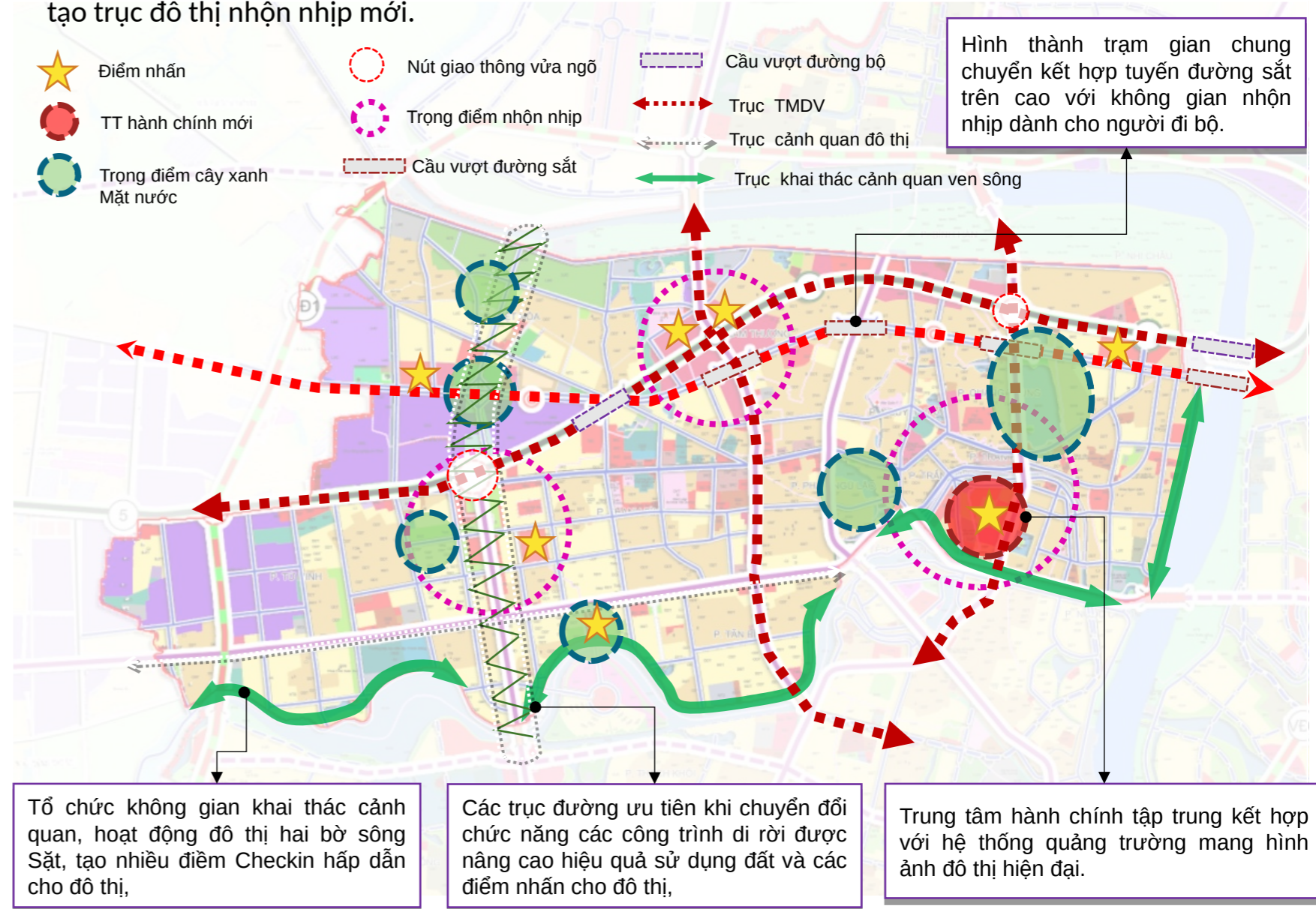
- Mở rộng không gian dành cho người đi bộ (kết hợp các khu vực hàng quán tạo không khí nhộn nhịp).
- Hình thành không gian mang tính tượng trưng trên cơ sở kết hợp quảng trường và không gian mặt nước; ven sông Bạch Đằng bố trí công trình thương mại, tạo không gian đi bộ an toàn, vui vẻ.
- Các không gian quanh hồ sẽ trở thành không gian công cộng phục vụ cho giao lưu cộng đồng, đặc biệt là khu vực tiếp cận với cây xanh mặt nước. Kết nối với các không gian trống dạng sân, quảng trường để thu hút giao lưu cộng đồng.

4. Quy hoạch giao thông ưu tiên người đi bộ

- Đối với các khu phố đóng vai trò là trục cảnh quan như phố Bạch Đằng, Thống Nhất , cũng như đối với các tuyến phố nhộn nhịp nằm trong khu vực buôn bán. Cần tiến hành cải tạo thành đường dành riêng cho người đi bộ mà không làm ảnh hưởng đến giao thông.
- Đường Bùi Thị Xuân là khu vực dành cho người đi bộ vào cuối tuần, đảm bảo tuyến trục liên tục từ quảng trường Thống Nhất ra sông Bạch Đằng.
- Xây dựng hệ thống cầu vượt đi bộ giúp đi lại an toàn sang bờ đối diện hoặc vào các công trình thương mại.

5. Quy hoạch giao thông công cộng:

- Triển khai hệ thống giao thông công cộng vốn chưa được khai thác sử dụng hiệu quả ở hiện tại. Tổ chức các tuyến bus kết nối với trung tâm huyện hoặc sử dụng xe bus nhỏ với chắc năng gom hành khách tại các điểm trung chuyển.
- Khai thác phát triển hợp lý dịch vụ vận tải đường sắt trên cơ sở nghiên cứu kỹ cấu trúc đô thị tương lai , nhu cầu giao thông tương lai,...trong trung tâm thành phố .
- Tuyến đường sắt hiện hữu sẽ được di chuyển và được xây dựng lại làm trục giao thông công cộng , tạo trục đô thị nhộn nhịp mới.

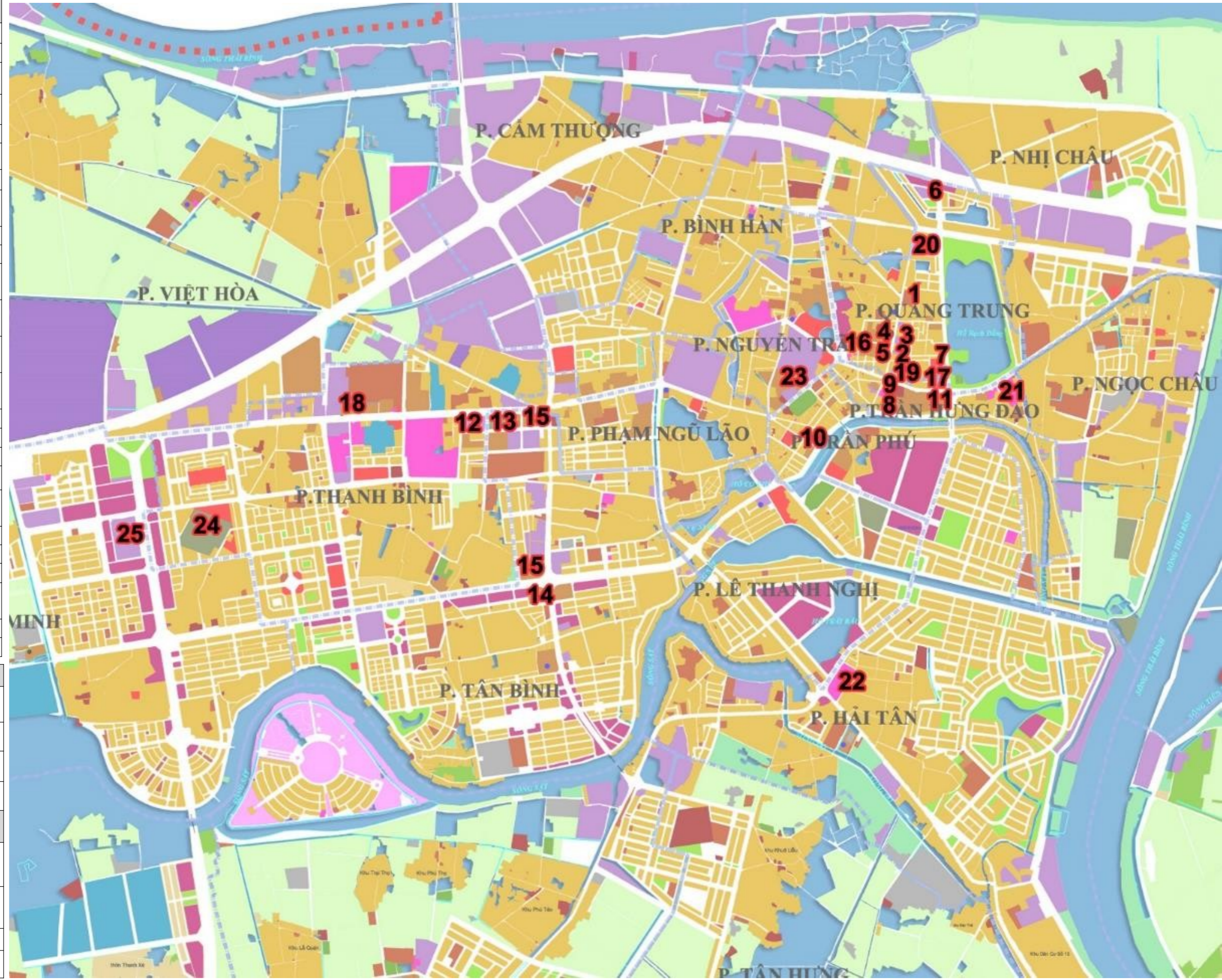


DANH MỤC, PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP CÁC QUỸ ĐẤT TRỤ SỞ TRÊN ĐỊA BÀN TP HẢI DƯƠNG SAU KHI DI CHUYỂN VỊ TRÍ

TT	Tên trụ sở	Diện tích hiện trạng m2	Phường	Phương án sắp xếp lại, chức năng dự kiến quy hoạch	Địa chỉ	Ghi chú
I	QUỸ ĐẤT CÁC SỞ, NGÀNH	78,087.5				
1	Sở Giáo dục	2,044.4	Quang Trung	Mở rộng trường tiểu học Tô Hiệu	94, Quang Trung	
2	Sở Y tế	1,473.0	Quang Trung	Trường mầm non Quang Trung		Chuyển quỹ đất trường mầm non hiện trạng phường Quang Trung cho trường THCS Ngô Gia Tự
3	Sở Kế hoạch đầu tư	2,493.1	Quang Trung	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả "1 cửa" UBND thành phố		
4	UBND tỉnh	9,870.7	Quang Trung	Trụ sở UBND thành phố		
5	Sở Nội vụ	2,189.9	Quang Trung			
6	Ban quản lý các khu công nghiệp	2,103.0	Quang Trung	Tổ hợp dịch vụ thương mại, khách sạn, nhà ở cao tầng		
7	Sở Tài chính	1,072.4	Trần Hưng Đạo	Điểm trường mầm non trần hưng đạo	13, Nguyễn Du	
8	Sở Văn hoá thể thao và Du lịch	3,740.0	Trần Hưng Đạo	Chuyển trụ sở Hội nông dân tỉnh về vị trí Sở văn hoá thể thao và du lịch		
9	Thanh tra tỉnh	839.0	Trần Phú	Đất ở chia lô đấu giá		
10	Sở Giao thông vận tải	1,781.6	Trần Phú			
11	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	2,975.9	Ngọc Châu	Chuyển chi cục quản lý thị trường về vị trí Ban QLDA đầu tư tỉnh		
12	Sở Khoa học và Công nghệ	3,775.0	Thanh Bình	Đấu giá đất dịch vụ thương mại, văn phòng		
13	Sở Thông tin và Truyền thông	1,710.2	Thanh Bình	Đấu giá đất dịch vụ thương mại, văn phòng		
14	Sở Tài nguyên và Môi trường	9,945.7	Tân Bình	Tổ hợp thương mại dịch vụ và nhà ở cao tầng		
15	Hội nông dân tỉnh	12,121.7	Tân Bình	Tổ hợp thương mại dịch vụ và nhà ở cao tầng 17.214,2 m2		
	Viện kiểm sát	5,092.5				
16	Sở Công Thương	1,656.8	Quang Trung	Tổ hợp sinh hoạt cộng đồng của nhà hát, bãi đỗ xe 2.785,7 m2		
	Chi cục quản lý thị trường	1,128.9				
17	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2,019.0	Trần Hưng Đạo	Tổ hợp thương mại dịch vụ, khách sạn, shop house 11,978,5 m2		
	Sở Tư pháp	1,011.0				
	Sở Xây dựng	3,920.4				
	Sở Lao động và Thương binh Xã hội	1,941.6				
	Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam	1,475.5				
	Liên minh hợp tác xã	1,611.0				
18	Chi cục thống kê	2,139.6	Thanh Bình	Trụ sở Viện kiểm sát		
II	QUỸ ĐẤT BỆNH VIỆN	29,938.5				
19-20	Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh	4,539.0	Quang Trung	Khu đất ở tái định cư cho các lô đất giáp UBND thành phố và Tỉnh uỷ (đường Bạch Đằng), nhà ở thương mại đấu giá với diện tích 5.243,5 m2	18 đường Thanh Niên, 144 Quang Trung, 150 Quang Trung	
	Bệnh viện mắt và da liễu	704.5	Quang Trung		Ngõ 144, Quang Trung	
21	Bệnh viện phục hồi chức năng	9,250.0	Trần Hưng Đạo	Tổ hợp thương mại dịch vụ và nhà ở khoảng 0,8 ha. Còn lại 0.125 ha mở rộng trường THCS Trần Hưng Đạo	112 Trần Hưng Đạo	
22	Bệnh viện y học cổ truyền	15,445.0	Hải Tân	Tổ hợp thương mại dịch vụ và nhà ở cao tầng, shop house	Thanh niên kéo dài	
III	QUỸ ĐẤT AN NINH, TRẠI GIAM	111,915.5				
23	Trụ sở Công an tỉnh	15,915.5	Trần Hưng Đạo	Tổ hợp thương mại dịch vụ và nhà ở cao tầng, shop house	35 Đại lộ Hồ Chí Minh	
24	Khu vực Trại giam Kim chi	96,000.0	Thanh Bình, Tứ Minh	Quỹ đất giáo dục trường liên cấp khoảng 2 ha. Đất bãi đỗ xe, công viên cây xanh, công cộng và tái định cư		Hiện trạng quy hoạch trại tạm giam (14,6 ha), bãi đỗ xe (1,48 ha), chợ phường 0,3 ha, nhà văn hoá 0,15ha, giáo dục. Đã có chủ trương quy hoạch xây dựng phân trại tạm giam công an Tỉnh tại xã An Phượng, Thanh Hà khoảng 9,8 ha. (Văn bản số 1586-TB/TU ngày 09/1/2020 của BTV TU)
IV	QUỸ ĐẤT KHÁC	67,400.0				
25	Kho xăng dầu K132	67,400.0	đường 62M, Tứ Minh	Dịch vụ thương mại, nhà ở cao tầng, shop house và công viên cây xanh		Hiện trạng: 2,86 ha đất cây xanh, 3,88 ha đất dịch vụ công cộng
	TỔNG CỘNG (I +II + III + IV)	287,341.5				

6.4 Vị trí đề xuất chuyển đổi

I	QUỸ ĐẤT CÁC SỞ, NGÀNH
1	Sở Giáo dục
2	Sở Y tế
3	Sở Kế hoạch đầu tư
4	UBND tỉnh
5	Sở Nội vụ
6	Ban quản lý các khu công nghiệp
7	Sở Tài chính
8	Sở Văn hoá thể thao và Du lịch
9	Thanh tra tỉnh
10	Sở Giao thông vận tải
11	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh
12	Sở Khoa học và Công nghệ
13	Sở Thông tin và Truyền thông
14	Sở Tài nguyên và Môi trường
15	Hội nông dân tỉnh
16	Viện kiểm sát
17	Sở Công Thương
18	Chi cục quản lý thị trường
19	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
20	Sở Tư pháp
21	Sở Xây dựng
22	Sở Lao động và Thương binh Xã hội
23	Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam
24	Liên minh hợp tác xã
25	Chi cục thống kê
II	QUỸ ĐẤT BỆNH VIỆN
19-20	Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh
21	Bệnh viện mắt và da liễu
22	Bệnh viện phục hồi chức năng
23	Bệnh viện y học cổ truyền
III	QUỸ ĐẤT AN NINH, TRẠI GIAM
23	Trụ sở Công an tỉnh
24	Khu vực Trại giam Kim chi
IV	QUỸ ĐẤT KHÁC
25	Kho xăng dầu K132



6.4 PHÂN KHU VỰC PHÁT TRIỂN

KHU SỐ 2: KHÔNG GIAN SÔNG THÁI BÌNH

Chức năng:

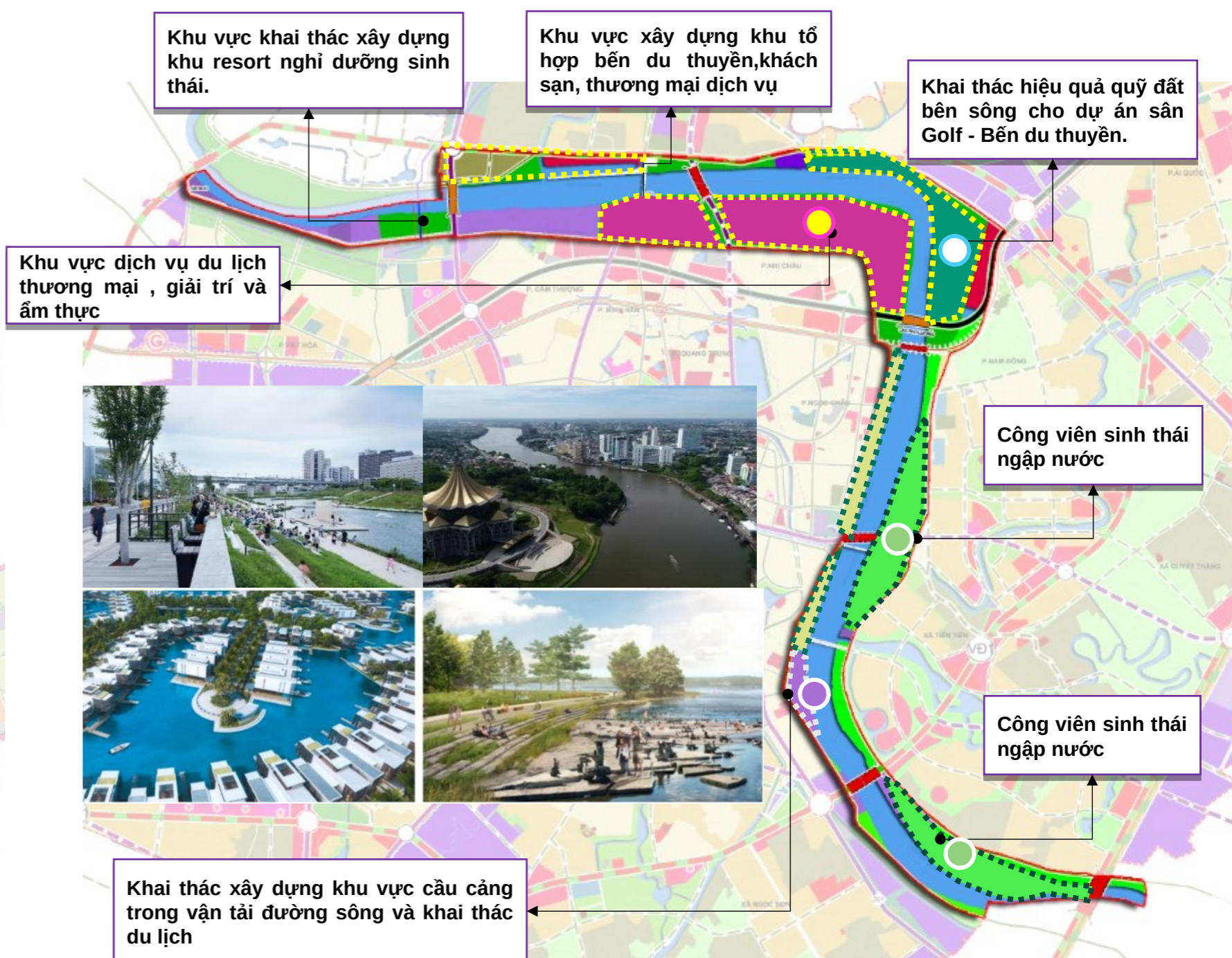
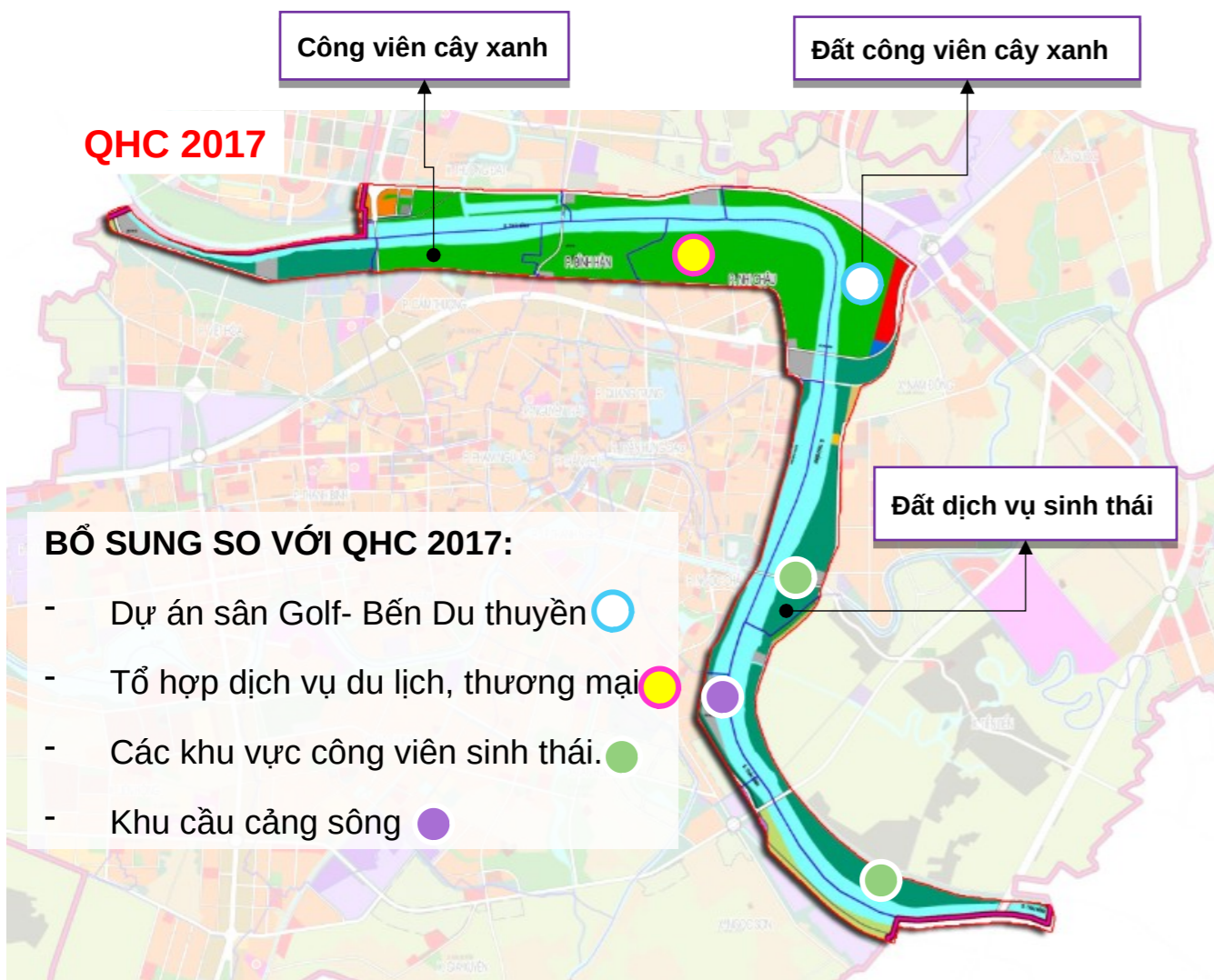
Là khu vực khai thác không gian cảnh quan dọc bờ sông Thái Bình và Sông Sắt hình thành những đảo dịch vụ du lịch, thương mại là nét đặc trưng về hình thái đô thị cho thành phố Hải Dương.

Khai thác hiệu quả không gian dọc bờ sông Thái Bình cho hoạt động văn hóa thể thao hiện đại, sinh thái, tổ hợp về thương mại dịch vụ, phát triển bền vững và độc đáo là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội trong vùng, đảm bảo các điều kiện an toàn phòng chống lũ, bảo vệ nguồn nước mặt sông Thái Bình.

Xây dựng cảng sông gắn với hoạt động vận tải hàng hóa kho bãi đường thủy kết hợp khai thác du lịch đường thủy gắn với các không gian du lịch các huyện lân cận



DIỆN TÍCH 1157 HA
2040: 42.647 người



Vùng khai thác không gian cảnh quan Sông Sắt và sông Thái Bình

- Để có thể phủ xanh cho đô thị, mạng lưới xanh cần được hình thành bằng những vành đai sinh thái ven các con sông như sông Sắt và sông Thái Bình.
- Tạo cơ hội tiếp cận tối đa cho cộng đồng với không gian mặt nước. Hình thành các công viên cảnh quan ven mặt nước trở thành trục cảnh quan chính xuyên suốt đô thị.

1. Khu vực khai thác cho hoạt động hoạt động văn hóa thể thao hiện đại, sinh thái, tổ hợp về thương mại dịch vụ :

- Điểm nhấn phát triển của khu vực này sẽ là khu sân Golf - Bến du thuyền kết hợp với các dịch vụ thương mại, giải trí và ẩm thực.
- Xây dựng trong khu vực các công trình công cộng dịch vụ, phục vụ cho nhu cầu của người dân. Hình thái hòa hợp với thiên nhiên.
- Ngoài ra khu vực cũng phù hợp để hình thành các khu nhà vườn, du lịch sinh thái. Các công trình xây dựng trong khu vực chú trọng đến việc phủ xanh không gian bằng cây xanh, bóng mát. Hầu hết các công trình nên có hình dạng nhà vườn, biệt thự sinh thái. Kiến trúc hòa nhập thiên nhiên và vật liệu thân thiện với môi trường.

2. Khu vực công viên sinh thái ngập nước:

- Hình thành một không gian công viên cảnh quan mang yếu tố tĩnh nhiều hơn. Tập trung tổ chức các tuyến đường dạo, vườn hoa, các điểm dừng chân ngắm cảnh để người dân đô thị ra đây nghỉ ngơi, thư giãn, tổ chức các hoạt động thể thao như câu cá, chèo thuyền,...
- Đề xuất hình thành công viên sinh thái ngập nước là tạo ra một công viên có sự tương tác với sông Thái Bình. Vừa tạo dấu ấn đô thị đồng thời là nơi chứa lũ để giảm bớt mực nước lũ cục bộ khi trời mưa.



Hình thức tổ chức KG ven sông

Khu vực khai thác xây dựng sân Golf



6.4 PHÂN KHU VỰC PHÁT TRIỂN

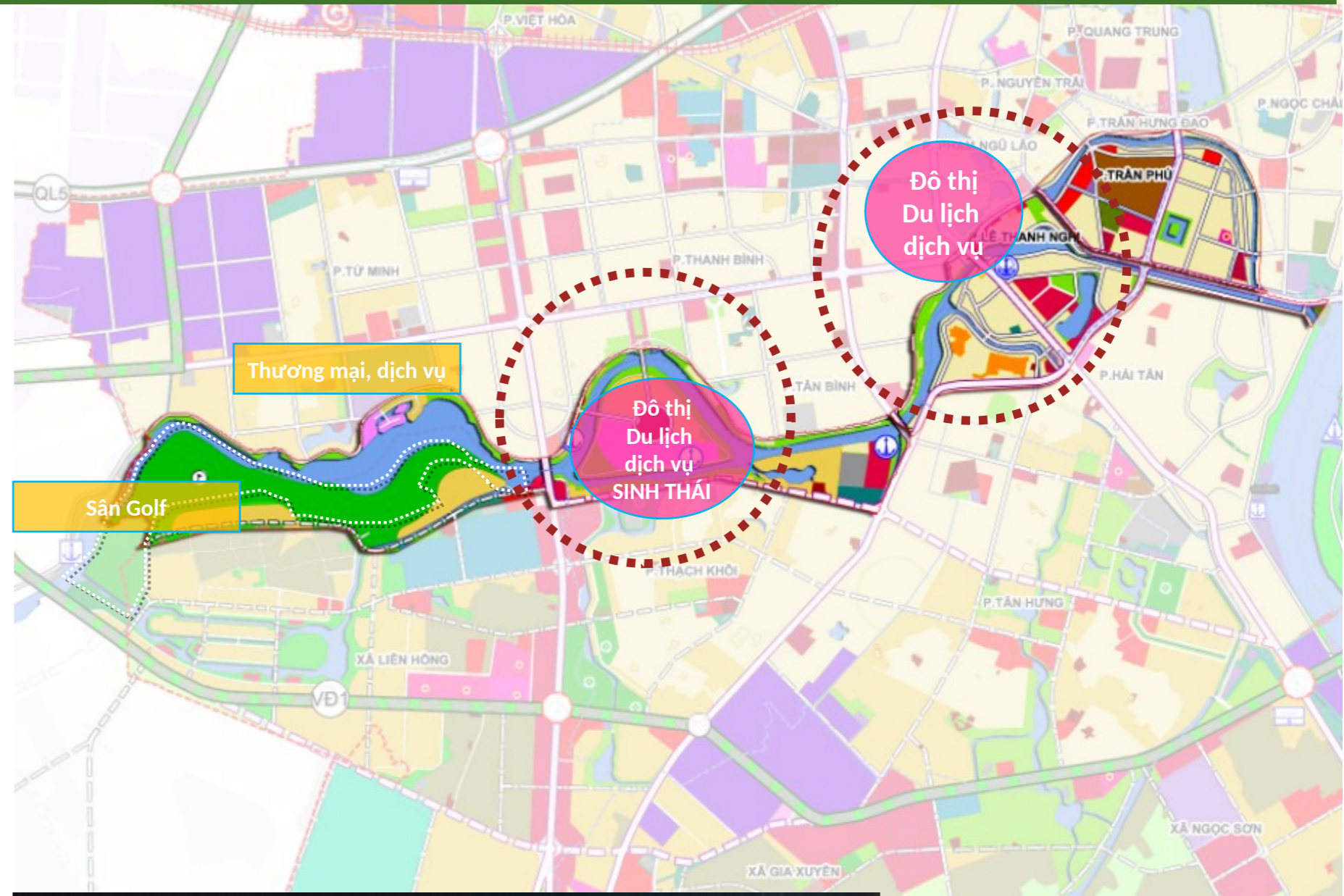
MINH HOA KHÔNG GIAN KHAI THÁC SÔNG THÁI BÌNH



KHÔNG GIAN SÔNG SẮT

3. Khu vực quy hoạch các Đảo đô thị du lịch , dịch vụ :

- Xây dựng trong khu vực các công trình công cộng tạo điểm nhấn cho đô thị. Quy hoạch thêm các quảng trường tại vị trí có tính chất hội tụ giao lưu. Bố trí các điểm nhìn đẹp tại các quảng trường để đón hướng nhìn ra không gian sông Thái Bình.



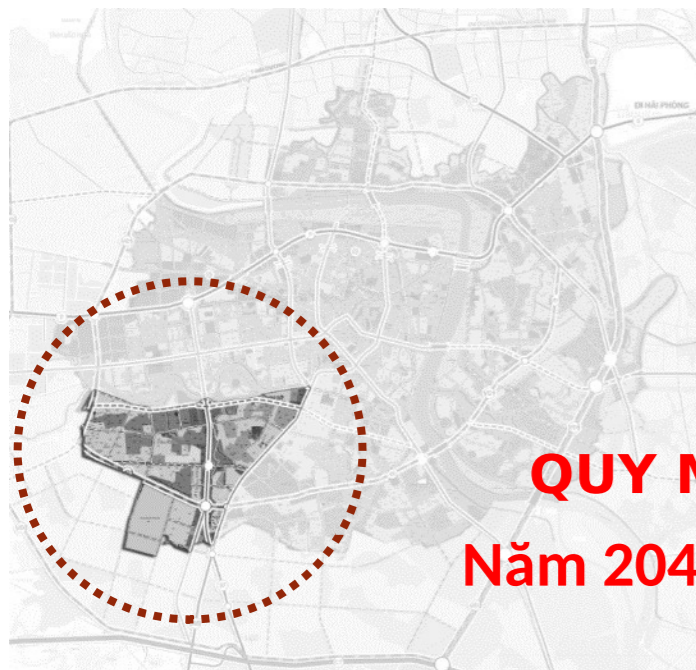
4. Khu vực quy hoạch Thương, dịch vụ và vui chơi , giải trí, thể thao cao cấp- sân Golf:

- Xây dựng trong khu vực các công trình thương mại dịch vụ đáp ứng phục vụ cho khu vực lân cận
- Quy hoạch sân Golf ven bờ sông Sắt .



6.4 PHÂN KHU VỰC PHÁT TRIỂN

KHU SỐ 3: KHU PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VĂN HÓA, THỂ THAO, GIÁO DỤC VÀ Y TẾ MỚI PHÍA TÂY NAM



QUY MÔ : 1480 HA
Năm 2040: 19.503 người

Chức năng:

Đây là khu vực đô thị mới - Cửa ngõ phía Tây Nam với các chức năng phát triển trực dịch vụ thương mại, công cộng, gắn với phát triển dịch vụ nhà ở và các tiện ích đô thị.

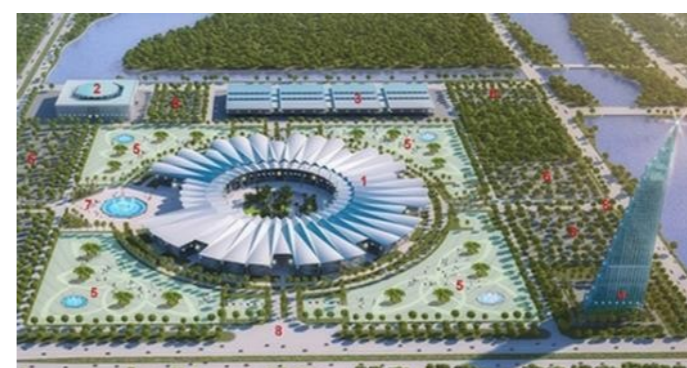
Xây dựng trung tâm nghiên cứu công nghệ nông nghiệp chất lượng cao, trung tâm triển lãm thành phố,...

Bố trí các công trình giáo dục đào tạo, y tế, văn hóa, thể dục thể thao cấp đô thị tại khu vực.

Xây dựng chợ đầu mối phía Nam thành phố.

Xây dựng các khu chức năng tạo nên không gian hần dân đặc trưng gắn với cảnh quan sông Sắt.

Xây dựng công viên trí thức gắn với hệ thống giáo dục đào tạo của vùng thủ đô tạo nên một không gian giao lưu tri thức kết hợp không gian trưng bày các sản phẩm công nghệ mới



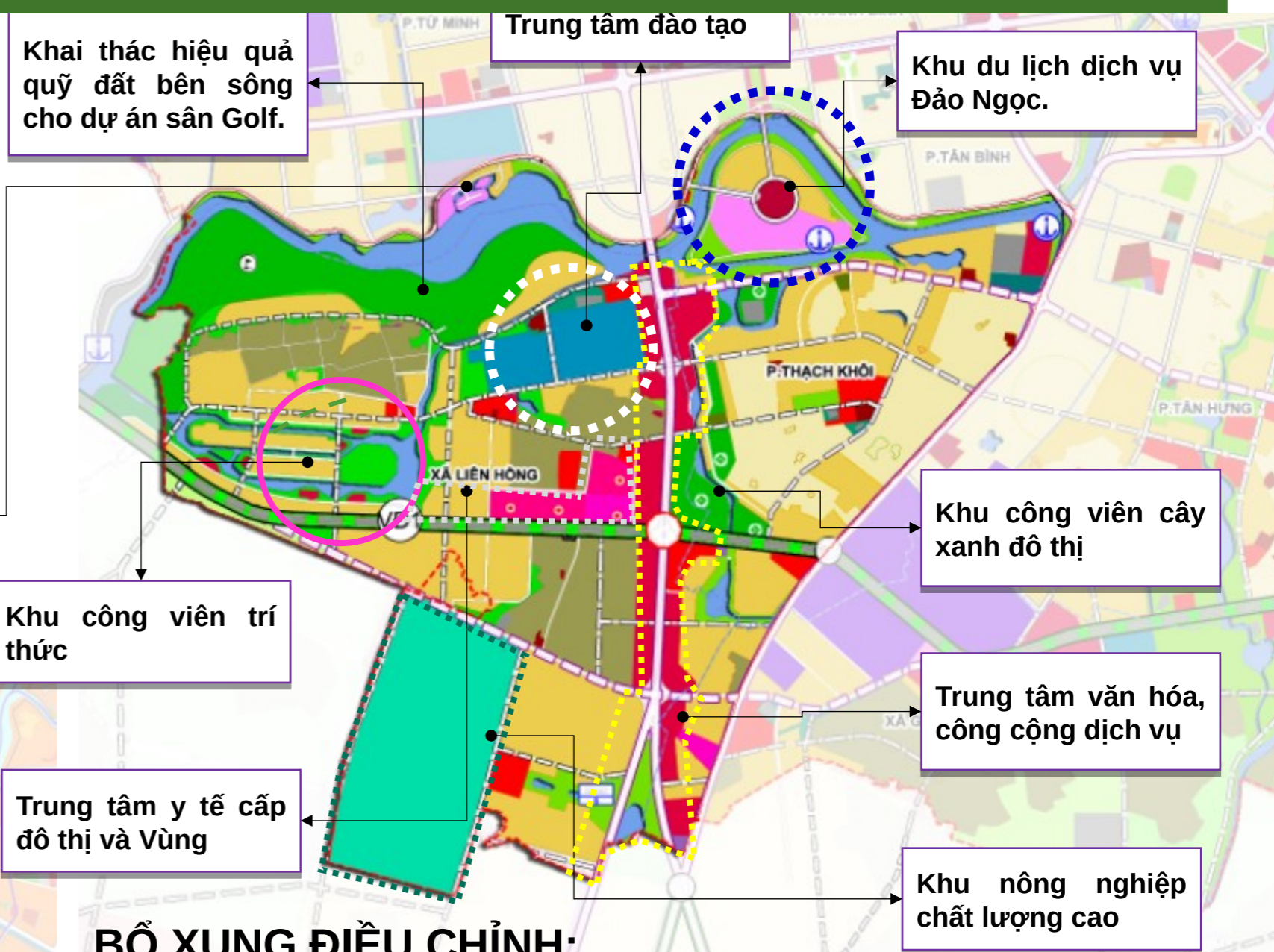
6.4 PHÂN KHU VỰC PHÁT TRIỂN

KHU SỐ 3: KHU PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VĂN HÓA, THỂ THAO, GIÁO DỤC VÀ Y TẾ MỚI PHÍA TÂY NAM

KẾ THỪA QHC 2017:

- Giữ lại các công trình hiện trạng.
- Chức năng sử dụng đất khu Đảo Ngọc.
- Xây dựng mới bệnh viện đa khoa ở khu vực đô thị mới mở rộng ở xã Thạch Khôi.
- Vị trí các khu vực trung tâm đào tạo và trung tâm y tế cấp vùng và đô thị.

QHC 2017

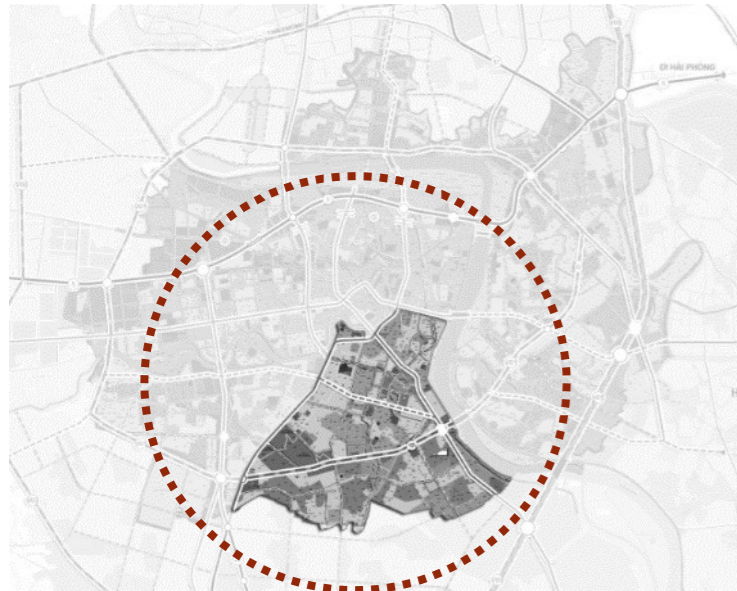


BỔ XUNG ĐIỀU CHỈNH:

- Quy hoạch khu sân Golf ven sông Sắt và khu đô thị mới tại xã Liên Hồng .
- Tại vị trí trục đường: chuyển đổi chức năng thành các không gian công cộng, khu hỗn hợp thương mại dịch vụ nhằm tăng giá trị sử dụng đất.
- Hình thành khu nông nghiệp chất lượng cao.
- Tạo nên công viên trí thức gắn với các không gian giáo dục y tế cấp vùng

6.4 PHÂN KHU VỰC PHÁT TRIỂN

KHU SỐ 4: KHU PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ XANH, THÔNG MINH PHÍA NAM



QUY MÔ : 1853 HA

Năm 2040: 50.126 người

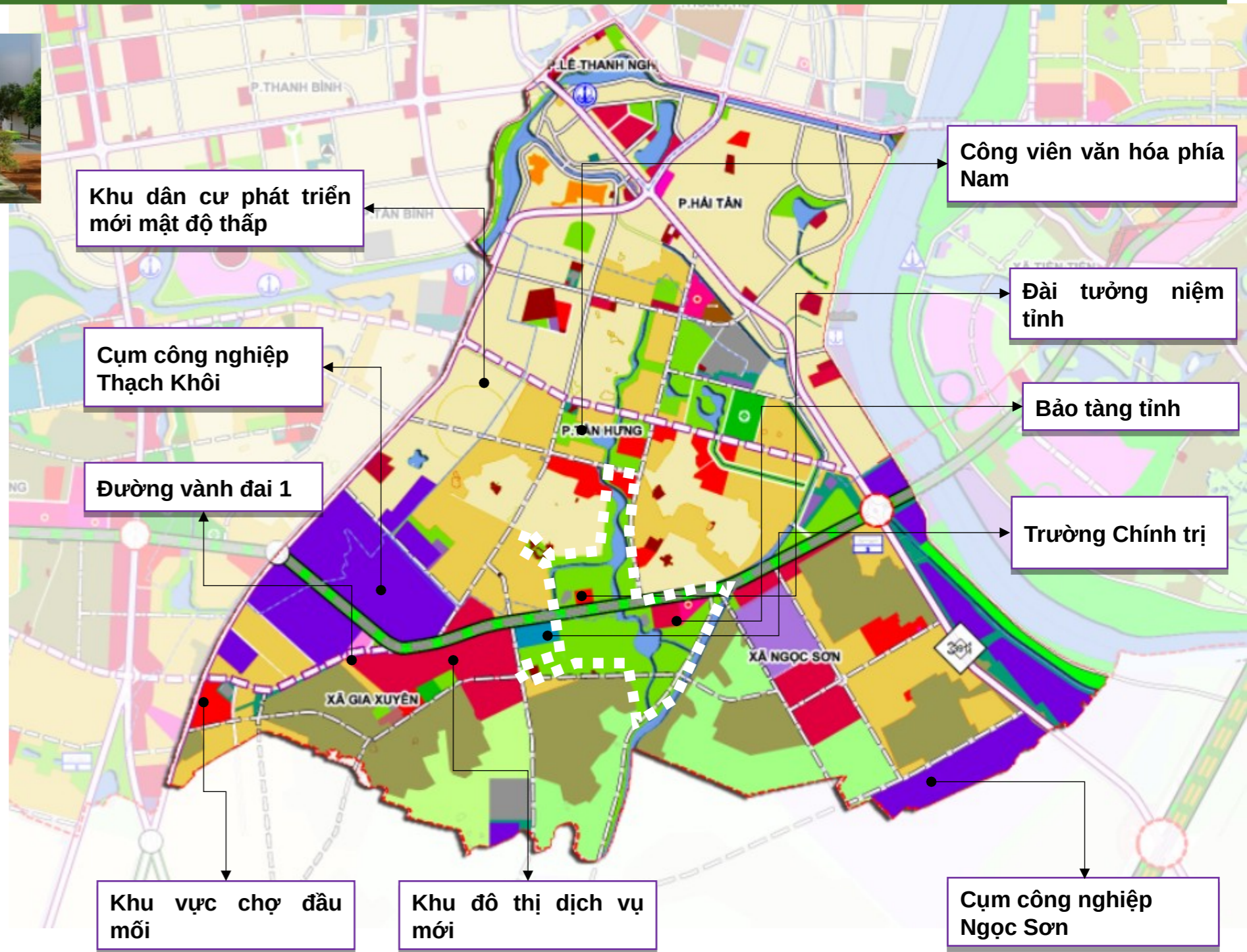
Chức năng:

Đây là khu vực phát triển các khu đô thị mới gắn với mô hình đô thị xanh, thông minh, sinh thái đan xen với các khu dân cư hiện hữu mật độ thấp, đồng bộ hệ thống hạ tầng. Bố trí cụm CN xanh gắn với công nghệ cao.

Xây dựng khu vực đạo tạo tập trung mới phía Nam vành đai.

Bố trí một công viên đô thị phía Nam thành phố để tổ chức các sự kiện lớn gắn với các hoạt động công cộng đô thị và điều hòa thoát nước TP.

Phát huy không gian cảng sông vào hoạt động vận tải và du lịch cho Tp, tạo công viên ven sông cho hoạt động du lịch và cảnh quan ven sông.



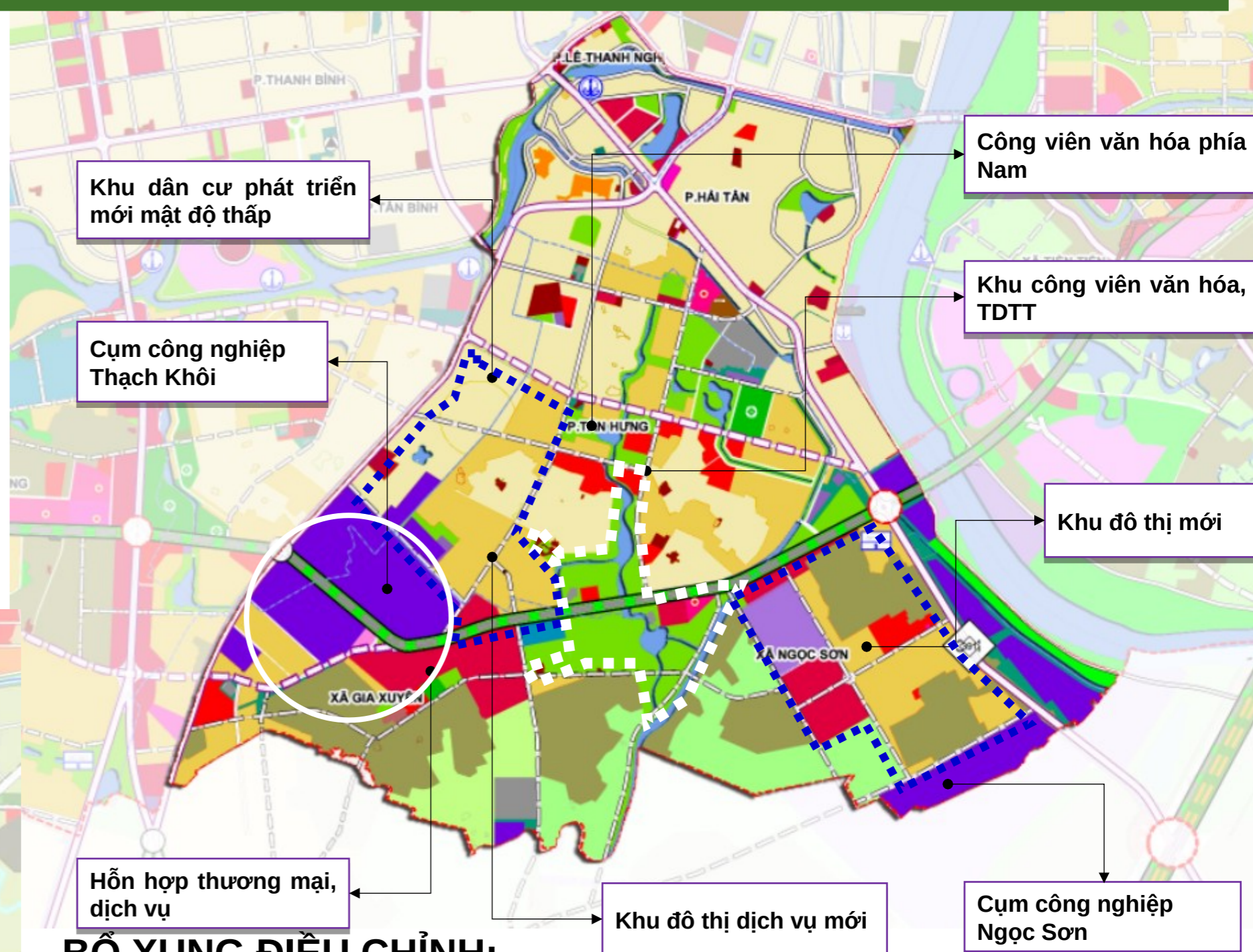
6.4 PHÂN KHU VỰC PHÁT TRIỂN

KHU SỐ 4: KHU PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ XANH, THÔNG MINH PHÍA NAM

KẾ THỪA QHC 2017:

- Giữ lại các công trình hiện trạng.
- Dải công viên cây xanh, mặt nước tại khu vực xã Tân Hưng.
- Trong mỗi khu vực đô thị mới xây dựng một bệnh viện và trường học cấp khu vực.

QHC 2017

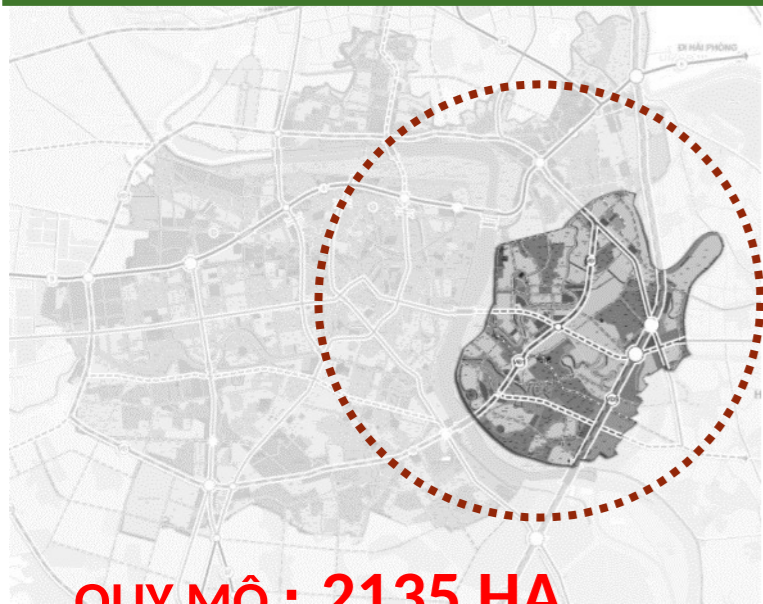


BỔ XUNG ĐIỀU CHỈNH:

- Mở rộng cụm công nghiệp Thạch Khê, xây dựng thêm cụm công nghiệp Ngọc Sơn
- Hình thành các khu đô thị và khu dân cư phát triển mới mật độ thấp.
- Chuyển đổi tính chất công viên cây xanh thành Công viên văn hóa, vui chơi giải trí, thể dục thể thao.

6.4 PHÂN KHU VỰC PHÁT TRIỂN

KHU SỐ 5: KHU ĐÔ THỊ SINH THÁI GẮN VỚI DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP CỬA NGÕ PHÍA ĐÔNG



QUY MÔ : 2135 HA

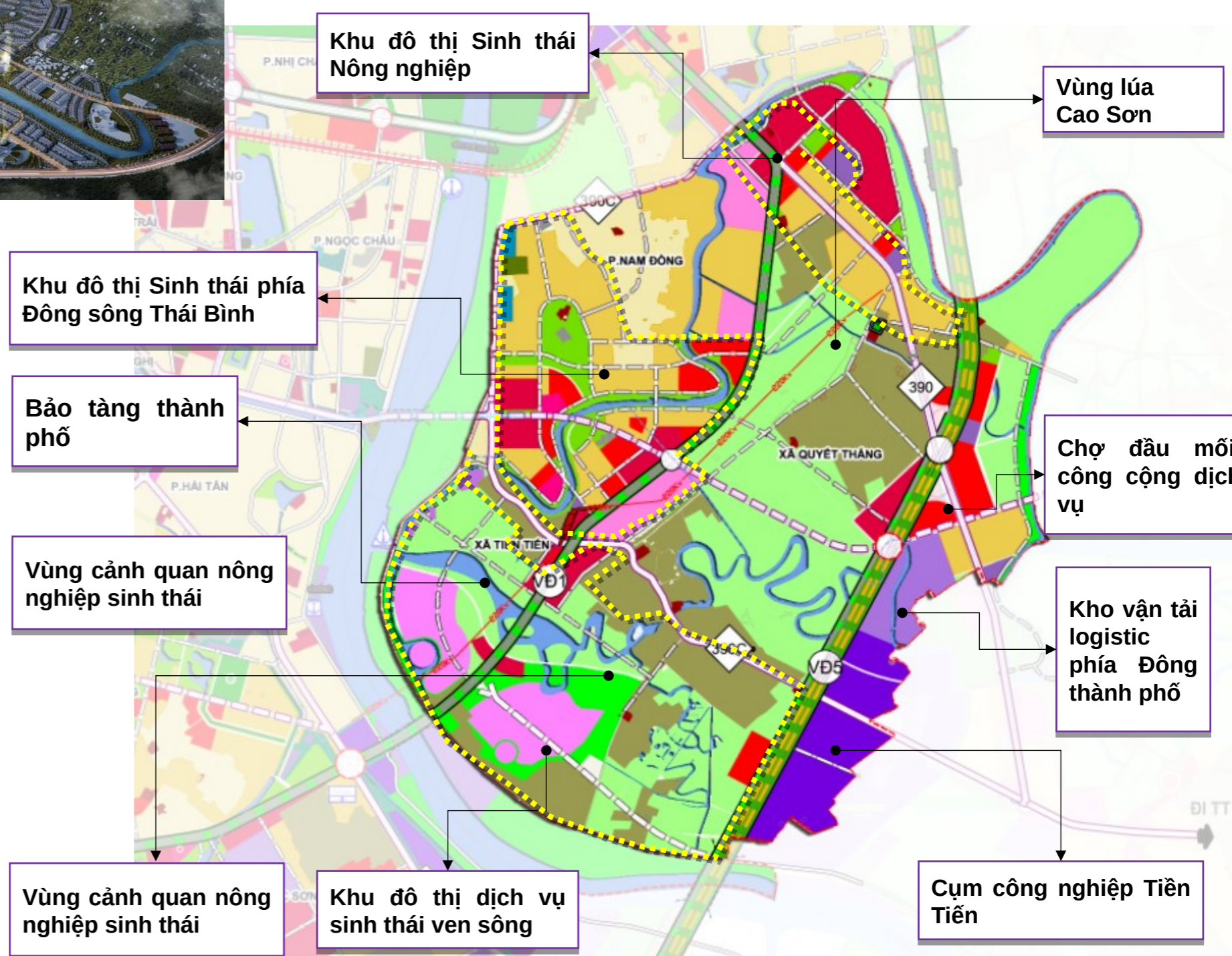
Năm 2040: 50.340 người

Chức năng:

Đây là khu vực phát triển đô thị dịch vụ kết hợp phát triển du lịch tương xứng với đô thị hiện hữu gắn với cửa ngõ phía Đông thành phố và vùng sinh thái nông nghiệp dọc bờ sông Thái Bình.

Khai thác vùng cảnh quan phía Đông Nam sông Thái Bình để phát triển đô thị gắn với dịch vụ sinh thái, các khu dân cư nông thôn hiện trạng, dân cư nông thôn phát triển mới và các vùng sản xuất nông nghiệp chất lượng cao và đầu mối hạ tầng đô thị.

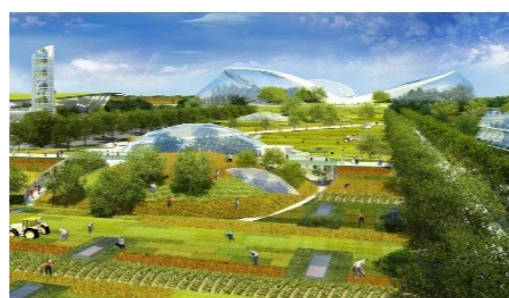
Khai thác lợi thế tuyến vành đai 5 vùng thủ đô với tuyến kết nối trung tâm thành phố bố trí không gian phát triển chợ đầu mối và trung tâm logistics tạo ra điểm kết nối cửa ngõ phía Đông Tp với các hình ảnh thương mại giao thương hàng hóa.



Khu vực nhà trọ nhỏ có thể ngắm nhìn phong cảnh điền viên hấp dẫn



Khu vực trải nghiệm nông nghiệp trong nhà và ngoài trời

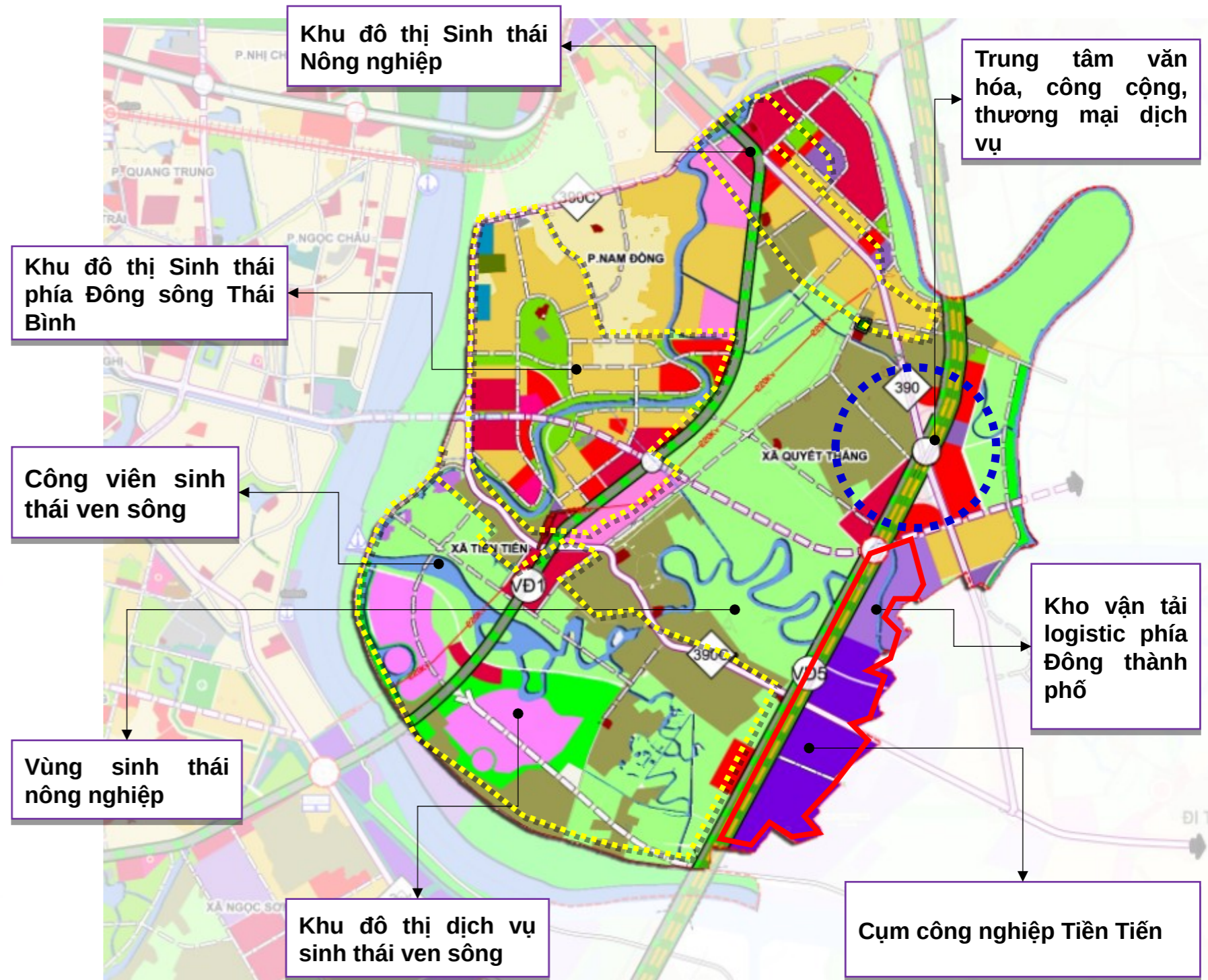
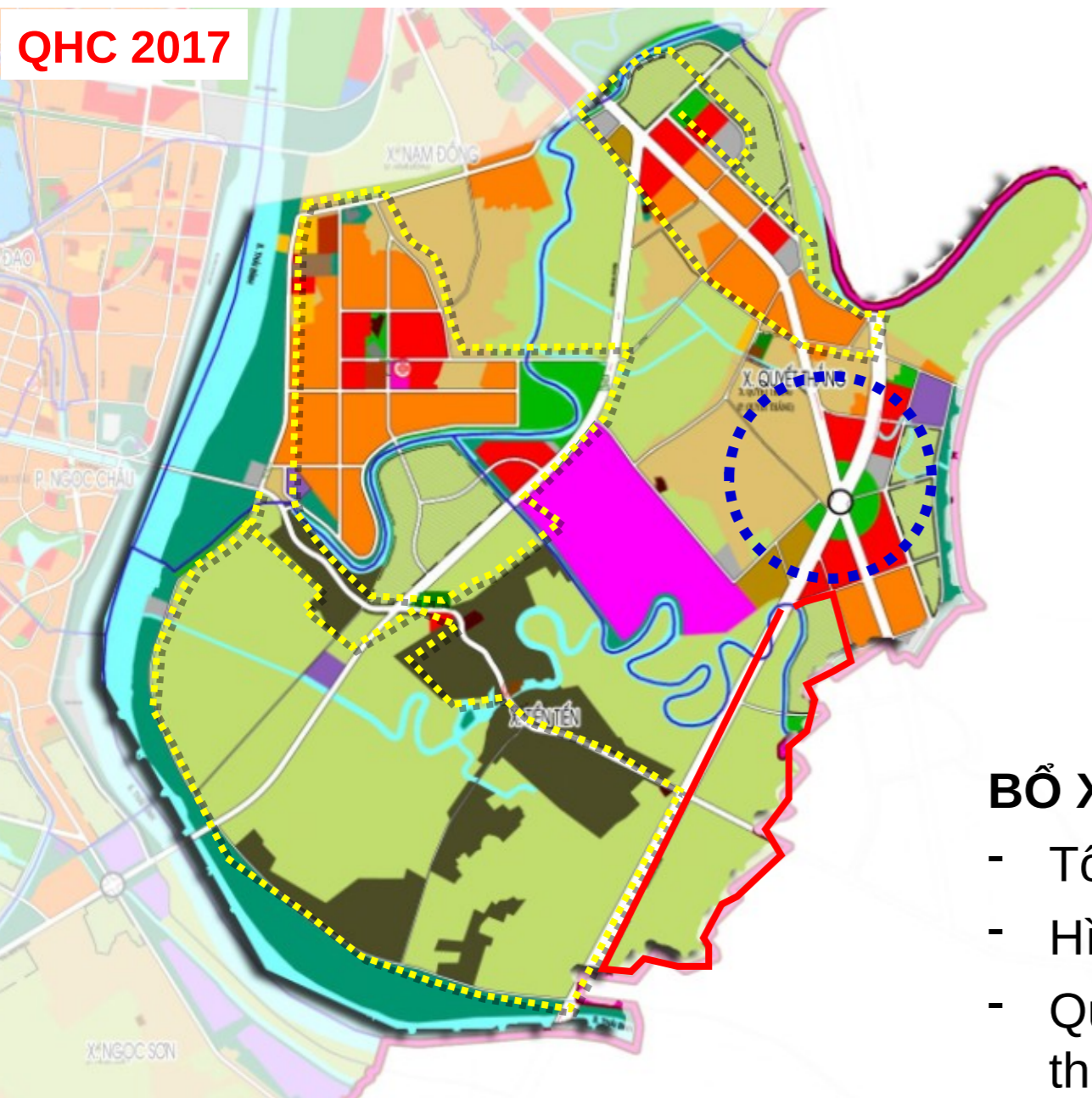


6.4 PHÂN KHU VỰC PHÁT TRIỂN

KHU SỐ 5: KHU ĐÔ THỊ SINH THÁI GẮN VỚI DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP CỬA NGÕ PHÍA ĐÔNG

KẾ THỪA QHC 2017:

- Dải công viên cây xanh, mặt nước trong khu vực được cải tạo mới tạo nên nét đặc trưng cho từng khu vực.
- Trong mỗi khu vực đô thị mới xây dựng một bệnh viện và trường học cấp khu vực.



BỔ XUNG ĐIỀU CHỈNH:

- Tổ chức khu công viên cảnh quan sinh thái ven hệ thống mặt nước.
- Hình thành các khu đô thị sinh thái, đô thị dịch vụ sinh thái nông nghiệp.
- Quy hoạch khu công nghiệp Tiên Tiến và kho vận tải Logistic phía Đông thành phố.



6.4 PHÂN KHU VỰC PHÁT TRIỂN

KHU SỐ 6: KHU PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ DỊCH VỤ CÔNG NGHIỆP PHÍA BẮC



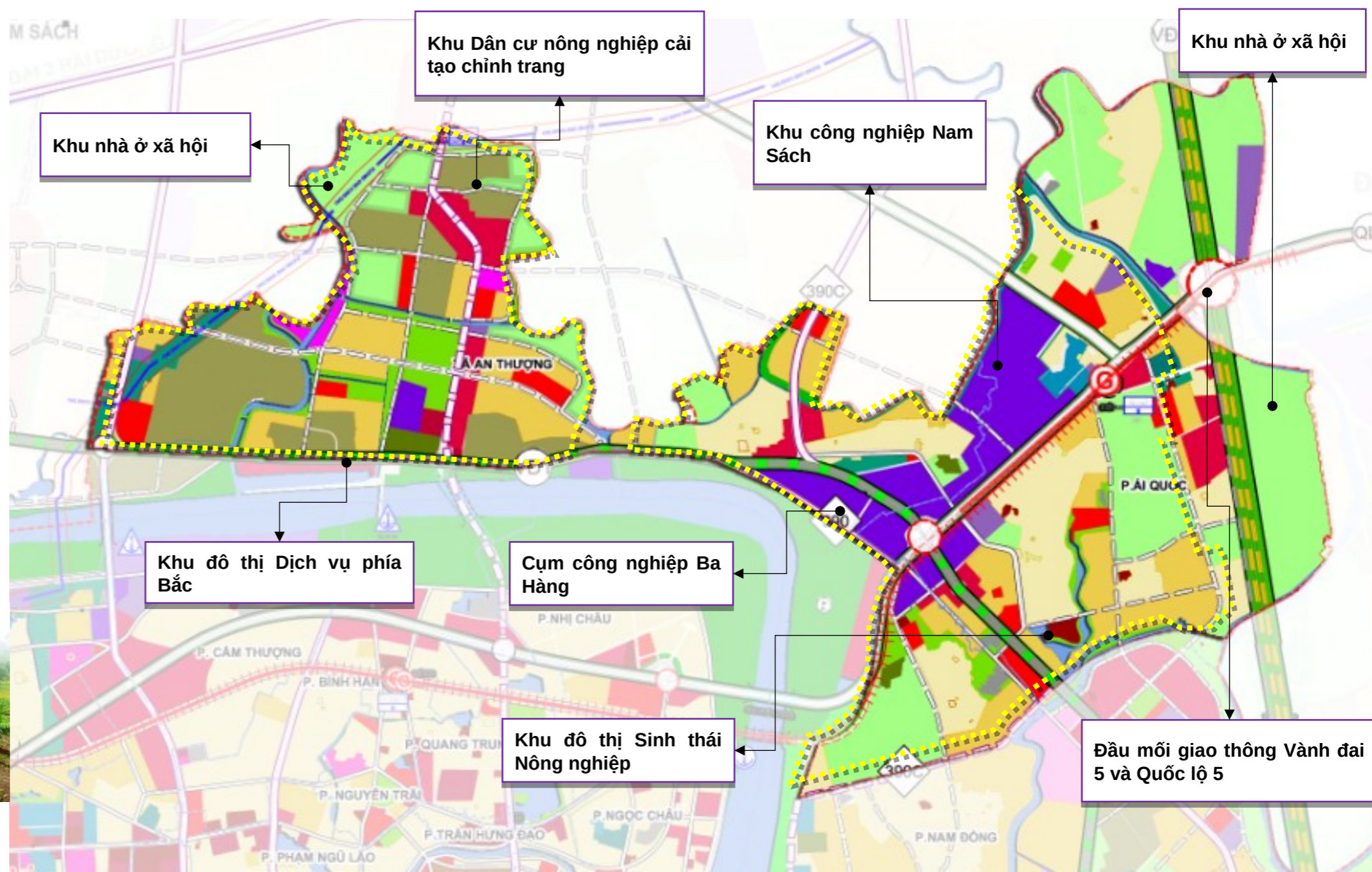
Chức năng:

Là khu vực phát triển mới với mô hình hiện đại về dịch vụ, thương mại phía Bắc gắn với tuyến đường vành đai 1, khu công nghiệp Nam Sách, cụm công nghiệp Ba Hàng của thành phố đan xen với các khu dân cư hiện hữu mật độ thấp.

Là đầu mối giao thông đường sắt, đường bộ phía Tây Bắc thành phố, điểm giao với đường vành đai 5 vùng thủ đô sẽ tạo nên một đầu mối giao thông quan trọng với các trung tâm thương mại dịch vụ giao thương theo hướng về Hải Phòng và vùng phía bắc của tỉnh.

QUY MÔ : 1690 HA

Năm 2040: 24.332 người



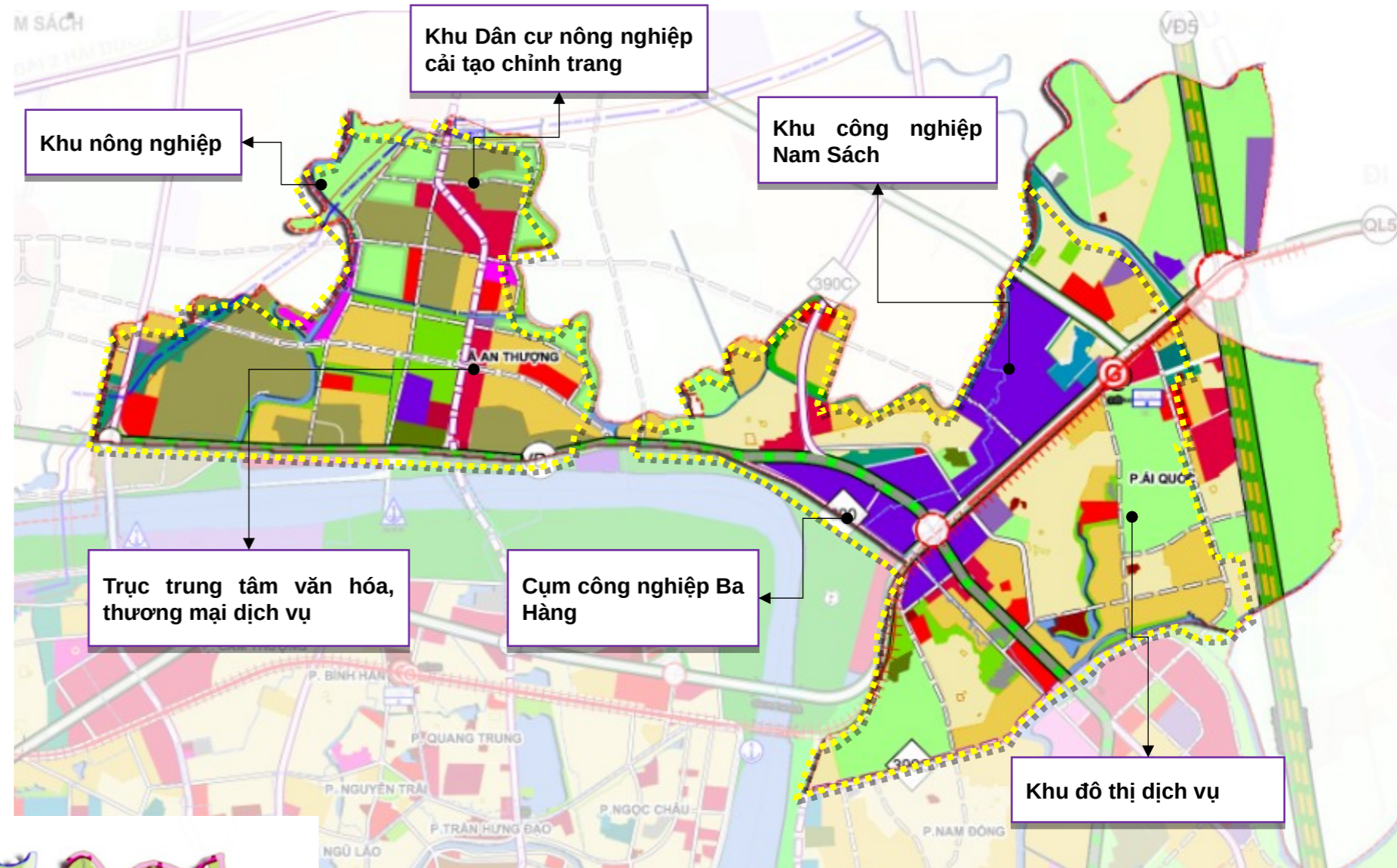
Khu vực nông nghiệp gắn với dân cư hiện hữu

6.4 PHÂN KHU VỰC PHÁT TRIỂN

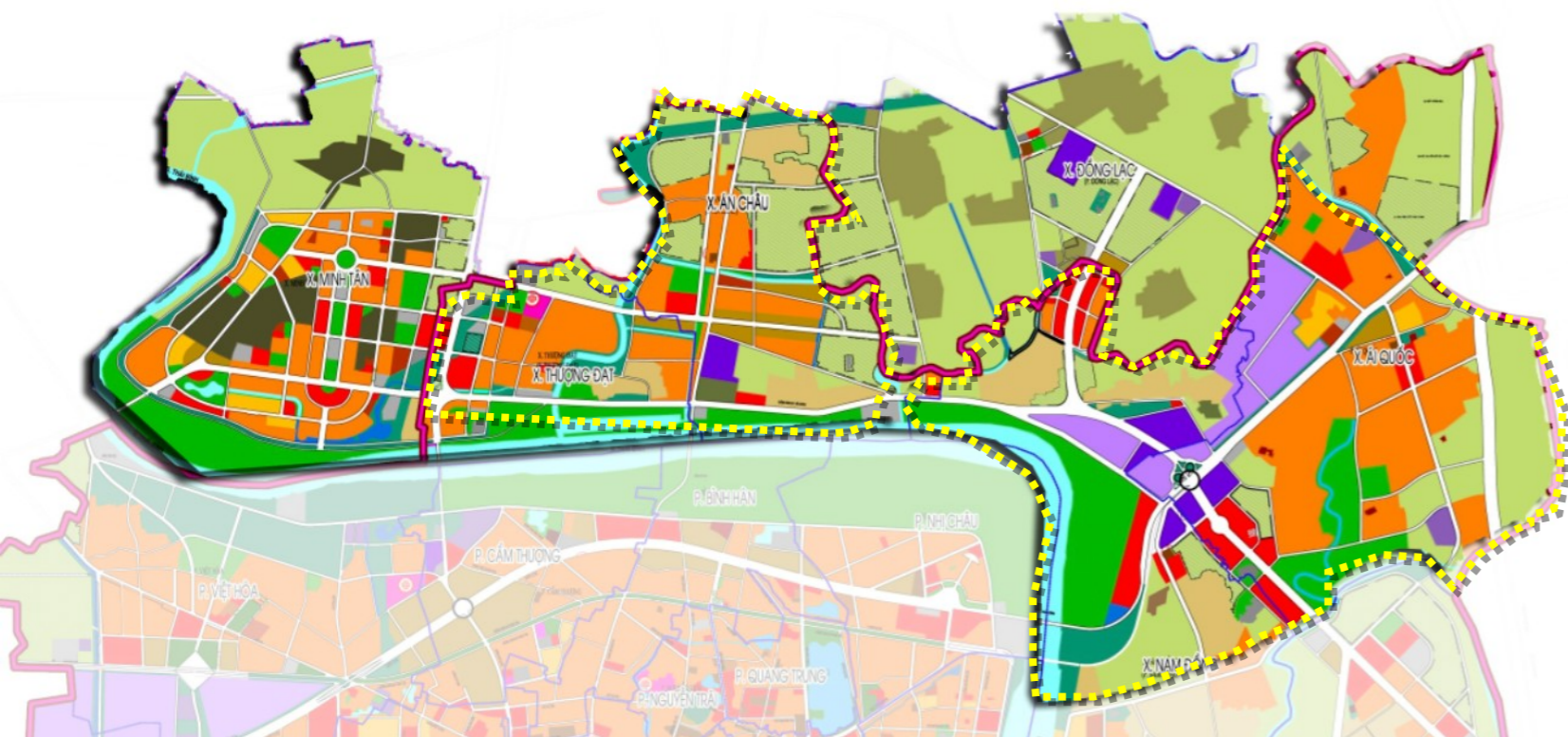
KHU SỐ 6: KHU PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ DỊCH VỤ CÔNG NGHIỆP PHÍA BẮC

KẾ THỪA QHC 2017:

- Giữ lại các công trình hiện trạng: cụm công nghiệp Ba Hàng và khu công nghiệp Nam Sách.
- Đô thị gắn với khu công nghiệp Nam Sách phía Đông Bắc.
- Các khu vực đất nông nghiệp hiện hữu tại xã An Thượng và Ái Quốc.



QHC 2017



BỔ XUNG ĐIỀU CHỈNH:

- Trục trung tâm văn hóa, thương mại dịch vụ tại xã An Thượng.
- Bố trí các công trình giáo dục đào tạo, y tế, văn hóa, thể dục thể thao cấp đô thị tại khu vực.

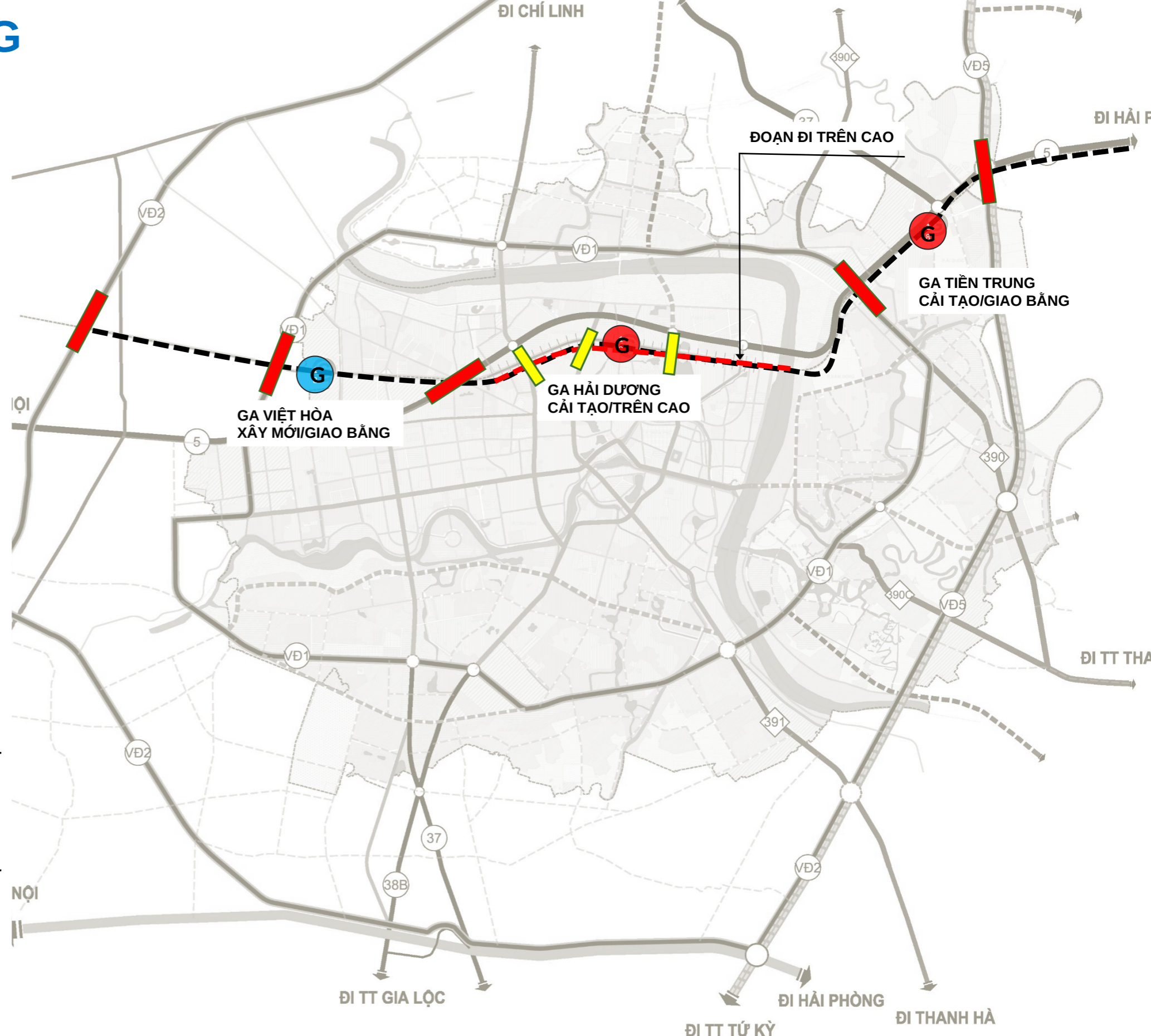
8

**Quy hoạch hệ thống hạ tầng
kỹ thuật**

ĐỊNH HƯỚNG GIAO THÔNG

Giao thông đường sắt

- Nâng cấp, hiện đại hóa tuyến đường sắt Hà Nội - Hải Phòng đoạn qua khu vực nghiên cứu, từng bước xóa bỏ các đường ngang dân sinh, xây dựng hệ thống đường ngang có phòng vệ, đường gom, rào cách ly, rào bảo vệ hành lang an toàn.
- Nghiên cứu xây dựng phần đi trong đô thị của Thành phố Hải Dương (đoạn từ nút giao QL5 sang phía Đông), chuyển thành đường sắt trên cao, xóa bỏ sự ngăn cách giữa phía Bắc và phía Nam của Thành phố.
- Cải tạo ga Hải Dương, ga Tiên Trung hiện tại và xây mới ga Việt Hòa, thúc đẩy phát triển đô thị kết hợp với không gian xung quang nhà ga.



CẦU CHUI ĐƯỜNG SẮT



CẦU VƯỢT ĐƯỜNG SẮT



GA HIỆN TRẠNG CẢI TẠO



GA QUY HOẠCH

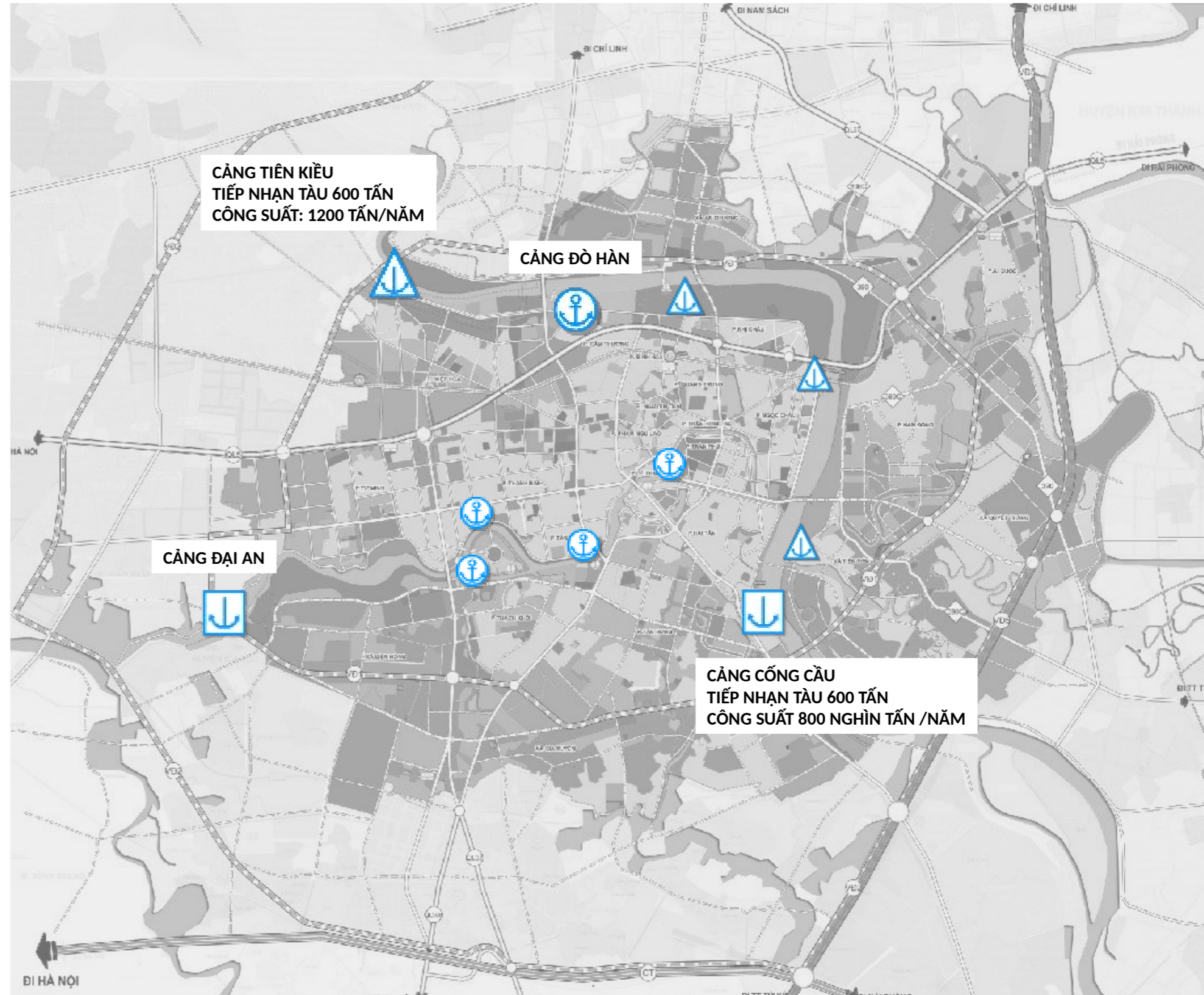


ĐƯỜNG SẮT ĐOẠN ĐI TRÊN CAO

ĐỊNH HƯỚNG GIAO THÔNG

Giao thông đường thủy

- Tuyến đường thủy trong khu quy hoạch gồm sông Thái Bình và sông Sắt vận chuyển vật liệu xây dựng, sản phẩm nông nghiệp. Định hướng trong quy hoạch giao thông tỉnh sử dụng vào mục đích vận tải hàng hóa, vãi tạo đường sông, đảm bảo tính không của các công trình qua sông.
- Sông Thái Bình: là tuyến đường sông do nhà nước quản lý, đoạn qua khu quy hoạch là đường thủy cấp 2.
- Sông Sắt: Là tuyến đường thủy do địa phương quản lý, chức năng vận chuyển hàng hóa trong vùng.
- Cảng Cống Cầu: cảng tổng hợp trên sông Thái Bình, cải tạo luồng đảm bảo tiếp nhận tàu 600 tấn, công suất 800 nghìn tấn / năm.
- Cảng Tiên Kiêu: cảng tổng hợp trên sông Thái Bình, xây dựng đảm bảo tiếp nhận tàu 600 tấn, công suất 1200 nghìn tấn / năm.
- Bến tàu Đò Hàn: xây dựng bến tàu du lịch Đò Hàn khai thác tuyến Hải Dương – Kiếp Bạc.
- Dự kiến xây mới 3 cảng tổng hợp trên sông Thái Bình phục vụ nhu cầu vận chuyển hàng hóa và 4 bến hành khách trên sông Sắt phục vụ nhu cầu tham quan du lịch.



CẢNG HÀNG HÓA



CẢNG TỔNG HỢP

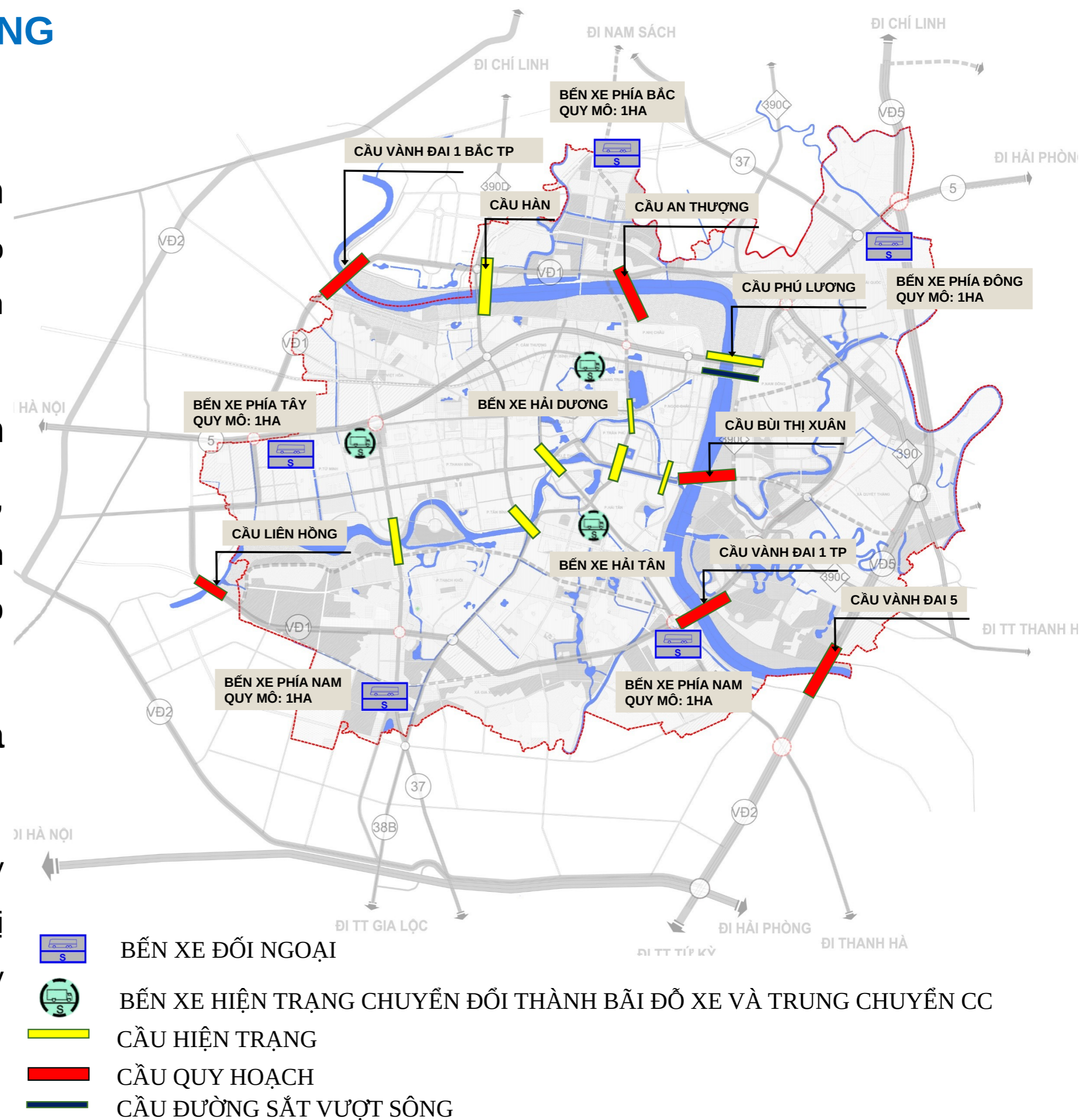


BẾN HÀNH KHÁCH

ĐỊNH HƯỚNG GIAO THÔNG

Công trình giao thông

- Xây mới **5 bến xe liên tỉnh** đặt ở vị trí các cửa ngõ ra vào của thành phố, quy mô mỗi bến 1ha.
- Từng bước chuyển đổi **3 bến xe cũ** Hải Dương, Hải Tân, Bến xe Phía Tây thành điểm giao thông công cộng kết hợp bãi đỗ xe.
- Xây dựng **6 cầu mới qua sông** Thái Bình và sông Sắt.
- Xây dựng bãi đỗ xe đảm bảo tỷ lệ 3-6% đất xây dựng đô thị (khu vực trung tâm/khu vực xây dựng mới).



Công trình giao thông

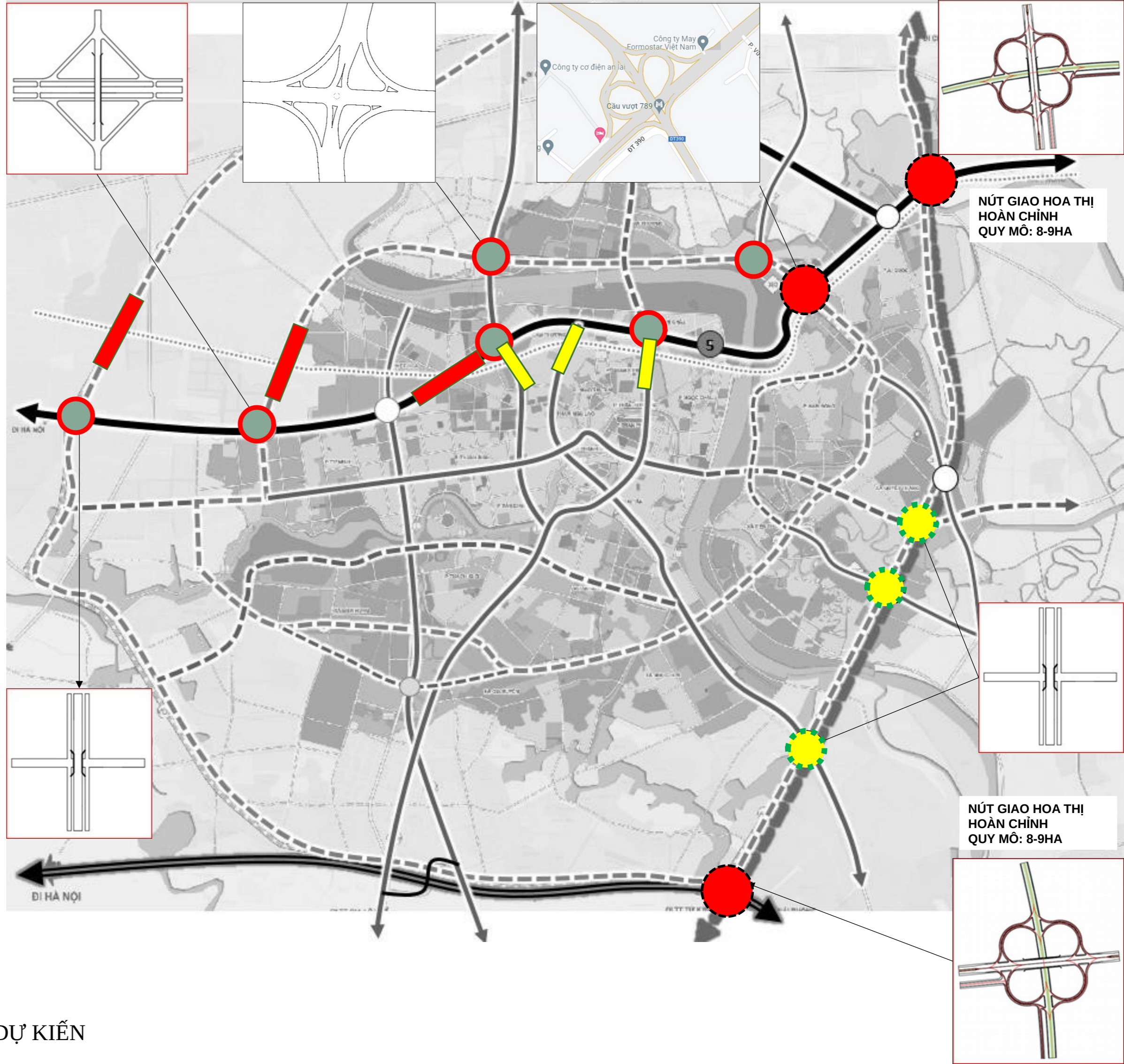
- Xây dựng nút giao khác mức tại các điểm: Giao lộ giữa các đường trục chính có lưu lượng giao thông được dự báo sẽ tăng trong tương lai có khả năng gây ùn tắc giao thông.
- Giao lộ giữa đường trục chính và đường sắt.
- Các giao lộ cần thiết phải xây dựng nút giao lập thể sẽ được xác định trong các quy hoạch chuyên ngành giao thông trong tương lai.

 CẦU CHUI ĐƯỜNG SẮT
 CẦU VƯỢT ĐƯỜNG SẮT

 HẦM CHUI

 NÚT GIAO TRỰC THÔNG

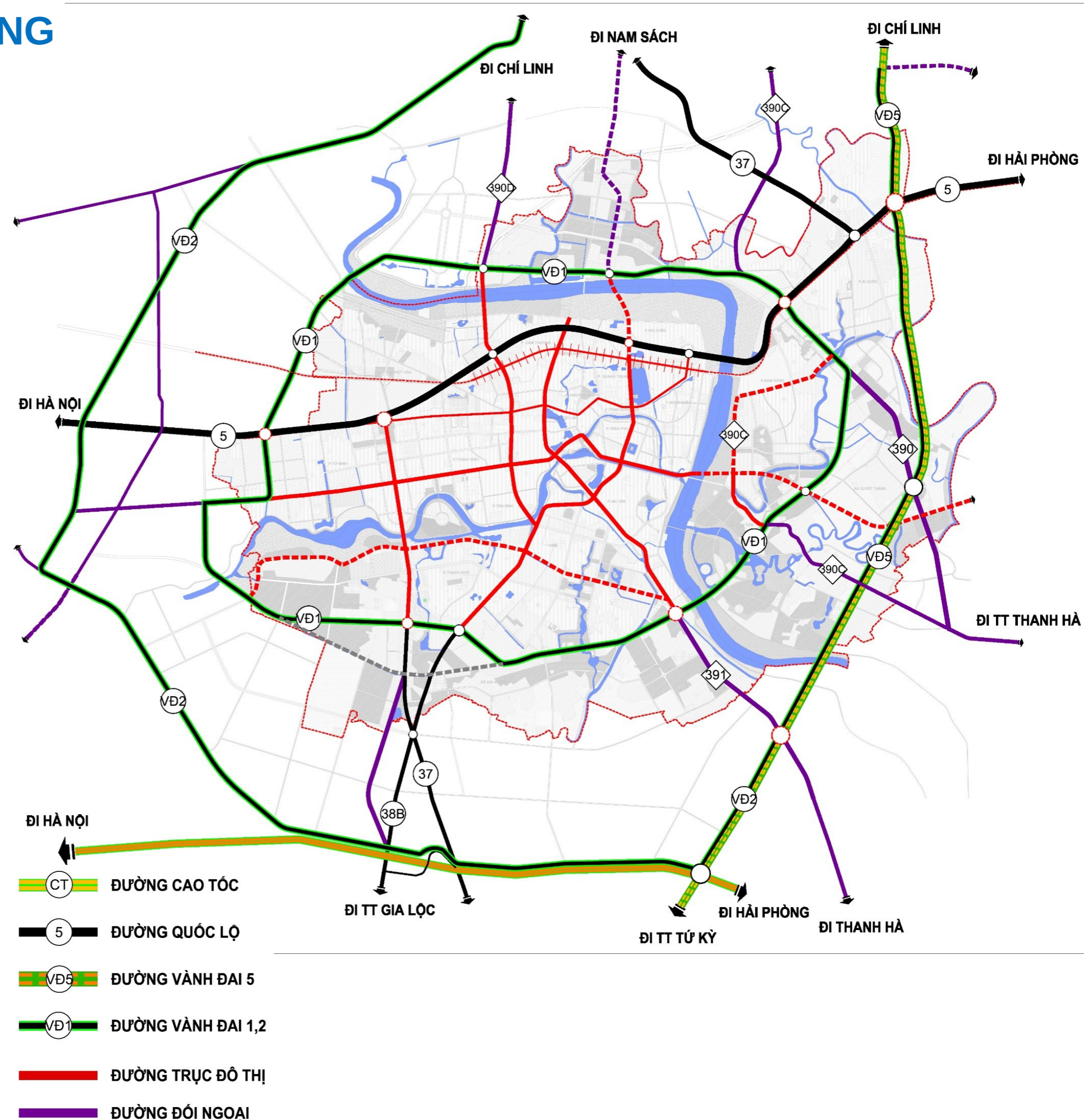
 NÚT GIAO LIÊN THÔNG DỰ KIẾN



ĐỊNH HƯỚNG GIAO THÔNG

Giao thông đô thị

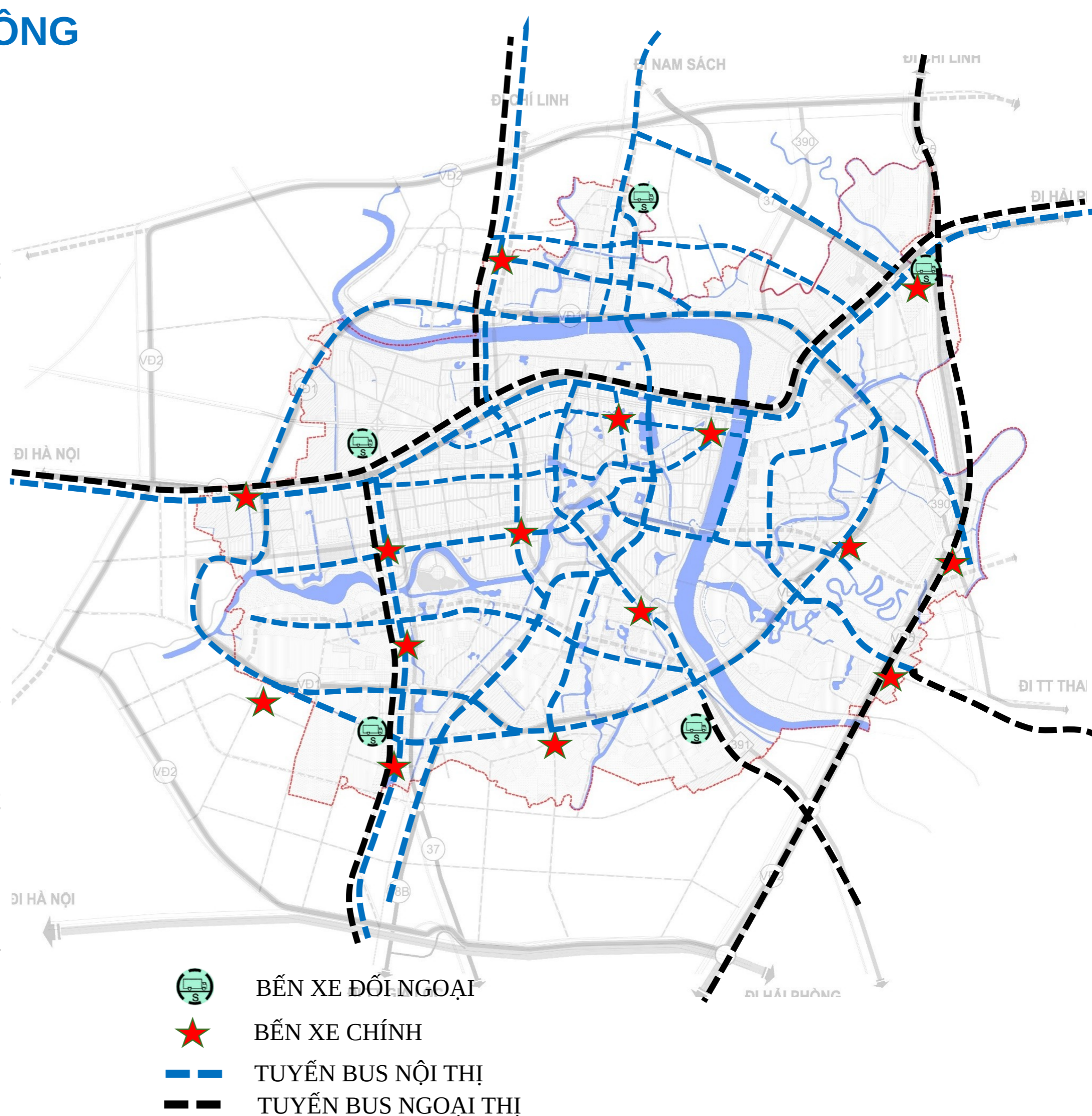
- Khu vực trung tâm thành phố hiện hữu: Khu vực có mật độ lớn, khó khăn trong việc giải phóng mặt bằng, tôn trọng hiện trạng, hạn chế mở mới, mở rộng đường.
- Xây dựng các trục đường chính kết nối khu vực trung tâm hiện hữu với các khu đô thị phía Bắc, phía Nam và Phía Tây, khu chức năng mới của thành phố.
- Khu vực ngoại thành: Xây dựng giao thông nông thôn đáp ứng theo tiêu chí về theo chương trình xây dựng nông thôn mới. Nâng cấp hệ thống đường huyện, đường xã theo cấp kỹ thuật phù hợp.



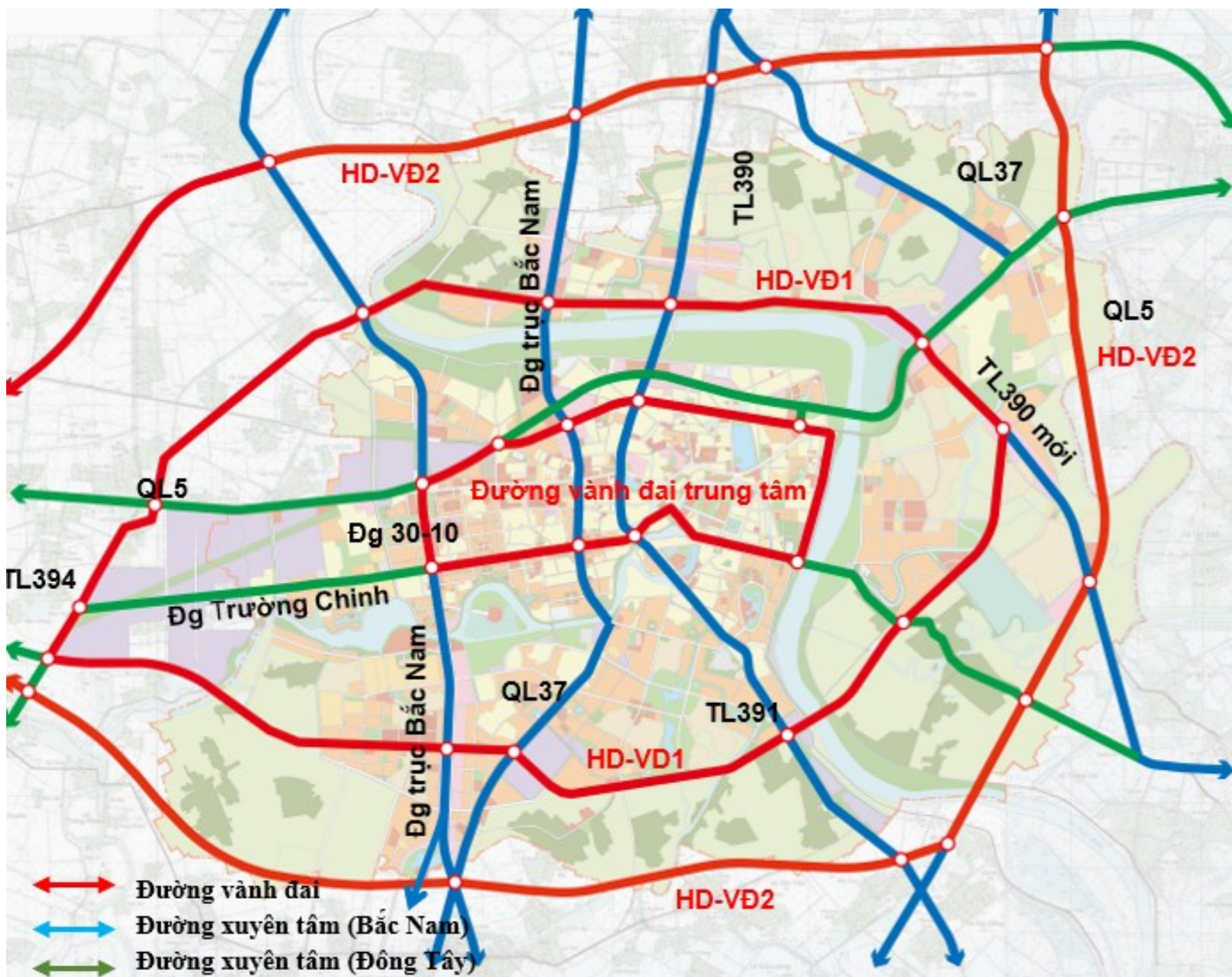
ĐỊNH HƯỚNG GIAO THÔNG

➤ **Giao thông công cộng**

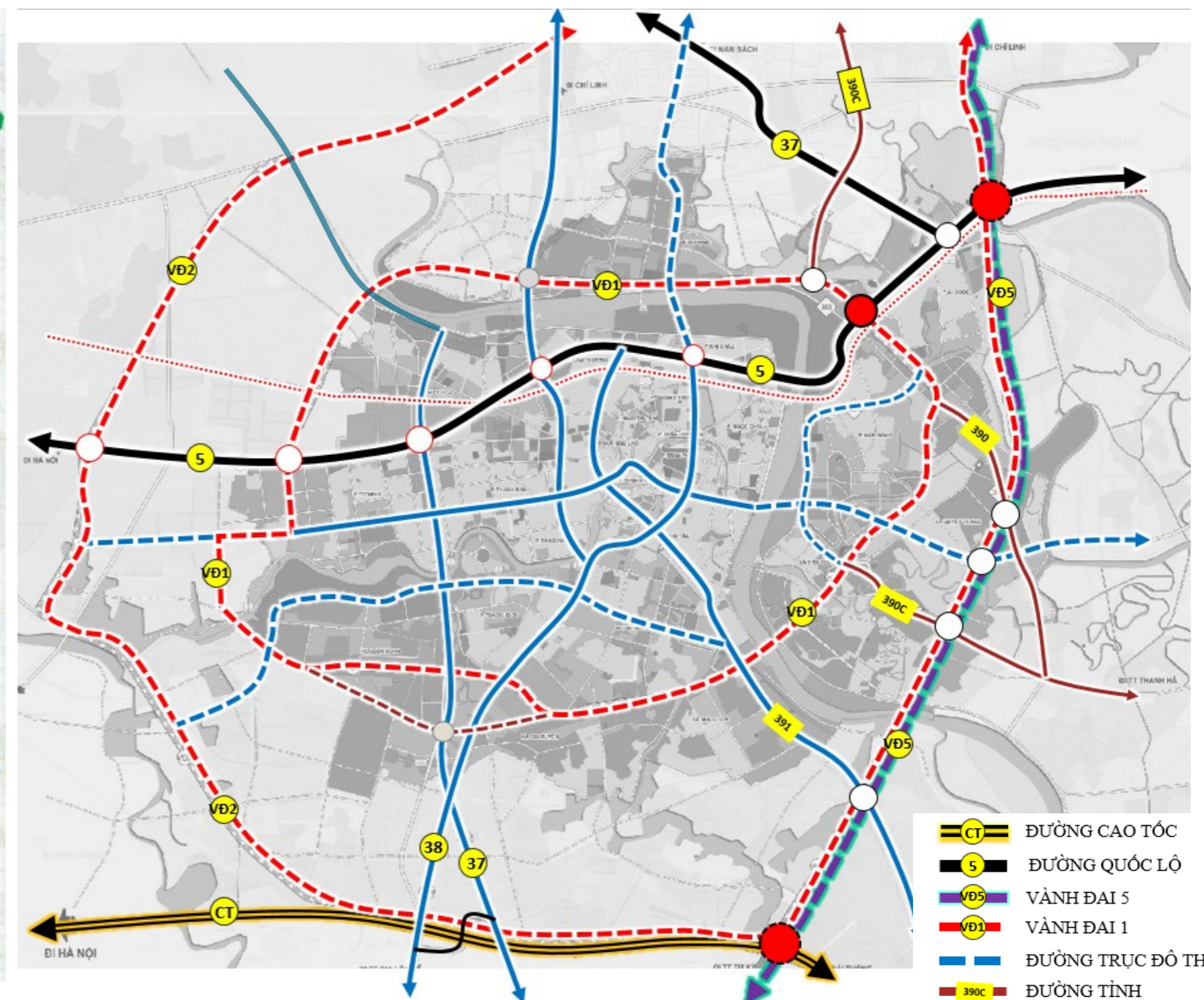
- - Bố trí các đầu mối giao thông công cộng tại trung tâm đô thị và các trọng điểm đô thị xung quanh
- Tổ chức các tuyến xe buýt chính kết nối trung tâm với các trọng điểm lân cận và giữa các trọng điểm với nhau.
- Tuyến bus nội thị: phục vụ trên các tuyến kết nối với trung tâm huyện hoặc sử dụng xe bus nhỏ với chức năng gom hành khách tại các điểm trung chuyển.
- Tuyến bus ngoại thị: bố trí các tuyến xe bus đường dài ở viền ngoài đô thị và tổ chức liên kết với giao thông công cộng đô thị.
- - Bố trí các tuyến xe buýt gom kết nối với các trạm xe buýt chính để đảm bảo kết nối toàn khu vực với các trọng điểm chính. Việc bố trí cụ thể các tuyến xe buýt gom cần điều tra nghiên cứu cụ thể trong các quy hoạch chuyên ngành giao thông .



Đánh giá sự phát triển hệ thống giao thông giai đoạn 2017-2022 và rà soát so sánh với Định hướng giao thông TP Hải Dương năm 2017



Sơ đồ định hướng giao thông năm 2017



Sơ đồ định hướng giao thông năm 2021

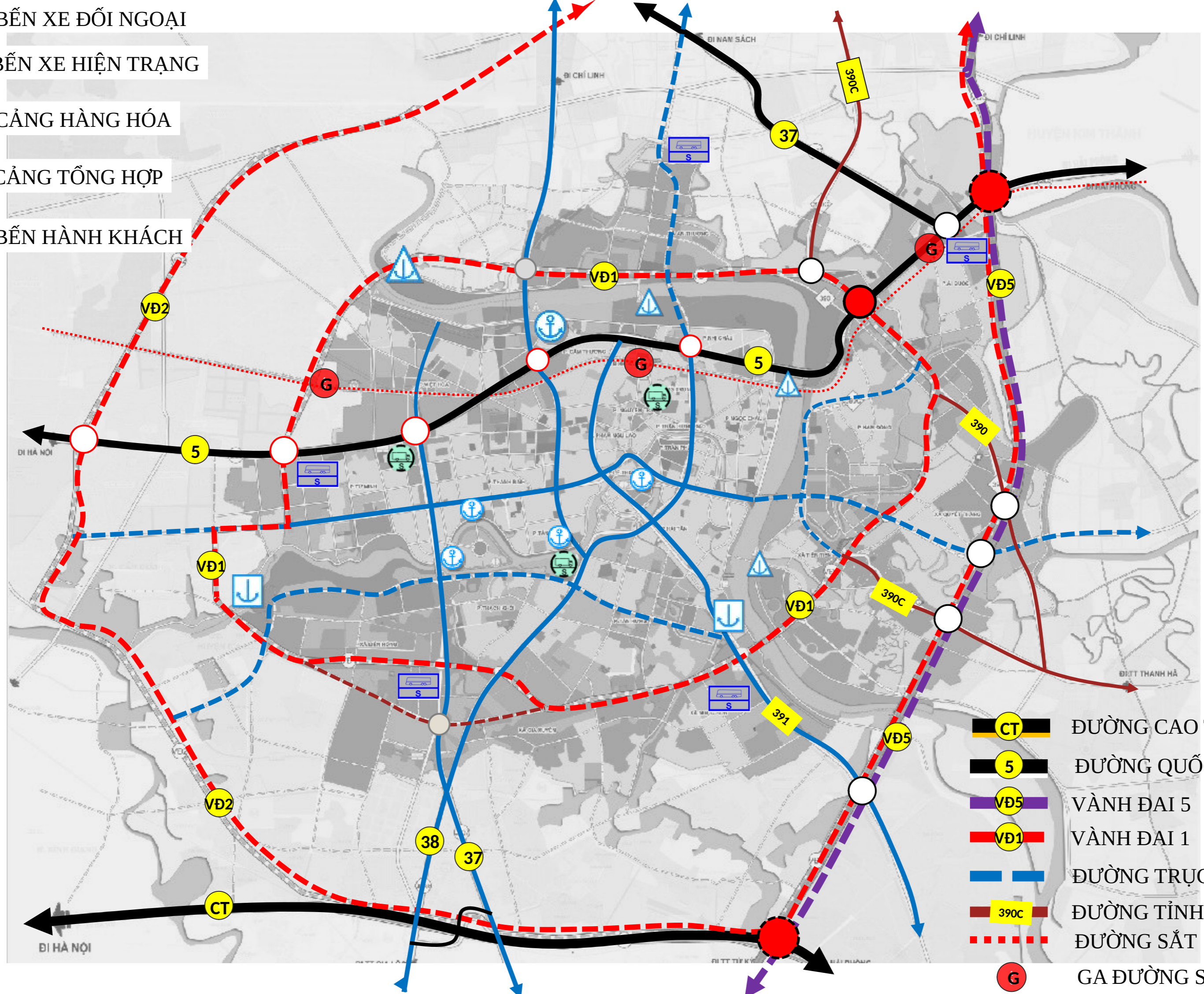
Giao thông đường bộ









- Điều chỉnh và cập nhật lại một số tuyến đường trục chính đô thị phù hợp với các dự án đã được phê duyệt trên địa bàn thành phố. Rà soát lại các thông số kỹ thuật và hình học của mạng lưới đường, đặc biệt là mặt cắt ngang. Thiết kế bổ sung trong khu vực mở rộng, xây dựng mới. Hoàn thiện, bổ sung hệ thống công trình phục vụ giao thông, đặc biệt hệ thống điểm đỗ xe. Phát triển giao thông công cộng.
- Bổ sung một số cầu mới của các tuyến đường chiều chỉnh bắc qua sông Thái Bình và sông Sắt.

Giao thông đường sắt: giữ nguyên định hướng đường sắt đã được phê duyệt, cải tạo nâng cấp ga Tiền Trung.

Giao thông đường thủy: giữ nguyên định hướng quy hoạch đường thủy, trong tương lai nâng cấp quy mô, công suất của cảng và bến tàu.

-  BẾN XE ĐỐI NGOẠI
-  BẾN XE HIỆN TRẠNG
-  CẢNG HÀNG HÓA
-  CẢNG TỔNG HỢP
-  BẾN HÀNH KHÁCH



-  CT ĐƯỜNG CAO TỐC
-  5 ĐƯỜNG QUỐC LỘ
-  VĐ5 VÀNH ĐAI 5
-  VĐ1 VÀNH ĐAI 1
-  ĐƯỜNG TRỰC ĐÔ THỊ
-  390C ĐƯỜNG TỈNH
-  ĐƯỜNG SẮT
-  G GA ĐƯỜNG SẮT

8.2 Định hướng Chuẩn bị kỹ thuật

1. Công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai

a. Giải pháp phi công trình:

- Tuyên truyền quản lý, khai thác, bảo vệ.
- Sử dụng công nghệ hiện đại cảnh báo sớm thiên tai.
- Di dời dân cư khỏi các khu vực bị ảnh hưởng thiên tai sạt lở.
- Bảo vệ hành lang đê, kè, thoát lũ.
- Sử dụng các bãi bồi tuân thủ QĐ 257 phê duyệt quy hoạch chống lũ sông Hồng, sông Thái Bình.

b. Giải pháp công trình:

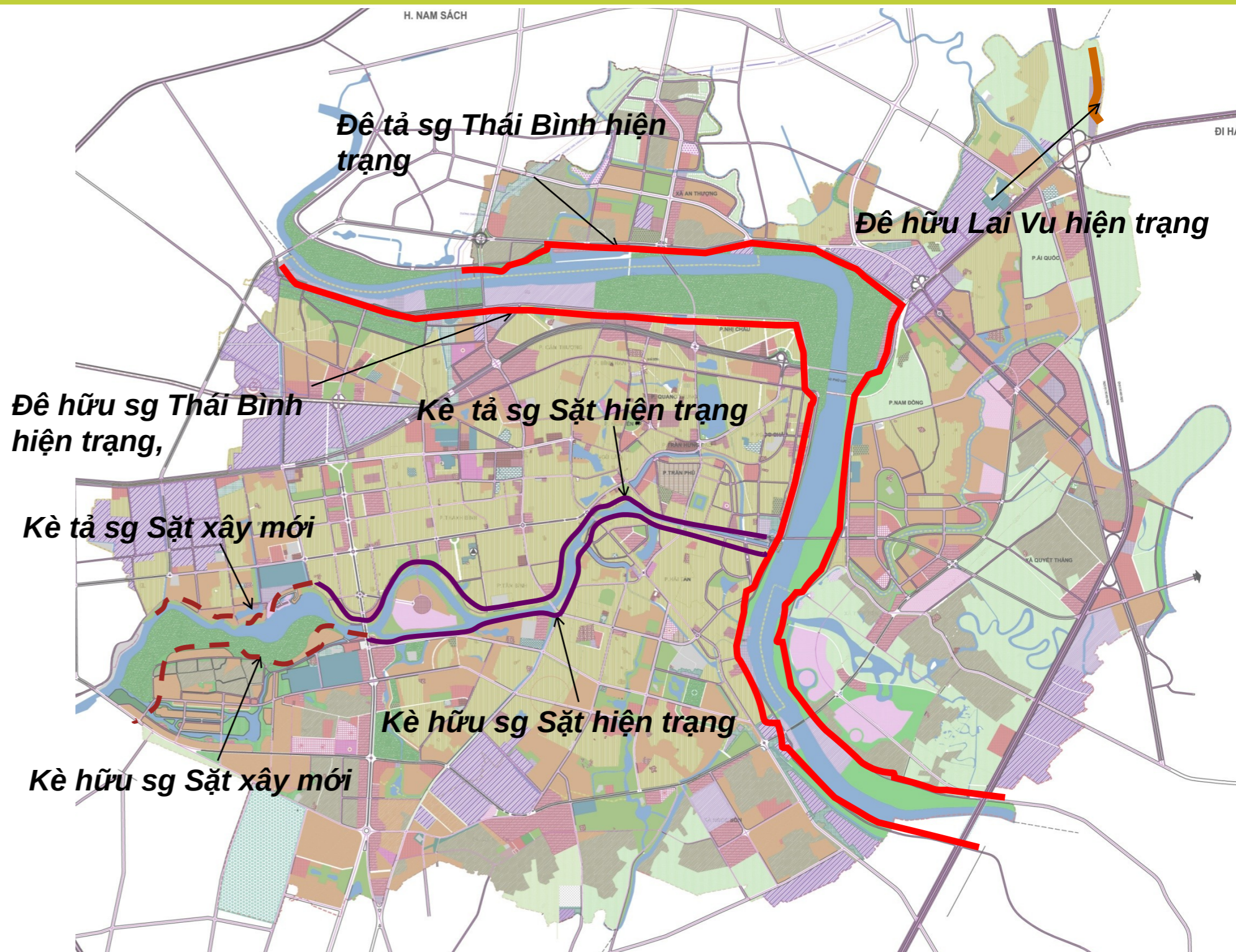
- Nạo vét, kiên cố hóa hệ thống sông chính, kênh mương chính.
- Khép kín hệ thống kè sông Sắt.
- Nâng cao trình các tuyến đê còn thiếu.
- Tu sửa bảo dưỡng 13 cống dưới đê.

- Xây mới thay thế 2 cống cũ: Thượng Đạt, Tiền Tiến.

- Xây mới 1 trạm bơm tiêu úng cho lưu vực tả ngạn sg Thái Bình.

- Mở rộng bề rộng các sông nội đồng, kênh tiêu thủy lợi đảm bảo khả năng tiêu nước.

- Ngầm hóa kênh T1, T2 kết hợp bãi đỗ xe tĩnh



8.2 Định hướng Chuẩn bị kỹ thuật

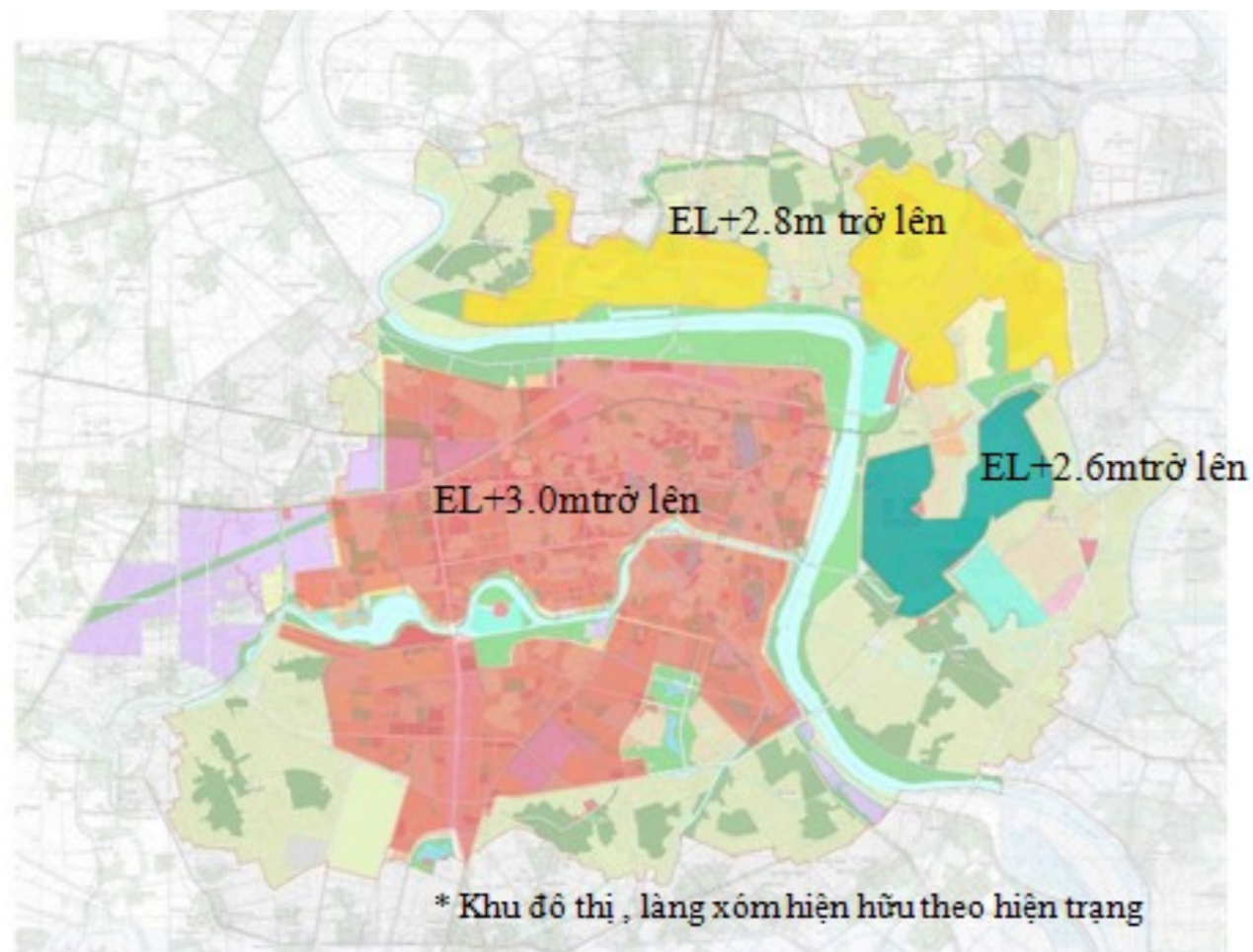
1. Tác động của kịch bản BĐKH:

- Theo kịch bản trung bình RCP4.5 năm 2050 mực nước biển dâng 22cm.
- TP Hải Dương ít chịu ảnh hưởng trực tiếp mực nước biển dâng, song sẽ chịu ảnh hưởng ngập lụt nội đô do lượng mưa tăng gần 20%.

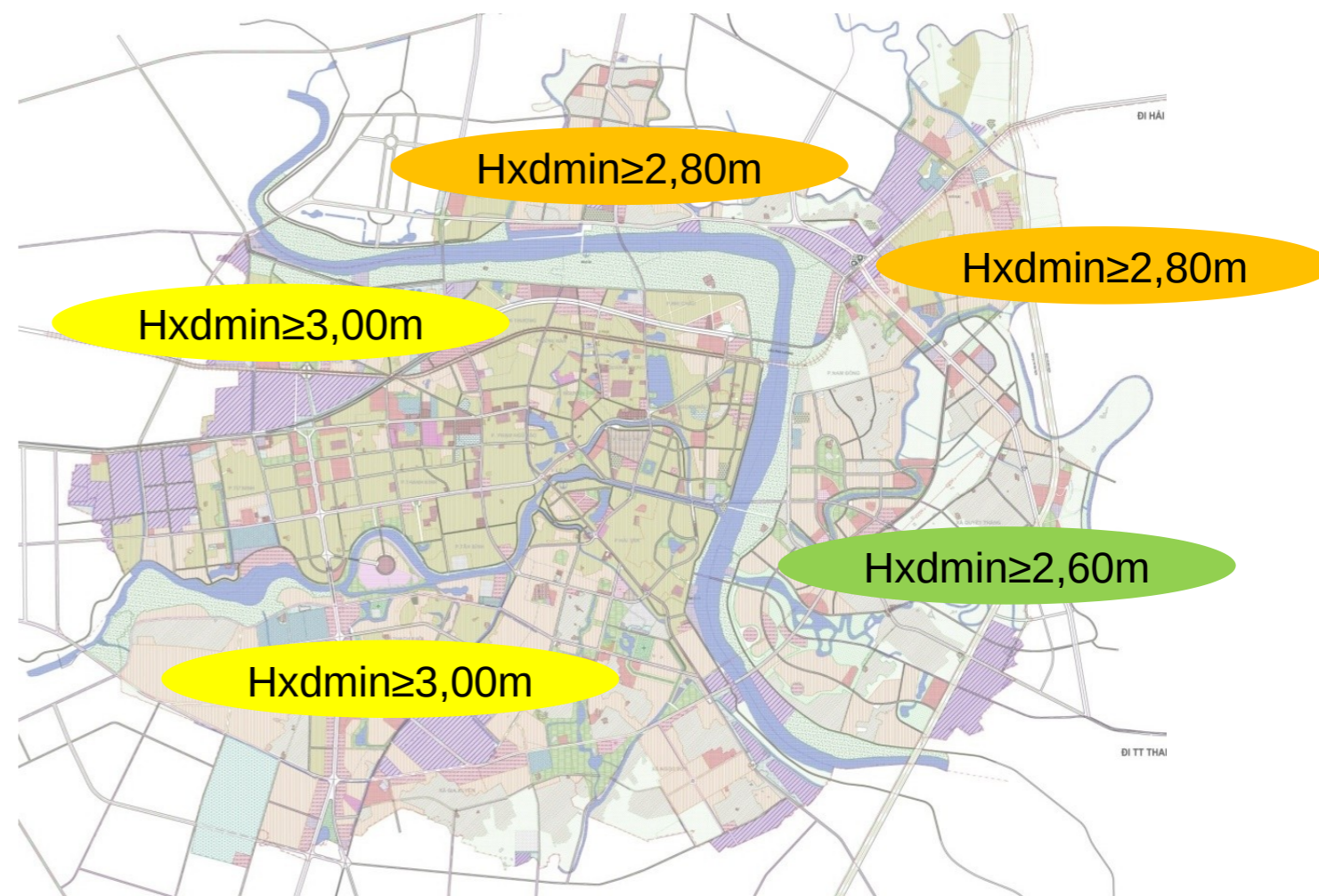
2. Định hướng cao độ nền:

- * Cơ bản tuân thủ định hướng QHC 2017, vi chỉnh thay đổi theo phương án sử dụng đất mới.
- * Khu vực hiện trạng: giữ nguyên cao độ, san ủi cục bộ, từng bước nâng dần đến cao độ khống chế tối thiểu.
- * Khu vực xây mới: Tính toán cao độ nền với tần suất $P=1\%$ (đô thị loại 1).
- + Kết nối hài hòa với khu vực hiện trạng, tránh gây ngập úng cục bộ
- + Khu vực hữu ngạn sông Thái Bình: (phía Tây Nam) $+3,00m \leq H_{xd} \leq +3,50m$.
- + Khu vực tả ngạn sông Thái Bình:
Phía Bắc $H_{xdmin} \geq +2,80m$.
Phía Đông $H_{xdmin} \geq +2,60m$.

Định hướng cao độ nền QHC 2017



Định hướng cao độ nền QHC 2021



8.2 Định hướng Chuẩn bị kỹ thuật

3. Định hướng thoát nước mặt:

* Cơ bản tuân thủ định hướng QHC 2017, vì chỉnh thay đổi theo phương án sử dụng đất mới.

* 5 lưu vực chính:

- LV1: phía Nam sông Sặt & phía Tây sông Thái Bình.
- LV2: phía Bắc sông Sặt, phía Nam QL5 & phía Tây sông Thái Bình.
- LV3: phía Bắc QL5 và phía Nam sông Thái Bình.
- LV4: phía Bắc sông Thái Bình & phía Tây đường sắt.
- LV5: phía Đông sông Thái Bình & phía Nam đường sắt.

* Hệ thống thoát nước:

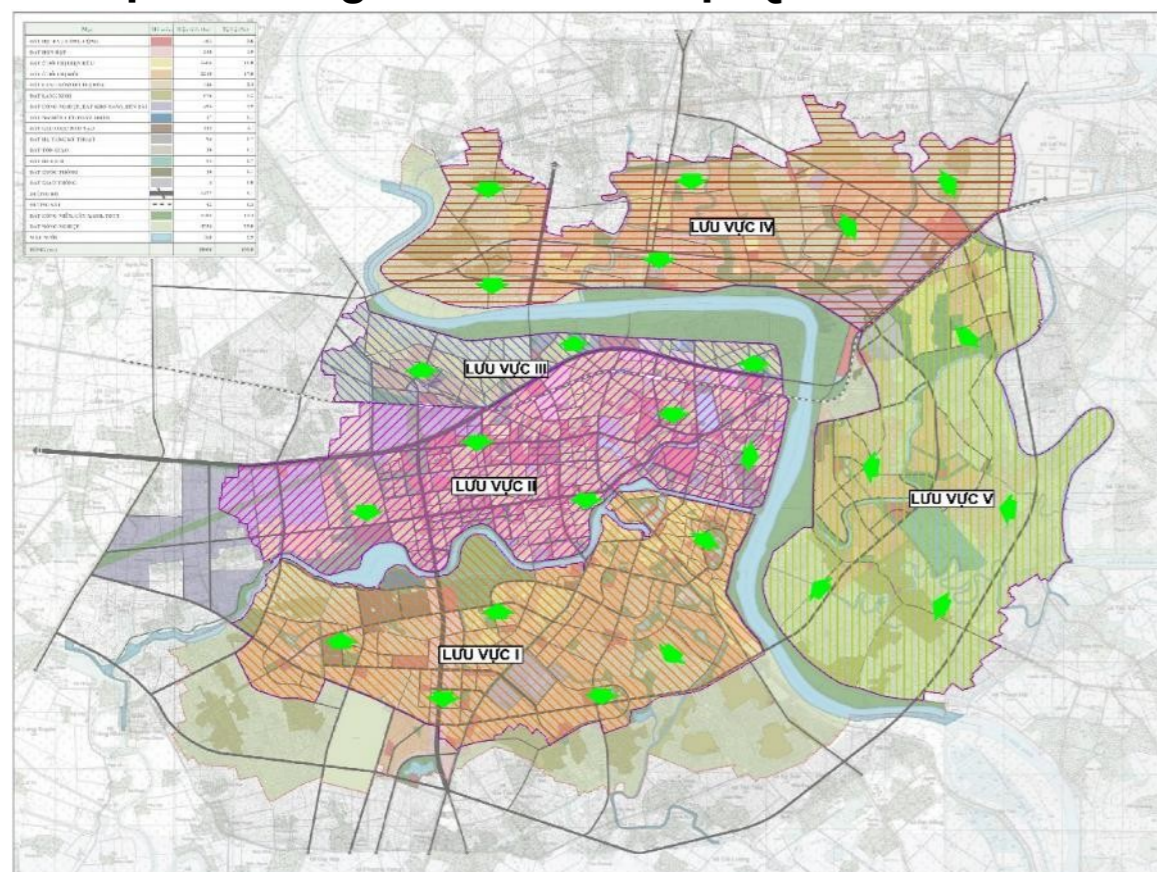
- Hoàn chỉnh hệ thống thoát nước khu nội thị cũ.
- Thay thế các tuyến cống tiết diện bé không đáp ứng nhu cầu tiêu nước.

(QHC 2017 chưa cải tạo được nhiều tuyến cống tiết diện bé).

- Khu vực xây mới bố trí hồ điều hòa, hoàn trả kênh tiêu.
- Nâng cấp công suất các trạm bơm tiêu đảm bảo hệ số tiêu $q=20l/s.ha$.
- Bố trí hồ điều tiết ngầm tại các khu vực trũng thấp trong nội thị.
- Tăng cường giải pháp thoát nước xanh, bền vững.

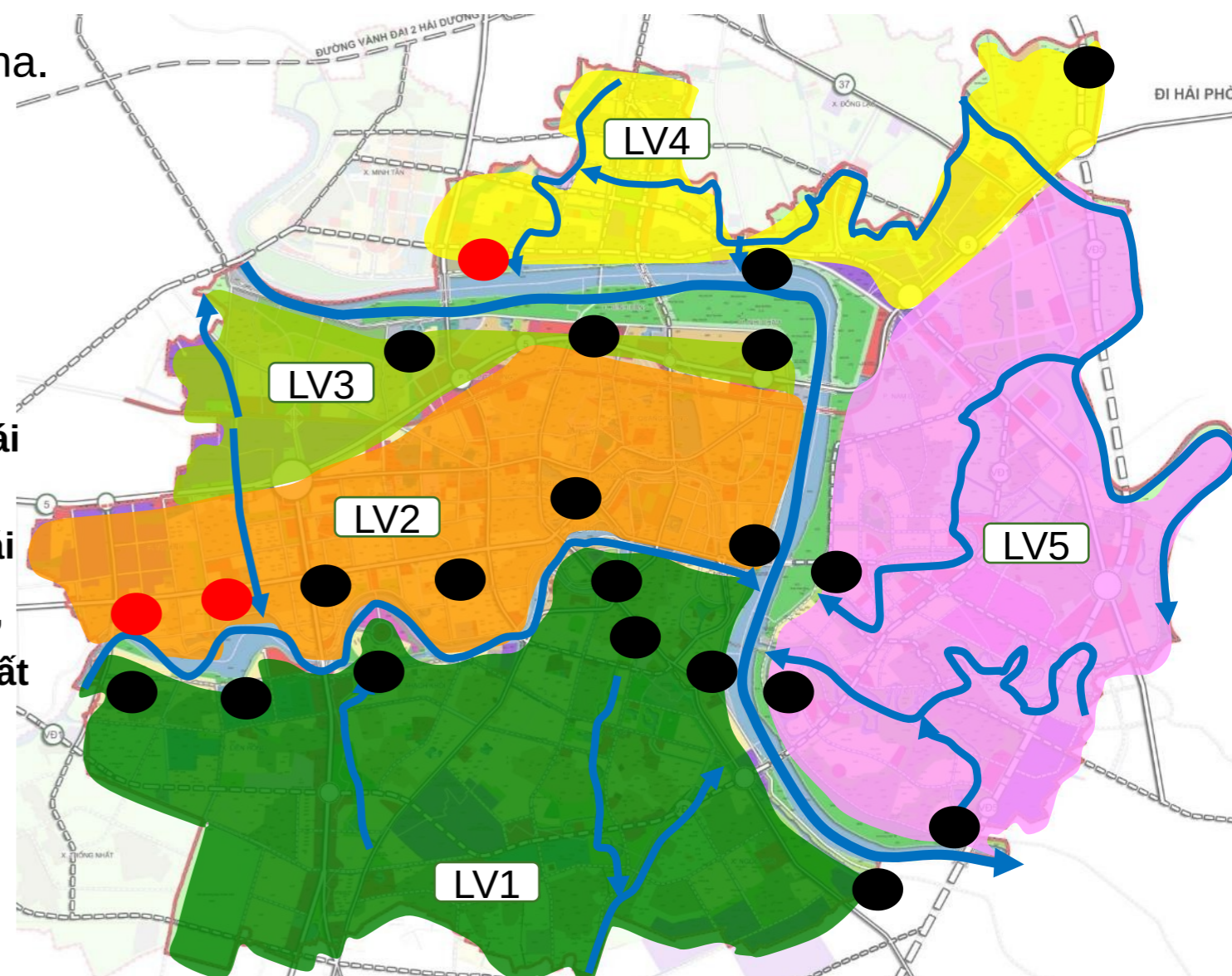


Định hướng thoát nước mặt QHC 2017



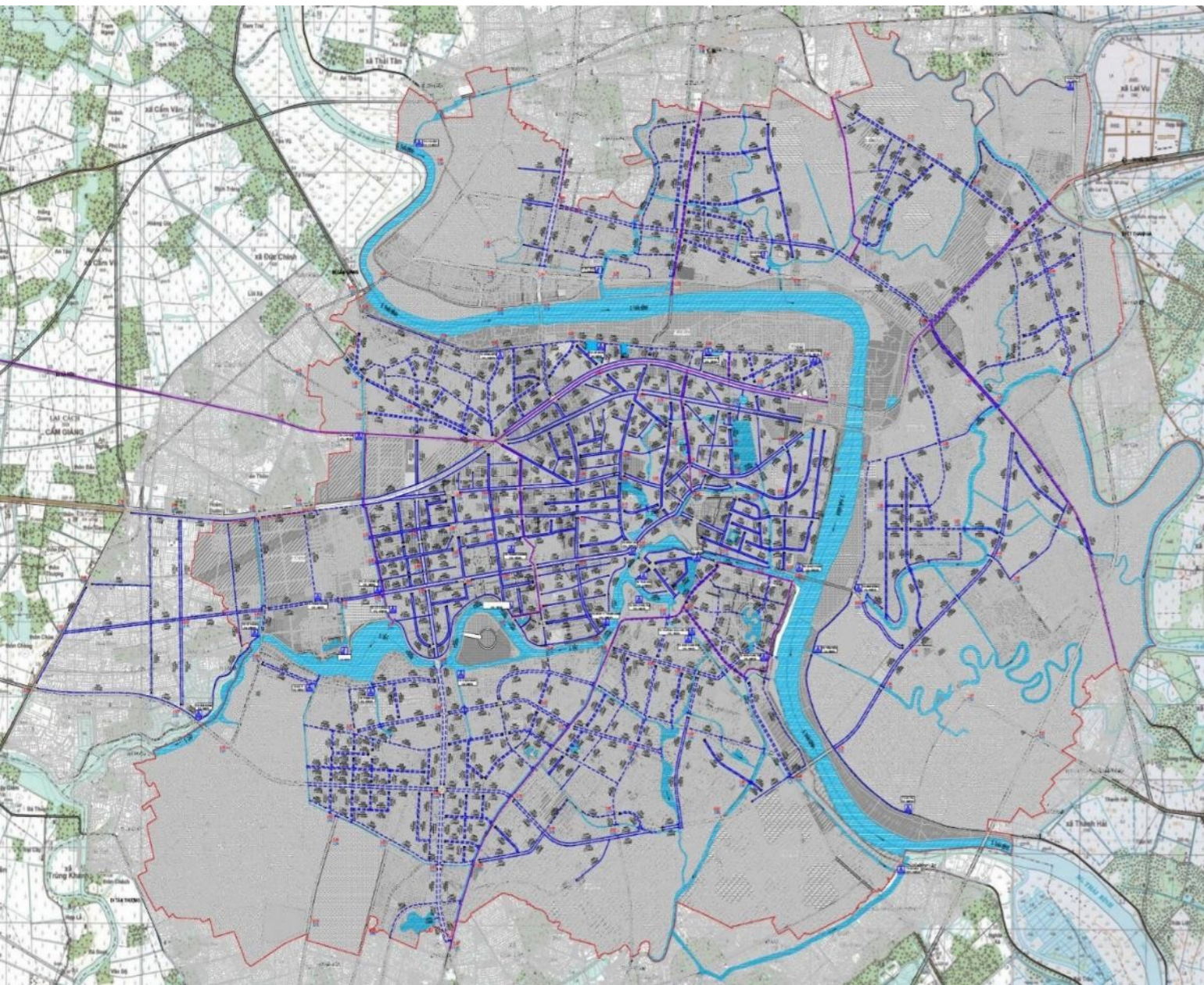
Định hướng thoát nước mặt QHC 2021

- Trạm bơm xây mới: 3 cái
- Trạm bơm Cải tạo: 14 cái
- 8 trạm bơm giữ nguyên công suất

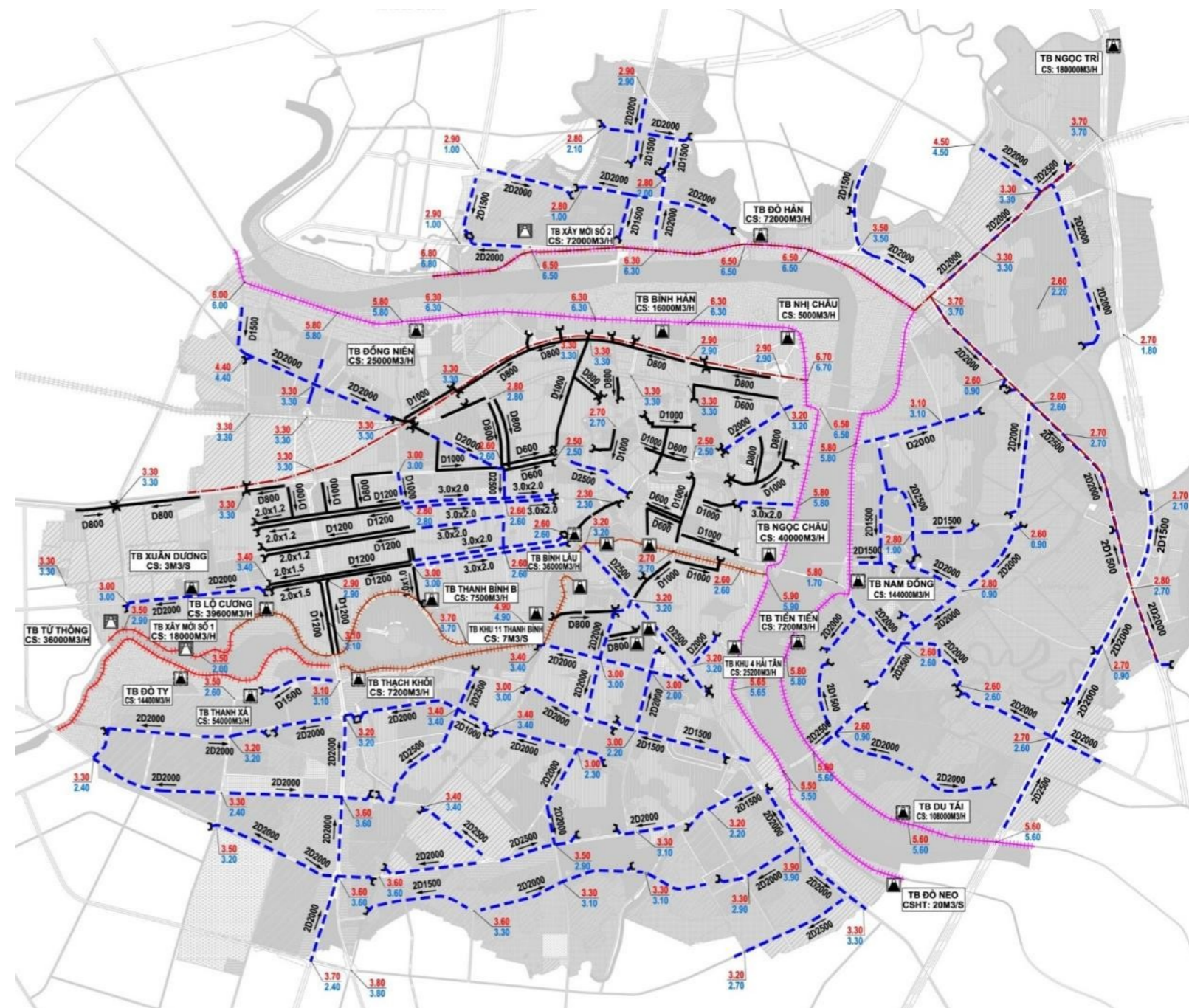


8.2 Định hướng Chuẩn bị kỹ thuật

Định hướng chuẩn bị kỹ thuật QHC 2017



Định hướng chuẩn bị kỹ thuật QHC 2021



- Ý HIỆU**
- ĐỀ SÔNG THÁI BÌNH HIỆN TRẠNG
 - ĐỀ SÔNG SẮT HIỆN TRẠNG
 - ĐỀ SÔNG SẮT QUY HOẠCH
 - CỐNG THOÁT NƯỚC CHUNG HIỆN TRẠNG
 - CỐNG THOÁT NƯỚC MƯA QUY HOẠCH
 - CỬA XÃ
 - CỐNG QUA ĐƯỜNG
 - D1500 ĐƯỜNG KÍNH CỐNG (MM)
 - HƯỚNG THOÁT NƯỚC
 - TRẠM BƠM TIÊU HIỆN TRẠNG GIỮ NGUYÊN
 - TRẠM BƠM TIÊU HIỆN TRẠNG NÂNG CÔNG SUẤT
 - TRẠM BƠM TIÊU XÂY MỚI
 - ĐƯỜNG PHÂN CHIA LƯU VỰC CHÍNH

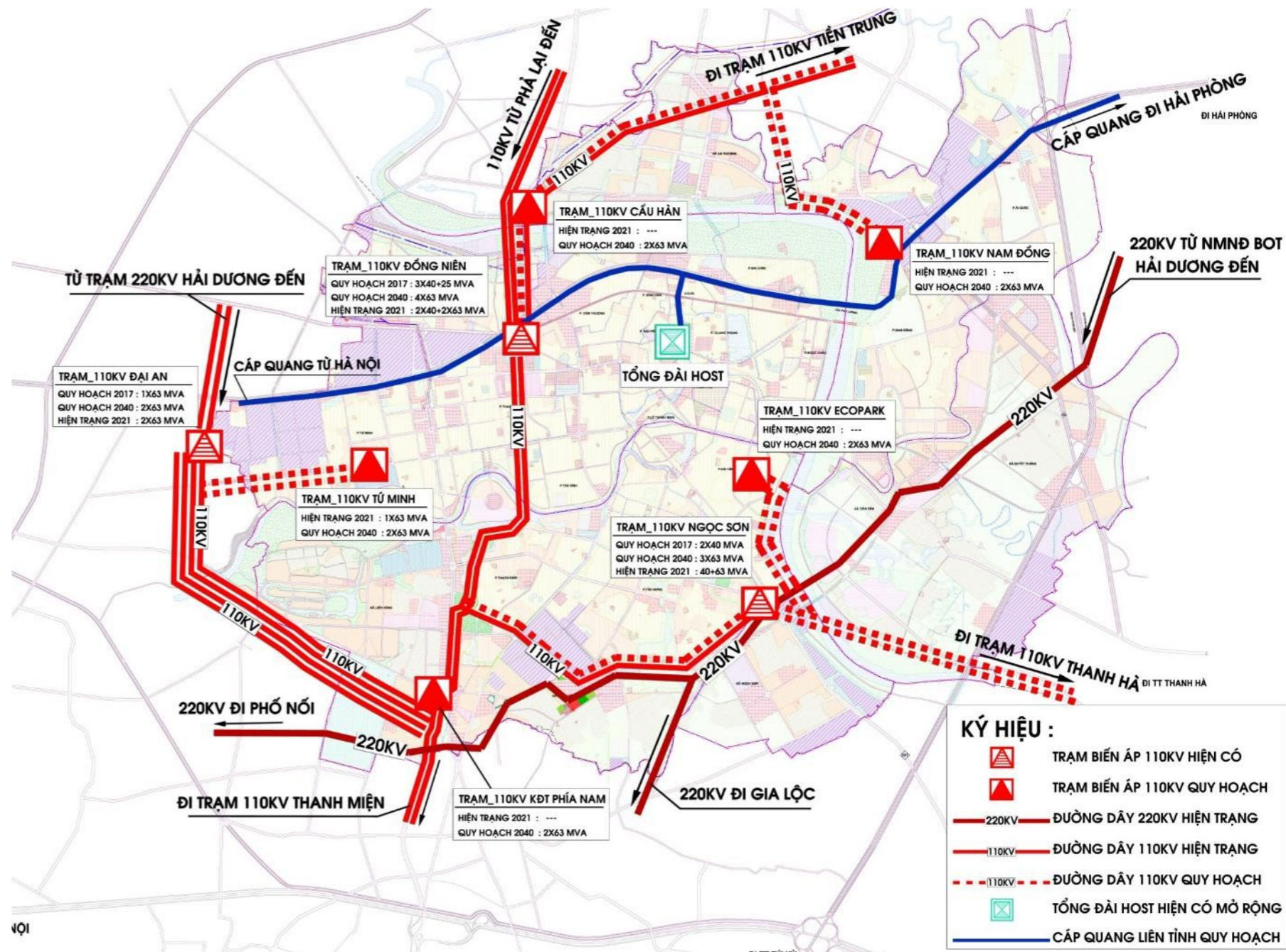
STT	Hạng mục	QHC 2017 đã duyệt	Đề xuất QHC 2021
1	Công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai	<ul style="list-style-type: none"> - Cải tạo, nắn dòng chảy, nâng cao năng lực lưu thông của dòng chảy đồng thời kết hợp với xây dựng các trạm bơm cưỡng bức để phục vụ thoát nước. - Hoàn thiện hệ thống đê sông Sặt. - Nâng cao cốt đê thêm 0.5m để dự phòng ứng phó biến đổi khí hậu 	Giữ nguyên định hướng công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai đã được phê duyệt
2	Cao độ nền	<ul style="list-style-type: none"> - Phía hữu ngạn sông Thái Bình (Tây Nam) gồm khu đô thị hiện hữu và đô thị mới thiết lập cao độ trong khoảng +3m đến +3,5m. - Phía tả ngạn sông Thái Bình (Bắc - Đông): khu vực phía Bắc và phía 2 bên Quốc lộ 5 thiết lập + 2,8m, khu vực dọc sông Tiền Tiến phía Đông trên +2,6m. 	<p>Giữ nguyên khống chế cao độ nền xây dựng tối thiểu đã được phê duyệt.</p> <p>Rà soát các dự án đang triển khai và khu dân cư hiện trạng, khớp nối hài hòa tránh ngập úng cục bộ</p>
3	Thoát nước mưa	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn chỉnh hệ thống thoát nước. - Phân chia làm 5 năm lưu vực chính - Nâng công suất các trạm bơm ở khu vực nội thị - Xây mới 2 trạm bơm lưu vực tả ngạn sông Thái Bình 	<ul style="list-style-type: none"> - Giữ nguyên phân chia làm 5 lưu vực chính. - Tính toán tăng thêm đường kính cống thoát nước so với QHC2017 - Tính toán tăng công suất trạm bơm so với QHC2017. - Tăng cường giải pháp thoát nước xanh

8.3 ĐỊNH HƯỚNG CẤP ĐIỆN VÀ THÔNG TIN LIÊN LẠC

I. Cấp Điện: Nhu cầu phụ tải điện: tổng nhu cầu toàn thành phố đạt 317,62MW.

* Nguồn điện: toàn thành phố được cấp điện từ 4 trạm 110kV hiện có(nâng công suất) và 5 trạm quy hoạch mới :

- Trạm 110kV Đồng Niên công suất(4X63)MVA.
- Trạm 110kV Đại An điện áp 110/35/22 kV công suất (2x63)MVA,
- Trạm 110kV Ngọc Sơn điện áp 110/35/22 kV công suất (3x63)MV.
- Trạm 110kV Tiên Trung điện áp 110/35/22 kV công suất (2x63)MVA.
- Trạm 110kV Tứ Minh công suất 2x63MVA, trạm sẽ cấp cho khu CN và trung tâm thành phố.
- Dự kiến quy hoạch trạm 110kV mới tại khu đô thị phía Nam 2x63MVA.
- Trạm 110kV Cầu Hàn 2x63MVA, trạm 110kV Nam Đồng 2x63MVA, trạm 110kV Ecopark 2x63MVA



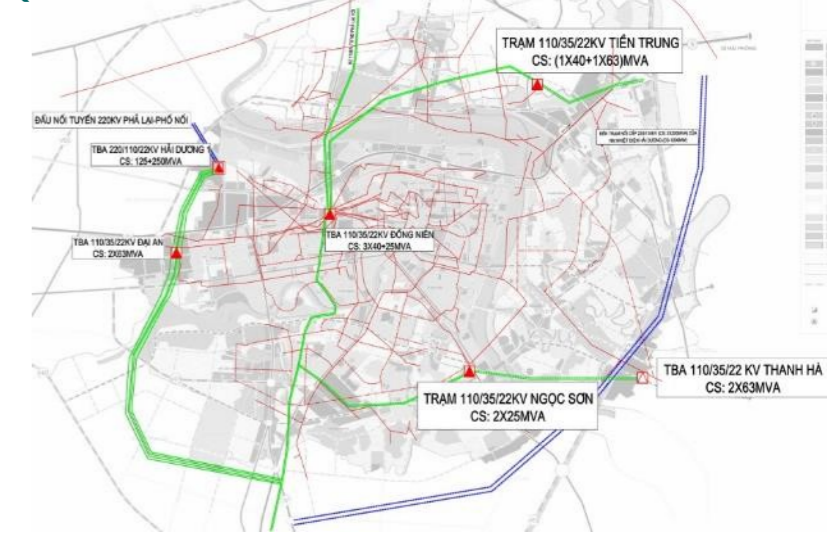
* Lưới điện cao áp 220,110kV tuân thủ hoàn toàn theo quy hoạch phát triển điện lực quốc gia và quy hoạch phát triển điện lực tỉnh đã được phê duyệt. Lưới trung áp sẽ tuân thủ theo theo vùng phụ tải, nhưng sẽ phải đi theo đường đảm bảo hành lang an toàn lưới điện

II. Thông tin liên lạc

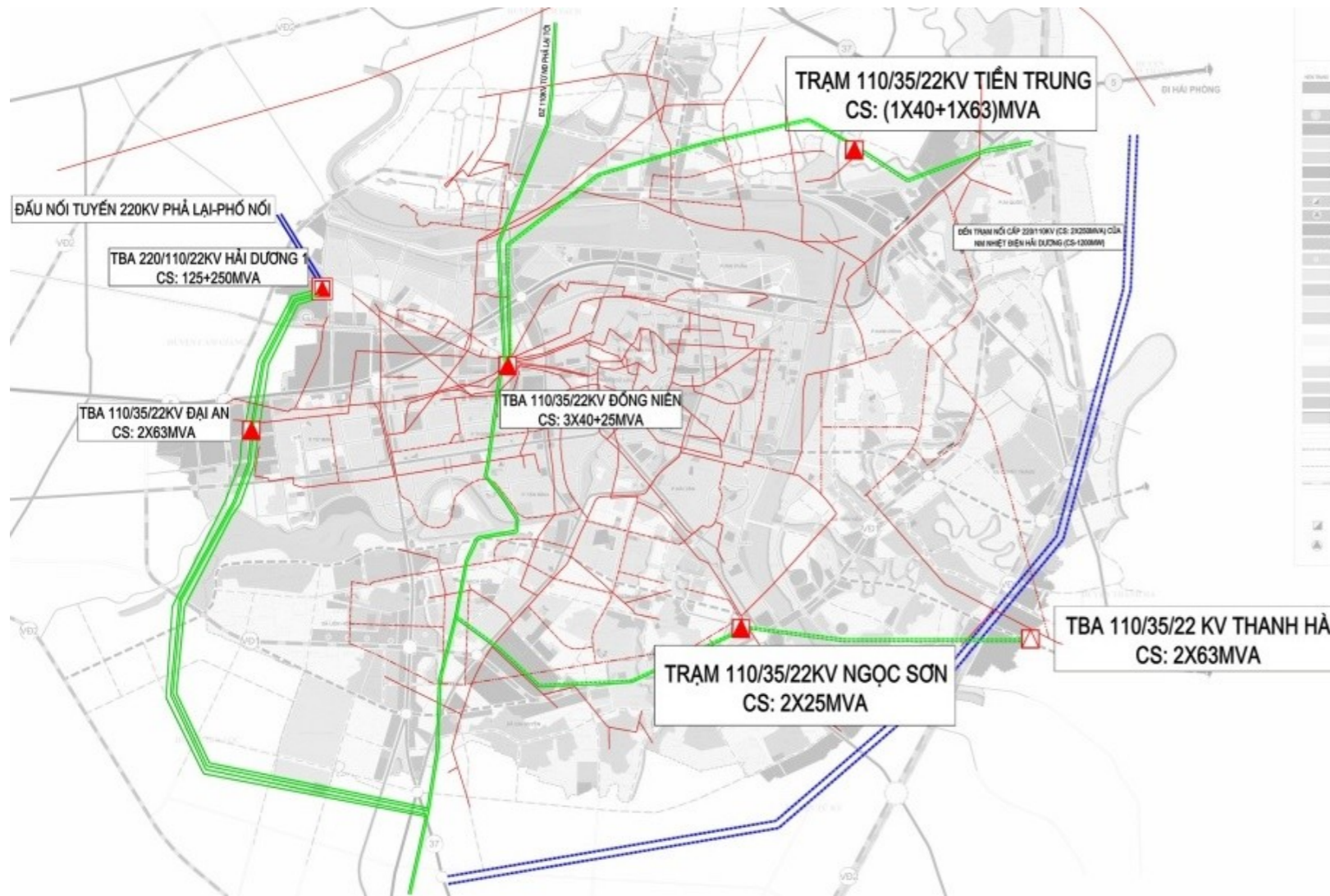
Nhu cầu toàn thành phố khoảng 200.000 thuê bao.

- Nâng cấp các tuyến cáp quang hiện có và mở rộng dung lượng các trạm chuyển mạch, đảm bảo đáp ứng các nhu cầu viễn thông.

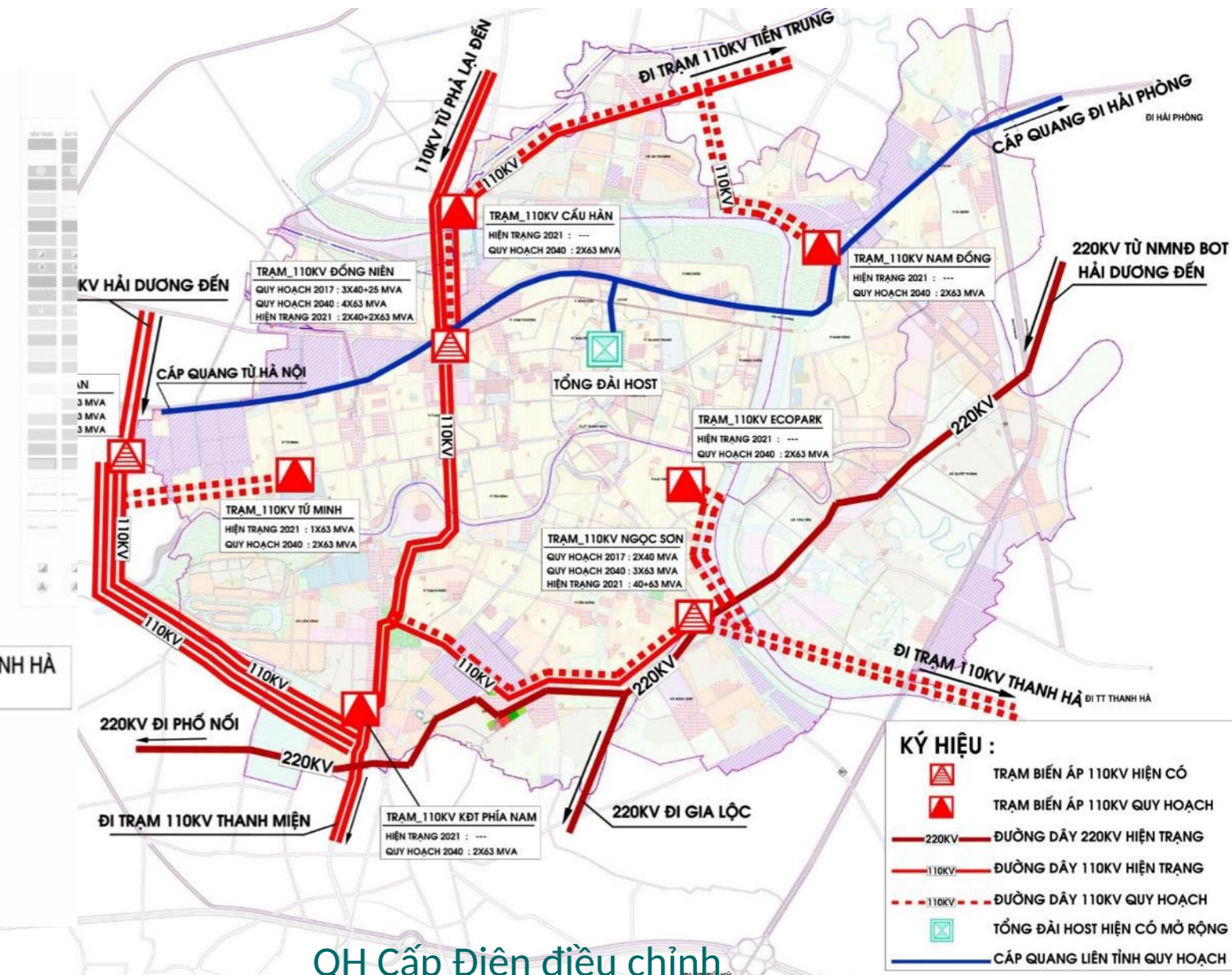
QH Cấp Điện theo QH chung 2017



8.3 ĐỊNH HƯỚNG CẤP ĐIỆN VÀ THÔNG TIN LIÊN LẠC



QH Cấp Điện theo QH chung 2017



QH Cấp Điện điều chỉnh

8.4 ĐỊNH HƯỚNG CẤP NƯỚC

➤ Tiêu chuẩn:

- Nội thành: 180-200 lít/ng.ngđ; ngoại thành: 100-120 lít/ng.ngđ; Khu, CCN: 20-40 lít/ng.ngđ;

➤ Tổng nhu cầu dùng nước: 271.000 m³/ngđ

TT	Hạng mục	Nhu cầu (m ³ /ngđ)
1	Nội thành	240.000
2	Ngoại thành	14.000
3	Khu công nghiệp	11.000
4	Cụm công nghiệp	6.000



Sơ đồ phân vùng chính



➤ Giải pháp cấp nước:

❖ Nguồn nước: **Tuân thủ theo ĐC QHC năm 2017**, lấy nước sông Thái Bình, sông Rạng làm nguồn nước cấp cho sinh hoạt và sản xuất.

❖ Phân vùng cấp nước: chia thành 2 vùng chính và các tiểu vùng sau:

TT	Tên vùng	Nhu cầu (m ³ /ngđ)
I.	Vùng 1: Phía Nam sông Thái Bình	216.000
II.	Vùng 2: Phía Đông Bắc sông Thái Bình	55.000
Cộng		271.000



Khu xử lý NMN Việt Hoà đang cải tạo

Sơ đồ phân tiểu vùng



❖ Công trình đầu mối:

✓ Cấp nước nội thành:

- **Định hướng năm 2017:** Giữ nguyên cs 2 NMN lớn Cẩm Thượng và Việt Hoà. Chỉ nâng công suất NMN ORET lên 128.000 m³/ngđ; Các NMN khác vẫn giữ nguyên công suất.

8.4 ĐỊNH HƯỚNG CẤP NƯỚC

❖ Công trình đầu mối:

✓ Cấp nước nội thành:

- Định hướng đến năm 2040: Cải tạo nâng công suất các NMN sau:

+ NMN Cẩm Thượng lên 55.000 m³/ngđ; NMN Việt Hoà lên 125.000 m³/ngđ, NMN ORET lên 150.000 m³/ngđ, NMN Thanh Sơn lên 35.000 m³/ngđ, nước sông Thái Bình

+ NMN Viwaseen 6 lên 50.000 m³/ngđ, nước sông Rạng; cấp cho KCN Nam Sách, TT Nam Sách và khu vực lân cận;

+ TB tăng áp Gia Lộc lên 20.000 m³/ngđ, cấp cho thị trấn Gia Lộc;

✓ Cấp nước ngoại thành:

- Cải tạo, nâng công suất NMN Tiên Tiến lên 10.000 m³/ngđ, nước sông Thái Bình,

- NMN Kỳ Sơn vẫn giữ nguyên công suất: 4.000 m³/ngđ, nước sông Thái Bình

- NMN Quyết Thắng cải tạo thành trạm bơm tăng áp công suất 9.000 m³/ngđ, lấy nước sạch từ nhà máy nước Tiên Tiến và NMN ORET về;

✓ Cấp nước khu, CCN:

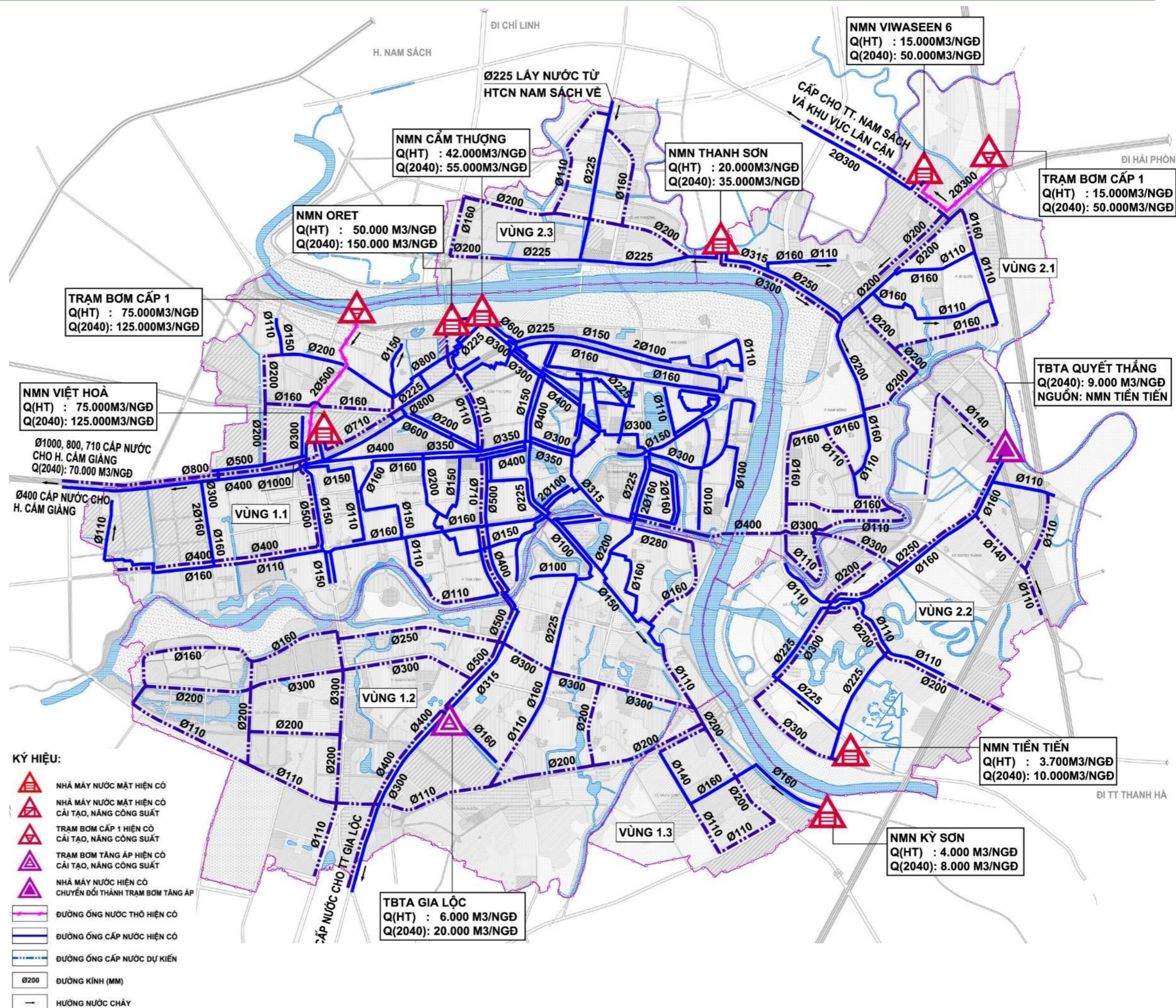
- Các khu, CCN trên địa bàn dự kiến lấy nước sạch từ các NMN: Cẩm Thượng, Việt Hoà, ORET, Thanh Sơn, Viwaseen 6 và Tiên Tiến;

✓ Mạng lưới cấp nước:

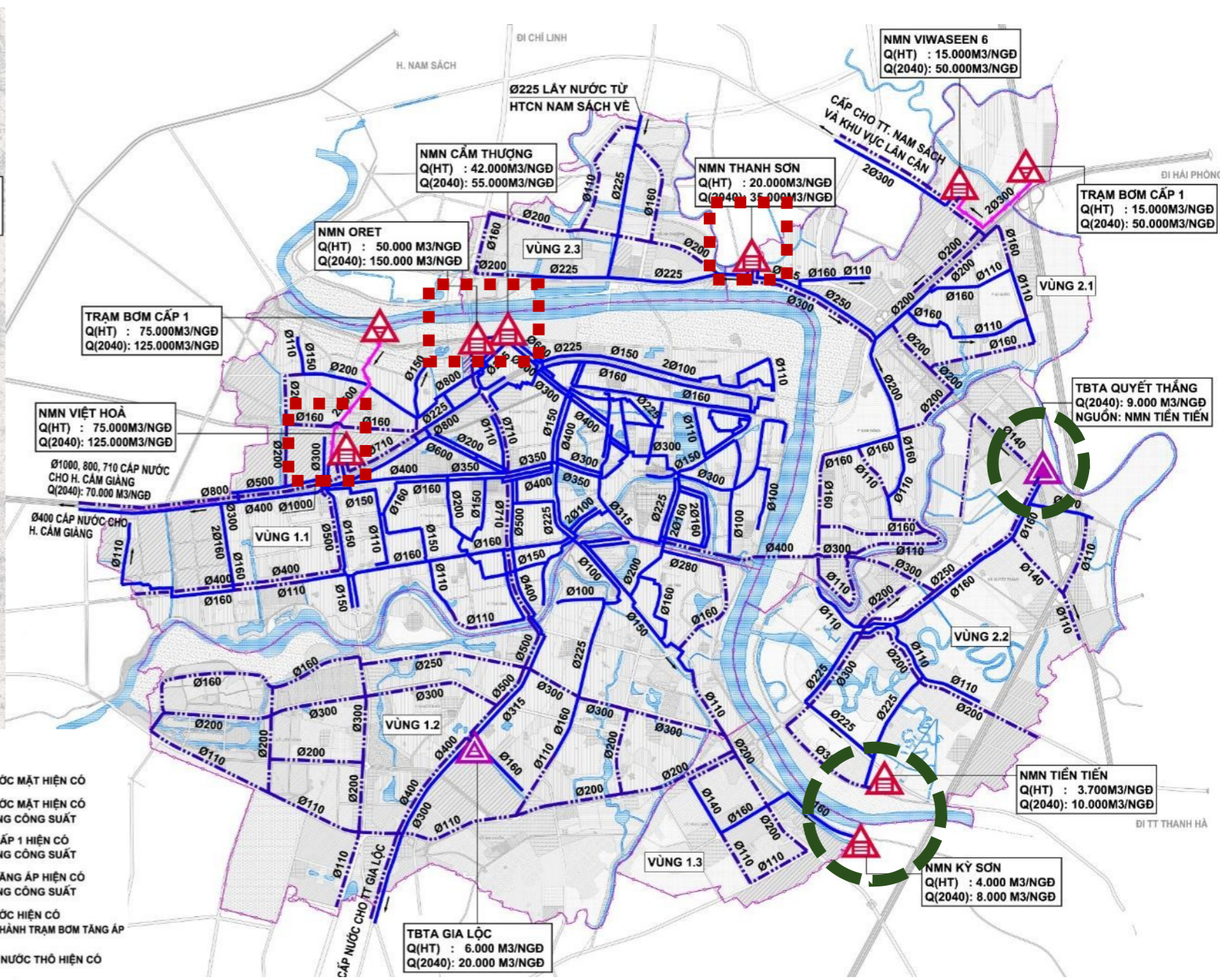
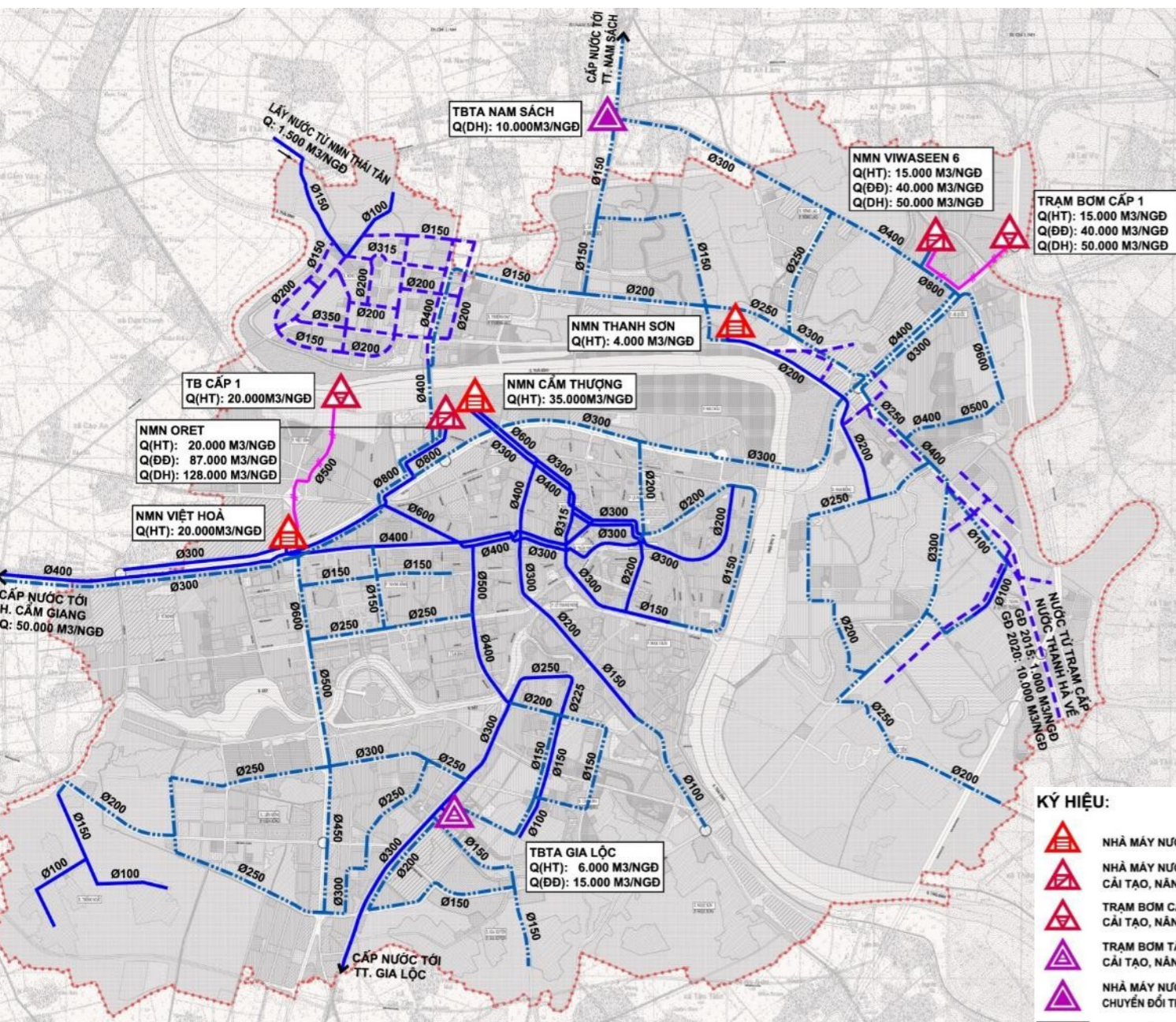
- Mạng lưới truyền dẫn cấp 1 hiện có đường kính từ Ø280÷Ø800mm

- Mạng lưới phân phối cấp 2 hiện có đường kính từ Ø100÷Ø250mm ;

- Thiết kế mới các đường ống truyền tải Ø500÷Ø1000mm CN phân phối có đường kính từ Ø100÷Ø400mm



8.4 SO SÁNH ĐỊNH HƯỚNG CẤP NƯỚC NĂM 2017 VỚI ĐỊNH HƯỚNG CẤP NƯỚC NĂM 2022



ĐỊNH HƯỚNG CẤP NƯỚC NĂM 2017

➤ Định hướng cấp nước năm 2017:

- ☐ Nguồn cấp: nước mặt sông Thái Bình và sông Rạng
- ☐ Lưu vực: 2 lưu vực lớn chia thành 6 lưu vực nhỏ.

☐ Khu vực nội thành: Giữ nguyên nhà máy nước Cẩm Thượng, Việt Hòa và Thanh Sơn, đề xuất đến năm 2030 nâng công suất nhà máy nước ORET lên 128.000 m³/ngđ; nhà máy nước Viwaseen 6 lên 50.000 m³/ngđ, xây mới trạm bơm tăng áp Nam Sách cấp cho xã An Thượng và TT. Nam Sách

☐ Khu vực ngoại thành: bỏ 2 NMN hiện có Tiên Tiến và Quyết Thắng, lấy nước từ Thanh Hà sang cấp cho 2 xã Tiên Tiến và Quyết Thắng

ĐỊNH HƯỚNG CẤP NƯỚC NĂM 2022

➤ Định hướng cấp nước năm 2021:

- ☐ Nguồn cấp: nước mặt sông Thái Bình và sông Rạng.
- ☐ Lưu vực: 2 lưu vực lớn chia thành 6 lưu vực nhỏ.

☐ Khu vực nội thành: đề xuất đến năm 2040 nâng công suất NMN Cẩm Thượng lên 55.000 m³/ngđ; NMN ORET lên 150.000 m³/ngđ, NMN Việt Hòa lên 125.000 m³/ngđ; NMN Viwaseen 6 lên 50.000 m³/ngđ; NMN Thanh Sơn lên: 35.000 m³/ngđ;

☐ Khu vực ngoại thành: Giữ nguyên công suất NMN Kỳ Sơn, đề xuất đến năm 2040 nâng công suất NMN Tiên Tiến lên 10.000 m³/ngđ, chuyển đổi NMN Quyết Thắng thành trạm bơm tăng áp Quyết Thắng

1. Chỉ tiêu tính toán:

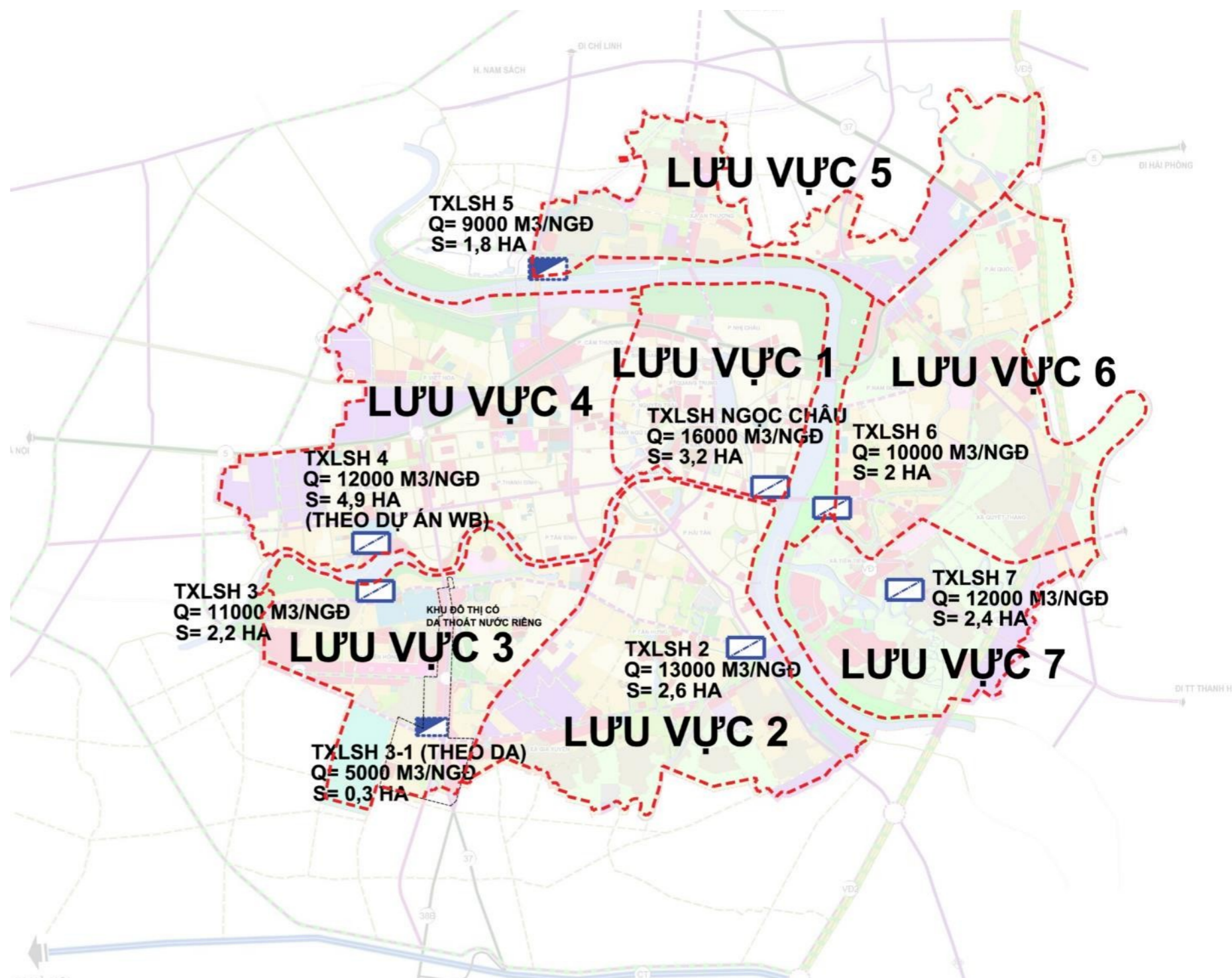
- Tiêu chuẩn thoát nước SH đô thị: **160 l/người.ngđ** (lấy bằng 90% TC cấp nước).
- Tiêu chuẩn thoát nước SH nông thôn: **80 l/người.ngđ**
- Tiêu chuẩn thoát nước công nghiệp : **16-36m³/ha.ngđ**.

2. Dự báo đến năm 2040:

- + Lượng nước thải SH đô thị: **102.000 m³/ngđ**
- + Lượng nước thải SH nông thôn: **5000 m³/ngđ**
- + Lượng nước thải CN: **13.000 m³/ngđ**

3. Giải pháp quy hoạch thoát nước và xử lý nước thải đến năm 2040:

- + Hệ thống thoát nước thải dự kiến là **hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn** (tách riêng nước thải và nước mưa).
- + Toàn bộ phạm vi TP chia thành **07 lưu vực** thoát nước thải lớn, trong đó: **04** lưu vực phía Nam và **03** lưu vực phía Bắc sông Thái Bình



+ Các TXL nước thải đô thị có công suất như sau:

TXL 1 (Ngọc Châu) sẽ tiến hành nâng cấp từ **13.340 m³/ngđ** lên **16.000 m³/ngđ**.

TXL 2- công suất 13.000 m³/ngđ;

TXL 3- công suất 11.000 m³/ngđ;

TXL 4- công suất 12.000 m³/ngđ; **(theo dự án WB)**

TXL 5- công suất 9.000 m³/ngđ;

TXL 6- công suất 10.000 m³/ngđ; **TXL 7-** công suất 12.000 m³/ngđ;

1. Chỉ tiêu tính toán:

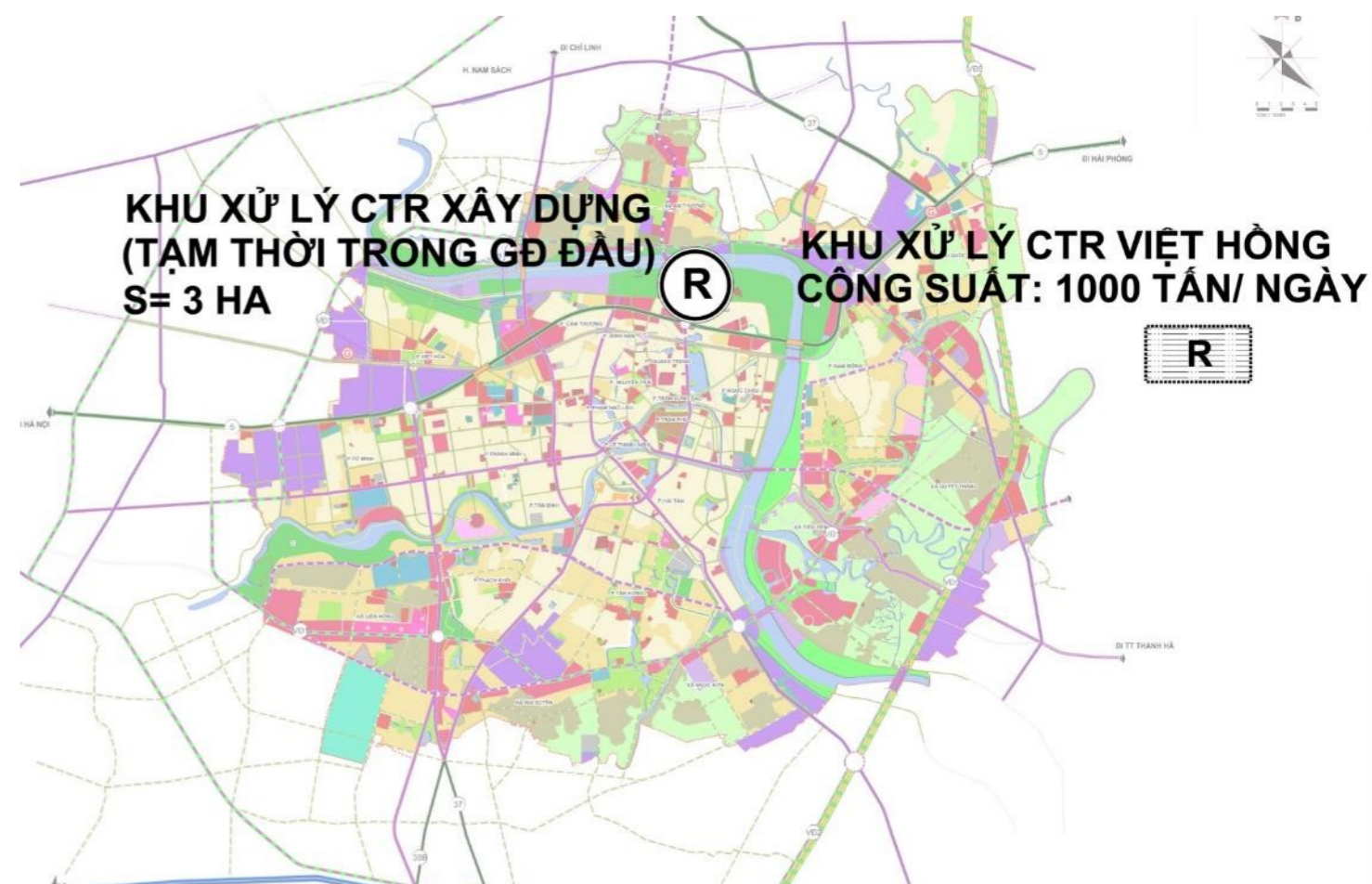
- Tiêu chuẩn CTR SH đô thị: **1,3 kg/người.ngđ.**
- Tiêu chuẩn CTR SH nông thôn: **0,4 kg/ người. ngđ**
- Tiêu chuẩn CTR công nghiệp: **0,3 tấn/ha.ngđ.**

2. Dự báo đến năm 2040:

- + Lượng CTR SH: **850 tấn/ ngày**
- + Lượng CTR công nghiệp: **153 tấn/ ngày**

3. Giải pháp quy hoạch quản lý CTR đến năm 2040:

- + Tuân thủ QHXD Vùng Thủ đô HN, Đề án xử lý CTR tỉnh Hải Dương đến 2030 (QĐ 2541/QĐ-UBND ngày 31/8/2021).
- + CTR phải được phân loại tại nguồn.
- + Nâng công suất và áp dụng công nghệ xử lý hiện đại (như đốt có thu hồi năng lượng) cho nhà máy xử lý CTR Việt Hồng (huyện Thanh Hà) với công suất dự kiến đến năm 2040 là **1000 tấn/ ngày**.
- + Về chất thải rắn xây dựng, trong giai đoạn đầu, đưa về khu xử lý CTR xây dựng tại gần Đò Hàn, quy mô khoảng 3ha với công nghệ tái chế thành vật liệu xây dựng và chôn lấp.



Minh họa nhà máy XL CTR

1. Chỉ tiêu tính toán:

- Tiêu chuẩn đất nghĩa trang: **0,06ha/1000 dân.**

2. Dự báo đến năm 2040:

+ Nhu cầu đất nghĩa trang mới: **40 ha**

3. Giải pháp quy hoạch nghĩa trang và nhà tang lễ thành phố:**a/ Nhà tang lễ thành phố:**

Nâng cấp chỉnh trang **02 nhà tang lễ** cấp thành phố hiện có tại Cầu Cường và phố Tuệ Tĩnh.

b/ Quy hoạch nghĩa trang tập trung:**b1/ Nâng cấp nghĩa trang hiện có:**

Cải tạo và chỉnh trang **nghĩa trang Cầu Cường**, diện tích **10ha**, công nghệ hỏa táng.

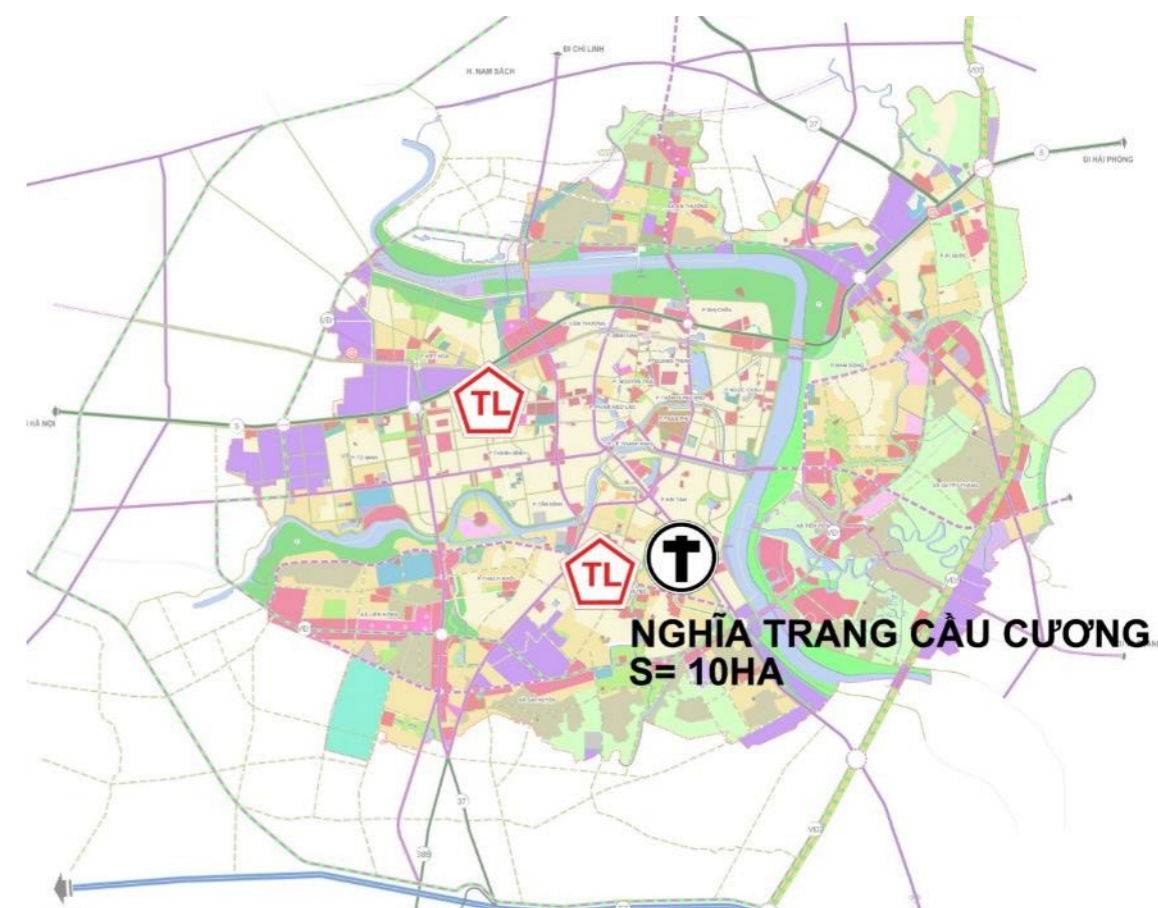
b2/ Quy hoạch nghĩa trang mới

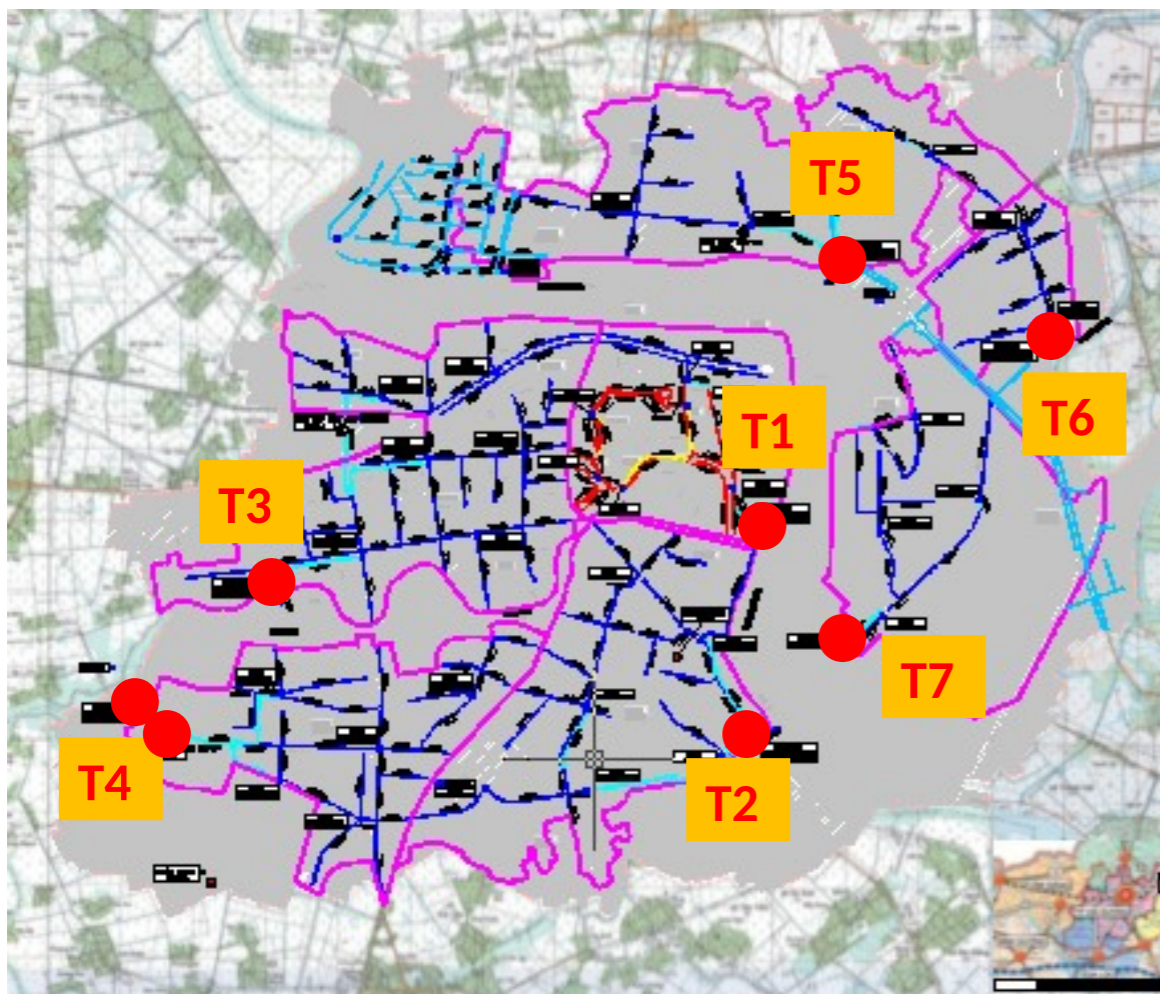
Nghĩa trang mới được quy hoạch theo hình mô hình “**công viên nghĩa trang**”, có công trình **hỏa táng**. Khoảng cách an toàn VSMT đến khu dân cư là **500m**.

+ Tuân thủ theo QHXD vùng tỉnh: dự kiến quy hoạch nghĩa trang cấp vùng phục vụ cho TP Hải Dương tại khu vực Chí Linh có quy mô trên **30ha**.

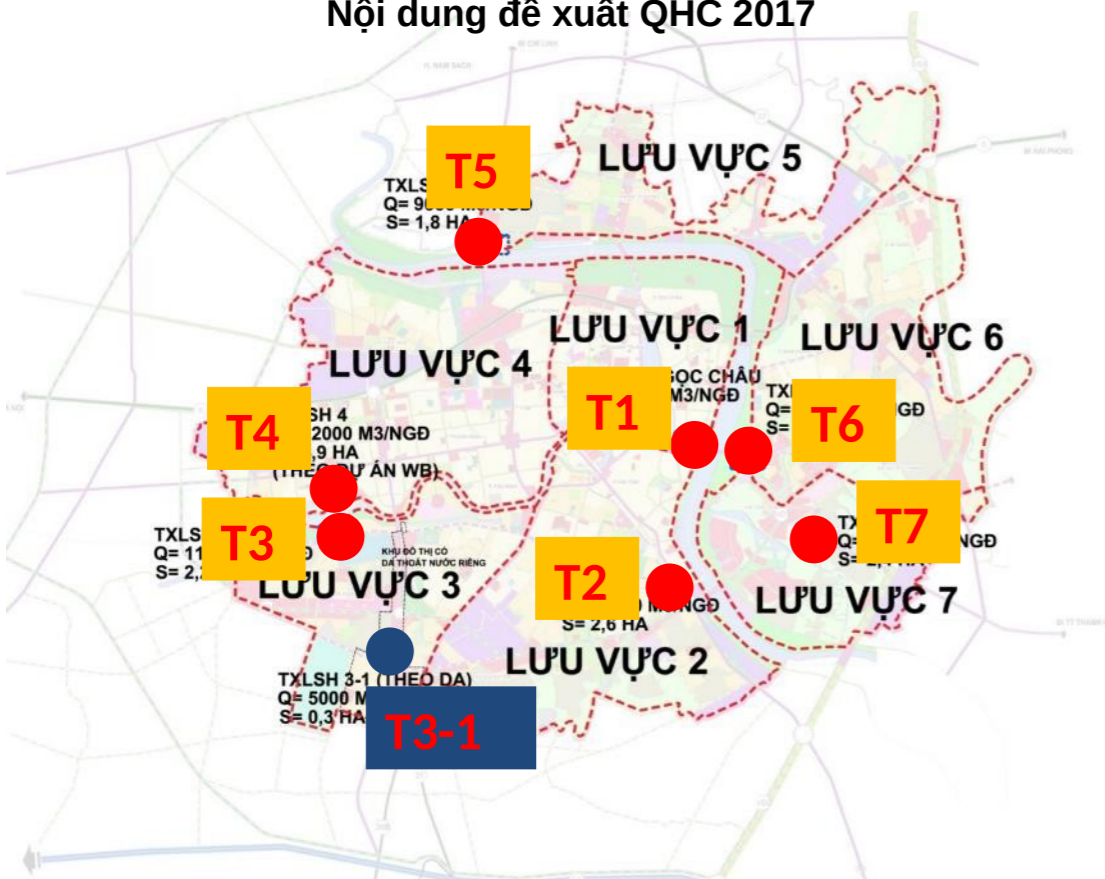
+ Quy hoạch chỉnh trang **nghĩa trang Cầu Cường**, diện tích 10 ha, có sử dụng công nghệ hỏa táng đảm bảo môi trường.

+ Tuân thủ quy hoạch nghĩa trang mới theo các đồ án quy hoạch xã nông thôn mới đã được tỉnh phê duyệt.





Nội dung đề xuất QHC 2017



Nội dung đề xuất QHC 2021

Hạng mục quy hoạch	Nội dung QHC2017 đã được phê duyệt	Nội dung đề xuất QHC2021
I. Thoát nước thải	Quy hoạch 07 lưu vực thoát nước thải và 07 trạm xử lý nước thải sinh hoạt: TXL1: 19000 m ³ / ngđ; TXL2: 15000 m ³ / ngđ; TXL3: 19000 m ³ / ngđ; TXL4: 16000 m ³ / ngđ; TXL5: 9000 m ³ / ngđ; TXL6: 15000 m ³ / ngđ; TXL7: 7000 m ³ / ngđ.	<p>Cơ bản kế thừa định hướng quy hoạch 07 lưu vực thoát nước thải và 07 trạm xử lý nước thải sinh hoạt như QHC2017 (tuy nhiên phạm vi lưu vực và quy mô các TXL sẽ thay đổi phù hợp với dự báo SDD và QH không gian QHC2021): TXL1: 16000 m³/ ngđ; TXL2: 15000 m³/ ngđ; TXL3: 15000 m³/ ngđ; TXL4: 12000 m³/ ngđ (dự án WB); TXL5: 9000 m³/ ngđ; TXL6: 10000 m³/ ngđ; TXL7: 12000 m³/ ngđ.</p> <p>Bổ sung TXL 3-1 cs 5000m³/ngđ theo dự án khu đô thị</p>
II. Quản lý CTR	Thu gom CTR về nhà máy xử lý CTR Việt Hồng	<p>Đề xuất đầu tư nâng cấp nhà máy xử lý CTR Việt Hồng (huyện Thanh Hà) theo hướng tăng công suất (khoảng 1000 tấn/ngày đến năm 2040), áp dụng công nghệ xử lý CTR hiện đại như đốt có thu hồi năng lượng.</p> <p>Quy hoạch khu xử lý CTR xây dựng diện tích 3 ha (tạm thời trong giai đoạn trước mắt).</p>
III. Nghĩa trang	Mở rộng nghĩa trang Cầu Cường lên 10 ha và dự kiến thêm 01 nghĩa trang tại xã Thống Nhất với quy mô khoảng 26ha.	<p>Kế thừa quy hoạch công viên nghĩa trang Cầu Cường diện tích 10 ha.</p> <p>Dự kiến quy hoạch nghĩa trang cấp vùng mới theo mô hình “công viên nghĩa trang”, có công trình hỏa táng tại khu vực Chí Linh có diện tích 30ha (tuân thủ QHXD vùng tỉnh đã được phê duyệt).</p> <p>KHÔNG quy hoạch nghĩa trang tại xã Thống Nhất</p>

ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP QUẢN LÝ, BẢO VỆ VÀ GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

* **Phân vùng quản lý và bảo vệ môi trường:** Khu vực NCQH chia thành 07KV-QLMT chính:

- **Khu vực kiểm soát MT do hoạt động phát triển dân cư, DVTM:** XD các công trình hài hòa, gắn với cảnh quan, MT, văn hóa; XD hệ thống thu gom, xử lý ô nhiễm, Bảo vệ môi trường; Giải pháp phòng chống ngập lụt, hỏa hoạn, thiên tai, các sự cố môi trường...;

- **Khu vực KSMT do hoạt động phát triển công nghiệp:** Phát triển CN sạch; XD, bố trí công trình, khu chức năng phù hợp, đảm bảo tiêu chí kỹ thuật, an toàn, mỹ quan, kinh tế, môi trường...; Thường xuyên kiểm tra, theo dõi chất lượng môi trường; XD hệ thống thu gom, xử lý nước thải, khí thải, chất thải rắn.

- **Khu vực tích cực MT** (đất cây xanh, mặt nước) Cần được bảo vệ và phát triển; Có giải pháp chăm sóc, lựa chọn cây trồng phù hợp, hạn chế sử dụng hóa chất; Tăng tính thẩm mỹ, kỹ thuật trong thiết kế, quy hoạch; Kiểm soát chặt chẽ hoạt động xả thải, bảo vệ môi trường cảnh quan, mặt nước;

- **Khu vực cấm, hạn chế xây dựng** (an ninh quốc phòng, di tích, hạ tầng kỹ thuật): Kiểm soát hoạt động xây dựng, nghiêm cấm các hoạt động xâm phạm, phá hoại;

- **Khu vực đất nông nghiệp:** Hướng phát triển nông nghiệp sạch, công nghệ cao; quản lý chặt chẽ việc buôn bán và sử dụng hóa chất, khuyến cáo người dân sử dụng các Biện pháp phòng trừ tổng hợp hạn chế sử dụng hóa chất trong canh tác sản xuất nông nghiệp;

- **Khu vực kiểm soát môi trường do hoạt động phát triển sân golf:** kiểm soát chặt chẽ hoạt động phát triển sân golf; Xây dựng hệ thống xử lý nước thải, chất thải đảm bảo tiêu chí vệ sinh môi trường; Kiểm soát chặt hoạt động sử dụng hóa chất trong khu vực;

- **Khu vực KSMT nghĩa trang:** Xây dựng các công trình quản lý, bảo vệ môi trường; Phát triển cây xanh, cảnh quan; Có các biện pháp di dời, quy hoạch mới hợp lý, phù hợp với môi trường, cảnh quan xung quanh và văn hóa, tín ngưỡng địa phương;

PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG:

* KHU VỰC 1: KHU VỰC KIỂM SOÁT, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG DO HOẠT ĐỘNG PHÁT DÂN CƯ, DỊCH VỤ, THƯƠNG MẠI

- KHU VỰC PHÁT TRIỂN DÂN CƯ
- KHU VỰC CÔNG CỘNG, HẠ TẦNG XÃ HỘI
- KHU VỰC ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ, DU LỊCH

* KHU VỰC 2: KHU VỰC KIỂM SOÁT, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG DO PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP

- ĐẤT CÔNG NGHIỆP
- ĐẤT KHO TẮNG, BẾN BÀI

* KHU VỰC 3: KHU VỰC CÓ VAI TRÒ TÍCH CỰC MÔI TRƯỜNG

- KHU VỰC ĐẤT CÂY XANH
- MẶT NƯỚC

* KHU VỰC 4: KHU VỰC KIỂM SOÁT, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG DO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP

- ĐẤT NÔNG NGHIỆP

* KHU VỰC 5: KHU VỰC CẤM VÀ HẠN CHẾ XÂY DỰNG

- KHU VỰC ĐẤT QUÂN SỰ
- KHU VỰC ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT, BẾN BÀI
- KHU VỰC ĐẤT TÔN GIÁO

* KHU VỰC 5: KHU VỰC KIỂM SOÁT MÔI TRƯỜNG SÂN GOLF VÀ KHAI THÁC DU LỊCH VEN SÔNG

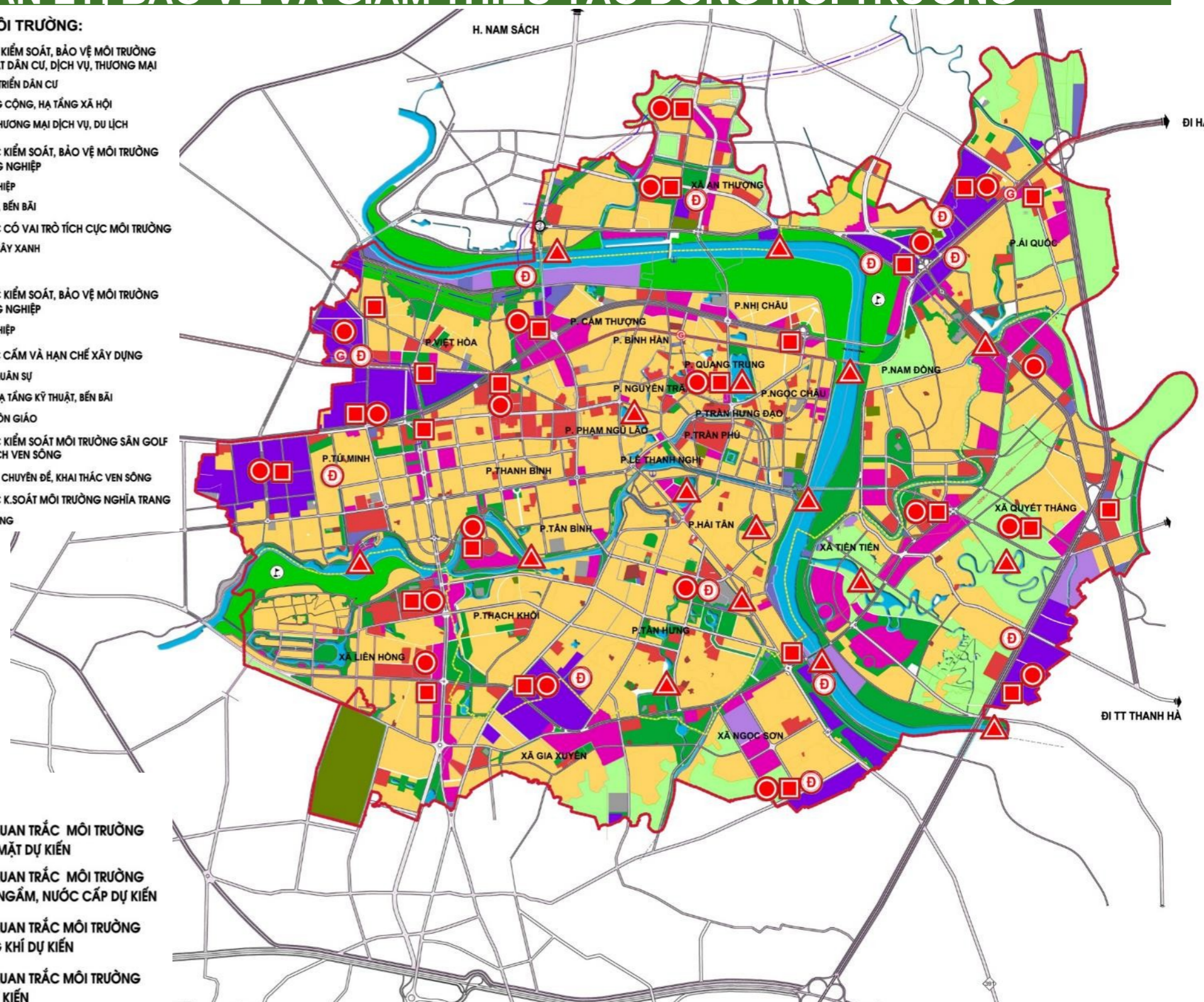
- ĐẤT CÂY XANH CHUYÊN ĐỂ, KHAI THÁC VEN SÔNG

* KHU VỰC 6: KHU VỰC K.SOÁT MÔI TRƯỜNG NGHĨA TRANG

- ĐẤT NGHĨA TRANG

KÝ HIỆU:

- ĐIỂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG NƯỚC MẶT DỰ KIẾN
- ĐIỂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG NƯỚC NGẦM, NƯỚC CẤP DỰ KIẾN
- ĐIỂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ DỰ KIẾN
- ĐIỂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐẤT DỰ KIẾN



GIẢI PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG THEO QHC NĂM 2017

(1) Giải pháp quy hoạch:

- Phát triển cây xanh giao thông, xung quanh mặt nước để giảm ồn và cải thiện vi khí hậu;

- XD bản đồ ngập lụt chi tiết và phát triển hệ thống mốc cảnh báo ngập lụt.

- Lập QHCT hệ thống hạ tầng kỹ thuật đảm bảo tối thiểu hóa mức độ rủi ro trong trường hợp bão lũ, hạn hán bất thường

- Quy hoạch hệ thống ứng phó sự cố tràn dầu cho khu vực cảng sông;

(2) Giải pháp về kỹ thuật, công nghệ

- Xử lý triệt để, lựa chọn công nghệ phù hợp cho nước thải sinh hoạt, công nghiệp đảm bảo đạt QCVN trước khi xả vào nguồn tiếp nhận;

- Phát triển hệ thống cây xanh giảm ồn, bụi hiệu quả tại mỗi khu vực có nguy cơ ô nhiễm cao.

(3) Giải pháp quản lý

- DMC các QHPK và ĐTM với các dự

- án đầu tư XD cơ sở hạ tầng và chính sách phát triển CN sạch, ứng dụng công nghệ SX thân thiện môi trường trong các KCN.

- Nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ tài nguyên và môi trường.

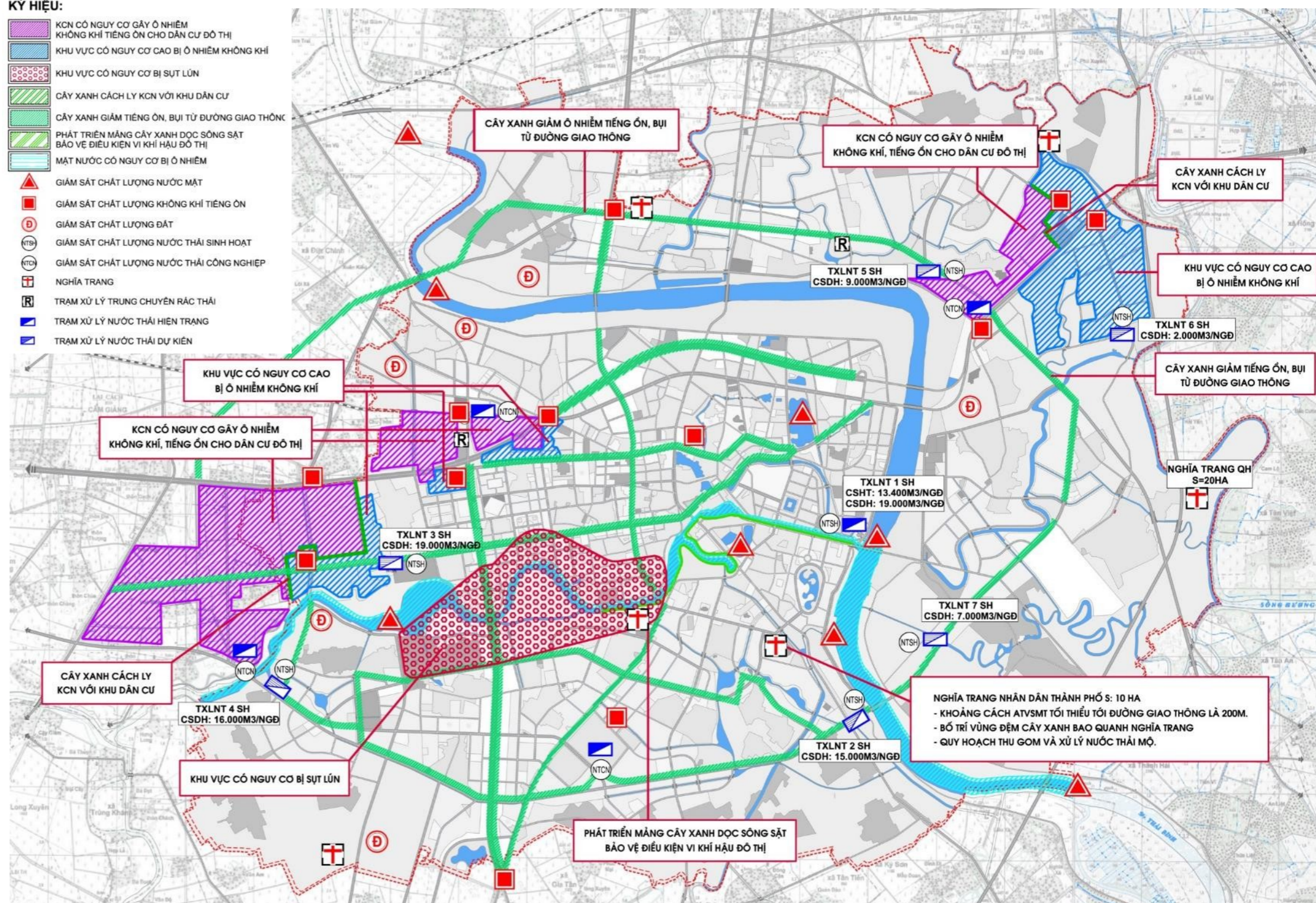
- MT 2014.

- XD lực lượng phòng chống rủi ro do sự cố tràn dầu có thể xảy ra tại khu vực cảng sông.

(4) Giải pháp về quan trắc, giám sát môi trường

Thực hiện quan trắc môi trường đất, nước, không khí, nhận biết sớm mức độ gia tăng lượng thải, các chất gây ô nhiễm để có giải pháp kịp thời đảm bảo sự phát triển bền vững của đô thị;

KÝ HIỆU:



ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP QUẢN LÝ, BẢO VỆ VÀ GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

*** Các giải pháp phòng ngừa, giảm thiểu ô nhiễm:**

- Quản lý chặt chẽ hoạt động phát triển xây dựng, công nghiệp, dịch vụ trên địa bàn;
- Phát triển công nghiệp sạch, quản lý chặt chẽ hoạt động xử lý ô nhiễm, xả thải, công tác bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp công nghiệp, sản xuất kinh doanh trên địa bàn; có chế tài xử phạt nghiêm khắc các trường hợp vi phạm, ảnh hưởng đến môi trường;
- Xây dựng các công trình hạ tầng đầy đủ, đồng bộ theo quy hoạch được duyệt; Thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường, giảm thiểu ô nhiễm trong quá trình thi công, xây dựng công trình; Đặc biệt cần triển khai, hoàn thiện sớm hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung thành phố;
- Bảo vệ môi trường nước, thường xuyên khơi thông, bảo vệ dòng chảy, hệ thống thoát nước khu vực; Xây dựng các giải pháp cải tạo môi trường hệ thống kênh ngòi, trực tiêu thoát nước trong khu vực;
- Thực hiện tốt công tác thu gom, xử lý nước thải, chất thải rắn phát sinh; Tiến tới 100% chất thải được thu gom, phân loại, vận chuyển về khu xử lý đảm bảo các tiêu chí VSMT;
- Phát triển đô thị xanh, thông minh; Tăng cường sử dụng năng lượng, nhiên liệu sạch; Phát triển giao thông công cộng, sử dụng các phương tiện phát thải ô nhiễm thấp, sử dụng nhiên liệu điện, khí hóa lỏng, hơi nước, năng lượng mặt trời...
- Bảo vệ môi trường, hệ sinh thái tự nhiên, các công trình lịch sử văn hóa; Nghiêm cấm các hành vi phá hoại;
- Có các biện pháp phòng chống thiên tai, cháy nổ, các sự cố môi trường, tai nạn;
- Phổ biến thông tin, Tăng cường sự tham gia cộng đồng trong công tác quản lý, quy hoạch và bảo vệ môi trường;





Trân trọng cảm ơn!